AN CHI

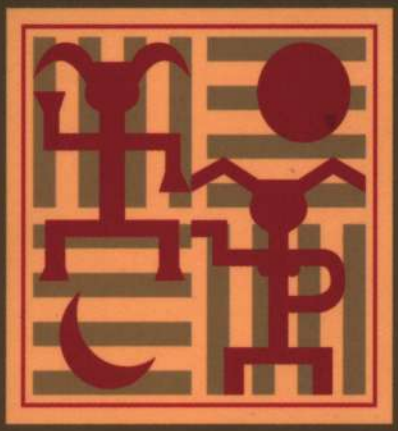

chuyện đông chuyện tây

Tập 7

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyện ĐÔNG Chuyện TÂY

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

An Chi

Chuyện Đông chuyện Tây. T.7 / An Chi.
- T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2017

424 tr. ; 21 cm.

Tác giả tên thật là : Võ Thiện Hoa

ISBN 978-604-58-6317-6

1. Khoa học thường thức. I. Ts.
2. Life science

001 -- ddc 23

A531-C53

An Chi

Chuyện ĐÔNG Chuyện TÂY

Tập 7

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời Nhà xuất bản

Khi nói đến học giả An Chi (tên thật là Võ Thiện Hoa), hẳn đa phần bạn đọc sẽ nhớ ngay đến ông với dấu ấn chuyên mục "Chuyện Đông, chuyện Tây" giải đáp những thắc mắc của độc giả trên tạp chí *Kiến thức ngày nay* từ năm 1992 đến năm 2008.

Biết bao thắc mắc đủ thể loại của bạn đọc trên mọi miền đất nước gửi về, đa phần đều nhận được những câu trả lời đầy sức thuyết phục qua sự tìm tòi, nghiên cứu kỹ lưỡng của học giả An Chi nơi "Chuyện Đông, chuyện Tây". Để từ đó ta biết được thế nào là "cù dậy"? "Múa sư tử" hay "múa lân"? Tại sao lại gọi Nhật Bản là "Phù Tang"?... Và nhiều, nhiều nữa những giải đáp rõ ràng, rành rọt của vị học giả uyên bác này.

Cảm nhận được sự lan toả của chuyên mục trên với độc giả, cuối những năm 1990, Nhà xuất bản Trẻ lần lượt trình làng bộ sách *Chuyện Đông chuyện Tây* gồm 3 tập (tập 1, tập 2 liên kết với *Kiến thức ngày nay*) trên cơ sở tập hợp những câu trả lời của học giả họ Võ. Dần dà, qua thêm hai lần xuất bản, năm 2006, bộ sách *Chuyện Đông chuyện Tây* gồm 6 tập đã được Nhà xuất bản Trẻ và Công ty sách Phương Nam ấn hành, ra mắt bạn đọc.

Đến nay, sau hơn 10 năm, *Chuyện Đông chuyện Tây* lại có dịp quay trở lại qua tập 7 quý bạn đọc đang cầm trên tay. Đây cũng là tập sách cuối cùng trong bộ sách cùng tên mà Nhà

xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh vinh dự được tác giả tin tưởng trao gửi, làm nhịp cầu nối đưa đến đông đảo độc giả yêu kiến thức. Chúng tôi hân hạnh được giới thiệu ấn bản mới nhất này tới độc giả yêu quý tác giả, cũng như đón đợi *Chuyện Đông chuyện Tây* bấy lâu nay.

Qua *Chuyện Đông chuyện Tây* (tập 7) với 170 câu hỏi và câu trả lời, chúng ta lần lượt được giải đáp những thắc mắc khó bao quát nhiều lĩnh vực, từ kiến thức Đông, Tây, cổ kim cho đến chuyện chữ nghĩa, như thực chất "Bố Cái" trong "Bố Cái Đại Vương" là gì? (Câu 1111, *Kiến thức ngày nay*, số 553); hai tiếng "Ó ré" được dùng trong tác phẩm *Ngồi tù Khám Lớn* của Phan Văn Hùm, nghĩa ra sao? (Câu 1118, *Kiến thức ngày nay*, số 554); việc gọi tên địa danh thị trấn ở huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình là "Phát Diệm" đúng hay "Phát Diễm" đúng? (Câu 1196, *Kiến thức ngày nay*, số 592)...

Cũng bởi sách tập hợp những câu trả lời của tác giả, có sự phản biện với những quan điểm trái chiều, những mong tìm ra đáp án đúng, nên có thể còn ở điểm này, điểm khác chưa hẳn nhận được sự đồng tình hoàn toàn. Nhưng với tinh thần làm việc nghiêm túc, khách quan, đặt học thuật lên trên hết thảy, mong rằng, độc giả sẽ đón nhận tác phẩm với tâm thế của sự tìm tòi, khám phá kiến thức.

Nhà xuất bản chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự đón nhận của độc giả dành cho ấn phẩm *Chuyện Đông chuyện Tây* (tập 7)!

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1087. Kiến thức ngày nay, số 544

Hỏi: Xin ông vui lòng cho biết "say như bùn" là say như thế nào?

Trả lời: Xin thưa ngay với ông rằng tiếng Việt không có thành ngữ "say như bùn". Đây chẳng qua là một cách dịch sai từ thành ngữ "tuý như nê" của tiếng Hán mà trước đây một vài tác giả cũng đã giải thích rõ.

Tuy chữ *nê* 泥 có nghĩa là bùn nhưng trong câu *tuý như nê* thì nó lại chỉ một giống động vật mà truyền thuyết Trung Hoa đã miêu tả là không xương, hễ có nước thì sống, không có nước thì "say" (tuý), nằm im như một đống bùn. Vậy cái nghĩa ở đây là một nghĩa phái sinh do ẩn dụ mà ra và đã đi rất xa với nghĩa gốc. Trước đây, một số người đã không tìm hiểu kỹ, chỉ bám vào nghĩa gốc thông dụng mà dịch "tuý như nê" thành "say như bùn" nên mới gây ra thắc mắc như ông đã hỏi. Vậy xin hiểu *tuý như nê* là "say như con nê". Nếu cứ quyết dịch *nê* ở đây thành "bùn" thì cũng xin hiểu rằng đây là "con bùn", tức một loài động vật chứ "bùn" ở đây không còn là sinh lầy nữa.

Liên quan đến con *nê*, tiếng Hán chẳng những có thành ngữ *tuý như nê* mà còn có cả danh ngữ *nê tuý*, nghĩa là cơn say của con nê, như đã ghi nhận trong từ điển, chẳng hạn *Từ nguyên, Từ hải*, v.v...

1088. Kiến thức ngày nay, số 544

Hỏi: *Giả sử chữ* sến *trong* nhạc sến *không bắt nguồn ở cụm từ* Marie Sến *thì, theo ông, nó có thể bắt nguồn từ đâu?*

Trả lời: Trước nhất, ta có thể liên tưởng đến chữ *sến*, là tên của một loại nhạc cụ dân tộc mà có thể là vì quan niệm sai nên một số người tiêm nhiễm sinh hoạt và văn minh Âu Mỹ quá nặng mới cho là một thứ đàn nhà quê, ít nhất cũng là nghe không hấp dẫn. Rồi những người này đã dùng tên cây đàn *sến* để chỉ loại nhạc mà họ cho là quê mùa theo quá trình chuyển biến mà ta có thể hình dung như sau:

- *nhạc của cây đàn sến* → *nhạc sến* (với *sến* là danh từ) → *nhạc sến* (với *sến* là tính từ).

Nhưng có một thực tế là trong công chúng yêu thích âm nhạc dân tộc, ít người biết đến tên cây đàn sến. Đàn cò, đàn kìm, đàn tranh, v.v... thì còn nghe nói đến chứ đàn sến thì hầu như không. Nhiều quyển từ điển thông dụng cũng không ghi nhận chữ *sến* này, trước nhất là *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967), kế đến là *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (tính đến ấn bản 2003). Điều này chứng tỏ rằng chữ *sến*, với tính cách là tên một loại nhạc cụ dân tộc, không phải là một từ thông dụng. Vì thế nên nó khó có thể nằm sẵn trong vốn từ vựng của những người tiêm nhiễm sinh hoạt và văn minh Âu Mỹ mà ta đang nói đến. Và cũng chính vì

vậy nên họ cũng chẳng có điều kiện để dùng từ *sến* theo sự chuyển nghĩa mà ta đã hình dung.

Vậy, như ông đã thấy, chính cá nhân chúng tôi cũng không "mặn mà" với từ đang xét trong việc truy tầm từ nguyên của từ *sến*. Còn nếu bảo rằng *sến* trong *nhạc sến* chỉ có thể xuất hiện do ảnh hưởng của Mỹ trong giai đoạn 1954 - 1975 thì chúng tôi mạn phép gợi ý rằng nó có thể liên quan đến từ *chestnut* của tiếng Anh, mà *Webster's New World College Dictionary* (Third Edition, 1997) giảng là:

"[Colloq.] a very familiar story, piece of music, etc. that is too often repeated",

nghĩa là:

"[Thông tục] (một) câu chuyện, bản nhạc, v.v... quá quen thuộc được lặp lại quá nhiều lần".

Sự chuyển biến từ cái nghĩa gốc trên đây của *chestnut* đến nghĩa của *sến* trong *nhạc sến* hiện nay là một điều hoàn toàn có thể giải thích được. Còn về âm lý thì việc bỏ âm tiết thứ hai (- nut) bằng cách gắn phụ âm đầu của nó *(n -)* vào âm tiết thứ nhất *(chest -)* cũng không phải là một điều cấm kỵ trong việc phiên âm. Nhưng, nói thật lòng, chúng tôi cũng không tin ở giả thuyết này.

Tóm lại, lĩnh ý ông, chúng tôi đã thử đưa ra hai hướng giải quyết trên đây để ông và bạn đọc thẩm xét chứ thật ra chúng tôi vẫn cứ còn vương vấn với chữ *Sến* trong *Marie Sến*.

1089. Kiến thức ngày nay, số 544

Hỏi: *Mới đây, báo có đưa tin về việc phát hiện "bản* Truyện Kiều *lạ nhất từ trước tới nay". Bản này có tên là* Kim Vân Kiều quảng tập truyện, *kích thước 12 x 23,5cm, dày 207 trang trên nền giấy dó, in hai mặt. Các trang nội dung được chia dọc thành ba phần, gồm phần chú, phần thơ chữ Hán và phần lục, được khắc in vào năm Giáp Thìn (1903) đời Thành Thái. Người viết mẩu tin khẳng định:*

"Các nhà nghiên cứu và sưu tầm Truyện Kiều *đã từng công bố hơn mười bản* Kiều *khác nhau, và bản vừa được phát hiện là bản mới nhất nằm ngoài tất cả các bản đã từng được công bố".*

Xin ông cho biết lời khẳng định trên đây có hoàn toàn chính xác hay không?

Trả lời: Thực ra thì giới nghiên cứu *Truyện Kiều* đã biết đến bản *Kim Vân Kiều quảng tập truyện* từ lâu. Chẳng hạn trong quyển *Truyện Kiều* do Đào Duy Anh giới thiệu và chú giải (Nxb. Văn học, 1979), Đào Duy Anh đã viết:

"Kim Vân Kiều quảng tập truyện, do Thiên Khẩu Thuỷ khắc in năm Giáp Thìn, đời Thành Thái, 1904. Bản này có nhiều chỗ giống bản Liễu Văn đường đời Tự Đức, nhưng so với các bản nôm khác nói chung thì thấy rằng bản này đã sửa khác nhiều chữ và nhiều câu. Bản này cần phải được dùng một cách rất thận trọng". (tr. 18 - 19)

菊花序
延於客
九月初
九日是
重陽

把家庭不用是
仔願你若嘵這
七字陰齊就好
行吝拔雜技立
在門前過客看
你眼使笑勝相
若牙齒好便
微笑露之以獻
其美名曰獻齦
牙腳小木歪着

熷妹貼引酒擲
公私合默調衝
爻茄森合竹梅
香強吵炤強濃
姅醉唏嚐皮慣
延齡憫㐌重陽
恨跟疢障毛雷
决𨁪辦白文皮

還原文帖中八關公
蹭仙脫㐌塊鏡鹿墖
強潑美液強趣情潼
強尊毯工強毯𠁀逢
墦梧梗碧㐌核英鎖
駁車紛立椿堂典尼
拷塘哝刻併排分離
吪朱腾粉吏術樓撐

Rõ ràng là người ta đã từng biết đến bản này, muộn nhất cũng là cách đây đến một phần tư thế kỷ. Riêng về niên điểm ra đời của nó thì chúng tôi cho là năm 1904, như Đào Duy Anh đã nêu chứ không phải 1903. Lý do là theo *Niên biểu Việt Nam* của Vụ Bảo tồn bảo tàng (Nxb. Khoa học xã hội, in lần thứ hai, 1970) thì năm *Giáp Thìn đời Thành Thái* ứng với các tháng 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 của năm 1904 và tháng 1 năm 1905 nên chẳng có liên quan gì đến năm 1903. Nếu sách khắc in vào tháng cuối năm Giáp Thìn thì đó phải là 1905. Vậy xin khẳng định lại niên đại như trên cho đúng.

Sau Đào Duy Anh, đến năm 1998, Nguyễn Quảng Tuân cũng đã có đề cập đến bản này trong bài "Một vài nhận xét về quyển *Kim Vân Kiều quảng tập truyện*, đăng trên tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Thừa Thiên - Huế, số 2-1998), đã in lại trong quyển *Truyện Kiều - nghiên cứu và thảo luận* (Nxb. Văn học, 2004). Tuy bản mà Nguyễn Quảng Tuân sử dụng là bản khắc in năm 1924, có thể không tuyệt đối giống với bản 1904 nhưng dù sao thì nó cũng cho ta biết được một số điểm đặc biệt của *Kim Vân Kiều quảng tập truyện*.

Theo Nguyễn Quảng Tuân thì đây là bản *Kiều* dài nhất: 3262 câu. Toàn tập dày 103 tờ, giấy bản khổ 13 x 22cm, mỗi tờ 2 trang, mỗi trang có 8 dòng và chia từ trên xuống dưới làm 4 tầng: tầng trên cùng chú giải điển tích, tầng hai

trích lục *Thanh Tâm Tài Nhân* (truyện *Kim Vân Kiều* bằng chữ Hán), tầng ba và tầng bốn là văn bản *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Tác giả của mẩu tin (mà ông chép lại) đã diễn đạt không chính xác. Phần một (tầng trên cùng) thì đúng là phần chú giải. Nhưng phần hai (tầng hai) không phải là "phần thơ chữ Hán" mà là phần trích lục nguyên truyện bằng văn xuôi chữ Hán còn phần ba (tầng ba - các câu sáu) và tầng bốn (các câu tám) là phần văn bản *Truyện Kiều,* đương nhiên là bằng chữ Nôm (chứ không phải "phần lục"). Xin xem trang 45a in kèm theo đây:

Rõ ràng là mỗi trang được chia làm bốn tầng mà phần ba gồm có tầng ba và tầng bốn là phần văn bản *Truyện Kiều,* ở đây là từ câu 1377 *(Rõ ràng của dẫn tay trao)* đến câu 1392 *(Dạy cho má phấn lại về lầu xanh).*

Tóm lại, *Kim Vân Kiều quảng tập truyện* không phải là một bản *Kiều* lạ vì nó đã được biết đến từ lâu.

1090. Kiến thức ngày nay, số 545

Hỏi: *Xin cho biết nhận xét của ông về cách cấu tạo từ ngữ mới kiểu:* cơ + thủ = cơ thủ *(để chỉ người chơi billiards),* game + thủ = game thủ *(để chỉ người chơi trò chơi điện tử),* v.v...

Trả lời: Đây chỉ là những "đôi đũa lệch", không thể nào "so cho bằng" được. Có thể là có nhiều người tán thành những sự "cáp đôi" kiểu đó. Còn chúng tôi thì nghĩ khác.

Thủ là một hình vị Hán Việt nên phải đi chung với một hình vị Hán Việt khác. Đứng trước nó có thể là một danh từ chỉ công cụ: *đà thủ* (*đà* = cái lái thuyền); *kỳ thủ* (*kỳ* = cờ); *pháo thủ* (*pháo* = đại bác); *thương thủ* (*thương* = súng); v.v... có thể là một động từ chỉ hành động mà *"thủ"* là chủ thể: *đấu thủ; sát thủ; trợ thủ; xạ thủ;* v.v... hoặc có thể là một tính từ: *cao thủ; hảo thủ; hung thủ;* v.v...

Nhưng dù thuộc từ loại nào thì đó cũng phải là yếu tố Hán Việt. Đằng này, trong *cơ thủ* thì *cơ* lại là một từ Việt gốc Pháp (<*queue* = gậy đánh billiards) còn trong *game thủ* thì *game* (trò chơi (điện tử) lại là một từ tiếng Anh. Trong ngôn ngữ thì những sự "cáp đôi" trên đây không thể chấp nhận được. Đó là biểu hiện của một sự gán ghép tuỳ tiện. Nếu muốn xài tiếng Anh thì thứ tiếng này đã có sẵn danh từ *gamer;* việc gì phải đặt ra *"game thủ"* cho rắc rối. Còn nếu muốn xài cái từ *cơ* gốc Pháp kia, thì tại sao lại không nói *tay cơ,* kiểu như *tay cờ, tay đàn, tay súng,* v.v... cho dễ hiểu và... đúng điệu?

Từ ngữ tân tạo xuất hiện càng ngày càng nhiều hơn. Để tránh sự tuỳ tiện trong việc "sáng tạo" thì sự hiểu biết về các qui luật ngôn ngữ là điều rất cần thiết. Và cũng cần thiết không kém đó là công việc của các nhà thuần chỉnh (purist) mà, rủi thay, có người lại bài xích vì họ muốn để cho tiếng Việt phát triển một cách... "tự nhiên".

1091. Kiến thức ngày nay, số 545

Hỏi: *Một tờ báo ra ngày 17-9-2005, có đưa một mẩu tin với nhan đề "Mỹ loại Việt Nam khỏi danh sách những nước sản xuất và vận chuyển ma tuý". Xin cho biết nhận xét về cách dùng từ trong câu này.*

Trả lời: Chắc là ông muốn hỏi về việc dùng động từ *loại* trong câu trên đây. *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản năm 2003, tr. 574) giảng *loại* là "Tách bỏ đi những cái xấu, những cái không dùng được, qua lựa chọn". Còn *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967) thì giảng một cách đơn giản là "thải ra". Những lời giảng này cho thấy *loại* là một động từ mang sắc thái biểu cảm, dùng để chỉ một hành động nhằm vào cái đối tượng mà chủ thể cho là có tính chất tiêu cực hoặc chính chủ thể không ưa thích. Không liên quan đến việc sản xuất và vận chuyển ma tuý là một đặc điểm có ý nghĩa tích cực của Việt Nam nên dùng động từ *loại* trong trường hợp này thì không đúng.

Cũng liên quan đến cái tin này, báo *Tuổi trẻ* ra cùng ngày đã dùng từ thích hợp hơn: "Tổng thống Bush đã *đưa* VN và Trung Quốc ra khỏi danh sách các nước sản xuất và vận chuyển ma tuý". *Đưa* là một động từ mang sắc thái trung hoà nên hoàn toàn thích hợp với ngữ cảnh trên đây. Và cũng chính vì thế nên nó còn có thể dùng cho một cái hướng ngược hẳn với *"ra"* (hướng "vào") như trong câu

sau đây của *Tuổi trẻ* ra ngày 21-9-2005: "VN được đưa vào danh sách các nước cung cấp gạo cho Nhật".

Trở lại với việc dùng động từ *loại* trong câu mà ông đã dẫn, xin khẳng định rằng đây là một việc làm không đúng với thói quen sử dụng từ ngữ của người Việt.

1092. Kiến thức ngày nay, số 545

Hỏi: *Trên* Chuyện Đông chuyện Tây, *ông đã từng nhấn mạnh rằng cảnh và người trong* Truyện Kiều *là cảnh và người Trung Quốc. Tôi nghĩ rằng cụ Nguyễn Du chỉ phóng tác theo truyện của Thanh Tâm Tài Nhân nên có nhất nhất phải cho rằng cái gì ở trong* Truyện Kiều *cũng là của Tàu hay không?*

Tôi nghe nói có người còn bảo vệ ý kiến cho rằng cụ Nguyễn Du đã viết Truyện Kiều *sau khi đi sứ nhà Thanh về trong khi xu hướng mới thì cho rằng cụ còn viết truyện Nôm này sớm hơn nhiều. Nhờ ông giải thích thêm cho rõ.*

Trả lời: Chính Nguyễn Du, chứ không phải là ai khác, đã mở đầu *Truyện Kiều* bằng cách nói rằng mình sẽ kể về cảnh, về người và về chuyện bên Trung Hoa:

Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.

Đó là cảnh Tàu, người Tàu, chuyện Tàu hai năm rõ mười, chẳng cần phải thảo luận gì thêm nữa. Chính vì thế nên có người khi bình giảng *Truyện Kiều* còn vẽ cả bản đồ Trung Quốc với các địa danh hữu quan để minh hoạ bước đường mười lăm năm lưu lạc của Kiều nữa.

Ý kiến cho rằng Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ nhà Thanh về không phải là một giả thuyết mà là một sự kiện được ghi nhận trong thư tịch chính thống của triều Nguyễn: *Đại Nam chính biên liệt truyện*. Còn các ý kiến khác thì chỉ là những giả thuyết mà sự chứng minh không đủ sức thuyết phục. Thậm chí, để chứng minh cho giả thuyết của mình, có khi người ta còn tưởng tượng ra được những chữ kỵ huý ảo nữa, như chúng tôi đã nêu trên *Kiến thức ngày nay*, số 541, chẳng hạn. Theo chúng tôi, trước mắt, ta hãy cứ tạm thời tin theo sử sách, rằng Nguyễn Du:

Đã nhân kỳ đi sứ ở Bắc Kinh
May gặp truyện của Thanh Tâm Tài Tử
Thấy kể lại cuộc đời người hiếu nữ,
Thương Thuý Kiều tâm sự cũng đầy vơi
Mới diễn nôm thành tác phẩm tuyệt vời.

(Nguyễn Quảng Tuân, *Vinh danh Nguyễn Du*)

Liên quan đến vấn đề này, ngày 20-9-2005, chúng tôi vừa nhận được một bức thư của ông Nguyễn Quảng Tuân từ Anh Quốc gửi về, trong đó có đoạn:

"Ở Luân Đôn, trên các vỉa hè, ở toàn thành phố chỉ trồng có một thứ cây phong (plane). Mùa thu lá héo vàng rồi rụng lác đác đầy đường chứ không như ở Trung Quốc và Canada, là chuyển màu từ xanh sang vàng tươi hoặc hồng tươi rồi sau mới rụng. Cái cảnh mùa thu ấy chỉ có ở Trung Quốc và Canada nên tôi càng tin rằng Nguyễn Du phải qua Trung Quốc rồi về mới viết được những câu như:

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

và:

Rừng thu từng biếc chen hồng.

Chính những người Anh tôi hỏi cũng chưa biết đến cảnh rừng phong lá đỏ".

Những lời trên đây của ông Nguyễn Quảng Tuân rất đáng cho ta suy gẫm.

Xin tạm trả lời ông như trên và hy vọng sẽ có thể trở lại vấn đề thời điểm Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trong một dịp khác.

1093. Kiến thức ngày nay, số 545

Hỏi: *Trong bài "Một bài báo có quá nhiều sai sót* (Ngôn ngữ, *số 8 (195) - 2005, tr. 74 - 78), khi bàn về chữ* phú 富, *tác giả Nguyễn Cảnh Phúc đã viết:*

"Chữ 富 *được cấu tạo theo phương pháp hình thanh. Theo* Từ nguyên *và* Từ hải *thì chữ* 富 *có hai âm: 1.* phó,

2. phú. *Đọc là "phó" thì có nghĩa là "hỗ trợ, giúp đỡ" (...) Đọc là "phú" thì có nghĩa là "bổ ra, cắt ra". Muốn cắt, muốn bổ vật gì, người ta thường dùng con dao. Vì thế, bộ đao (刂) trong 副 (phú) là bộ biểu ý, tức là "hình". Nửa bên trái của chữ 副 tức là 畐. Đây chính là một nửa phía dưới của chữ 富 (phú) nghĩa là "giàu".*

"Vậy 畐 là bộ biểu thanh, chỉ rõ âm thanh của chữ 副 là "phú". Vậy chữ 副 (phú) cấu tạo theo phương pháp hình thanh, "hình" bên phải, "thanh" bên trái. Chữ 富 (phú) nghĩa là "giàu", có bộ 宀 (miên) nghĩa là "mái nhà". Những chữ gì có liên quan tới nhà cửa thường có bộ 宀. Người giàu thường có nhiều nhà cửa cao đẹp. Từ đó ta thấy, trong chữ 富 thì bộ 宀 là bộ biểu ý. Dưới bộ 宀 là một nửa của bên trái chữ 副 (phú). Do đó chữ 富 được cấu tạo theo phương pháp hình thanh, "hình" ở trên, "thanh" ở dưới".

Xin hỏi cách phân tích chữ phú 富 *như trên có chính xác không?*

Trả lời: Nếu lấy phép hình thanh mà xét thì chữ *phú* 富 chẳng có liên quan gì đến chữ *phó/phú* 副 cả. Phân tích chữ *phú* 富, *Thuyết văn giải tự* của Hứa Thận khẳng định rằng đó là một chữ "tùng *miên* 宀, *phúc* 畐 thanh", nghĩa là "thuộc bộ *miên*, đọc là *phúc*". Sở dĩ có mâu thuẫn như thế (*phú* mà lại đọc thành "phúc") là vì, như đã nhiều lần nói tại *Chuyện Đông chuyện Tây*, hiện nay trong nhiều trường hợp thanh phù không còn trùng với âm của chữ hình thanh

hữu quan như lúc mới tạo từ nữa. Vì không thấy được điều này nên tác giả Nguyễn Cảnh Phúc mới phải viện đến chữ 副 cho ra cái âm "phú". Nhưng chính ông cũng khẳng định rằng "thanh" của chữ *phú* 副 là 畐 mà âm của 畐 là *"phúc"* chứ đâu có phải *"phú"*.

1094. Kiến thức ngày nay, số 546

Hỏi: Tại sao trong Nam nói "đám ma" còn ngoài Bắc nói "đám tang"?

Trả lời: Chúng tôi đã tra cứu kỹ và thấy rằng *đám ma* và *đám tang* không phải là hai danh ngữ đối lập với nhau về mặt phương ngữ (trong Nam, ngoài Bắc) mà là về mặt phong cách ngôn ngữ. Nói một cách khác, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc đều có dùng hai cách nói *đám ma* và *đám tang*. Hai cách nói này khác nhau ở chỗ *đám ma* thuộc *phong cách ngôn ngữ tự nhiên,* thường gọi là *khẩu ngữ,* còn *đám tang* thuộc phong cách *ngôn ngữ trau chuốt,* mà một số tác giả gọi là *ngôn ngữ văn hoá.*

Sự khác nhau trên đây bắt nguồn từ thực tế xã hội mà hai danh ngữ đang xét phản ánh. Với *đám ma* thì trung tâm là "nhân vật người chết", biết rằng ngoài cái nghĩa "sự hiện hình của người chết", *ma* còn có nghĩa là "người đã chết" nữa. Ta có thể suy đoán rằng lối nói này xuất phát từ những người thuộc các tầng lớp dưới của xã hội. Chuyện người chết phải bó chiếu mà chôn vì không có quan tài

không phải là chuyện hiếm thấy ngày xưa, đặc biệt là ở vùng nông thôn. Trong điều kiện như vậy, việc đưa đám đối với họ thực chất chỉ là việc đưa ma, nghĩa là đưa xác người chết ra huyệt mà thôi. Đó là *đám ma.*

Đám tang thì khác. Đây là chuyện của các tầng lớp hữu sản. Có quan tài, có khâm liệm, có thành phục (phát tang), có để tang để chế, có bàn Phật, bàn vong, có tụng niệm, có phúng viếng, v.v... Tóm lại là có đầy đủ nghi thức. Chính những nghi thức này làm cho đám tang có tính chất trang trọng trong khi đám ma thì lại đơn sơ.

Chính vì sự cách biệt này mà trong tiếng Việt hiện đại, tuy là hai đơn vị đồng nghĩa nhưng *đám ma* chỉ được dùng trong khẩu ngữ còn *đám tang* được dùng trong ngôn ngữ văn hoá.

1095. Kiến thức ngày nay, số 546

Hỏi: *Xin cho biết lý do của việc dùng chữ "bán" trong câu:* Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng. *Sao chỉ có "nửa vai"* (bán kiên) *chứ không phải "một vai" hay "cả vai"? Và thế nào là "nửa vai"?*

Trả lời: Đây là thơ của Hoàng Sào, một lãnh tụ nông dân khởi nghĩa đời Đường bên Trung Hoa:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,

Nhất trạo giang sơn tận địa duy.

Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim dịch:

"Nửa vai đeo cung kiếm có trời cho, một chèo đi khắp non sông trên đất"[1].

Nguyễn Thạch Giang dịch:

"Chỉ nửa vai cung kiếm mà tung hoành khắp gầm trời, chỉ một mái chèo mà đi khắp cả non sông"[2].

Đào Duy Anh dịch:

"Cung kiếm nửa vai trời thả cửa;

Non sông một mái đất cùng nơi"[3].

Sửa chữa để "nâng cấp" *Từ điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh, Phan Ngọc chỉ đổi có hai chữ *(mái* thành *chèo, cùng* thành *khắp):*

"Cung kiếm nửa vai trời thả cửa;

Non sông một chèo đất khắp nơi"[4].

Một số nhà chú giải khác cũng dịch hai chữ *bán kiên* trong hai câu thơ trên đây của Hoàng Sào thành "nửa vai". Nguyễn Du đã lấy ý từ hai câu thơ này mà viết thành câu 2174 của *Truyện Kiều:*

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.

---

1. Nguyễn Du, *Truyện Thuý Kiều,* Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, Nxb. Văn hoá Thông tin in lần thứ năm, 1995, tr. 162.
2. Nguyễn Du, *Truyện Kiều,* Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1972, tr. 450.
3. *Từ điển Truyện Kiều,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 153.
4. *Từ điển Truyện Kiều,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987, tr. 192.

Nếu phân lượng ngữ *nửa gánh* của Nguyễn Du càng dễ hiểu và tự nhiên bao nhiêu thì cái phân lượng ngữ *nửa vai* của các nhà chú giải càng khó hiểu và gượng gạo bấy nhiêu. Ta chỉ nghe, chỉ thấy kiểu:

Hai vai gánh nặng, con đường thời xa.

(Tản Đà)

chứ "nửa vai gánh", "quẩy nửa vai" thì... chịu. Các nhà chú giải đã cưỡng bức cái cấu trúc *bán kiên* của tiếng Hán phải trở thành "nửa vai" trong tiếng Việt mà quên rằng chữ *kiên* 肩 còn dùng để ghi một động từ có nghĩa là "gánh", "vác" nữa, như đã cho trong rất nhiều quyển từ điển. Rồi từ đây lại phát sinh một lượng từ, mà thực chất là danh từ, vốn chỉ cái được gánh, được khuân, được vác ở trên vai mà ta có thể tuỳ theo văn cảnh để dịch bằng một trong các danh từ đơn vị (trước đây gọi là loại từ) sau đây của tiếng Việt: *gánh, bó,* v.v... Đây chính là cái nghĩa thứ 8 của chữ *kiên* 肩 trong *Hán ngữ đại tự điển* (Thành Đô, 1993). Chính là với cái nghĩa này, vì cái nghĩa này mà Nguyễn Du đã diễn Nôm hai tiếng *bán kiên* của Hoàng Sào bằng hai tiếng *nửa gánh* trong câu 2174 của *Truyện Kiều.*

Nói cho công bằng, trong các nhà chú giải, có người cũng đã nhìn thấu cái nghĩa chính xác của chữ *kiên* trong *bán kiên,* chẳng hạn Chiêm Vân Thị, nên đã dịch hai câu:

Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng,
Nhất trạo giang sơn tận địa duy.

thành:

Kiếm cung nửa gánh nghiêng trời,
Con chèo non nước nhẹ bơi tung hoành[1].

Chúng tôi đoán rằng có lẽ do nhiều nhà chú giải đã đưa ra một cách dịch gần như vô nghĩa (*bán kiên cung kiếm* = nửa vai (đeo) cung kiếm) nên ông mới đề nghị chúng tôi bàn cho ra lẽ. Chứ nếu các vị đó dịch *bán kiên* thành *nửa gánh* ngay từ đầu thì việc đặt vấn đề sẽ không còn cần thiết nữa chăng?

1096. Kiến thức ngày nay, số 546

Hỏi: *Tờ* Time, *số ra ngày 19-9-2005 có một bài phân tích của Mike Allen nhan đề "Living too much in the bubble?". Trên một tờ báo ở Thành phố Hồ Chí Minh ra ngày 22-9-2005, một nhà báo đã dịch nhan đề này là "Sống quá nhiều trong bong bóng". Vậy "Sống trong bong bóng" là sống như thế nào?*

Trả lời: Có lẽ chẳng ai biết "sống trong bong bóng" là sống như thế nào. Chẳng qua là ở đây, nhà báo chỉ dừng lại ở cái nghĩa đen, cũng là nghĩa gốc, của danh từ *bubble* trong tiếng Anh mà thôi. Thực ra, danh từ này còn có một nghĩa bóng rất thích hợp với cái nhan đề "Living too much in the bubble". Đó là "điều hão huyền", "ảo tưởng", như đã

1. *Thuý Kiều truyện tường chú*, quyển Hạ, Trúc Viên Lê Mạnh Liêu phiên dịch và phụ chú, Sài Gòn, 1974, tr. 150.

cho trong *Từ điển Anh Việt* của Viện Ngôn ngữ học do Lê Khả Kế, Đặng Chấn Liêu và Bùi Ý hiệu đính (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975), và dĩ nhiên là như đã cho trong rất nhiều quyển từ điển khác liên quan đến tiếng Anh. Vậy nhan đề này là "Sống quá nhiều trong ảo tưởng" chứ không phải "Sống quá nhiều trong bong bóng".

Nhà báo còn làm cho người đọc không khỏi ngạc nhiên và lúng túng trước lời dịch sau đây:

"Bong bóng ấy càng kín như hũ nút ở nhiệm kỳ hai, đến nỗi không còn mấy ai muốn cho ông tổng thống biết những tin xấu, hoặc vạch cho ông thấy ông đang sai lầm chỗ nào".

Thật khó mà có thể biết được thế nào là "bong bóng ấy càng kín như hũ nút". Còn nguyên văn của Mike Allen thì như sau:

"Bush's bubble has grown more hermetic in the second term, they say, with fewer people willing or able to bring him bad news or tell him when he's wrong".

Thực ra, "kín (như hũ nút)" chỉ là nghĩa đen của tính từ *hermetic*. Nó còn có nghĩa bóng là "kín đáo", "khó hiểu", "bí hiểm". Vậy "Bush's bubble has grown more hermetic in the second term" là "ảo tưởng của Bush càng kín đáo hơn trong nhiệm kỳ hai" (vì trong nhiệm kỳ ông ta càng ít bàn luận với người khác). Cái lâu đài trên bãi cát mà ông ta định xây thì hầu như chỉ một mình ông ta biết mà thôi. Có lẽ cái ý của Mike Allen là như vậy chăng?

1097. Kiến thức ngày nay, số 547

Hỏi: *Xin giải thích giúp hai chữ "bán phàm" trong câu thơ chữ Hán:* Tráng hoài hô khởi bán phàm phong *của Nguyễn Trãi. Tại sao không phải là trọn "một buồm"* (nhất phàm) *mà chỉ có "nửa buồm"* (bán phàm)?

Trả lời: Đây là câu thứ sáu, tức câu luận thứ hai trong bài *"Quá hải"* (Vượt biển) của Nguyễn Trãi. Đào Duy Anh dịch nghĩa là: *"Tráng hoài gọi gió nổi, buồm căng nửa cánh"*[1].

Vị học giả của chúng ta chỉ dịch như trên mà không hề chú giải về cách dịch của mình. Vì thế nên ta cũng không biết trong thực tiễn của nghề ghe thuyền thì cái mốt "buồm căng nửa cánh" được thực hiện như thế nào hoặc có thực hiện được hay không. Chứ trong bài *"Quá hải"* của Nguyễn Trãi thì cách dịch của Đào Duy Anh buộc ta phải xem *bán phàm phong* là một hình ảnh kém cỏi vì chỉ là kết quả của một việc dùng từ lạc lõng. Hai chữ *bán phàm* lọt tõm vào giữa một chuỗi từ ngữ thể hiện những ý tưởng mạnh mẽ hoặc những hình ảnh hùng tráng của cả bài thơ. Vì thế nên ở đây ta cũng trông chờ một cánh buồm nguyên vẹn như trong hai câu thơ của Cao Bá Quát:

Phong bão lập khan thiên ngạn tẩu,
Nguyệt cao toạ ỷ nhất phàm phi.

1. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969, tr. 352 - 353.

(Gió lộng đứng trông ngàn bến chạy
Trăng cao ngồi tựa một buồm bay).

Thế mà Nguyễn Trãi đành lòng hạ bút gieo xuống hai chữ "bán phàm" để vẽ ra trước mắt ta một lá buồm căng có "nửa cánh", khiến ta phải thất vọng:

Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ,
Tráng hoài hô khởi bán phàm phong.
(Lòng ngay quét sạch mù ngàn lớp,
Mộng lớn gọi lên gió nửa buồm).

Bán phàm phong (gió nửa buồm) thì xứng thế nào được với *tráng hoài*, là điều ôm ấp lớn lao, cao cả trong lòng (nên chúng tôi tạm dịch là *mộng lớn*).

Mộng lớn mà chỉ gọi dậy được có "nửa buồm gió" thì chẳng phải là cái hiệu quả của nó quá nhỏ, quá thấp hay sao? Mà nào có phải ở đây Nguyễn Trãi bị túng vần bí vận. Ông có thể thay cái chữ *bán* lạc lõng kia bằng chữ *nhất*, cũng là vần trắc:

Tráng hoài hô khởi nhất phàm phong.
(Mộng lớn gọi lên gió một buồm).

Có phải là đọc lên nghe hùng hồn và sảng khoái hơn không? Vậy tại sao Nguyễn Trãi lại cứ phải dùng chữ *"bán"* trong trường hợp này? Chúng tôi xin thưa ngay rằng ở đây Ức Trai tiên sinh đã dùng từ một cách rất thực tế, nghĩa là rất đúng với hoàn cảnh, như sẽ nói rõ ở một đoạn sau.

Chẳng qua là do cách hiểu không đúng của mình nên một số nhà chú giải mới làm cho ta lúng túng trước câu thơ đang xét mà thôi.

Vấn đề không phải ở chữ *bán,* mà ở chữ *phàm;* nói rõ ra, *bán phàm* ở đây không phải là "nửa buồm". Ngoài cái nghĩa thông thường và quen thuộc là "buồm", chữ *phàm* còn có một nghĩa phái sinh bằng hoán dụ là "thuyền buồm". Rồi từ cái nghĩa phái sinh này, *phàm* lại có một nghĩa phái sinh nữa, cũng bằng hoán dụ, là "chuyến đi bằng thuyền buồm", như đã được ghi nhận trong lời chúc quen thuộc:

Nhất phàm phong thuận,

nghĩa là "(một) chuyến đi bằng thuyền buồm xuôi gió". Thoạt kỳ thuỷ là "chuyến đi bằng thuyền buồm"; rồi việc sử dụng từ ngữ dần dần mở rộng thành "chuyến đi bằng thuyền", và cuối cùng là "chuyến đi". Còn ngày nay, dù có đi bằng máy bay Boeing hay Airbus, người ta vẫn cứ có thể chúc nhau *"nhất phàm phong thuận"*. Thậm chí, người ta còn có thể chúc nhà du hành vũ trụ bằng tàu Thần Châu của Trung Quốc *"yì fàn fēng shùn"*! Tóm lại, chữ *phàm* có 3 nghĩa:

1. Buồm.

2. Thuyền buồm → thuyền.

3. Chuyến đi bằng thuyền buồm → chuyến đi bằng thuyền → chuyến đi.

Nghĩa của chữ *phàm* trong câu *Tráng hoài hô khởi bán phàm phong* chính là nghĩa thứ 3 và câu này có nghĩa là:

Mộng lớn gọi lên gió nửa đường.

Bán phàm ở đây là giữa chuyến đi, nghĩa là nửa đường, nên thực chất cũng đồng nghĩa với *bán đạo, bán đồ, bán lộ*, đều là nửa đường hoặc giữa đường cả. Để giữ đúng quy định "nhị, tứ, lục phân minh" (nên phải dùng vần trắc), ở đây tác giả vẫn có thể viết:

Tráng hoài hô khởi bán đồ phong.

Nhưng ông muốn chơi chữ. Đây là một cuộc vượt biển *(quá hải)* nên hình ảnh một cánh buồm bọc gió sẽ sinh động hơn chứ cái chữ *đồ* ở đây thì lại "bất động". Vì vậy nên ông già Ức Trai mới chơi cắc cớ mà đưa chữ *"phàm"* vào, khiến một số nhà chú giải cứ ngỡ rằng đây là... buồm thật! Và khiến ta phải đặt câu hỏi: "Gió nửa buồm" là gió như thế nào? Nhưng như đã nói, *bán phàm* ở đây lại là "gió nửa đường".

Ta thử đọc lại bài thơ. Với câu phá đề, ta thấy tác giả đã gạt hết mọi sầu tư vớ vẩn, đứng tựa mui thuyền *(Bát tận nhàn sầu độc ỷ bồng)* mà nhìn ra chung quanh thì thấy sắc nước mênh mang còn tứ thơ như cứ muốn tuôn ra không dứt *(Thuỷ quang diễu diễu tứ hà cùng)*. Rõ ràng là ông đang ở ngoài biển. Ông đang cỡi ngay trên lưng kình nghê (đây dĩ nhiên chỉ là ngoa dụ) mà vượt qua biển Đông *(Trực giá kình nghê khoá hải Đông)*. Lúc đó gió nổi lên nên ông mới

tưởng tượng là do mộng lớn của mình gọi mà đến. Đấy không phải là gió nửa đường, nghĩa là giới nổi lên giữa chuyến hải trình của ông thì là gì?

Tóm lại, trong thực tiễn của nghề ghe thuyền cũng như trong bài thơ "Quá hải" của Nguyễn Trãi mà hiểu *bán phàm* là "nửa buồm" thì đều thấy ngắc ngứ cả. Chúng tôi tạm nêu cách hiểu thiển cận của mình để ông tham khảo trong khi chờ ý kiến của các bậc thức giả. Xin kính chúc ông thọ, khương, ninh.

1098. Kiến thức ngày nay, số 547

Hỏi: *Trên số ra ngày 5-10-2005, tổng kết diễn đàn mini "Nhạc Trịnh: có thể phá cách đến đâu?", Ban Văn hoá Văn nghệ của một tờ báo đã viết:*

"Vài ý kiến ít ỏi hơi bị... bảo thủ, rằng chỉ có Khánh Ly và cây đàn guitar gỗ mới đúng chất Trịnh - những ý kiến này là của các bạn đọc U60 trở lên".

Xin cho biết tuổi "U60 trở lên" là tuổi bao nhiêu?

Trả lời: "U60 trở lên" là một cách diễn đạt không chính xác. Trong thể thao, U là chữ viết tắt của *under*, có nghĩa là "dưới", *U17* là *under 17*, nghĩa là dưới 17; *U21* là *under 21*, nghĩa là dưới 21; *U23* là *under 23*, nghĩa là dưới 23; v.v... Vậy *U60* là *under 60*, nghĩa là dưới 60 cho nên "U60 trở lên" là một cách diễn đạt mâu thuẫn vì nó có nghĩa là vừa dưới

60, vừa trên 60. Nói cho nghiêm khắc thì đây là một cách diễn đạt vô nghĩa. Gần đây, một số người đã lạm dùng lối nói "Ux" mà không hề để ý xem chữ *U* có nghĩa là gì. Họ dùng mấy tiếng *U50* để chỉ cả những người đã 55, 57, *U60* để chỉ cả những người đã 68, 69, v.v...

Vậy xin trả lời cho chữ *U* cái nghĩa chính xác của nó: Hễ đã thuộc lứa *Ux* thì số tuổi bao giờ cũng phải dưới x.

1099. Kiến thức ngày nay, số 547

Hỏi: *Trên một tờ báo ra ngày 1-10-2005, tôi được đọc một bài có nhan đề là "Phải vẽ đường cho hươu chạy đúng", bàn về chuyện giáo dục giới tính cho lớp trẻ. Xin cho biết việc vận dụng thành ngữ* (vẽ đường cho hươu chạy) *ở đây có hợp lý hay không?*

Trả lời: *Vẽ đường cho hươu chạy* là một câu thành ngữ mà *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản 2003) giảng là:

"Ví hành động dung túng, bày vẽ cho kẻ khác làm việc không tốt".

Gần đây nhất, *Từ điển tiếng Việt* của Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương (Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2005), cũng giảng:

"Chỉ việc chẳng những không ngăn cản, mà còn bày cho kẻ khác cách thức làm những việc không tốt".

Các nhà tư vấn cho giới trẻ về vấn đề giới tính có phải là những kẻ bày vẽ cho họ những việc làm không tốt đâu mà gọi việc làm của các vị đó là "vẽ đường cho hươu chạy". Chữ "đúng" trong nhan đề của bài báo cũng thừa vì người ta mặc nhận là hươu đã được chỉ đúng đường nên thường là... chạy thoát. Còn việc tư vấn của các nhà giáo dục, các bác sĩ tâm lý, v.v... dù có nhỡ sai trong muôn một thì cũng không thể gọi là "vẽ đường cho hươu chạy"!

1100. Kiến thức ngày nay, số 548

Hỏi: *Xin cho biết "kế hoạch" và "quy hoạch" khác nhau như thế nào.*

Trả lời: *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (in lần thứ chín, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, 2003, tr. 485) giảng *Kế hoạch* là:

"Toàn bộ những điều vạch ra một cách có hệ thống về những công việc dự định làm trong một thời gian nhất định, với mục tiêu, cách thức, trình tự, thời hạn tiến hành. *Kế hoạch phát triển kinh tế (...) Hoàn thành kế hoạch trước thời hạn*".

Còn *Quy hoạch* (tr. 812 - 813) là:

"Bố trí, sắp xếp toàn bộ theo một trình tự hợp lý trong từng thời gian, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch dài hạn. *Quy hoạch các vùng kinh tế (...) Quy hoạch đào tạo cán bộ*".

Cứ như trên thì, trong tiếng Việt, *quy hoạch* có phạm vi hạn hẹp hơn *kế hoạch* và ngắn hơn kế hoạch về thời gian. Nhưng trong tiếng Hán thì ngược lại. *Hiện đại Hán ngữ từ điển* của Phòng biên tập từ điển, Sở Nghiên cứu ngôn ngữ thuộc Viện Khoa học xã hội Trung Quốc (Bắc Kinh, 1992) giảng *kế hoạch* là:

"Công tác hoặc hành động dĩ tiền dự tiên nghĩ định đích cụ thể nội dung hoà bộ sậu", nghĩa là: "Nội dung và các bước cụ thể phác thảo sẵn trước khi công tác hoặc hành động".

Còn *quy hoạch* là:

"Tỉ giảo toàn diện đích trường viễn đích phát triển kế hoạch", nghĩa là: "Kế hoạch phát triển lâu dài tương đối toàn diện".

Cứ như trên thì, trong tiếng Hán, *quy hoạch* có phạm vi rộng rãi hơn *kế hoạch* và lâu dài hơn kế hoạch về thời gian. Có lẽ vì sự khác nhau này nên Hội nghị toàn quốc Đảng Cộng sản Trung Quốc vừa kết thúc ngày 11-10-2005 đã thay hai chữ "kế hoạch" bằng hai chữ *"quy hoạch"* khi vạch ra quy hoạch năm năm lần thứ 11 (2006 - 2010) chăng?

1101. Kiến thức ngày nay, số 548

Hỏi: *Trước đây, người ta hay nói hoặc viết chữ TỐP trong việc chia phe, chỉ nhóm (như đua xe, chạy việt dã, v.v...) hoặc trong các hoạt động có tính chất tập thể:* tốp đầu, tốp cuối, tốp giữa, tốp trước, tốp sau, v.v... *Nhưng những năm gần*

đây, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các hoạt động kinh doanh, nghệ thuật và cả trong các bảng danh dự, đã xuất hiện chữ TOP trong TOP TEN, mà có nơi người ta lại nói và viết thành TỐP.

Vậy TỐP và TOP có giống nhau không và trong trường hợp nào thì phải dùng từ nào mới chính xác?

Trả lời: Chữ TỐP (trong trường hợp trước) là tiếng Việt còn chữ TOP (trong trường hợp sau) thì lại là tiếng Anh. Trong tiếng Việt, *tốp* là một danh từ đơn vị mà *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản 2003, tr. 1015) giảng là "Nhóm gồm một số ít người hoặc vật, cùng đi với nhau hoặc cùng có một hành động chung".

Còn trong tiếng Anh thì *top* trong *top ten* là một tính từ phái sinh bằng phụ tố zero từ danh từ *top* (nên có tác giả gọi là chuyển (từ) loại (conversion). Danh từ *top* có nghĩa là chóp, đỉnh, ngọn, đầu, v.v... nên tính từ *top* có nghĩa là (thuộc loại) đứng đầu, (thuộc hàng) cao nhất, v.v... *Top ten* là mười cái hàng đầu, dĩ nhiên là có thể theo cả tiêu chuẩn có ý nghĩa tiêu cực (chẳng hạn mười cái xấu nhất). Thí dụ: *USA Top Ten Forenames 2004* là mười cái tên được dùng nhiều nhất để đặt cho trẻ sơ sinh ở Mỹ năm 2004 (*Jacob, Michael, Joshua, Matthew, Ethan, Andrew, Daniel, William, Joseph, Christopher* cho con trai và *Emily, Emma, Madison, Olivia, Hannah, Abigail, Isabella, Ashley, Samantha, Elizabeth* cho con gái).

Hoặc *The Top Ten Languages Used in the Web* là mười thứ tiếng được dùng nhiều nhất trên mạng *(Anh, Hán, Nhật, Tây Ban Nha, Đức, Pháp, Triều Tiên, Ý, Bồ Đào Nha, Hà Lan)*, v.v... và v.v...

Còn TỐP TEN thì chỉ là một lối nói và/hoặc viết vô nghĩa.

1102. Kiến thức ngày nay, số 548

Hỏi: *Tôi xin góp ý với ông An Chi về sắc thái ý nghĩa của hai từ tiếng Anh* Bubble *và* Hermetic *(Kiến thức ngày nay,* số 546). *Trong quá trình sử dụng từ* bubble *được các kinh tế gia dùng như một thuật ngữ có nghĩa hẹp hơn và chính xác hơn trong các từ tổ như* Bubble economy, Asset bubble, *v.v... Từ* bubble *trong các tổ hợp này chỉ một trạng thái thăng bằng mong manh, không thể tồn tại lâu dài trong thời gian. Hiểu rộng ra, nó chỉ một chính sách kinh tế, tiền tệ, một kế hoạch làm ăn dựa trên những dữ kiện sai lầm, không chính xác. Đặc tính chung của những quả "bong bóng" là dễ vỡ nên động từ thường sử dụng sau nó là "burst". Hình ảnh một cái bong bóng vỡ tượng trưng cho kết quả tai hại của một chính sách kinh tế, ngoại giao được soạn thảo dựa trên những dữ kiện sai lầm.*

Sự kiện Saddam Hussein đang có trong tay vô số vũ khí giết người hàng loạt *là cái bong bóng làm cơ sở cho chính sách quân sự của đương kim tổng thống Hoa Kỳ đối với Iraq. Từ*

lúc xưa quân xâm chiếm Iraq đến nay, quân đội Hoa Kỳ và các quốc gia đồng minh không tìm thấy bóng dáng một kho vũ khí giết người hàng loạt nào *trên lãnh thổ Iraq. Điều này được chính Colin Powell, Bộ trưởng ngoại giao của Hoa Kỳ, xác nhận sau khi ông rời khỏi chức vụ trên trong nhiệm kỳ hai của G.W. Bush. Dù lao đã được phóng trật hướng, Bush vẫn tiếp tục theo lao. Ký giả Mike Allen tự hỏi: Người ta có thể* sống mãi trong ảo mộng được chăng? *(Living too much in the bubble?). Và ông tự trả lời: "Được" nhưng với một điều kiện là phải tự cô lập mình, vùi đầu dưới cát để mắt không thấy, tai không nghe những gì xảy ra ở thế giới bên ngoài. Đó là điều mà G.W. Bush đang làm và thái độ bịt mắt che tai của đương kim tổng thống được ký giả Mike Allen gọi là* hermetic. *Ý mà Mike Allen muốn truyền đạt cho độc giả về con người đã đẻ ra chính sách là hai chữ* mù quáng.

Trả lời: Chúng tôi rất hân hạnh nhận được bài góp ý chân tình của ông. Xin trân trọng giới thiệu để bạn đọc rộng đường tham khảo và xin trao đổi thêm với ông như sau:

Xuất phát điểm của ẩn dụ ở đây không phải là "những quả bong bóng (Anh: *balloon;* Pháp: *ballon*) dễ vỡ", mà là *những cái bọt xà phòng* (Anh: *soap bubbles;* Pháp: *bulles de savon*) *tất yếu phải tan, tất yếu phải vỡ.* Xét về nghĩa gốc là như thế, còn trong lĩnh vực kinh tế - tài chính thì *bubble/ bulle* cũng không chỉ một "trạng thái cân bằng mong manh", mà chính là một *sự căng thẳng,* vì liên quan chặt chẽ đến từng (hoặc những) *cơn sốt đầu cơ (speculative fever; fièvre*

spéculative). Đó là tình trạng mà sự đầu cơ đẩy giá hàng lên cao đến mức không thể biện minh được, đi liền theo nó thường là sự phá sản. Đó là trạng thái thị trường mà cái lý do độc nhất làm cho giá cả lên cao ngày hôm nay là các nhà đầu tư nghĩ rằng giá bán ra sẽ còn lên cao nữa vào ngày mai trong khi các nhân tố cơ bản hình như không biện minh gì được cho một cái giá như thế (*http://www.bulle-immobiliere.org*: "Une *bulle* est un état du marché dans lequel la seule raison pour laquelle le prix est élevé aujourd'hui est que les investisseurs pensent que le prix de vente sera encore plus élevé demain, alors que les facteurs fondamentaux ne semblent pas justifier un tel prix").

Việc Saddam Hussein có hay không có vũ khí giết người hàng loạt không trực tiếp liên quan đến nội dung bài bình luận của Mike Allen, vì chủ đề của bài này là sự đối phó (của Bush) trước cơn bão Katrina đã bị làm hỏng ngay từ đầu (a bungled initial response to Katrina).

Hermetic ở đây không thể có nghĩa là "mù quáng" vì chẳng có ảo mộng nào lại sáng suốt, nghĩa là không mù quáng. Cả ông lẫn chúng tôi đã hiểu *bubble* ở đây là ảo tưởng, ảo mộng. Nhưng bây giờ thì chúng tôi đã có cơ sở để hiểu khác đi và hiểu đúng hơn. *Bubble* còn có một cái nghĩa là:

A metaphor for isolation (e.g., "living in a bubble"), nghĩa là:

Ẩn dụ để chỉ sự cô lập (thí dụ, "sống trong sự cô lập").

Vậy *"Living to much in the bubble?"* có nghĩa là "Sống mãi trong sự cô lập chăng?". Còn *"Bush's bubble has grown more hermetic in the second term"* có nghĩa là "Sự cô lập của Bush càng thít chặt hơn trong nhiệm kỳ hai".

Xin có đôi lời trao đổi thêm với ông như trên. Cảm ơn ông đã quan tâm đến *Chuyện Đông chuyện Tây* và kính chúc ông an khang.

1103. Kiến thức ngày nay, số 549

Hỏi: *Đọc* Chuyện Đông chuyện Tây *trên* Kiến thức ngày nay, *số 547, gặp lại hai câu thơ của thánh nhân Nguyễn Trãi mà mừng hết lớn. Nhưng khi đọc những lời bình của tiên sinh thì lại thấy hơi bị "chướng". Vậy nên xin phép mạn đàm mấy ý.*

Thứ nhứt, về niêm luật biền ngẫu, không thể lấy một từ "đối" *với một từ trong một câu như tác giả An Chi trích dẫn và xuống bút* "Mộng *lớn mà chỉ gọi dậy được có* nửa cánh buồm" *(!?) Ngữ pháp Trung văn nói chung, Nho văn nói riêng đều có cấu trúc tính từ đặt trước để bổ nghĩa cho danh từ đứng sau. Điều này bắt buộc phải hiểu "bán phàm phong" là cánh buồm nửa gió chứ không thể hiểu là nửa cánh buồm.*

"Bán phàm phong" là lúc thuyền đi trên sông mà gặp gió chướng, thổi ngang; buồm căng hết cỡ nhưng phải biết lựa thế mà điều khiển cánh buồm, để chỉ hứng nửa gió thôi và

buộc phải chạy chữ "chi", chạy chéo dòng hay còn gọi là chạy dích dắc mà không chạy thẳng theo dòng.

Thứ hai, hai câu thơ đó ra đời trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống quân Minh đã toàn thắng; đất nước bắt đầu thời kỳ hoà bình kiến thiết. Giờ đây, sự khác biệt về lợi ích không thể điều hoà giữa các tầng lớp từng tham gia kháng chiến là điều khó tránh khỏi. Nguyễn Trãi không thể không nhận biết những ung chướng trong hoàng tộc và triều đình lúc bấy giờ. Chính vì vậy, mới có được một tiếng thở dài thời đại: "Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ"; tạm dịch: Lòng muốn quét sạch tai ương, ung chướng. Nhưng ông đang rơi vào cô thế, tới mức phải chịu nỗi oan lớn nhất trong lịch sử Việt Nam. Bất kể ai trong hoàn cảnh đó cũng phải tìm ra cách ứng xử thích hợp với mình. Cuối cùng, quy luật sinh tồn đã thắng thế. Nguyễn Trãi cũng là con người mà! Ông đã lựa cách xử: "Bán phàm phong" chỉ vì "Tráng hoài" của mình, của đời. "Tráng hoài hồ" nên phải "Bán phàm phong". Tạm dịch nghĩa: Hoài bão lớn kêu gọi, đòi hỏi nên phải lựa thế, buồm chỉ đón nửa gió, thuyền phải chạy chữ "chi".

Vì gắn bó với nghề bán báo nên có thói quen đọc, cũng học lỏm được dăm ba chữ, xin tiên sinh thứ lỗi.

Trả lời: 1. Xin hân hạnh trả lời ông về điểm thứ nhất.

1.1. Chúng tôi đã viết: "Mộng lớn mà chỉ gọi dậy được có *nửa buồm gió*" chứ không phải "(...) *nửa cánh buồm*". *Nửa cánh buồm* và *nửa buồm gió* hoàn toàn khác nhau.

1.2. Đây không phải là việc phân tích hiện tượng từ này đối với từ khác của cùng một câu mà lại là việc *phân tích tứ thơ*. Bình thơ mà không phân tích tứ thơ thì chỉ còn có nước… xếp bút nghiên.

1.3. Trong tiếng Hán, các từ loại khác (danh từ, động từ, v.v…) cũng có thể đứng trước để làm định ngữ (ông gọi là "bổ nghĩa") cho danh từ chứ chẳng riêng gì tính từ. Nhưng trong cấu trúc *bán phàm phong* thì chẳng có từ nào là "tính từ" cả.

1.4. Chính do quy tắc nêu ở 1.3. nên *bán phàm phong* là *gió nửa buồm* chứ không phải "(cánh) buồm nửa gió". Nếu là "buồm nửa gió" thì tiếng Hán phải là *bán phong phàm*.

1.5. "Trung văn nói chung, Nho văn nói riêng" là một cách diễn đạt sai vì "Nho văn" không nằm trong "Trung văn". Trong tiếng Việt hiện đại, người ta dùng hai tiếng *Trung văn* để chỉ *văn tiếng Hán phổ thông hiện đại* còn cái mà ông gọi là "Nho văn" thì lại là *văn ngôn*, nghĩa là tiếng Hán cổ đại.

1.6. "Chạy chéo dòng" và "chạy dích dắc" là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. "Chạy dích dắc" là chạy theo hình chữ "Z" còn cái mà ông gọi là "chạy chéo dòng" thực chất là *chạy cấn*, nghĩa là "day buồm xéo để thuyền chạy gió ngang" (Lê Văn Đức, *Việt Nam tự điển*) chứ "chạy chéo dòng" (như đò ngang) thì chỉ có nước lủi vào bờ.

2. Bây giờ xin trả lời ông về điểm thứ hai.

2.1. *"Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ"* là một *tiếng thét to sảng khoái* chứ không phải "một tiếng thở dài", càng không phải là "tiếng thở dài thời đại". Cứ "xếp hạng" kiểu này thì những câu *Kiều* như:

Đội trời đạp đất ở đời

hoặc

Giang hồ quen thói vẫy vùng, v.v...

đều là những câu "thở dài" cả!

2.2. Dù có là "tạm dịch" thì cũng không thể chuyển ngữ câu *"Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ"* thành "Lòng muốn quét sạch tai ương, ung chướng" được. Lý do: *thiên chướng vụ* là hiện tượng thiên nhiên, còn "tai ương, ung chướng" lại là chuyện xã hội thì làm sao có thể lấy cái này mà dịch cái kia? Đã dịch thì phải sát với nguyên văn. Còn dịch xong - mà phải dịch cho đúng - rồi "tán" thì lại là chuyện khác. Ông đã "tán" chứ không phải là dịch.

2.3. Vì không nắm vững quy tắc cú pháp nên ông đã biến kết cấu gây khiến (causative construction) *"Tráng hoài hô khởi bán phàm phong"* thành một quan hệ nhân quả (causal relation) mà viết: "Tráng hoài hô" nên phải "bán phàm phong". Huống chi, hai tiếng *"nên phải"* bắt buộc theo sau nó phải là một kết cấu động từ tính trong khi "bán phàm phong" lại là một ngữ danh từ. Vì vậy nên đây là một câu... cụt. Mà đã cụt thì chẳng nói lên được cái gì cả.

2.4. Dù trong hoàn cảnh nào, Ức Trai cũng không bao giờ chọn cách xử thế như ông đã viết. Vị anh hùng của chúng ta luôn luôn chủ trương:

Khó khăn thì mặc, có màng bao?
Càng khó bao nhiêu, chí mới hào.

("Thuật hứng", 21)

Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,
Có nhân, có trí, có anh hùng.

("Bảo kính cảnh giới", 5).

Riêng về hai câu:

Nghĩa khí tảo không thiên chướng vụ,
Tráng hoài hô khởi bán phàm phong.

thì Trần Thanh Mại đã viết:

"Nói rằng đó là tả cảnh sóng gió ngoài biển khơi lúc đi thuyền thì cũng đúng; mà nếu nói đó là quyết tâm thư của người không đang tâm trốn trách nhiệm mà đã vui lòng lại ra gánh vác việc đời, bất chấp khó khăn nguy hiểm, thì cũng không phải là không có cơ sở"[1].

Đó mới đích thực là "quy luật sinh tồn" của Ức Trai. Thế mà ông lại đành lòng bắt Thánh nhân Nguyễn Trãi phải "chạy chéo dòng", "chạy chữ *chi*" và "chỉ đón có nửa gió" thì chẳng oan cho ông ta lắm ru?

1. *Nguyễn Trãi*, Tủ sách Văn học trong nhà trường, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1997, tr. 97.

1104. Kiến thức ngày nay, số 550

Hỏi: *"Vịnh" chuyện Lưu Bị* (Tam quốc diễn nghĩa) *"muốn vợ", dân gian có câu:*

Muốn sang Giang Tả cầu hôn,
Chỉ e mắc kế Tôn Quờn phục binh.

Rõ ràng là miền đất do Tôn Quyền (Quờn) làm chủ nằm ở "giang hữu", nghĩa là ở hữu ngạn *Trường Giang; tại sao lại cứ gọi đó là miền "Giang Tả"?*

Trả lời: *Giang Tả* cũng chính là *Giang Đông*. Đây là một cái tên xưa, đã có trước Lưu Bị (161 - 223CN) và Tôn Quyền (182 - 252CN). "Hạng Vũ Kỷ" trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên (sống vào nửa sau thế kỷ II tr.CN) đã nhắc đến địa danh này:

"Giang Đông dĩ định, cấp dẫn binh Tây kích Tần. Hạng Lương nãi dĩ bát thiên nhân độ Giang nhi Tây".

(Đất Giang Đông đã dẹp yên. Ta hãy kíp đem quân sang phía Tây mà đánh Tần. Hạng Lương bèn đem tám ngàn người vượt sông Trường Giang mà đi về hướng Tây).

Về sau, vào thời Tam Quốc, *Giang Đông* cũng chính là cái tên mà người ta dùng để chỉ miền đất do Tôn Quyền làm chủ. Miền đất này nằm ở Giang Nam, nghĩa là phía Nam sông Trường Giang. Vậy tại sao nó có tên là *Giang Đông*? Sách *Nhật lục tạp thuyết* của Ngụy Hy giải thích:

"Giang hữu Nam Bắc nhi vô Đông Tây. Kim Lăng, Dự Chương câu tại Giang Nam. Đối Dự Chương ngôn, tắc Kim Lăng cư Giang Nam chi Đông; đối Kim Lăng ngôn, tắc Dự Chương cư Giang Nam chi Tây. Cố Tống dĩ Kim Lăng, Thái Bình, Ninh Quốc, Quảng Đức vi Giang Nam Đông lộ, dĩ Kim Giang Tây toàn tỉnh vi Giang Nam Tây lộ",

nghĩa là:

"Sông Trường Giang chỉ có bờ Nam bờ Bắc mà không có bờ Đông bờ Tây. Kim Lăng và Dự Chương đều nằm ở Giang Nam. Đối với Dự Chương mà nói thì Kim Lăng nằm ở phía Đông Giang Nam còn đối với Kim Lăng mà nói thì Dự Chương nằm ở phía Tây Giang Nam. Do đó mà nhà Tống đã lấy Kim Lăng, Thái Bình, Ninh Quốc và Quảng Đức làm Giang Nam Đông lộ; lấy toàn tỉnh Giang Tây ngày nay làm Giang Nam Tây lộ".

Vậy Giang Đông là miền Đông Giang Nam, còn Giang Tây là miền Tây Giang Nam. Chuyện Đông, chuyện Tây thế là đã rõ. Nhưng chuyện này thì liên quan thế nào đến chuyện "tả ngạn, hữu ngạn"? Để trả lời, ta hãy tìm hiểu nghĩa của hai chữ *tả, hữu. Từ hải,* bản tu đính năm 1989, đã cho chữ *tả* cái nghĩa đầu tiên là:

"Phương vị danh. Dữ "hữu" tương đối. Như diện hướng Nam, tắc Tây vi hữu, Đông vi tả. Địa lý thượng dĩ Đông vi tả, như Sơn Đông xưng Sơn Tả, Giang Đông xưng Giang Tả",

nghĩa là:

"Tên phương vị. (Trái) đối với "phải". Nếu nhìn về hướng Nam, thì phía Tây là bên phải, phía Đông là bên trái. Trong địa lý, người ta lấy phía Đông làm bên trái, như Sơn Đông gọi là Sơn Tả, Giang Đông gọi là Giang Tả".

Tại mục *"Giang Tả", Từ hải,* bản cũ ghi: *"Nhật lục tạp thuyết* của Ngụy Hy chép: "Giang Đông gọi là Giang Tả, Giang Tây gọi là Giang Hữu, vì từ Giang Bắc nhìn xuống thì Giang Đông ở bên trái còn Giang Tây ở bên phải vậy".

Tóm lại, *Giang Tả* vốn là đất Giang Đông. Tên gọi này thể hiện cái nhìn từ phương Bắc xuống chứ không phải là cái nhìn từ thượng nguồn về phía cửa sông.

1105. Kiến thức ngày nay, số 550

Hỏi: *Trong bài* "Con cái, cái con, con *và* cái. *Danh từ, loại từ và quán từ" đăng trên* Ngôn ngữ, *số 10 (197), 2005, GS.TS. Nguyễn Phú Phong đã viết:*

"Cái/nước. Khôn ăn cái, dại ăn nước. Cái/nước *ở đây kể như đồng nghĩa với* đặc/lỏng".

Tác giả đã gắn chữ cái *ở đây với chữ* cái *trong* con cái *mà tác giả cho là "những từ đa nghĩa". Tôi có cảm giác rằng ở đây có cái gì đó không ổn nên mới đặt vấn đề với ông.*

Trả lời: Bài đã nêu của tác giả Nguyễn Phú Phong có nhiều điểm cần thảo luận, nhưng ở đây chúng tôi chỉ tập trung vào vấn đề mà ông đã nêu.

Để kết luận cho phần I trong bài của mình, Nguyễn Phú Phong khẳng định rằng *"cái, con* quả là những từ đa nghĩa, có khả năng nằm trong ít nhất tám thế đối lập khác nhau" (Bđd, tr. 13) mà cái thế thứ 4, như ông đã dẫn, là:

"Cái/nước. Khôn ăn cái, dại ăn nước. Cái/nước ở đây kể như đồng nghĩa với *đặc/lỏng"*. (Bđd, tr. 12)

Thực ra, *cái* ở đây là một từ hoàn toàn riêng biệt, chẳng có liên quan gì đến *cái* trong 7 cái thế còn lại của tác giả Nguyễn Phú Phong cả. Định nghĩa mà tác giả nêu lên cho cặp *cái/ nước* (= đặc/lỏng) cũng thực sự không ổn. Chỉ riêng việc khẳng định rằng danh từ *(cái/nước)* mà lại đồng nghĩa với tính từ *(đặc/lỏng)* cũng đã là một điều cấm kỵ trong ngữ học rồi. Hai từ chỉ có thể đồng nghĩa với nhau khi chúng cùng thuộc về một từ loại mà thôi. Huống chi, *cái* cũng chẳng phải là cái chất đặc riêng biệt, một mình nó. Ta hãy gọt một củ khoai tây rồi xắt ra làm tám, chẳng hạn. Tám miếng khoai tây này cùng với những nguyên liệu khác như cà-rốt, poireau, thịt bò, v.v... sẽ làm thành phần *cái* trong món xúp. Nhưng tám miếng khoai tây đó sẽ không được gọi là *cái* nếu ta đem chiên nó mà ăn với bít-tết mặc dù đó vẫn cứ là chất đặc. Điều này chứng tỏ - không kể đến vấn đề từ loại - rằng *"Cái/nước* đồng nghĩa với *đặc/lỏng"* là một mệnh đề không đúng.

Nhưng điều quan trọng nhất là *cái* trong *"Khôn ăn cái, dại ăn nước"* chẳng có họ hàng gì với những *cái* trong những trường hợp còn lại của Nguyễn Phú Phong cả. Về

từ *cái* này, trên *Kiến thức ngày nay*, số 197, ngày 10-1-1996, chúng tôi đã nói rõ như sau:

"*Cái* là một danh từ mà *Từ điển tiếng Việt* 1992 giảng là "phần chất đặc, thường là phần chính, ngon nhất trong món ăn có nước". Nhưng nghĩa gốc của nó thì lại không phải gì khác hơn là "cái xác", đúng như Huình-Tịnh Paulus Của đã giảng trong *Đại Nam quấc âm tự vị*. Đây cũng là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 介 mà âm Hán Việt thông dụng hiện đại là *"giới"* nhưng âm chính thống lại là *cái* vì thiết âm của nó là *"cổ bái thiết"* (Xin xem *Quảng vận*, chẳng hạn). Nghĩa gốc của nó là cái vỏ cứng, cái mai, cái vảy. Từ nghĩa này đến nghĩa đã cho trong *Từ điển tiếng Việt* 1992 đã có một sự chuyển biến nhưng sự chuyển biến này hoàn toàn có thể giải thích được.

Ngoài ra, trong bảy cái thế đối lập còn lại, cũng còn những vấn đề có thể bàn tiếp nhưng vì không thuộc trọng tâm của câu hỏi nên chúng tôi xin không bàn đến ở đây.

1106. Kiến thức ngày nay, số 550

Hỏi: *Trong bài "Không thể lại dạy chữ Nho ở trường phổ thông"* (Văn nghệ, *số 43, 22-10-2005), tác giả Phạm Hùng Quyết có viết: "Chữ quốc ngữ không phải chỉ biết ghép chữ ta với chữ Nho, mà còn ghép cả chữ ta với chữ Tây nữa cơ. Từ "phanh phui", nếu tách từ "phui" ra thì người Việt không biết chữ Pháp nghe không hiểu".*

Xin cho biết có phải "phui" là một từ gốc Pháp hay không. Nếu đúng thì từ này bắt nguồn ở từ nào của tiếng Pháp?

Trả lời: Có lẽ tác giả Phạm Hùng Quyết muốn nói rằng *phui* trong *phanh phui* là một từ Việt gốc Pháp, bắt nguồn ở danh từ *fouille* (sự đào bới, sự lục soát, cuộc khai quật) hoặc động từ *fouiller* (đào, bới; lục soát; khai quật). Nhưng dù có nói rằng *phui* bắt nguồn ở từ nào của tiếng Pháp thì đây cũng là một ý kiến hoàn toàn sai.

Phui không phải là một từ gốc Pháp vì trước khi người Việt Nam biết đến tiếng Pháp thì từ này đã nghiễm nhiên có mặt trong tiếng Việt, muộn nhất cũng là vào gần cuối thế kỷ XVIII. *Dictionarium Anamitico Latinum* (1772 - 1773) của Pierre Pigneaux de Béhaine đã ghi nhận ở chữ *phanh:*

"*Phanh phui.* Phung phá".

Và ở chữ *phui:*

"*Phanh phui.* Phung phí"[1].

Vấn đề đã quá rõ ràng. Nhưng ngoài chuyện này ra, tác giả Phạm Hùng Quyết còn có những quan niệm rất ngộ nghĩnh; chẳng hạn như ông đã viết:

"Thực ra, chuyện hàng ngày người ta nói sai, viết sai không phải chỉ là chuyện thường ngày xảy ra ở huyện. Nó phải là chuyện thường ngày xảy ra trên khắp hành tinh này đấy. Từ Đông sang Tây tự cổ chí kim, ngôn ngữ nào cũng

1. Xin xem bản dịch của Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên do Nxb. Trẻ ấn hành năm 1999.

có hai dòng: Dòng ngôn ngữ bình dân và dòng ngôn ngữ bác học. "Nôm na là cha mách quế" chỉ xảy ra ở dòng thứ nhất. Người ít được dạy và không chịu tự học, thì chuyện nói sai là dễ dàng chấp nhận được thôi".

Lý thuyết gia họ Phạm viết như trên là đã công nhiên khuyến khích thiên hạ đua nhau nói sai, viết sai vô tội vạ vì đây là "chuyện thường ngày xảy ra khắp hành tinh" rồi còn gì.

1107. Kiến thức ngày nay, số 551

Hỏi: *Giữa* "Vãn cảnh" *và* "vãng cảnh", *cách viết nào mới đúng?*

Trả lời: Trong bài "Quá trình Việt hoá của từ *vãn cảnh*", đăng trên *Văn nghệ*, số 46 (2391), 2005, tác giả Lại Thế Hiền đã đưa ra đến 14 nguồn tài liệu với 26 dẫn chứng (22 cho *vãn cảnh* và 4 cho *vãng cảnh)* rồi kết luận:

"Theo các thống kê ở trên, thấy rằng, càng về sau từ *vãn cảnh* được chuyển dần thành *vãn vọng, vãn thiếu, vãn diếu, vãn diểu (thiếu, diếu, diểu* đều cùng một nghĩa là *nhìn xa, ngắm cảnh từ xa)* và nói chung đều mang nghĩa là *ngắm, tả cảnh chiều.* Các bài thơ *ngắm cảnh, tả cảnh chiều* chiếm vị trí rất đặc biệt trong thơ văn Trung đại và Cận đại vì chúng có khá nhiều do các nhà thơ *ngẫu thành* khi đang làm công việc gì đó.

Theo thiển ý của tôi, từ *vãn cảnh* ban đầu chỉ mang nghĩa đơn chức năng là *tả cảnh, ngắm cảnh buổi chiều,* sau này, trong quá trình Việt hoá chữ Hán, nó dần dần được nâng lên nghĩa đa chức năng tức là *tả cảnh, ngắm cảnh, thưởng ngoạn phong cảnh* không còn phân biệt về khoảng thời gian trong một ngày nữa. Đây là một đặc điểm rất quan trọng trong quá trình Việt hoá chữ Hán. Từ *vãng cảnh* hầu như không có mặt trong các văn bản chữ Hán cổ theo nghĩa *tả cảnh, ngắm cảnh, thưởng ngoạn phong cảnh,* cho nên, đây có thể là do cách phát âm của các phương ngữ phía Nam đất nước tạo nên, thật ngẫu nhiên, từ *vãng* lại có nghĩa là *đi, đến,* nhưng có lẽ sự kết hợp từ *vãng* thành từ *vãng cảnh* xảy ra rất muộn, rất gần mà thôi".

Tiếc rằng mặc dù tác giả đã cất công sưu tập nhiều nguồn tài liệu nhưng ý kiến của ông không thể đứng vững được. *Vãn cảnh* là *vãn cảnh* chứ không thể nào càng về sau càng được chuyển dần thành *vãn vọng, vãn thiếu (vãn diếu, vãn diểu), v.v...* Đó là những *cấu trúc hoàn toàn độc lập* với nhau. Huống chi, *vãn cảnh* là một ngữ danh từ còn *vãn vọng, vãn thiếu,* v.v... lại là những ngữ động từ thì làm sao có thể có sự chuyển biến vô nguyên tắc như thế? Nói chung, lập luận như vậy là thiếu cơ sở. Ông viết:

"Từ *vãn* trong *vãn cảnh* nghĩa gốc của nó là *chiều, muộn.* Vì thế nghĩa gốc của *vãn cảnh* là *ngắm cảnh, tả cảnh buổi chiều*".

Thực ra, nghĩa gốc của *vãn cảnh* chỉ đơn giản là *cảnh chiều* chứ tuyệt đối chẳng có liên quan gì đến việc ngắm, việc tả cả. Có chăng, việc này chỉ liên quan đến sự cấu tứ.

Còn *vãng cảnh* thì lại là một ngữ động từ, có nghĩa là đến một nơi nào đó để tham quan, để thưởng ngoạn. Đây mới đích thị là một cấu trúc mà ta có thể suy từ nghĩa gốc thành cái nghĩa là "thưởng ngoạn phong cảnh", như tác giả Lại Thế Hiền đã viết. Chữ *vãng* trong *vãng cảnh* chính là chữ *vãng* trong *vãng du tiên cảnh, vãng sinh cực lạc* mà ta thường thấy trên những tấm văn (trướng) trong các đám tang.

Tóm lại, *vãn cảnh* là một ngữ danh từ, có nghĩa là cảnh chiều còn *vãng cảnh* là một ngữ động từ, có nghĩa là đến một nơi nào đó để thưởng ngoạn. *Vãng cảnh* tuyệt đối không phải do phương ngữ phía Nam đọc trại từ *vãn cảnh* mà ra.

1108. Kiến thức ngày nay, số 551

Hỏi: *Trong quyển* Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX *(Nxb. Thanh niên, 2003), tác giả Hoàng Tiến có viết rằng* công sứ *là do tiếng Pháp* consul *mà ra. Xin cho biết có đúng không.*

Trả lời: *Công sứ* là hai hình vị Hán Việt dùng để dịch tiếng Pháp *résident,* chẳng có liên quan gì về nguồn gốc với *consul,* mà tiếng Việt dịch là *lãnh sự,* cũng là hai hình vị Hán Việt.

1109. Kiến thức ngày nay, số 552

Hỏi: *Cách giải thích truyền thống cho rằng trong* Bố Cái Đại Vương *thì* bố *là cha còn* cái *là mẹ xem ra nay đã lỗi thời. Còn cách hiểu đã bắt đầu thịnh hành thì cho rằng* cái *ở đây là to, lớn. Xin ông cho biết ý kiến về chữ* cái *trong trường hợp này.*

Trong bài "Con cái, cái con, con *và* cái. *Danh từ, loại từ và quán từ" đăng trên* Ngôn ngữ, *số 10 (197), 2005, GS. TS. Nguyễn Phú Phong có viết:* "Bố Cái Đại Vương *là tên một ông vua ở cuối thế kỷ thứ VIII".*

Xin cho biết ông này tên thật là gì và có thật ông ta là vua hay không?

Trả lời: Ông này tên thật là *Phùng Hưng* và *Bố Cái Đại Vương* là tôn hiệu - chứ không phải là "tên" - mà người ta dùng để gọi ông sau khi ông qua đời. Không thấy sử chép Phùng Hưng tự xưng là vua sau khi lãnh đạo cuộc khởi nghĩa (chống quân xâm lược nhà Đường) thành công.

Về ý kiến cho rằng *cái* ở đây có nghĩa là lớn (đối với *con*, có nghĩa là nhỏ) thì GS. Nguyễn Tài Cẩn đã bác bỏ trong một bản báo cáo (bằng tiếng Nga) tại Hội nghị Ngôn ngữ và Văn học vùng Viễn Đông và Đông Nam Á, tổ chức từ ngày 18 đến 20 tháng 1 năm 1994 tại Khoa Đông phương học, Trường Đại học tổng hợp quốc gia Saint-Petersburg, Nga. Bài này đã được Cao Xuân Hạo dịch sang tiếng Việt

và in lại trong quyển *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá* của Nguyễn Tài Cẩn (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001). Bác bỏ ý kiến của Mai Tổ Lân cho rằng *Bố Cái* là "Vua Cái", tức "Vua Lớn", Nguyễn Tài Cẩn viết:

"Chữ *cái* với nghĩa là "lớn, chính" chỉ dùng sau các danh từ không chỉ người: *sông cái* tức "sông lớn, dòng chính", *đường cái* tức "đường lớn, đường chính" (...) Thường thường các tổ hợp này đối lập với những tổ hợp có chữ *con*: *sông con* tức "sông nhỏ, nhánh phụ", *cột con* tức "cột nhỏ, cột phụ (...)". (Sđd, tr. 44)

Nguyễn Tài Cẩn cho biết thêm:

"Để biểu thị ý nghĩa "lớn, chính, trưởng" trong một tổ hợp danh từ chỉ người trong tiếng Việt thường dùng chữ *cả*. Chẳng hạn *vợ cả* tức "vợ chánh thất", *con cả* tức "con trưởng", *anh cả* tức "anh trưởng" (...)", rồi kết luận:

"Như vậy, cách đọc Vua Cái hiểu theo nghĩa "Vua Lớn" là sai". (Sđd, tr. 44 - 45)

Có thật "cách đọc *Vua Cái* hiểu theo nghĩa "Vua Lớn" là sai hay không? Có người muốn đưa những phản thí dụ *nhà cái (nhà con), tay cái (tay con)* ra để bác ý kiến của Nguyễn Tài Cẩn nhưng thật ra thì *nhà* và *tay* ở đây không phải vốn là những từ chỉ người như *vợ, con, anh*, v.v... Ở đây, đã xảy ra một sự chuyển nghĩa nên ta không thể dựa vào những trường hợp đó mà phản bác Nguyễn Tài Cẩn.

Cái sai quan trọng của Nguyễn Tài Cẩn là ông đã quên mất quan điểm lịch sử. Cái căn cứ ngữ nghĩa và ngữ dụng mà ông đưa ra để bác Mai Tổ Lân thì thuộc về tiếng Việt cận đại và hiện đại trong khi tôn hiệu *Bố Cái Đại Vương* thì lại ra đời cách chúng ta đến những 1.200 năm là ít. Hiểu biết của chúng ta về tiếng Việt thời đó là một khoảng trắng gần như tuyệt đối và cách sử dụng từ *cái* ở thời đó cũng là điều mà chúng ta không có chứng cứ gì trên giấy trắng mực đen. Huống chi, theo chúng tôi, *cái* của tiếng Việt là một từ cùng gốc với từ *cải*, có nghĩa là to, lớn, trong các ngôn ngữ Tày - Thái. Tiếng Tày - Nùng hiện nay vẫn nói *cần cải* để chỉ "người lớn". Điều này gợi cho ta một câu hỏi: Phải chăng từ *cái* của tiếng Việt đã từng có lúc đi liền theo sau danh từ chỉ người để làm định ngữ cho danh từ đó, chẳng hạn như *Bố Cái* là "Vua Lớn"? Phải chăng đây là sự thật về cách sử dụng từ *cái* (= lớn) hồi thế kỷ thứ VIII, là thế kỷ của Phùng Hưng?

1110. Kiến thức ngày nay, số 552

Hỏi: *Tôi luôn giữ* Nguyễn Trãi toàn tập *trong nhà, nên bạo dạn có mấy chỗ nghe thấy thử góp sức với ông.*

1. Thế nào là Bán phàm *phong?*

Xin mượn một thí dụ đơn giản nhất về thuyền buồm. Ta có một chiếc thuyền nho nhỏ (biển châu) vừa cho tác giả (Nguyễn Trãi) đứng tựa mui ngắm trời biển. Thuyền không

chở nặng, đang đi đường thẳng cùng hướng gió từ Nam ra Bắc. Biển đang có gió cấp 4 không thay đổi.

Thuyền chỉ sử dụng một cánh buồm hình tam giác vuông, quen gọi là buồm cánh én (Có thuyền to cần nhiều cánh buồm, nhiều cách thao tác).

Buồm cánh én có hai cạnh góc vuông, một dài một ngắn. Người ta treo cạnh dài vào cột buồm, còn cạnh ngắn thì kết chặt với một thanh gỗ chắc, cho treo lửng cách mui thuyền vài tấc. Như thế cánh buồm có thể nằm bên trái hay bên phải của cột buồm tuỳ nhu cầu của thuyền trưởng. Có một sợi dây (gọi là dây lèo hạ) buộc chặt vào cạnh ngắn (chỗ góc nhọn) để người lái điều động cánh buồm theo ý muốn.

Bây giờ ta hình dung một đường dọc chạy thẳng từ gốc cột buồm ra sau lái, ta gọi là đường trung tâm. Nếu ta kéo dây lèo điều chỉnh cho cạnh ngắn của cánh buồm nằm dọc theo đường trung tâm, là ta đang đặt buồm ở độ 0, không hứng được gió Nam hay Bắc (theo dữ kiện đã đặt ra), nên thuyền không chạy.

Đến khi ta nới dây lèo hạ cho cánh buồm nằm qua một bên tuỳ ý, sẽ có mấy trường hợp đáng quan tâm:

a. Cho cạnh ngắn tạo với đường trung tâm một góc tối đa là 80 độ thì lập tức buồm nhận trọn lượng gió cấp 4 sẵn có. Thuyền sẽ chạy thẳng tới với tốc độ tối đa của nó (Ta giả định là buồm sẽ rách, cột sẽ gãy nếu gió quá cấp 4).

b. Trường hợp trên đây, buồm no gió chạy một mạch không gặp chướng ngại nào hết cho đến khi cặp bến an toàn, đó là ý NHẤT PHÀM PHONG THUẬN.

Trong thực tế, chỉ khi gặp trường hợp rất đặc biệt phải chấp nhận mọi bất trắc, người ta mới vượt sóng với tốc độ tối đa, ngoại trừ những nhà hàng hải tài ba.

c. Tuy nhiên thuyền trưởng có thể cho buồm đói gió *để giảm tốc độ. Bấy giờ chỉ cần kéo dây lèo hạ cho góc 80 độ trên đây hẹp lại còn 40 độ. Cánh buồm nằm chéo, không hứng trọn sức gió, tất nhiên thuyền sẽ chạy chậm. Đây là cái công thức* bán phàm *phong (bán phàm chi phong) như Đào Duy Anh hiểu và dịch:*

Tráng hoài nổi gió nửa buồm dong.

d. Trường hợp theo công thức bán phàm phong *tức phàm phong chi bán (phân nửa lực đẩy của gió vào cả cánh buồm) thì ta khỏi điều chỉnh cánh buồm (giữ y 80 độ) mà "yêu cầu" gió cấp 4 giảm còn nửa tốc độ thôi. Nếu thiên nhiên đáp ứng thì công thức này cũng cho thuyền buồm chậm lại như công thức trên.*

đ. Nói theo kỹ thuật hiện đại, phàm phong *được hiểu như tổng số mã lực của một "động cơ chạy bằng* gió và buồm". *Cụ Ức Trai chỉ cần nửa phàm phong tức là chỉ cần phân nửa tốc độ tối đa mà thôi. Do đó ta vẫn giữ cách dịch của Đào Duy Anh mà kèm theo lời chú: gió nửa buồm ý nói điều chỉnh*

buồm sao cho thuyền chạy với vận tốc trung bình, căn cứ vào tốc độ tối đa của nó.

Hiểu như trên, chữ buồm có nghĩa là tốc độ tối đa *(trong chừng mực an toàn) của một con thuyền. Nửa buồm là nửa tốc độ đó.*

2. Tại sao nhà thơ Ức Trai chỉ cần nửa cánh buồm? Tráng hoài của cụ ở đâu? Ta biết Nguyễn Ức Trai là một nhà nho lỗi lạc đời Lê. Vậy xin thử đáp theo hai mặt:

a. Mặt thực tế: trời êm, biển tốt, thuyền nhỏ, Nguyễn Trãi đang ngắm cảnh làm thơ lúc tuổi đang xế dần. Nhà thơ đứng tựa mui thuyền, nếu có gió to thì bất lợi. Tốc độ thích hợp nhất là vừa phải, thuyền không chòng chành đe doạ nguy hiểm. Bất cứ ai ở hoàn cảnh này cũng thấy bán *phàm phong là đúng.*

b. Công phu hàm dưỡng của nhà thơ: Người học Nho thường điềm đạm và sống theo một số phương châm căn bản như: tri túc, trung dung,... nhất là sự chuyên cần và tính cẩn thận gói trong hai câu:

Cần vi vô giá chi bửu (Chuyên cần là của báu vô giá).

Thận thị hộ thân chi phù (Cẩn thận là lá bùa hộ mạng).

Nguyễn Trãi cũng không ngoại lệ. Cái Tráng hoài của ông hiện rõ trong câu kết bài thơ:

Trực giá kình nghê khoá hải đông.

(Thẳng cưỡi kình nghê vượt biển Đông).

Nhưng nếu có vài bạn đọc cho rằng tráng hoài phải gọi nhất phàm *phong mới hợp lẽ hùng hồn, tôi e chưa được ổn. Chính cái tráng hoài ấy đã tàng ẩn ngay trong cách gọi* bán phàm *phong đúng như vài phương châm đã dẫn trên rồi. Giữa cảnh trời biển mênh mông, lòng sầu lắng dịu, thi tứ dạt dào, tốc độ vừa phải ắt thích hợp nhất cho tráng hoài phát tiết thành thơ.*

Tóm lại, cái tráng hoài của một Trương Phi (lúc nào cũng ào ào) và cái tráng hoài thâm trầm của một nhà nho từng cầm vận mệnh ba quân, phải có chỗ khác nhau. Thú thật tôi mê ngay chữ bán *này của thần tượng Ức Trai.*

Kính chào ông với nhiều thành ý chờ nghe.

Trả lời: Thế là chúng tôi đã giới thiệu cách hiểu của ông cho rộng đường dư luận. Chúng tôi chỉ e rằng ông đã đi quá sâu vào chuyên môn của nghề ghe thuyền rồi làm mất đi sự nhất quán về phong cách ngôn ngữ, và cả về cách cấu tứ nữa, trong bài thơ của Nguyễn Trãi mà thôi!

Để giữ cái ý "gió nửa buồm" của mình, ông đã buộc con thuyền của Ức Trai phải "chạy với vận tốc trung bình", nhằm thực hiện phương châm "Thận thị hộ thân chi phù" (Cẩn thận là lá bùa hộ mạng). Rồi ông viết tiếp:

"Cái Tráng hoài của Nguyễn Trãi hiện rõ trong câu kết bài thơ:

Trực giá kình nghê khoá hải đông.

(Thẳng cưỡi kình nghê vượt biển Đông)".

Ông đã tuyệt đối đúng khi nói rằng cái tráng hoài của Nguyễn Trãi hiện rõ trong câu thơ trên đây. Chỉ tiếc có một điều là Nguyễn Trãi muốn "cưỡi thẳng kình nghê" mà ông chỉ cho phép ông ta "chạy với tốc độ trung bình" thì có sợ là sẽ làm giảm hứng thú của ông ta hay không? Kình nghê - ít ra cũng là với tính cách của một hình tượng thi ca - thì phải vùng vẫy, phải càn lướt trước sóng to gió lớn chứ đâu có chịu "tung tăng con cá vàng"! Đã đua xe F1 (Công thức 1) mà cứ nơm nớp lo sợ bị bắn tốc độ thì còn gì là đua!

Xin cảm ơn ông đã quan tâm đến *Chuyện Đông chuyện Tây* và kính chúc ông an khang.

1111. Kiến thức ngày nay, số 553

Hỏi: *Hai tiếng Bố Cái trong* Bố Cái Đại Vương *có phải là hai từ thuần Việt, có nghĩa là "cha mẹ" hay không? Theo ông thì nghĩa chính xác của hai tiếng đó là gì?*

Trả lời: Trên *Kiến thức ngày nay*, số 552, chúng tôi cũng đã bàn về hai tiếng *Bố Cái* theo các khía cạnh mà ông Đỗ Lai Vỵ (Nha Trang) và ông Phạm Minh Huy (Thành phố Hồ Chí Minh) đã hỏi. Bây giờ xin trả lời cho câu hỏi của ông.

Cho đến nay, trong tiếng Việt, *bố* vẫn có nghĩa là "cha", còn với nghĩa "mẹ" thì *cái* đã trở thành một từ cổ. Nhưng cả hai đều không phải là "thuần Việt" vì đó đều là những từ gốc Hán.

Về từ nguyên của *bố*, chúng tôi đã phân tích rõ trên *Kiến thức ngày nay*, số 170, ngày 10-4-1995. *Bố* là âm Hán Việt xưa của chữ 父 mà âm Hán Việt hiện nay là *phụ*, có nghĩa là cha. Đây cũng là một điều đã được Vương Lực khẳng định trong thiên "Hán Việt ngữ nghiên cứu", in lại trong tập *Hán ngữ sử luận văn tập* (Khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1958, tr. 290 - 406), phần 7 (Cổ Hán Việt ngữ cập Hán ngữ Việt hoá), mục A (Cổ thanh mẫu), tiểu mục Bính (Cổ trọng thần âm). Vương Lực chỉ giải thích mối quan hệ *bố ~ phụ* là do chữ 父 vốn thuộc thanh mẫu *tịnh (bịnh)* 並, nay đã nhập vào thanh mẫu *phụng* 奉 (Xin xem tr. 363). Còn chúng tôi thì muốn nêu thêm một cứ liệu văn tự học quan trọng và thú vị: chính chữ *phụ* 父 đã được dùng làm thanh phù cho chữ *bố* 布 như có thể thấy ở lối chữ triện. Vậy nếu được diễn đạt đầy đủ từ lối triện sang lối khải ngày nay thì chữ *bố* sẽ phải là 𠂤. Cứ liệu ngữ âm học lịch sử và cứ liệu văn tự học trên đây là những bằng chứng không thể nào phủ nhận được cho mối quan hệ *bố ~ phụ* theo nghĩa đang xét.

Còn *cái* thì sao? Chúng tôi cũng đã bàn về trường hợp này qua sự liên quan ngữ nghĩa giữa ba từ *cái* sau đây:

- *Cái 1*, danh từ cổ, có nghĩa là mẹ. Thí dụ: *Con dại cái mang. Nàng về nuôi cái cùng con.*

- *Cái 2*, tính từ, do danh từ *cái* trên đây chuyển loại và chuyển nghĩa mà thành, đối nghĩa với *đực* và đồng nghĩa với *mái*. Trường hợp này cũng giống với từ *mẫu* 母 là mẹ trong tiếng Hán mà *Từ hải* đã ghi nhận: "Cầm thú chi tẩn

giả diệc viết *mẫu*" (Con cái/mái của loài cầm thú cũng gọi là *mẫu*).

- *Cái 3*, tính từ, có nghĩa là to, lớn, chính (đối với bé, nhỏ, phụ) so với những vật cùng loại. Tính từ cái này cũng là do danh từ *cái* trên đây chuyển loại và chuyển nghĩa mà thành và sự chuyển biến này cũng giống như của danh từ *mẫu* 母 mà *Từ hải* ghi nhận như sau: "Vật hữu đại tiểu, khinh trọng giả, đại giả trọng giả vi *mẫu*, tiểu giả khinh giả vi *tử*" (Vật có cái lớn, cái nhỏ, cái nhẹ, cái nặng; cái lớn cái nặng là *mẫu*, cái nhỏ, cái nhẹ là *tử*).

Trở lên là đại khái những gì chúng tôi đã phân tích trên *Kiến thức ngày nay*, số 197, ngày 10-1-1996 về mối quan hệ ngữ nghĩa đã nói. Mối quan hệ này cũng đã được Nguyễn Tài Cẩn thừa nhận trong bài "Về cách đọc tước hiệu Bố Cái Đại Vương" (Xin xem *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tr. 44, 45). Nhưng đâu là từ nguyên của những từ *cái* này? Trong tiếng Hán, cái nghĩa "mẹ" của từ từng có lúc đọc theo âm Hán Việt là *cái* ngày nay không còn tìm thấy được nữa. Nhưng cái nghĩa "to, lớn" thì vẫn còn và đây là một trong những nghĩa của chữ *giới* 介, mà âm Hán Việt xưa là... *cái* (*cổ bái* thiết hoặc *cư bái* thiết). Tất cả những quyển từ điển quen thuộc như *Khang Hy, Từ nguyên, Từ hải*, v.v... đều có ghi nhận nghĩa này. Sự ghi nhận này cho phép ta suy ra rằng *cái* với nghĩa "*mẹ*" là một từ Việt gốc Hán mà người Việt đã mượn vào một thời rất xa xưa, nay đã không còn lưu

tích gì trong tiếng Hán (mà cũng chỉ còn trong tiếng Việt với tính cách là một từ cổ). Nhưng cái nghĩa phái sinh là "to, lớn" của nó thì vẫn còn đó, cả trong tiếng Hán lẫn tiếng Việt. Thật khó mà cho rằng đây chỉ là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, nhất là khi mà cả cái từ đồng nghĩa với nó là *cả* (trong *anh cả, kẻ cả,* v.v...) cũng là một từ Việt gốc Hán, bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 坚, mà âm chính thống cổ xưa là *cả (cổ nhã thiết)* nhưng một số từ điển gia Việt Nam thì lại đọc thành "hổ" (Đào Duy Anh, Thiều Chửu, Nguyễn Quốc Hùng, v.v...).

Tóm lại, tiếng Việt có một từ *bố* có nghĩa là "cha" và một từ *cái,* nay đã trở thành từ cổ, có nghĩa là "mẹ" nhưng đây là hai từ gốc Hán chứ không phải "thuần Việt".

Thư tịch xưa cho rằng hai từ này có mặt trong tôn hiệu *Bố Cái Đại Vương* (= Vua Lớn Cha Mẹ) và nhiều nhà nghiên cứu ngày nay cũng chấp nhận cách hiểu này, đặc biệt là Nguyễn Tài Cẩn (Xin xem bđd). Nhưng gần đây đã xuất hiện một cách hiểu khác cho rằng *Bố Cái* là "Vua Lớn" hoặc "Người đàn ông cao lớn" (nghĩa gốc) còn chúng tôi thì lại muốn mạn phép đưa ra cách hiểu cá nhân sau đây.

Theo chúng tôi thì *bố* ở đây chẳng qua là âm xưa của chữ *phú* 覆, có nghĩa là "che, trùm". *Phú cái* 覆蓋 là che đậy; từ nghĩa đen, ta có thể hiểu hai từ này theo nghĩa bóng là bảo vệ, che chở. *Phú Cái Đại Vương* là "Vị vua lớn che chở, bảo vệ cho thần dân của mình". *Bố Cái Đại Vương* là cách đọc theo truyền tụng, nghĩa là theo âm xưa, khi mà

chữ *phú* hãy còn đọc theo phụ âm đầu [b] và nguyên âm [o] thành *bố*. Đến khi khi các sử gia cần ghi lại chữ *bố* 覆 này thì nó đã được đọc thành *phú*. Người chép sử không nhận thức được hiện tượng ngữ âm học lịch sử này nên mới nghĩ rằng đây là chữ *bố* 布 bộ *cân* 巾 nên đã lấy chữ *bố* này mà thay cho chữ *bố* kia.

Sự thể là như thế chứ nếu sử gia chép đúng chữ thì ngày nay ta đã phải đọc tôn hiệu của Phùng Hưng là *Phú Cái Đại Vương* và đã có thể hiểu một cách rất tự nhiên rằng đó là "Vị vua lớn che chở, bảo vệ cho thần dân của mình". Không biết đúng sai thế nào, xin cứ mạo muội góp một cách hiểu để các bậc thức giả thẩm định.

1112. Kiến thức ngày nay, số 553

Hỏi: *Tôi xin góp ý kiến về danh từ* sous-culture *của tiếng Pháp trên* Kiến thức ngày nay, *số 543.*

Theo thiển ý, có một số danh từ tiếng Pháp mà thành tố thứ nhất là sous *không thể dịch sang tiếng Việt thành "phân" hoặc "phó" được, chẳng hạn:*

- sous-alimentation: *sự thiếu ăn (ăn uống dưới mức cần thiết);*

- sous-bois: *tầng dưới rừng;*

- sous-consommation: *sự kém tiêu thụ (tiêu thụ dưới mức);*

- sous-développement: *sự chậm/kém phát triển;*

- sous-équipement: *tình trạng trang bị thiếu;*

- sous-estimation: *sự đánh giá thấp;*

- sous-sol: *tầng hầm (tầng* dưới *mặt đất);* v.v...

Tóm lại, thay vì dịch sous-culture *thành "dưới văn hoá" (nửa Việt, nửa Hán Việt), tôi xin đề nghị dịch thành một cấu trúc toàn Hán Việt là* hạ văn hoá (*cũng cùng cấu trúc như* hạ tầng cơ sở, hạ sách, v.v...).

Trả lời: Ông hoàn toàn có lý khi viết rằng *sous* không thể dịch thành "phân" hoặc "phó" trong những thí dụ mà ông đã nêu (và hàng loạt thí dụ khác cùng loại) còn chúng tôi thì lại không "rào đón" cho chặt chẽ mặc dù không phải là chúng tôi không thấy được điều đó.

Dịch *sous-culture* thành "dưới văn hoá" là một việc làm không thoả đáng không phải vì đã sử dụng một cấu trúc "nửa Việt nửa Hán Việt" mà vì ta không thể dùng một ngữ giới từ để dịch một danh từ được.

Chúng tôi không dịch *sous-culture* thành "hạ văn hoá" vì *sous* ở đây không có nghĩa là "thấp" hoặc "ở dưới". Ở đây, *sous* dùng để chỉ một bộ phận phụ thuộc vào khái niệm do danh từ đứng sau *sous* biểu đạt: *sous-classe* (phân lớp) nằm trong *classe* (lớp); *sous-espèce* (phân loài) nằm trong *espèce* (loài); *sous-famille* (phân họ) nằm trong *famille* (họ); v.v... Cũng vậy, *sous-culture* (phân văn hoá) nằm trong *culture* (văn hoá) còn lời nói thêm "le plus souvent jugée inférieure"

(thường được đánh giá là thấp kém) hoặc "sometimes disapproving" (có khi là chê) chỉ là một ý phụ kèm theo chứ không phải vì *sous* ở đây là "dưới", là "thấp kém" nên từ điển mới ghi như thế.

Xin trân trọng cảm ơn ông vẫn tiếp tục quan tâm đến *Chuyện Đông chuyện Tây* và kính chúc ông an khang.

1113. Kiến thức ngày nay, số 553

Hỏi: *Không hiểu tại sao tên của kẹo cao su bạc hà COOL AIR, các buổi quảng cáo trên tivi đều đọc là CU NE mà không đọc là CU LE.*

Trả lời: Tiếng Việt không có phụ âm *-l* cuối âm tiết nên thường thay bằng *-n* khi phiên âm, thí dụ: *gamelle* → *gà mên* hoặc *cà mèn; pile* → pin; *tôle* → tôn; v.v...

Có lẽ do quán tính này nên người ta đã phát âm COOL AIR thành CU NE, ngay cả khi đọc tiếng Anh chăng?

1114. Kiến thức ngày nay, số 554

Hỏi: *"Tĩ dạ tứ thời ca", có phải là "những bài ca về bốn mùa* (tứ thời) *làm để hát lúc nửa đêm* (tí dạ)" *hay không? Hình như trong chùm thơ này có một bài về mùa xuân khá "sexy" vì có cả chuyện "tốc váy" nữa. Có phải vì làm để hát lúc nửa đêm nên mới có chuyện đó không?*

Trả lời: Thực ra bài đó chẳng có gì đáng gọi là *sexy* cả; chỉ có chuyện thơ mộng mà thôi. Nguyên văn như sau:

Xuân ca

Xuân lâm hoa đa my,
Xuân điểu ý đa ai.
Xuân phong phục đa tình,
Xuy ngã la thường khai.

Tạm dịch:

Rừng xuân hoa đẹp nhiều,
Chim xuân hót rất vui.
Gió xuân càng đa tình,
Thổi bung váy lụa em.

Xin chú ý: - *my:* tươi đẹp; *ai:* ở đây là vui tai, gợi cảm (chứ không phải là đau buồn).

Rõ ràng chẳng có gì *sexy*. Vả lại chuyện gió thổi bung váy lụa em là chuyện "trời cho" chứ có phải là cô gái muốn thế đâu! Khác hẳn với một vài nữ ca sĩ của ta ngày nay mặc áo xẻ đùi lên đến ngang... gò Vệ nữ hoặc cô người mẫu nọ để lộ chiếc quần lót đen nhỏ nhắn - đây là do đạo diễn? - khi trình diễn trước bàn dân thiên hạ, như có báo đã nêu mới đây.

Tí dạ ở đây không phải là một danh ngữ chỉ giờ giấc mà là tên người nên phải viết hoa thành *Tí Dạ* (dĩ nhiên là có thể do chào đời lúc nửa đêm nên mới được cha mẹ đặt tên như thế). Đây là một nhân danh đã được ghi nhận

hẳn hoi trong *Trung Quốc lịch đại nhân danh đại từ điển* do Trương Huy Chi, Thẩm Khởi Vĩ, Lưu Đức Trọng chủ biên (Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1999) và trong một số quyển từ điển thông dụng khác. Tí Dạ là một người con gái sống vào đời Đông Tấn (317 - 420), tương truyền là đã đặt ra *Tí Dạ ca* (những bài ca của Tí Dạ), đã thấy lưu hành trong khoảng niên hiệu Thái Nguyên (376 - 397) đời Hiếu Vũ Đế (373 - 397) nhà Đông Tấn.

Vậy *Tí Dạ tứ thời ca* chẳng qua là "Những bài ca về bốn mùa của Tí Dạ (đời Đông Tấn)" chứ chẳng phải là "Những bài ca làm để hát vào lúc nửa đêm" (nên mới có chuyện "tốc váy") như có người đã vô tình hay cố ý hiểu sai.

1115. Kiến thức ngày nay, số 554

Hỏi: *Có gì khác biệt giữa* Seap Games *và* Sea Games. *Tôi thấy các báo viết về sự kiện thể thao này giữa các nước Đông Nam Á từ 1969 đến 1972 thường viết* Seap Games; *các cuộc tranh tài về sau đó lại viết* Sea Games.

Trả lời: Trước nhất, xin lưu ý rằng cách viết chính xác là *SEAP Games* và *SEA Games* (thay vì "Seap" và "Sea").

SEAP Games là *Southeast Asian Peninsular Games,* nghĩa là *Đông Nam Á bán đảo Vận hội,* mà các thành viên sáng lập là Campuchia, Lào, Mã Lai (nay là Malaysia), Miến Điện (nay là Myanmar), Thái Lan và Việt Nam (miền Nam), sau đó thêm Singapore. Sở dĩ phải nói *Peninsular*

(= bán đảo, viết tắt bằng chữ P) là vì ngoài những nước đã kể, Đông Nam Á (Southeast Asia) bấy giờ còn gồm có Brunei, Indonesia và Philippines, là những quốc gia hải đảo chưa tham gia.

SEAP Games lần 1 tổ chức năm 1959 tại Bangkok, Thái Lan.

SEAP Games lần 2 tổ chức năm 1962 tại Rangoon, Miến Điện.

SEAP Games lần 3 tổ chức năm 1965 tại Kuala Lumpur, Malaysia.

SEAP Games lần 4 tổ chức năm 1967 tại Bangkok, Thái Lan.

SEAP Games lần 5 tổ chức năm 1969 tại Rangoon, Miến Điện.

SEAP Games lần 6 tổ chức năm 1971 tại Kuala Lumpur, Malaysia.

SEAP Games lần 7 tổ chức năm 1973 tại Singapore.

SEAP Games lần 8 tổ chức năm 1975 tại Bangkok, Thái Lan.

Tại kỳ SEAP Games lần 8, Indonesia và Philippines được kết nạp nên từ lần thứ 9 mới đổi tên mà gọi là SEA Games (Southeast Asian Games).

SEA Games lần thứ 9 tổ chức năm 1977 tại Kuala Lumpur, Malaysia.

SEA Games lần thứ 10 tổ chức năm 1979 tại Jakarta, Indonesia, có thêm Brunei tham gia.

SEA Games lần thứ 11 tổ chức năm 1981 tại Manila, Philippines.

SEA Games lần thứ 12 tổ chức năm 1983 tại Singapore.

SEA Games lần thứ 13 tổ chức năm 1985 tại Bangkok, Thái Lan.

SEA Games lần thứ 14 tổ chức năm 1987 tại Jakarta, Indonesia.

SEA Games lần thứ 15 tổ chức năm 1989 tại Kuala Lumpur, Malaysia với sự trở lại của Lào và Việt Nam (thống nhất) sau một thời gian gián đoạn.

SEA Games lần thứ 16 tổ chức năm 1991 tại Manila, Philippines.

SEA Games lần thứ 17 tổ chức năm 1993 tại Singapore.

SEA Games lần thứ 18 tổ chức năm 1995 tại Chiang Mai, Thái Lan.

SEA Games lần thứ 19 tổ chức năm 1997 tại Jakarta, Indonesia.

SEA Games lần thứ 20 tổ chức năm 1999 tại Bandar Seri Begawan, Brunei.

SEA Games lần thứ 21 tổ chức năm 2001 tại Kuala Lumpur, Malaysia.

SEA Games lần thứ 22 tổ chức năm 2003 tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, có thêm Đông Timor tham gia.

SEA Games lần thứ 23 tổ chức năm 2005 tại Manila và Bacolod, Philippines.

Như thế là tên SEAP Games được sử dụng từ 1959 đến 1975 (chứ không phải 1969 - 1972); lúc bấy giờ chỉ mới có 7 nước Đông Nam Á lục địa tham gia. Từ 1977 (lần thứ 9) mới gọi là SEA Games và mới gồm toàn bộ các nước Đông Nam Á, mà thành viên "trẻ" nhất là Đông Timor (2003).

1116. Kiến thức ngày nay, số 554

Hỏi: *Tại sao trên đường đi mà lại có ổ gà? Cách nói này xuất phát từ đâu?*

Trả lời: *Ổ gà* là một hình thức sao phỏng (calque) từ tiếng Pháp *nid-de-poule* mà ngôn ngữ này dùng để chỉ những chỗ trũng trên đường đi. Như ông đã biết, đường giao thông kiểu hiện đại, đặc biệt là có tráng nhựa, là do thực dân Pháp "khai mào" ở nước ta nên không có gì lạ nếu ta đã mượn cách nói này từ tiếng Pháp.

1117. Kiến thức ngày nay, số 554

Hỏi: *Hiện nay các phương tiện thông tin đại chúng thường dùng cụm từ "mô tô xe máy". Tôi tra* Từ điển tiếng Việt *do*

Hoàng Phê chủ biên thì không tìm thấy từ "mô tô". Vậy ông có thể cho biết nguồn gốc của từ này và nghĩa của nó. Theo ông, dùng cụm từ "mô tô xe máy" như vậy có thích hợp không?

Trả lời: Thực ra, ngay trong ấn bản lần thứ 2 năm 1992 (chúng tôi không có bản in lần đầu tiên) thì *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên cũng đã có ghi nhận từ mà ông đã nêu dưới hai dạng: *mô tô* và *môtô*. *Mô tô* được xếp ngay phía dưới *mô típ* ở trang 633 (ấn bản 2003 là trang 638) còn *môtô* thì được xếp ngay phía dưới *môtip* ở trang 639 (ấn bản 2003 là trang 643). Đây là một từ mượn của tiếng Pháp *motocyclette*, cũng nói tắt thành *moto* và có nghĩa là... "mô tô". Chúng tôi cho rằng nói *mô tô, xe máy* cũng được vì hai đằng khác nhau ở dung tích xi-lanh là trên 125 phân khối hay là từ 125 phân khối trở xuống.

Vả lại, nếu ta quan niệm *mô tô, xe máy* là một cấu trúc tự do (không cố định) thì đây sẽ là chuyện hoàn toàn bình thường.

1118. Kiến thức ngày nay, số 554

Hỏi: *Trong cuốn* Ngồi tù Khám Lớn *của ông Phan Văn Hùm (do Nxb. Văn hoá Thông tin in lại năm 2002), trang 28 có ghi:*

"Ban đầu tôi muốn nín.

Ó ré có hơi tức một chút".

Ở cuối trang, người biên tập có chú thích:

"Ó: *loại diều lớn con, rất hung ác.* Ré: *la lớn (la lớn như tiếng con diều hung ác) (BT)*".

Hai tiếng ó ré được hiểu và giảng như vậy có đúng không?

Trả lời: Chắc ông cũng sẵn sàng đồng ý với chúng tôi rằng đó là một cách hiểu ngộ nghĩnh. *Ó* ở đây thực ra là "lấy hơi trong cổ mà kêu dài", như Huỳnh-Tịnh Paulus Của đã giảng trong *Đại Nam quấc âm tự vị*. Từ điển gia của chúng ta còn cho thêm thí dụ:

"*Ó rân. Ó dậy:* Kêu lớn tiếng mà dài, reo lên om sòm, (giặc)".

Trong *Việt Nam tự điển*, quyển hạ, Lê Văn Đức còn nêu nhiều thí dụ hơn: *kêu ó, khóc ó, la ó, ó dậy, ó giặc, ó ré* (đây chính là chữ mà Phan Văn Hùm đã dùng), *ó vang*. Tác giả giảng:

"Ó: Om, vang tiếng la khóc vang dậy".

Đây mới đích thị là nghĩa của chữ *ó* trong *ó ré*.

1119. Kiến thức ngày nay, số 557

Hỏi: *Trong chương trình "Danh nhân đất Việt" phát trên VTV1 tối 27-12-2005 nói về Trần Nhật Duật, ông Lê Văn Lan đã nói một câu như sau:*

- Trần Nhật Duật bèn khỏi bệnh.

Tôi ngờ ngợ mà không rõ nó không ổn ở chỗ nào.

Trả lời: Câu này không ổn ở từ *bèn*, mà một số quyển từ điển giảng cũng chưa ổn. *Từ điển tiếng Việt*, do Văn Tân chủ biên, chẳng hạn, giảng *bèn* là "liền ngay thời gian sau". Quyển từ điển này đã không nêu được một đặc điểm quan trọng của động từ đi liền theo sau *bèn*: đây phải là một vị từ diễn đạt một hành động phụ thuộc vào sự quyết định của chủ thể. *Khỏi bệnh* là một ngữ vị từ thể hiện một sự diễn tiến hoàn toàn khách quan (không phụ thuộc vào sự quyết định của Trần Nhật Duật) nên ta không thể nói rằng vị danh nhân này "bèn khỏi bệnh".

Trong hai câu:

a. Anh ta bèn trượt chân mà ngã nhào xuống đất và

b. Anh ta bèn giả vờ trượt chân mà ngã nhào xuống đất,

chỉ có câu b mới đúng vì sự giả vờ phụ thuộc vào sự quyết định của anh ta chứ sự trượt chân (câu a) thì không.

Một số vị từ chỉ trạng thái cũng không thể đi sau *bèn*. Chẳng hạn, ta không thể nói: *bèn đau đớn; bèn sung sướng;* v.v...

1120. Kiến thức ngày nay, số 557

Hỏi: Tam dương khai thái: *tại sao ba con dê* (tam dương) *lại có thể mở ra vận hội hanh thông (khai thái)?*

Trả lời: *Dương* ở đây là một trong hai nguyên lý của trời đất, vũ trụ, đối với *âm*, chứ không phải là dê. Ba con

dê họp lại chỉ tạo thành sự hôi tanh mà thôi (ba chữ *dương* (= dê) làm thành chữ *chiên* (= hôi tanh). Câu *tam dương khai thái* lấy chữ trong *Kinh Dịch*. *Thái* là một quẻ kép (trùng quái) trong đó có ba hào dương *(tam dương)* và ứng với tháng Giêng là tháng đầu năm nên người ta mới nói *tam dương khai thái*. Chúng tôi đã có trình bày kỹ về câu này trên *Kiến thức ngày nay*, số 204, ngày 1-4-1996. Xin ông vui lòng xem lại số này.

1121. Kiến thức ngày nay, số 557

Hỏi: *Trên* Chuyện Đông chuyện Tây, *ông An Chi đã nhiều lần chứng minh và khẳng định rằng Olympia, nơi diễn ra các đại hội thể thao ở Hy Lạp thời cổ đại, là một vùng đồng bằng chứ không phải một đỉnh núi như VTV3 đã dùng để đặt tên cho một chương trình thi (Đường lên đỉnh Olympia). Nhưng khi tôi "lang thang" trên mạng* Webshots.com *thì bắt gặp một bức ảnh chụp cảnh núi non (Xin xem Ảnh 1 - BBT) với chú thích rõ ràng là "The Heart of the Olympics" (Trung tâm của các đại hội Olympic). Vậy đây chẳng phải là "đỉnh Olympia" của VTV3 hay sao?*

Trả lời: Hẳn là ông muốn đùa với chúng tôi (hay với VTV3?) cho vui lúc tất niên chứ chúng tôi đã "rà" lại trên *Webshots.com* thì thấy sự thật không đúng như lời của ông. Ông đã "giấu" mất danh ngữ *Hart Lake* nên *Hart Lake, the Heart of the Olympics* chỉ còn là "The Heart of the

Olympics". *Lake* là hồ và *Hart Lake* là hồ Hart. Bức ảnh ông gởi đến rõ ràng là một cảnh hồ và đó là hồ Hart. Huống chi, *Olympics* không chỉ là một cách nói gộp của *Olympic Games* (các cuộc thi Olympic) mà còn là một cách nói gộp của cả *Olympic Mountains* (vùng núi Olympic) ở phía Tây Bắc bang Washington của nước Mỹ, mà ngọn cao nhất là Olympus (2.428m). Vậy *Hart Lake, the Heart of the Olympics* là "hồ Hart, trung tâm của khối núi Olympic", nằm trong khu Công viên quốc gia Olympic (Olympic National Park), trên bán đảo Olympic (Olympic Peninsula) nên tất nhiên chẳng có liên quan gì đến các đại hội thể thao "Olympic" cả.

Bức ảnh mà ông gởi đến là tác phẩm của Don Paulson, một nhiếp ảnh gia chuyên chụp cảnh thiên nhiên (nature photographer), sống ở gần Seabeck (Washington), đã lặn lội để khám phá thiên nhiên bằng máy ảnh hơn 30 năm, đặc biệt là vùng Tây Bắc (North West) nước Mỹ. Ông đã đặt chân đến nhiều bang của nước Mỹ; riêng ở châu Âu, ông chỉ mới đến thăm miền Nam nước Pháp, chưa hề đặt chân đến Hy Lạp nên chẳng làm sao có được bức ảnh nào về Hy Lạp (Xin xem *http://www.donpaulson.com*, mục "List of Subject Areas" (Danh sách các vùng (đã đến để lấy) đề tài)). Mà dù cho Paulson có chụp được bao nhiêu cảnh của Hy Lạp thì *The Heart of the Olympics* ở đây vẫn chỉ là *"trung tâm của vùng núi Olympic"* chứ không phải là "trung tâm của các cuộc thi Olympic".

Vì là một thắng cảnh, lại nằm ở trung tâm của một công viên quốc gia nên Hart Lake được nhiều người biết đến và chụp ảnh. Do đó, ta không chỉ có ảnh "Hart Lake" của Don Paulson (Ảnh 1) mà còn có cả ảnh hồ này do những người khác chụp nữa, chẳng hạn của J. Fortner (Ảnh 2), của Halp 19 (Ảnh 3), v.v... Chẳng những thế mà Hart Lake còn là đề tài cho hội hoạ nữa, như có thể thấy trong bức sơn dầu *Hart Lake* của John Budicin (Ảnh 4).

Ảnh 1

Ảnh 2

Ảnh 3

Ảnh 4

Tóm lại, *the Heart of the Olympics* ở đây chẳng có liên quan gì đến địa lý của Hy Lạp và các cuộc thi điền kinh của nước này ở thời cổ đại cả. Chỉ khi nào tại vùng Olympia (của Hy Lạp) có xảy ra một cuộc vận động tạo sơn ngay trong kỷ địa chất mà ta đang sống thì may ra ở đó mới có núi mà thôi. Nhưng núi (hoặc những núi) này cũng sẽ chẳng có dây mơ rễ má gì với những cuộc thi Olympic của Hy Lạp thời xưa cả.

1122. Kiến thức ngày nay, số 557

Hỏi: *Sầm Tham đời Đường có làm bài "Sơn phòng xuân sự", thất ngôn tứ tuyệt. Có phải nhà thơ muốn vịnh cái sự gì đó, xảy ra ở một căn phòng trên núi hay không?*

Trả lời: Ở đây chỉ có sự tiêu điều và cô liêu mà thôi. Sau đây là nguyên văn chữ Hán và bản dịch của Tản Đà.

Sơn phòng xuân sự

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,
Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia.
Đình trụ bất tri nhân khứ tận,
Xuân lai hoàn phát cựu thì hoa.

Dịch nghĩa:

Trong vườn Lương, lúc chiều tà những con quạ bay hỗn loạn.

Trông hết cả tầm mắt cũng chỉ thấy hai, ba nhà tiêu điều.

Cây trong sân không biết rằng người ta đã đi hết.

Xuân về lại nở những bông hoa thời xưa.

Cảnh xuân nhà trên núi

Trời tối vườn Lương quạ lượn lờ,
Nhà đâu vút mắt, nóc lưa thưa.
Cây xuân chẳng biết người đi hết,
Xuân đến hoa còn nở giống xưa.

(*Thơ Đường*, Tản Đà dịch, Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, Nxb. Văn học, 2003, tr. 72 - 73).

1123. Kiến thức ngày nay, số 558

Hỏi: *Xin cho biết chữ* hồng *trong câu* Khai trương hồng phát *có nghĩa là gì. Một người bạn nói với tôi rằng* hồng *ở đây là đỏ. Người Trung Hoa rất thích màu đỏ vì nó tượng trưng cho sự may mắn. Điều này có đúng không?*

Trả lời: Đúng là đối với người Trung Hoa thì màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn, sự tốt đẹp. *Hồng nhật* là ngày hênh (Chúng tôi viết *hênh* với *-nh* cuối), ngày may mắn; *hồng loan* là ngôi sao may mắn; *hồng vận* là số đỏ; v.v... Nhưng trong *khai trương hồng phát* thì *hồng* lại không phải là đỏ, mà là to, lớn. *Hồng phát* là phát tài to, là đại phát tài. *Khai trương hồng phát* là lời chúc ra Giêng (sau Tết) mở cửa hàng để tiếp tục buôn bán, làm ăn thì được phát tài to.

1124. Kiến thức ngày nay, số 558

Hỏi: *Ở Chợ Lớn, một số cửa hàng bán liễn (trướng) treo Tết, có loại ghi lời chúc là* "Niên niên hữu dư" *mà thêu (hoặc dệt) toàn hình cá là cá. Xin cho biết tại sao.*

Trả lời: Đây là do tín ngưỡng dân gian của người Trung Hoa, như chúng tôi đã có nói đến mấy lần tại *Chuyện Đông chuyện Tây*. Người ta thường yêu thích, rồi đề cao và lấy làm biểu tượng cái hình của vật hoặc con vật mà tên gọi trùng (đồng âm) với tên gọi của những khái niệm tốt lành như *phước, lộc, thọ,* v.v... Con dơi là biểu tượng của *phước (phúc)* vì danh từ có nghĩa là "dơi" đọc theo âm Hán Việt là *phúc* (ta quen đọc thành "bức" trong "biển bức"), đồng âm với *phúc* trong *phúc đức, hạnh phúc,* v.v... Con nai là biểu tượng của *lộc* vì tên của nó đọc theo âm Hán Việt cũng là *lộc* (*lộc nhung* là nhung nai (hươu)) v.v...: và v.v... Chúng tôi lấy âm Hán Việt làm thí dụ để ông và bạn đọc dễ hình dung vấn đề nhưng xin nhấn mạnh rằng trong tiếng Hán thì các trường hợp trên cũng là đồng âm với nhau. Trường hợp hình cá thì hơi khác, vì sự ứng dụng ở đây chỉ đúng cho âm Bắc Kinh và âm của một vài phương ngữ khác của tiếng Hán chứ không đúng cho âm Hán Việt. *Dư* là có của ăn của để còn tên của loài cá đọc theo âm Hán Việt lại là *ngư* nên không đồng âm. Nhưng trong tiếng Bắc Kinh thì cả *dư* lẫn *ngư* đều phát âm thành *yú* còn trong tiếng Quảng

Đông, chẳng hạn, thì đều là *yụ* (chữ *u* ở đây đọc như *u* trong tiếng Pháp). Chính vì vậy nên người Trung Quốc mới lấy hình con cá làm biểu tượng cho sự dư dả.

1125. Kiến thức ngày nay, số 558

Hỏi: *Trong bài ghi chép nhan đề "Quý nhân Quy Nhơn", đăng trên* Văn nghệ, *số 2-2006, tác giả Xuân Ba đã viết:*

"Nhà thơ Thanh Thảo bây giờ thì quần cư hẳn ở đất Quảng Ngãi thì phải, nhưng có hơn mười năm, Thanh Thảo tá túc hành nghề ở đất Quy Nhơn".

Xin cho biết "quần cư" nghĩa là gì.

Trả lời: *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản 2003) giảng *quần cư* là "tụ họp ở một nơi để cùng sinh sống" và cho thí dụ: *Nhiều người chạy loạn đã đến quần cư ở đây. Từ điển tiếng Việt* của Nguyễn Kim Thản, Hồ Hải Thụy, Nguyễn Đức Dương (Nxb. Văn hoá Sài Gòn, 2005) cũng giảng là "cư trú tụ họp tại một nơi" và cho thí dụ: *Dân tản cư đã quần cư tại đây. Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức thì giảng *quần cư* là "lập xóm ở chen chúc với nhau". Nhưng đây là một cái nghĩa, cũng là một cách dùng, tương đối mới chứ cái nghĩa xưa hơn của *quần cư* thì đã được *Từ điển Việt Nam* của Ban tu thư Khai Trí giảng là "ở chung thành đoàn" còn *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân chủ biên (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967) giảng là "tụ họp thành bầy" với chú thích "cũ".

Nhưng dù có được dùng theo nghĩa cũ hay mới thì chủ thể liên quan đến vị từ *quần cư* cũng phải là *một tập thể, một số đông* chứ một mình nhà thơ Thanh Thảo thì không thể "quần cư" được.

1126. Kiến thức ngày nay, số 558

Hỏi: *1. Trong* Truyện Kiều, *đoạn Thúc Sinh ngắm Kiều tắm và làm thơ ngợi khen (câu 1311 - 1320), thi hào Nguyễn Du có viết:*

"... Rõ màu trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên.
Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.
Nàng rằng: "Vâng biết lòng chàng,
Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn lẽ cũng nối điều,
Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gởi áng mây Hàng,
Hoạ vần, xin hãy ***chịu*** *chàng hôm nay".*

2. Trong bài hát nói Làm câu đối Tết, *nhà thơ Tú Xương viết: "(...)* Đối rằng: Cực nhân gian chi phẩm giá: phong nguyệt tình hoài; Tối thế thượng chi phong lưu: giang hồ khí cốt.

Viết vào giấy, dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay?
Rằng: Hay thì thực là hay,
Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú tài!
Xưa nay em vẫn ***chịu*** ngài…".

Hai chữ chịu *đó có cùng một nghĩa hay có nghĩa khác nhau?*

* *Trong Tự điển* Việt Nam tân từ điển minh hoạ (Nhà sách Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1967) *Thanh Nghị giải thích (trang 337):*

Chịu *bt 1* (P.devoir de l'argent à quelqu'un; à crédit).

Mắc tiền của người chưa trả được// Mua chịu: acheter à crédit. Bán chịu: vendre à crédit.

2. (P.subir, endurer, supporter; consentir).

Nhận lấy: Phong trần chịu đã ê chề (Nguyễn Du).

3. (P.céder, se soumettre, se déclarer vaincu) Không thể làm được, thua: Chàng bảo chịu, thiếp rằng chửa chịu (H.X. Hương).

Xin hỏi ý kiến ông An Chi:

* *Chịu trong câu 1 là* xin khất lại, "nợ" *(mắc nợ) hay là thua, chịu thua? Chịu trong câu 2 là thua, chịu thua hay "phục lăn", "chịu phép"? Hoặc còn có nghĩa nào khác?*

Trả lời: Về chữ *chịu* trong trường hợp đầu (liên quan đến các câu 1317 - 1320), Hồ Đắc Hàm đã giảng như sau: "Có một ngày kia, Kiều tắm nước nóng ở trong buồng,

lộ thân thể ra, chàng Thúc trông thấy, chàng mới nhân đó vịnh một bài thơ. Nàng đọc thơ khen hay, mà lại nói vì nỗi nhớ nhà chưa có thể hoạ thơ được".

(Dẫn theo *Truyện Kiều tập chú* do Trần Văn Chánh, Trần Phước Thuận, Phạm Văn Hoà soạn, Nxb. Đà Nẵng, 1999, tr. 398).

Cứ theo cách diễn đạt thì Hồ Đắc Hàm hiểu *chịu* ở đây là hẹn, là khất đến một dịp khác. Chúng tôi cho rằng đây là một cách hiểu bình thường và chính xác. Trong *Từ điển Truyện Kiều* (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974), Đào Duy Anh cũng hiểu theo hướng đó nhưng lại giảng *chịu* là "mắc nợ". Bổ sung và sửa chữa để "nâng cấp" *Từ điển Truyện Kiều,* Phan Ngọc cũng "chịu" cách giảng *chịu* là "mắc nợ". Chúng tôi lạm phép cho rằng ở đây mà giảng là "**khất**", "**hẹn**" thì nhẹ nhàng và thích hợp hơn. *Mắc nợ* là một ngữ vị từ thiên về vật chất, tiền bạc; còn nếu là về mặt tinh thần thì phải là một món "nợ" rất lớn, rất "nặng kí", chẳng hạn như việc cứu vớt tính mạng chứ ở đây thì chỉ là việc hoạ thơ.

Chi tiết hơn *Việt Nam tân từ điển minh hoạ* của Thanh Nghị, *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản 2003) giảng từ *chịu* như sau:

"1. Nhận lấy điều không hay, bất lợi. *Chịu đòn. Chịu các khoản phí tổn* (...). 2. Tiếp nhận một tác động nào đó từ bên ngoài. *Chịu ảnh hưởng tốt của nhà trường. Chịu sự lãnh đạo* (...). 3. Thích ứng với điều không lợi cho mình.

Chịu lạnh (...) *Không chịu nổi quả đấm*. 4. Nhận mà nợ lại, chưa trả. *Còn chịu một số tiền* (...) *Chịu ơn*. 5. (kng) Thừa nhận cái hay, cái hơn của người khác; phục (...) *Chịu anh là người nhớ giỏi*. 6. (kng) Tự nhận bất lực, không làm nổi; hàng. *Khó quá, xin chịu!* 7. (thường dùng phụ trước đg.). Bằng lòng, đồng ý, tuy vốn không muốn, không thích (...) *Năn nỉ mãi mới chịu giúp*. 8. (dùng trước đg.) Cố gắng làm việc gì một cách tự nguyện. *Chịu học cái hay của người khác. Ít chịu suy nghĩ*".

Chúng tôi cho rằng nghĩa của từ *chịu* trong trường hợp sau (bài hát nói của Tú Xương) là một sự kết hợp giữa nghĩa 5 và nghĩa 6 đã cho trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên vì có hiểu như thế thì mới đúng với sự hóm hỉnh của bà Tú chăng?

1127. Kiến thức ngày nay, số 558

Hỏi: *Xin cho biết nguyên văn (âm Hán Việt cũng được) bài "Xuân giang" của Bạch Cư Dị và bản dịch của thi sĩ Tản Đà.*

Trả lời: Dưới đây là nguyên văn và bản dịch của Tản Đà đã được đăng trên báo *Ngày nay*, số 104, ngày 3-4-1938:

Xuân giang

Viêm lương hôn hiểu khổ suy thiên
Bất giác Trung châu dĩ nhị niên,
Bế các chỉ thinh triêu mộ cổ,

Thượng lâu không vọng vãng lai thuyền.
Oanh thanh dụ dẫn lai hoa hạ.
Thảo sắc câu lưu toạ thuỷ biên.
Duy hữu xuân giang khan vị yếm,
Oanh sa nhiễu thạch lục sàn viên.

Sông xuân

Lần thâu nóng lạnh hôm mai,
Trung châu nào biết đã hai năm tròn.
Sớm hôm bên gác trống dồn,
Trước lầu qua lại coi buồn thuyền xa.
Tiếng oanh rủ lại dưới hoa,
Cỏ non bến nước cho ta mải ngồi.
Sông xuân xem mãi chưa rồi,
Quẩn quanh sỏi đá cuốn trôi theo dòng.

(Theo *Thơ Đường*, Tản Đà dịch, Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, Nxb. Văn học, 2003, tr. 158).

1128. Kiến thức ngày nay, số 559

Hỏi: *Trong mục "Tin văn nghệ thế giới", một tờ báo ra ngày 8-2-2006 đã viết:*

"Luciano Pavarotti trình diễn tại Bồ Đào Nha vào ngày 21-4-2006 ở tuổi thất thập cổ lai hy. Ngôi sao người Ý với giọng soprano Carmela Remiglio sẽ cùng hát với Pavarotti ở

Lisbon bên bờ sông Atlantic Pavilion. Vé để thưởng thức sự kiện này sẽ bắt đầu bán vào ngày 17-2-2006 (AFP)".

Cứ theo lời văn trên đây thì Pavarotti sẽ hát ở ngoài trời, bên bờ sông và tên con sông là "Atlantic Pavilion". Xin cho biết có đúng như thế không.

Trả lời: Pavarotti sẽ không hát ở ngoài trời mà nước Bồ Đào Nha cũng chẳng có con sông nào tên là "Atlantic Pavilion" cả.

Chúng tôi đã kiểm chứng ở mẩu tin hữu quan của AFP ngày 6-2-2006 do *Yahoo! News* đăng lại thì thấy viết như sau:

"Italian opera star Luciano Pavarotti will perform in the Portuguese capital on April 21 as part of his ongoing farewell world tour, concert organizers said. The legendary 70-year-old tenor's tour includes 40 concerts and is to end later this year. Italian soprano Carmela Remiglio will sing with Pavarotti in Lisbon at the riverside Atlantic Pavilion (...)".

Nghĩa là:

"Ngôi sao opera người Ý Luciano Pavarotti sẽ trình diễn ở thủ đô Bồ Đào Nha ngày 21 tháng tư như một phần của tour từ giã vòng quanh thế giới đang diễn ra - các nhà tổ chức hoà nhạc đã nói: Tour của giọng tenor 70 tuổi huyền thoại gồm có 40 cuộc hoà nhạc và sẽ kết thúc vào cuối năm nay. Giọng soprano người Ý Carmela Remiglio sẽ hát với Pavarotti tại đại sảnh đường Atlantic ven sông (...)".

Vậy nơi mà Pavarotti sẽ trình diễn là một sảnh đường (pavilion); sảnh đường này toạ lạc ở ven sông (riverside) và có tên là *Atlantic* nên lời tường thuật của AFP mới gọi đó là "riverside Atlantic Pavilion". Atlantic Pavilion, tiếng Bồ Đào Nha là *Pavilhão Atlântico,* là công trình của kiến trúc sư Regino Cruz, hoàn tất vào năm 1998 để chào đón Cuộc triển lãm Hoàn vũ (Exposition Universelle), tổ chức tại Lisbon vào năm đó. Đại sảnh đường này nằm *bên bờ sông Tage,* con sông lớn nhất của Bồ Đào Nha, ở ngay vùng cửa sông nhìn ra Đại Tây Dương (Atlantic Ocean) nên mới được đặt tên là *Pavilhão Atlântico.* Đại sảnh đường này được trang bị cực kỳ hiện đại, nội thất có thể thay đổi để phục vụ cho nhu cầu của từng cuộc sinh hoạt, hội họp. Đây là nơi đã tổ chức Giải vô địch thế giới các môn thể thao trong nhà (World Indoor Championships) năm 2001 và từng là trung tâm báo chí của Euro 2004 khi Giải vô địch Bóng đá châu Âu diễn ra tại Bồ Đào Nha. Trong chuyến lưu diễn châu Âu năm 2004, Madonna cũng đã từng hát tại Atlantic Pavilion.

Tóm lại, *Atlantic Pavilion* không phải là một con sông. Đó là tên của một công trình kiến trúc đậm đà màu sắc vị lai chủ nghĩa toạ lạc bên bờ sông Tage, con sông lớn nhất của Bồ Đào Nha, chảy ra Đại Tây Dương. Nếu cần chuyển ngữ cái tên đó sang tiếng Việt thì có thể gọi đó là *Đại sảnh đường Đại Tây Dương.*

1129. Kiến thức ngày nay, số 559

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 551, ông có nói rằng Tổng thống Mỹ G.W. Bush cũng còn được gọi (đùa) là George "Dubya" Bush. Tôi lại mới nghe được một cái tên lạ hơn nữa:* Bushgollum. *Vậy Bushgollum là ai hay là gì?*

Trả lời: Cái tên *Bushgollum* dùng để chỉ tổng thống đời thứ 43 của nước Mỹ là kết quả của một sự liên tưởng, một sự so sánh dí dỏm và dĩ nhiên là rất… "chua". Đây vừa là một sự chơi chữ rất tế nhị, vừa là một sự "chơi hình" sinh động.

Cái sự "chơi" này bắt nguồn từ tính cách của ông Bush và tính cách của một nhân vật mà nhà làm phim Peter Jackson đã "nặn" ra trong bộ phim *The Lord of the Rings* (Chúa tể của những chiếc nhẫn). Xin mời ông và bạn đọc so sánh thì sẽ thấy.

Trong Ảnh 1 là Gollum của Peter Jackson còn trong Ảnh 2 thì là… Bushgollum mà ông đã nghe nói. Nói cho thật sự chính xác thì Peter Jackson chỉ có công - dù là công lớn - tạo cho ta một nhân vật Gollum cụ thể và sinh động, "bằng xương bằng thịt" trên màn ảnh chứ cái công đầu tiên thì lại thuộc về nhà văn người Anh sinh ở Nam Phi John Ronald Reuel Tolkien. Vâng, Jackson làm bộ phim *The Lord of the Rings* dựa theo bộ tiểu thuyết cùng tên của Tolkien. Tuy cũng có tứ chi (hai tay và hai chân) đàng hoàng nhưng với Tolkien thì Gollum có lúc giống một con nhện, có lúc

giống một con sâu ngọ nguậy, có lúc giống một con cào cào (ngoài Bắc gọi là châu chấu), có lúc giống một con ếch và có lúc thì lại giống như một con chó. Còn với nhà làm phim thì Gollum giống như... ta có thể thấy trong Ảnh 1, nhờ sự tưởng tượng thêm của chính Jackson cộng với kỹ xảo và kỹ thuật hiện đại để tạo ra một nhân vật ảo. Một lời nhận xét bằng tiếng Pháp trên mạng (không thấy ký tên) đã gọi Gollum của phim là một *personnage nauséabond* (nhân vật đáng kinh tởm (nghĩa gốc của *nauséabond* là gây nôn mửa)).

Ảnh 1

Ảnh 2

Bức ảnh "Bushgollum" xuất hiện lần đầu tiên có lẽ là trên *FreakingNews.com*. Vì tính chất quan trọng của nó, một thân hữu đã khuyên chúng tôi nên nêu rõ xuất xứ cho cẩn thận. Ta cứ vào *Yahoo!* hoặc *Google*, v.v..., gõ "Bushgollum" rồi cho tìm ảnh thì ngay trang đầu tiên ta sẽ thấy đến một chục rưỡi ảnh "Bushgollum" của nhiều web khác nhau... y chang như Ảnh 2 ở trên.

1130. Kiến thức ngày nay, số 560

Hỏi: *Từ ngày 30-12-2005, HTV7 bắt đầu phát sóng bộ phim truyền hình* Thương gia *của Hàn Quốc, dài 50 tập vào lúc 22g30 mỗi đêm. Tôi thấy mở đầu phim thường có hai chữ Hán, không biết đó có phải là hai chữ "thương gia" hay không. Nếu không thì đó là hai chữ gì và hai chữ này có liên quan gì đến nội dung của bộ phim?*

Trả lời: Đó là hai chữ *Thương đạo*, như có thể thấy trên hình bìa hộp DVD *(Ảnh 1)* hoặc trong tranh giới thiệu trò chơi trên mạng *(Ảnh 2)* mà chúng tôi sao lại để giới thiệu với ông và bạn đọc.

Ảnh 1: Sang Dao

Ảnh 2: Sangdo Game

Hai chữ *Thương đạo* đã được chính những nhà làm phim của hãng MBC phiên âm thành *Sang Do* và dịch sang tiếng Anh thành *Business Ethics,* có nghĩa là đạo đức trong buôn bán, kinh doanh. Cũng chính vì nghĩa của hai chữ đó là như thế nên ta thấy trong nhiều forum bằng tiếng Hán, *Thương đạo* đã được giảng là *thương nghiệp đạo đức* (mà theo cú pháp tiếng Việt thì sẽ là *"đạo đức thương nghiệp"*). Hai chữ này và cách hiểu này hoàn toàn phù hợp với chủ đề của bộ phim.

Để nêu bật chủ đề trên đây, các nhà làm phim đã xây dựng hai nhân vật mà cách hành xử trong kinh doanh hoàn toàn đối lập với nhau: Park Ju Myung, ông chủ của Song Bang và Hong Đức Chu, ông chủ của Mãn Thương. Park Ju Myung không từ một thủ đoạn nào để triệt hạ đối phương, kể cả việc liên kết với bọn cướp đường để phá hoại cơ sở sản xuất của người khác, như cho đốt phá cả trang trại trồng sâm mà ông chủ Mãn Thương đã phải gầy dựng trong bao nhiêu năm mới có được. Hắn ta cũng không ngần ngại đút lót cho tên quan tham ô những 5 vạn lạng bạc để mua quyền buôn bán nhân sâm (nhưng không thành). Còn ông chủ của Mãn Thương thì hoàn toàn ngược lại. Đây là một doanh nhân lương thiện, chánh trực, đã dạy cho nhân vật chính là Im Sang Ok một nguyên tắc kinh doanh mà Sang Ok đã ghi tâm khắc cốt:

"Buôn bán không phải cốt để lời tiền, mà để lời nhân tâm".

Chính vì vậy nên khi bị đối thủ triệt hẳn con đường buôn bán của mình đến phải "dẹp tiệm", ông chủ này đã không quên tạo điều kiện cho những người giúp việc của mình có thể tạm thời tìm kế sinh nhai: người nào cũng nhận được của ông một tấm ngân phiếu. Trong khi đó, ông đã căn dặn và khuyên răn cô con gái rượu của mình hãy cố gắng sống gian khổ. Ông đã lời được lòng người nên không ai bỏ ông. Ở đây, chúng tôi xin lưu ý bạn đọc về cách dịch đã được nghe lặp đi lặp lại nhiều lần trong các buổi phát hình trên HTV7:

"Buôn bán không phải để kiếm tiền, mà là để tìm người".

Cách dịch trên đây làm cho cái triết lý kinh doanh của ông chủ Mãn Thương trở nên mơ hồ. Ngành nào, nghề nào mà lại không cần tìm người (thích hợp cho ngành đó, nghề đó). Cái mà doanh nhân họ Hong nhấn mạnh không phải là yếu tố "con người", mà là *lòng người.* Và ông cũng nói rõ ràng là *"lời"*, chứ không phải "tìm" hay "kiếm". Vâng, triết lý kinh doanh của họ Hong là:

"Buôn bán không phải để lời tiền, mà là để lời lòng người".

Triết lý này đã được diễn đạt, nói cho đúng là đã được chuyển ngữ, sang tiếng Hoa thành:

"Sở vị đích tố sinh ý, bất thị trảm thủ kim tiền, nhi thị trảm thủ nhân tâm".

Như có thể thấy ở ba dòng chữ Hán, phía dưới và bên phải Ảnh 1.

Nó cũng được chuyển ngữ sang tiếng Anh thành:

"Doing business is not about profits or making money. It's about earning the hearts of people".

Rõ ràng vấn đề không phải là ở chỗ "tìm người", mà là ở chỗ *lời lòng người, trảm thủ nhân tâm, earning the hearts of people.*

Đại diện cho triết lý này, ta thấy còn có nhân vật Im Sang Ok, nhân vật chính, do Lee Jae-rong thủ vai *(Ảnh 3)* và một phần, cả ở nhân vật Park Da Nyung, do Kim Hyun-ju thủ vai *(Ảnh 4)*. Đây là những nhân vật của tương lai, nhất là Im Sang Ok, người sẽ đẩy cái triết lý của bậc tiền bối họ Hong đi đến mức tột cùng. Với cái triết

Ảnh 3

Ảnh 4

lý của họ Hong và cái chủ đề chung của 50 tập phim như thế, ta thấy hai chữ *"Thương đạo"* hoàn toàn thích hợp, ít nhất nó cũng sát hơn hai tiếng "Thương gia" và trước nhất, nó là chữ của nhà làm phim. Hai chữ *Thương đạo* còn có cái ưu thế là chữ *đạo* còn có thể được hiểu theo nghĩa gốc là "con đường". Đó là con đường gian khổ và dài dằng dặc mà Sang Ok đã cùng cha vượt qua để đi đến Yên Kinh mà buôn bán (*Thương đạo* = con đường buôn bán) rồi còn là quãng đường đời mà Sang Ok phải một mình vượt tiếp để có thể trở thành một thương gia thực thụ đầy bản lĩnh.

1131. Kiến thức ngày nay, số 560

Hỏi: *Trong bài "Đoàn tụ"* (Tuổi trẻ, *8-2-2006*), *tác giả Thanh Trúc có viết một đoạn:*

"Sarah gần như tuyệt vọng vì không có một manh mối nào khác để tìm kiếm gia đình bố mình. Nhưng nhờ sự giúp đỡ của vị hôn phu, *anh Johan Oeyen, cô lại tiếp tục tìm kiếm trên những trang web quân sự và hỏi han rất nhiều người. Hy vọng tìm lại được nguồn gốc người bố ngày một lớn hơn đối với Sarah khi những thông tin họ tìm được về người mang họ Alameda đều trùng hợp với người bố mà lâu nay cô chỉ gặp trong giấc mơ. Sarah và* hôn phu *của mình vội liên lạc với gia đình Alameda (...)".*

Xin cho biết nếu vị hôn phu *là "chồng chưa cưới" thì* hôn phu *có phải là "chồng (đã cưới)" không. Vị ở đây có phải cũng là một với* vị *trong* vị giáo sư, vị bác sĩ, *v.v... không? Johan Oeyen là chồng chưa cưới* (vị hôn phu) *hay đã cưới* (hôn phu) *của Sarah?*

Trả lời: Thực ra thì liên quan đến hai chữ *"vị"* này, chúng tôi đã có trả lời kỹ trên *Kiến thức ngày nay,* số 380, ngày 1-3-2001.

Vị trong *vị giáo sư, vị bác sĩ,* v.v... là danh từ đơn vị, có nghĩa là "người" nên, nói chung, có thể chuyển đổi với một số danh từ đơn vị tương đương như: *gã, người, tên, viên,* v.v... Vì vậy nên ta mới có thể nói *tay giáo sư, gã bác sĩ,* v.v... Còn *vị* trong *vị hôn phu* thì lại có nghĩa là "chưa" (*vị hôn phu* = chồng chưa cưới). Vì không phải là danh từ đơn vị nên nó không thể chuyển đổi với các danh từ đơn vị chỉ người. Xin mời cô và bạn đọc vui lòng xem lại *Kiến thức ngày nay,* số 380 thì sẽ rõ hơn.

Vậy *vị hôn phu* là chồng chưa cưới nhưng trong tiếng Việt chuẩn và có tính toàn dân hiện nay thì không ai dùng "hôn phu" để chỉ chồng. Đây không phải là một đơn vị của từ vựng tiếng Việt hiện đại. Còn về nhân vật Johan Oeyen thì chúng tôi đã kiểm chứng ở *Star Bulletin* ngày 16-1-2006. Oeyen vẫn chỉ là *chồng chưa cưới* của Michel, như đã được khẳng định trong lời chú cho bức ảnh sau đây:

Cô Sarah

"Sarah Michel, her uncle Gordon Alameda and Michel's fiancé, Johan Oeyen, talked yesterday during a Makapuu beach party".

Nghĩa là: "Sarah Michel, người bác (hay chú?) Gordon Alameda và Johan Oeyen, vị hôn phu của Michel, trò chuyện với nhau ngày hôm qua (15-1-2006, chứ không phải "16" như tác giả bài báo đã ghi - AC) trong một buổi tiệc ở bãi biển Makapuu".

1132. Kiến thức ngày nay, số 561

Hỏi: *Trên một tờ báo ra ngày 18-2-2006, tác giả Anh Sáu có nhận xét như sau:*

"Bài của Phong Uyên ("Dịch là cái hoạ") *trích câu "Traduire, c'est trahir", có ý cho rằng xuất xứ câu "Dịch là*

phản" là của Pháp. Theo Gregory Rabassa (tác giả cuốn If This Be Treason, *Nxb. New Directions, 2005) thì nguyên thuỷ câu này là ngạn ngữ của Italia "Traduttore, traditore". Thiết tưởng cũng nên "trả lại cho Caesar những gì của Caesar"!*

Rồi cũng trên tờ báo đó, số ra ngày 25-2-2006, trong bài "Dịch thuật: đôi điều cần đào sâu", *có lẽ do tiếp nhận ý kiến của Anh Sáu, tác giả Nguyễn Đình Thành đã viết và chú trong ngoặc đơn như sau:*

"(...) Bài học đầu tiên của người học dịch là câu cảnh báo "traduire, c'est trahir" (traduttore, traditore), dịch là phản".

Cứ như trên thì ta sẽ có đẳng thức:

Traduttore, traditore *(Italia)* = Traduire, c'est trahir *(Pháp).*

Xin cho biết có đúng như thế không.

Trả lời: Trên *Chuyện Đông chuyện Tây* cách đây đã lâu, chúng tôi đã có nêu câu *"Traduttore, traditore"* của Ý và đã dịch thành *"Người dịch là người phản"*. Vì nghĩa của câu tiếng Ý là như thế cho nên: Traduttore, traditore = Traduire, c'est trahir - chỉ là một đẳng thức khập khiễng mà thôi. Một đẳng, trong tiếng Ý, *traduttore* và *traditore* là hai danh từ; còn đẳng kia, trong tiếng Pháp thì *traduire* và *trahir* lại là hai động từ. Vậy làm sao ta có thể lấy động từ để dịch danh từ mà đặt dấu "bằng" (=) giữa hai vế cho được? Nếu vẫn muốn xài dấu "bằng" trong trường hợp này thì ta phải đổi cái đẳng thức khập khiễng trên đây thành: *Traduttore,*

traditore = *traducteur, traître* (người dịch là người phản), trong đó cả *traduttore, traditore* của tiếng Ý lẫn *traducteur, traître* của tiếng Pháp đều là danh từ, như, thực ra, cũng đã thấy dịch từ lâu tại những trang hồng (pages roses) của từ điển Larousse. Còn nếu muốn tìm cái tương ứng trong tiếng Ý của *traduire* thì đó sẽ là *tradurre* và của *trahir* thì đó sẽ là *tradire*. Vâng, trong tiếng Ý thì *tradurre* mới là "dịch" và *tradire* mới là "phản".

Vậy ta cũng nên nghe theo lời khuyến cáo của Anh Sáu mà "trả cho Caesar những gì của Caesar". Vâng, ta hãy trả lại cho *traduttore* và *traditore* cái từ loại danh từ của nó và tránh dịch hai danh từ này bằng hai động từ *traduire* (cho từ trước) và *trahir* (cho từ sau).

1133. Kiến thức ngày nay, số 561

Hỏi: *Có tác giả viết sách về địa danh, cho rằng* toponymie *là danh từ xuất phát từ tiếng Hy Lạp cổ, có nghĩa là "tên gọi các địa phương", hay là "tên gọi địa lý". Lại có tác giả khác không đồng tình, cho rằng* toponymie *không phải là tiếng Hy Lạp cổ mà là tiếng Pháp hiện đại, có nghĩa là địa danh học.* Toponymie *bắt nguồn từ hai từ Hy Lạp* topos *là "nơi chốn" và* onoma *là "tên gọi".*

Xin cho biết ai đúng, ai sai.

Trả lời: Tác giả trước đã nhầm *toponymie* (địa danh học) với *toponyme. Toponyme* mới là tên đất, là địa danh.

Nhưng tác giả này đâu có nói rằng *toponymie* là tiếng Hy Lạp cổ, mà chỉ nói rằng nó *"xuất phát từ* tiếng Hy Lạp cổ". Thì cũng giống như tác giả sau nói nó *"bắt nguồn từ* (...)" mà thôi. Nhưng nói *toponymie* "bắt nguồn từ hai từ Hy Lạp *topos* và *onoma*" thì cũng không đúng vì thực ra thì *toponymie* lại bắt nguồn từ *toponyme*. Vâng, *toponymie* là một danh từ phái sinh từ *toponyme* bằng hậu tố *-ie*, y hệt như *antonymie* (tính phản nghĩa) từ *antonyme* (từ phản nghĩa), *homonymie* (tính đồng âm) từ *homonyme* (từ đồng âm), *synonymie* (tính đồng nghĩa) từ *synonyme* (từ đồng nghĩa), v.v...

Chỉ có *toponyme* mới bắt nguồn (hoặc xuất phát) từ *topos* và *onoma*. Nói cho hoàn toàn chính xác, chỉ có *toponyme* mới gồm có hai hình vị bắt nguồn từ hai danh từ *topos* và *onoma* của tiếng Hy Lạp cổ mà thôi. Dĩ nhiên là tác giả sau có thể biện bạch rằng mình đã căn cứ vào từ điển, mà lại là từ điển của Pháp hẳn hoi. Chẳng hạn *Le Petit Larousse Illustré 2002* đã ghi chú như sau:

"*Toponymie*.n.f. (*gr.topos*, lieu, et *onuma*, (sic), nom)", nghĩa là: "*Toponymie*, danh từ giống cái (do Hy Lạp *topos*, nơi chốn, và *onuma* (sic), tên gọi).

Nhưng, như đã phân tích, ghi chú như thế thì sai, mà lại sai đến hai chỗ. Thứ nhất là *onoma* không đưa đến *-onymie*, mà đưa đến *-onyme* và thứ hai là đã nhầm *onoma* thành "onuma". Chính quyển từ điển này đã hoàn toàn đúng khi

gắn *-onyme* với *onoma* như đã ghi chú ở các mục: *antonyme, homonyme, paronyme, synonyme.*

Tóm lại, *toponymie* là một danh từ của tiếng Pháp hiện đại, có nghĩa là địa danh học. Đây là một từ phái sinh *(dérivé)* bằng hậu tố *-ie* từ danh từ *toponyme*, có nghĩa là địa danh. *Toponyme* gồm hai hình vị căn tố (*top (o)* và *onyme*) bắt nguồn từ hai danh từ Hy Lạp cổ là *topos* (có nghĩa là nơi chốn) và *onoma* (có nghĩa là tên).

1134. Kiến thức ngày nay, số 561

Hỏi: *1. Tạp chí* Thế giới *số Tết Bính Tuất có bài giải thích về hai từ* chó *và* má. *Theo tác giả Ba Duy (Thành phố Hồ Chí Minh),* má *cũng là* chó; *phân biệt là ở chỗ:* chó *thì không ăn thịt chó, còn* má *thì ăn cả thịt, cả xương chó nếu ta vứt cho nó. Tôi đã tra cứu:*

- Từ điển Khai trí tiến đức,

- Tự điển Việt Hoa Pháp của G.Hue,

- Đại từ điển tiếng Việt (Nxb. Văn hoá - Thông tin, 1999),

- Từ điển phương ngữ tiếng Việt (Đặng Thanh Hoa),

- Từ điển phương ngữ Nam Bộ (Nguyễn Văn Ái chủ biên),

- Từ điển từ cổ của Vương Lộc, v.v...

thì không thấy sách nào nói có con má *(một loại chó ăn thịt chó) cả mà đó chỉ là một hậu tố (suffixe). Ví dụ:* chó má, lúa

má, giống má, thuế má, giấy má, *v.v... Ngoài ra,* má *còn là mẹ trong phương ngữ Nam Bộ:*

Má ơi đừng đánh con đau,
Để con hát bội làm đào má coi.
(Ca dao)

hoặc còn là mạ trong tiếng Trung Bộ:

Em về đếm má trữa nương,
Thì anh đây đếm được mấy xương con cá kình.
(Hát phường vải Nghệ Tĩnh)

Thế thôi! Không thấy có con "má" kia.

2. Cuốn Dân tộc qua các câu ví, tục ngữ, phương ngôn, phong dao, ca vè... *của Nguyễn Đình Thông có ghi câu:*

Bụt Nam Sang lại từ xôi chiêm.

Nhưng Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam *của Nguyễn Lân thì lại ghi:*

Bụt Nam Sang lại từ oản chiêm.

và giải thích: "Vùng Nam Sang ở Nam Định là vùng chiêm trũng. Phê phán người khó tính coi thường những thứ mình sẵn có mà đòi hưởng những thứ cao xa.

Còn Thành ngữ tiếng Việt *(Nxb. Khoa học xã hội, 1978) thì lại ghi:*

Bụt lại từ oản chiêm.

và giải thích: "Từ chối cái vẫn rất ưa thích, từ chối một cách không bình thường".

Xin nhờ ông An Chi cho biết ý kiến.

Trả lời: 1. Có thể cách hiểu của Ba Duy là một cách hiểu có phần "tài tử". Dù sao, cách hiểu này cũng có một ưu điểm quan trọng: nó cho rằng *má* trong *chó má* là một từ, dĩ nhiên là có nghĩa, chứ không phải là một yếu tố vô nghĩa.

Má ở đây không phải là một hậu tố trong *chó má, lúa má, giống má, giấy má, thuế má,* cũng không phải là tiếng đệm. Trong những trường hợp này và những trường hợp khác tương tự, mỗi tiếng đều là một từ vốn có nghĩa.

Có ý kiến cho rằng *má* trong *chó má* là một từ của các ngôn ngữ Tày - Thái mà chúng tôi thì lại tin ở điều này vì chính chúng tôi cũng chủ trương rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ Tày - Thái. Trong các ngôn ngữ Tày - Thái thì *má* vẫn còn có nghĩa là chó nhưng trong tiếng Việt hiện đại thì nó đã trở thành một từ cổ (nên không còn được dùng và vì thế nên mới bị mất nghĩa).

2. Trước nhất, xin nói rằng địa danh hữu quan là *Nam Xang* chứ không phải "Nam Sang" vì cách ghi âm bằng chữ Hán của nó là 南昌, mà âm Hán Việt hiện đại là *Nam Xương. Xang* chẳng qua là biến thể ngữ âm của *Xương.*

Chúng tôi cho rằng *Bụt Nam Xang lại từ oản chiêm* mới là câu gốc; *Bụt Nam Xang lại từ xôi chiêm* là một dị bản. *Oản* mà đi với *Bụt* thì mới đẹp đôi về mặt từ ngữ chứ *xôi*

thì đã hơi lạc lõng. Còn "Bụt lại từ xôi chiêm" thì chỉ là kết quả của một sự cắt xén tuỳ tiện mà thôi.

Câu này có ý chê những kẻ không biết chấp nhận hoàn cảnh cụ thể của mình mà lại đòi hỏi những gì hoàn cảnh đó không cho phép mình có.

1135. Kiến thức ngày nay, số 562

Hỏi: *Trên* Ngôn ngữ & Đời sống, *số 70, tác giả Nguyễn Khắc Bảo có bài* "Châu dệt *trong một câu Kiều". Bài này có nhiều chỗ sai mà ông An Chi đã phân tích trên* Kiến thức ngày nay, *số 400 và 401. Sau đó, ông Nguyễn Khắc Bảo lại có bài trả lời nhan đề "Lại bàn về* châu dệt *trong một câu Kiều", đăng trên* Ngôn ngữ & Đời sống, *số 77. Bài này đã được ông An Chi trả lời trên* Ngôn ngữ & Đời sống, *số 82, để chỉ ra tiếp những chỗ sai trong bài trả lời của ông Nguyễn Khắc Bảo. Tôi tán thành những lời phân tích của An Chi nhưng lại thấy có một điểm rất quan trọng do ông Nguyễn Khắc Bảo nêu lên mà ông An Chi lại lờ đi.*

Số là ông Nguyễn Khắc Bảo khẳng định rằng "ông An Chi đã không đọc kỹ cuốn sách Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt *của học giả Nguyễn Tài Cẩn nên đã vô tình trích dẫn thiếu một ý quan trọng" vì chỉ trích dẫn có phần sau. Vì vậy nên ông Nguyễn Khắc Bảo mới dẫn lại phần đó để phân tích rồi khẳng định:*

"Vậy việc ông An Chi chỉ trích dẫn đoạn sau lời của học giả Nguyễn Tài Cẩn thì có khác chi chỉ dẫn độc giả quan sát cái đuôi con voi rồi lấy đó để nói rằng bức vẽ con voi là sai".

Rồi ông Nguyễn Khắc Bảo thách thức:

"Ông An Chi quy cho tôi nhiều điều "ông Nguyễn ngỡ là" *thế này thế nọ, nhưng rốt cuộc cũng không dám hạ bệ toàn bộ bài viết ngắn của tôi (...)".*

Tôi xin hỏi: "Có phải ông An Chi cam chịu sờ cái đuôi voi mà không dám hạ bệ toàn bộ bài viết của ông Nguyễn Khắc Bảo hay không?".

Trả lời: Những điểm chủ yếu và trực tiếp liên quan đến chữ nghĩa thì chúng tôi đã nói hết trên *Kiến thức ngày nay*, số 400 và số 401, rồi *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 82 còn những điều ông hỏi lần này lại là những cái thứ yếu mà thực lòng chúng tôi cũng có ý định trả lời nhưng chưa có dịp. Nay ông đã hỏi, mà lại hỏi một cách rất thẳng thắn thì chúng tôi cũng xin thưa như sau:

Người ta chỉ nên tranh luận với nhau một cách thẳng thắn, thậm chí có khi gay gắt nữa, để tiếp cận với chân lý chứ người làm học thuật chân chính ai lại chờ chực cơ hội để hạ bệ người khác bao giờ. Nhưng vì, trên *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 77, ông Nguyễn Khắc Bảo đã thách chúng tôi "hạ bệ" ông ấy nên chúng tôi mới mạo muội có bài trả lời trên *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 82. Không biết như thế đã có thể coi là đạt yêu cầu của ông Nguyễn Khắc Bảo

được chưa vì sau đó chúng tôi không thấy ông Nguyễn có ý kiến gì tiếp.

Còn "cái đuôi con voi" của ông Nguyễn Khắc Bảo thì lại là một ẩn dụ tuy đầy ý vị châm biếm nhưng lại chẳng may mắn tí nào! Ông có ý nói rằng chúng tôi là một anh xẩm sờ voi nhưng rủi thay, cái ẩn dụ đó chỉ thích hợp với việc lấy cách phiên âm tiếng phổ thông (Bắc Kinh) trong *Vương Vân Ngũ đại từ điển* và tiếng Quảng Đông trong *Quảng Châu âm tự điển* làm âm Hán Việt mà thôi. Huống chi, ví phần cuối của một thiên khảo luận hoặc một đề mục lớn với cái đuôi của một con vật chỉ là một sự so sánh khập khiễng vì phần cuối thường là phần thâu tóm những ý chính, phần *toát yếu* nên rất quan trọng chứ đâu có phải là thứ... đầu thừa đuôi thẹo!

Trở lại với chữ thứ tư của câu 1316, xin nói rằng các bản Tiểu Tô Lâm 1870, Duy Minh Thị 1872, Trương Vĩnh Ký 1875, Abel des Michels 1884 và Kiều Oánh Mậu 1902 đều chép là *ngọc* 玉 (nên cả câu là *Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu*). Nhưng chữ thứ tư của câu 1384, mà nhiều bản chép là *ngọc* 玉, thì ba bản Tiểu Tô Lâm 1870, Duy Minh Thị 1872 và Abel des Michels 1884 lại chép thành *nguyệt* 月 (nên cả câu là *Càng sôi vẻ nguyệt, càng lồng màu sen*). Ta đặc biệt chú ý đến bản Tiểu Tô Lâm (trước đây thường gọi là Lâm Noạ Phu, còn tên thật là Nguyễn Hữu Lập), là một bản chép tay rất đẹp mà người chép cũng phải là một người có học vấn cao. Vậy việc Nguyễn Hữu Lập chép chữ

thứ tư của câu 1316 thành *ngọc* 玉 là một việc mà ta phải xem trọng và cân nhắc cẩn thận, chứ không thể phủ nhận một cách quá dễ dãi như ông Nguyễn Khắc Bảo đã làm để lăng xê cái danh ngữ "châu dệt" vô nghĩa, như chúng tôi đã chỉ ra trên *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 82.

1136. Kiến thức ngày nay, số 562

Hỏi: Chuyện Đông chuyện Tây *có nhắc đến bản nhạc* Auld lang syne *mà cái tên quen thuộc với nhiều người Việt Nam trước đây là* Au revoir, scout. *Xin ông An Chi cho biết thêm đôi điều về bài hát này (tác giả, thời điểm xuất hiện, v.v...).*

Trả lời: *Auld lang syne* là một bài hát ra đời cách đây hơn 200 năm (1788), do công của Robbie Burns (1759 - 1796), một nhà thơ lớn của Scotland. Burns đã chỉnh lý nó trên cơ sở một giai điệu dân gian mà ông đã nghe một người hành khất già hát trên đường phố. Còn ngày nay thì nó đã trở thành một bài hát truyền thống để tiễn đưa năm cũ và đón chào năm mới ở các nước nói tiếng Anh. Nó trở thành bài hát từ biệt của hướng đạo sinh ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và ở Pháp. Đặc biệt ở Triều Tiên, giai điệu của nó là nền của bài hát được xem gần như quốc ca trước khi bài *Ái quốc ca (Aegukga)* ra đời năm 1948. Ở Đài Loan, nó thường được dùng trong tang lễ. Đặc biệt là ở Canada, hồi tháng 10 năm 2000, nó đã được cử lên khi người ta đem thi hài của Thủ tướng Pierre Trudeau rời khỏi Đồi Quốc hội

(Parliament Hill) ở Ottawa để đưa đi an táng ở Montréal. *L'Encyclopédie canadienne (Bách khoa toàn thư Canada)* đánh giá bài *Auld lang syne* là "La plus douce des musiques de ce côté-ci du paradis" (Bản nhạc êm dịu nhất trong các bản nhạc ở phía bên này của thiên đường). Và còn nói rõ thêm: "Elle évoque un parfum du passé, le souvenir des vieilles amitiés qui ne meurent jamais, les vieilles amours qui restent jeunes et les couleurs chatoyantes des rêves de jeunesse". (Nó gợi lại hương vị của quá khứ, kỷ niệm về những tình bạn cũ không bao giờ chết, những mối tình xưa còn trẻ mãi và những sắc màu rực rỡ của những ước mơ thuở thanh xuân".

Ở Việt Nam, *Auld lang syne* được biết đến với cái tên "bình dân" là *Au revoir, scout,* hẳn là do phong trào hướng đạo sinh từ Pháp đưa sang. Nói đến bài hát này trong lòng của phong trào hướng đạo sinh thì ta không thể không nhắc đến linh mục Jacques Sevin (1882 - 1951). Ông chẳng những là người sáng lập phong trào hướng đạo sinh Công giáo ở Pháp mà còn là người đã đặt lời cho bài *Auld lang syne* bằng tiếng Pháp, dưới nhan đề *Ce n'est qu'un au revoir* (Chỉ là tạm biệt), cũng còn được gọi là *Chanson des adieux* (Bài ca từ biệt) mà sau đây là điệp khúc:

Ce n'est qu'un au revoir, mes frères,
Ce n'est qu'un au revoir!
Oui, nous nous reverrons, mes frères,
Ce n'est qu'un au revoir!

Nghĩa là:

Chỉ là tạm biệt, các huynh đệ,
Chỉ là tạm biệt!
Phải, ta sẽ gặp lại nhau, các huynh đệ,
Chỉ là tạm biệt.

Đây là một bài hát rất quen thuộc với công chúng Việt Nam mà bằng chứng sinh động là lời của nó đã được trẻ con đặt ra một cách "trật vuột" và buồn cười để hát với nhau như ta vẫn thường được nghe:

Ò e, Tarzan đánh đu,
Thằng Tây nhảy dù,
Zorro bắn súng...

Dĩ nhiên là những lời hát trên đây chẳng đáng được ghi chép vào sử sách. Chúng tôi nhắc đến nó chỉ để chứng minh rằng *Auld lang syne* là một bài hát thực sự phổ biến ở Việt Nam, ít ra cũng là ở miền Nam.

1137. Kiến thức ngày nay, số 562

Hỏi: *Trong phim* Thương gia, *khi sang đến Yên Kinh, nhờ chép tặng cho một nhà buôn cự phú người Hán một bài thơ của Ngô Uy Nghiệp mà Im Sang Ok đã chiếm được cảm tình của người này. Xin vui lòng cho biết Ngô Uy Nghiệp là ai.*

Trả lời: Trước nhất, xin thưa rằng nhà thơ này là Ngô Vĩ Nghiệp 吳偉業 (1609 - 1671), chứ không phải "Ngô Uy

Nghiệp". Ngô Vĩ Nghiệp tự là Tuấn Công, hiệu là Mai Thôn, đỗ tiến sĩ năm Sùng Trinh thứ 4 (1631) đời nhà Minh, rồi làm Tư nghiệp Quốc tử giám. Khi nhà Minh mất về tay nhà Thanh, do hoàn cảnh cá nhân, Ngô Vĩ Nghiệp đã ra làm quan cho nhà Thanh, đảm nhiệm chức Tế tửu Quốc tử giám nhưng chẳng bao lâu thì cáo lui. Ông là một nhà thơ nổi tiếng đời nhà Minh, rồi nhà Thanh. Tác phẩm hiện còn *Mai Thôn gia tàng cảo* 梅村家藏稿.

1138. Kiến thức ngày nay, số 563

Hỏi: *Nếu tôi hiểu đúng ý hai ông Trần Mạnh Phát (TMP) và An Chi (AC) trên* Kiến thức ngày nay, *số 550 (tr. 50 - 51) thì những điểm không ổn trong bài* Con cái, cái con, con và cái *của tôi* (Ngôn ngữ, *số 10 (197), 2005) có thể kê ra như sau:*

1. TMP có cảm giác rằng việc Nguyễn Phú Phong (NPP) đã gắn chữ cái *trong cặp đối lập* cái/nước *với chữ cái trong* con cái *mà tác giả cho là* những từ đa nghĩa *là không ổn.*

2. AC khẳng định là cái trong cặp cái/nước *là "một từ hoàn toàn riêng biệt chẳng có liên quan gì đến* cái *trong 7 cái thế còn lại của tác giả".*

3. Theo AC, việc NPP "khẳng định rằng danh từ (cái/nước) *mà lại đồng nghĩa với tính từ* (đặc/lỏng) *cũng đã là một điều cấm kỵ trong ngữ học rồi".*

Bây giờ tôi xin giãi bày suy nghĩ để trả lời những điểm trên:

1. Đúng ra tôi đã viết "... cái, con *quả là những từ đa nghĩa, có khả năng nằm trong ít nhất tám thể đối lập khác nhau". Nhận xét này nhắm vào hai từ* cái, con *tách riêng và đã đưa ra sau khi kê tám ví dụ, chứ không phải nhắm vào từ ghép* con cái. *Chịu khó mở từ điển như* Quấc âm tự vị *(QÂTV) của Huỳnh-Tịnh Paulus Của hoặc* Việt Nam tự điển *của Hội Khai trí tiến đức thì ta thấy ngay rằng cách sắp đặt và trình bày các mục từ* cái *và* con *đều hàm ý* cái, con *là những từ đa nghĩa.*

2. Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ trong Việt Nam tự điển *đã đưa ví dụ* cũ cái ăn nước *cùng với các ví dụ khác như* cột cái, đường cái... *để giải thích rằng cái ở đây là "tính của vật chính có thể tẻ ra nhiều vật phụ...". Như vậy* cái *ở đây trên mặt ngữ nghĩa là xuất phát từ cái với nghĩa là* chính, to... *và cũng rất* đồng nghĩa *với* đặc *trong đối lập* cái/nước. *Tôi dùng chuỗi từ* rất đồng nghĩa *là có dụng ý vì sự đồng nghĩa chỉ có mức độ chứ không thể tuyệt đối. Việc đồng nghĩa giữa* cái *và* đặc *còn được củng cố thêm bởi lời giải thích trong* Từ điển tiếng Việt *(TĐTV) 1977 của Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm* "Cái: *Chất đặc trong một món ăn có nước". Nhưng TĐTV 1977 liệt cái vào loại danh từ, còn phần tôi thì để trắng. Tôi sẽ giải thích điểm này qua quan niệm của tôi về phân chia từ loại ở mục 3 sau đây. Còn việc AC cho rằng* cái (*trong cặp* cái/nước) *có nghĩa gốc là "cái xác" dẫn theo QÂTV thì tôi nghĩ là không đủ sức thuyết phục.* Xác *là* vỏ,

bã *mà* cái *với nghĩa này thì trên mặt ngữ nghĩa câu* Khôn ăn cái, dại ăn nước *không ổn, nếu không nói là vô nghĩa. Hơn nữa, QÂTV còn chua ngay bên cạnh một nghĩa khác của* cái *là "vật đặc đối với nước". Nghĩa sau như vậy đã có trễ nhất vào thời QÂTV chứ không phải do một sự chuyển biến như AC đã viết: "Từ nghĩa này* (cái xác) *đến nghĩa đã cho trong* TĐTV *1992* (phần chất đặc…) *đã có một sự chuyển biến…".*

3. AC đọc nước *và* cái *như những từ chỉ đến* chất liệu *bởi thế mới xếp* cái, nước vào từ loại *danh từ. Nhưng theo tôi thì những từ như* cái, nước *đều có khả năng đọc như* tính từ *để chỉ đến một* thuộc tính, *và như vậy* cái *có thể hiểu như* chính, đặc, *v.v…* nước *có nghĩa tương đương với* lỏng: ăn nước *có thể hiểu là* ăn lỏng *chứ không phải bắt buộc chỉ phải hiểu như* ăn một chất liệu là H_2O. *Và những từ như* chó, trâu,… *đều có thể hiểu và dùng như một tính từ như* chó *trong ví dụ* Tên ấy rất chó. *Các nhà làm từ điển của ta thường "quên khuấy" mất khả năng này. Và lời phê của AC ("*Cái/nước *đồng nghĩa với* đặc/lỏng" *là một mệnh đề không đúng") chẳng còn giá trị. (Nguyễn Phú Phong, Giáo sư Đại học Paris 7, Pháp).*

Trả lời: Chúng tôi rất hân hạnh nhận được ý kiến của GS. Nguyễn Phú Phong. Xin trao đổi với ông theo từng điểm mà ông đã nêu.

1. Ông TMP không tự ý đặt *cái* vào từ tổ *con cái*. Chính ông NPP đã dùng từ tổ này tại mục I.7 trong bài của mình nên ông TMP mới lấy nó làm mốc cho người đọc dễ nhận

biết đây là từ *cái* nào trong những từ *cái* khác nhau của tiếng Việt. Chẳng là ông NPP đã viết:

"7. *Con cái*. Đây là trường hợp ghép từ song song trong đó *cái* có nghĩa như *con* (...)".

Còn ở I.4 thì ông viết: "*Cái* ở đây kể như đồng nghĩa với *đặc*".

Từ *cái* trong *con cái* vừa có nghĩa là "con", lại vừa đồng nghĩa với "đặc"! Đây chính là chỗ mà ông TMP cho là bất ổn nên mới đặt vấn đề với chúng tôi.

2. Ông NPP khẳng định rằng *cái "rất* (sic) *đồng nghĩa* với *đặc"* rồi nói thêm rằng "việc đồng nghĩa giữa *cái* và *đặc* còn được củng cố thêm bởi lời giải thích trong *TĐTV* 1977 của Văn Tân và Nguyễn Văn Đạm:

"*Cái*: Chất đặc trong một món ăn có nước".

Xin thưa rằng toàn bộ ngữ đoạn "Chất đặc trong một món ăn có nước" mới đồng nghĩa với *cái* chứ chỉ riêng một tính từ *đặc* thì đồng nghĩa thế nào được? Nếu được thì người ta đã giảng một cách ngắn gọn rằng *cái* là "đặc" chứ việc gì phải dùng cả cái ngữ danh từ kia cho dài dòng và... lạc đề.

Chúng tôi nói rằng nghĩa gốc của *cái* trong *cái/nước* là "(cái) xác" thì ông NPP bác lại rằng "*Xác* là *vỏ, bã* mà *cái* với nghĩa này thì trên mặt ngữ nghĩa câu *Khôn ăn cái, dại ăn nước* không ổn, nếu không nói là vô nghĩa". Nhưng khi

chúng tôi nói đến "nghĩa gốc" ở đây là chúng tôi chỉ nói về mặt từ nguyên chứ có nói đến nghĩa hiện hành đâu (mà ông lại bắt bẻ như vậy).

Còn khi chúng tôi nói đến "nghĩa đã cho trong *TĐTV* 1992" thì chúng tôi chỉ muốn lấy quyển từ điển này làm căn cứ để khẳng định cái nghĩa đó chứ không hề muốn nói rằng đến năm 1992, cái nghĩa đó mới xuất hiện, như ông NPP đã suy diễn.

3. Ông NPP chủ trương rằng "những từ như *cái, nước* đều có khả năng đọc như *tính từ* để chỉ đến một *thuộc tính,* và như vậy *cái* có thể hiểu như *đặc, nước* có nghĩa tương đương với *lỏng*". Vậy *ăn nước* là *ăn lỏng* còn *ăn cái* là *ăn đặc.*

Rất tiếc rằng, với người Việt thì *ăn cái* và *ăn đặc* là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Ta chỉ cần đi làm một cuộc điều tra nho nhỏ ở các bà nội trợ người Việt: sẽ tuyệt đối không có một bà nào lại trả lời rằng *ăn cái* là *ăn đặc* cả. *Ăn đặc* khác với *ăn cái* lắm chứ! Người ta chỉ có thể *ăn đặc* khi *ăn nước* mà thôi, vì chỉ có với phần *nước* ta mới có thể đặt vấn đề *"đặc* hay *lỏng"* chứ phần *cái* thì đã... *"đặc"* sẵn rồi! Ở đây thì nhà ngữ học phải nghe theo lời các bà nội trợ thôi vì ta cũng không nên quên lời của F. de Saussure:

"Ngôn ngữ học đồng đại chỉ chấp nhận một quan điểm duy nhất: quan điểm của người bản ngữ".

Huống chi, nếu ông NPP có thể võ đoán mà buộc danh từ *cái* vào từ loại của tính từ *đặc* chỉ vì, theo ông thì hai từ

này đồng nghĩa thì tại sao chúng tôi lại không có quyền học tập kiểu lập luận của ông mà buộc tính từ *đặc* vào *từ loại* của danh từ *cái*, cũng vì cái lý do (giả thiết) đó? Và chúng tôi sẽ nói rằng *ăn đặc* không phải là một kiểu ăn (đối với *ăn lỏng* thiệt thọ) vì *đặc* ở đây là phần *cái*, chẳng hạn như khoai tây và thịt gà, v.v... trong món cà-ri.

Thế nhưng, để củng cố cho lập luận của mình, ông NPP còn nói thêm rằng "những từ như *chó, trâu,...* đều có thể hiểu và dùng như một tính từ như *chó* trong ví dụ: *Tên ấy rất chó*". Ở đây, cái lý của ông cũng không vững nốt! Thí dụ này và những thí dụ tương tự với nó chỉ là một "tuyệt tiểu thiểu số" nên ta không thể thổi phồng nó thành một đa số mà ghép những *cái*, những *nước* vào được. Cách dùng từ này chỉ có thể đúng và có hiệu lực với hai điều kiện khắt khe:

- Một là danh từ hữu quan phải chỉ một giống động vật; và

- Hai là nó phải được dùng như một ẩn dụ.

Vì hai điều kiện này nên, ngoài cái thí dụ của ông ra, ta chỉ thấy có mấy trường hợp ít ỏi khác mà cũng chỉ hạn chế trong khẩu ngữ: *gấu, khỉ, ngựa* (dùng để chỉ một hạng phụ nữ trong phương ngữ Nam Bộ). Chứ hai danh từ *cái* và *nước* thì chẳng có dính dáng gì đến cách dùng từ này.

Thực ra thì lý thuyết của ông NPP đã bất ổn ngay từ cách đặt vấn đề. Ông viết: *"Con, cái* là những từ đa nghĩa và vì thế có thể được xếp vào nhiều từ loại khác nhau". Thế

là ông đã quên rằng bất cứ một từ đa nghĩa nào cũng chỉ có thể thuộc về một từ loại duy nhất mà thôi. Vì cái mâu thuẫn nội tại cơ bản này nên ở một chỗ khác, ông lại viết: "Như vậy *cái* ở đây là một từ đồng âm khác nghĩa với *cái* "mẹ" ở 1". Đã đồng âm khác nghĩa thì còn "đa nghĩa" thế nào được! Cũng vậy, trong 8 cái thế đối lập về nghĩa mà ông đưa ra, ta thấy có đến 3 từ loại: danh từ khối ở 1, 7; danh từ đơn vị (ông gọi là loại từ) ở 6, 8 và tính từ ở 2, 3, 4 (đây thực ra là danh từ), 5. Ta không thể biết được ông đã dựa vào lý thuyết nghĩa học nào để nói rằng trong 8 loại đó, ta chỉ có hai từ *con* và *cái* đa nghĩa mà thôi.

Xin chân thành trông chờ sự thẩm định của GS. Nguyễn Phú Phong.

1139. Kiến thức ngày nay, số 564

Hỏi: *Xin cho biết nhà thơ nào của Pháp đã viết câu "Nghệ thuật lâu dài, cuộc đời ngắn ngủi".*

Trả lời: Nếu hiểu từ ngữ đúng theo khái niệm chính xác mà ông đã nêu thì câu này không phải của một nhà thơ, cũng không phải của một người Pháp. Đó là một câu châm ngôn của Hippocrate, người thầy thuốc vĩ đại của Hy Lạp thời cổ đại. Nguyên văn là:

"Ho bios brakhus, hê de tekhnê makra".

(Cuộc đời thì ngắn ngủi, nghệ thuật thì lâu dài).

Ta thường biết đến câu này qua lời dịch sang tiếng La Tinh:

"Ars longa, vita brevis".

(Nghệ thuật thì lâu dài, cuộc đời thì ngắn ngủi).

Một nhà thơ Pháp cũng đã viết một câu gần giống như thế, nhưng thay "cuộc đời" (Hy Lạp: *bios*; La Tinh: *vita*) bằng "thời gian" (Pháp: *(le) temps*):

L' art est long et le temps est court.

(Nghệ thuật (thì) lâu dài còn thời gian (thì) ngắn ngủi).

Đó là Charles Baudelaire (1821 - 1867), tác giả của tập thơ nổi tiếng *Les Fleurs du Mal* (Ác hoa). Câu trên đây nằm trong bài *Le guignon* (Vận rủi), thuộc phần đầu (*Spleen et idéal* (Nỗi chán đời và lý tưởng) trong sáu phần của tập thơ.

1140. Kiến thức ngày nay, số 564

Hỏi: *Bản* Boléro *có phải là một bản nhạc sến hay không và tác giả của nó là ai?*

Trả lời: Tác giả của bản *Boléro* là nhà soạn nhạc danh tiếng người Pháp Maurice Ravel. Ông sinh ở Ciboure năm 1875, mất năm 1937 tại Paris. Cha là người Thụy Sĩ, mẹ là người xứ Basque nhưng đều gốc Pháp. Bảy tuổi, Ravel bắt đầu học piano và hoà âm nhưng cậu thích chạy chơi hơn đàn. Mười bốn tuổi, Maurice vào học ở Nhạc viện Paris

nhưng thường không được điểm tốt, thậm chí còn bị đưa ra khỏi nhạc viện vì không chuyên tâm vào việc học. Khi được trở lại, Ravel học với Gabriel Fauré. Ravel đã theo học 14 năm tại nhạc viện, đã soạn nhiều tác phẩm nhưng chưa bao giờ được Giải thưởng Rome mà ông từng ao ước.

Năm 1900, Ravel đến với một nhóm nghệ sĩ và trí thức trong câu lạc bộ Apache và gặp gỡ Erik Satie, Jean Cocteau, André Gide, Paul Valéry, Igor Stravinski, Vaslav Nijinski và Serge Diaghilev. Các thành viên của nhóm thường gặp nhau tại nhà của cặp vợ chồng Ida và Cyprien Godebski. Bản *Ma mère l'Oye* (Mẹ Ngỗng của em) là tác phẩm mà Maurice soạn cho mấy đứa con của cặp vợ chồng này. Năm 1914 thì nhóm Apache tan rã.

Năm 1905, Ravel lại ứng tuyển vào Giải thưởng Rome nhưng lại một lần nữa ông bị từ chối. Mọi người đều bực tức nhưng riêng Ravel thì không, và sự từ chối lần này lại là xuất phát điểm cho giai đoạn sáng tạo huy hoàng nhất trong sự nghiệp của ông.

Năm 1909, Ravel bắt đầu đi lưu diễn quốc tế. Đầu tiên là sang Anh, tại đây ông đã gặp nhà văn Joseph Conrad. Năm 1914, Thế chiến I bắt đầu tàn phá châu Âu. Ravel ra mặt trận và được giao lái chiếc xe tải mà ông đặt tên là Adelaïde. Một buổi chiều nọ, Adelaïde bị tuột bánh và sa hố. Ravel bị thương, phải giải phẫu. Ông trở về Paris. Rồi mẹ ông bị bệnh và qua đời vào tháng Giêng năm 1917.

Sau chiến tranh, Ravel mua một ngôi nhà ở Monfort - l' Amaury (một thị trấn nhỏ phía Tây Paris) và sống phần đời còn lại tại đây. Ông đặt tên ngôi nhà là Belvédère (Vọng lâu). Năm 1920, Ravel được tặng Bắc đẩu bội tinh nhưng ông từ chối, có lẽ vì sợ phải đổi lại một phần tự do của mình. Ta nên nhớ rằng năm 1925, Ravel lên tiếng chống chủ nghĩa thực dân với tác phẩm *Chansons madécasses.*

Ravel là một trong các nhà soạn nhạc quan tâm đến việc ghi âm tác phẩm của mình. Tác phẩm đầu tiên của ông được ghi âm năm 1917 là do nhóm London String Quartet trình bày. Lần ghi âm thứ hai diễn ra năm 1928; sau đó nhạc của Ravel được ghi âm đều đặn. Cũng năm 1928, Ravel sang Canada và Hoa Kỳ. Ravel đến khu Harlem ở New York, rồi New Orleans, tại đây ông đã nghe nhạc jazz và nhạc ragtime (Trừ báo chí Pháp, tất cả mọi người đều coi Ravel là nhà soạn nhạc người Pháp vĩ đại nhất đang còn sống vào lúc đó dù báo chí Pháp chẳng màng đến ông). Trong chuyến lưu diễn này, Ravel đã gặp nhà soạn nhạc người Mỹ George Gershwin.

Năm 1929, trường Đại học Oxford tặng cho Ravel bằng tiến sĩ danh dự. Rồi sức khỏe của ông suy sụp. Người ta nghi ông bị u não và quyết định giải phẫu. Chẳng có khối u nào được tìm thấy. Ravel qua được cuộc giải phẫu nhưng sau đó thì hôn mê. Ông không bao giờ tỉnh dậy nữa và tắt thở vào lúc 3g30 sáng ngày 28-12-1937.

Ravel viết *Boléro* năm 1928. Đây là một bản nhạc sến ư? Một giai thoại kể rằng trong buổi công diễn đầu tiên tại Nhà hát kịch Paris ngày 22-11-1928, một người phụ nữ già đã bám vào thành ghế mà hét to: "Đồ điên! Đồ điên!". Còn Ravel thì nheo mắt và rỉ tai Maurice Delage đang ngồi kế bên: "Ấy, bà ta đã hiểu rồi đấy!".

Giai thoại thì như thế song buổi trình diễn đã thành công mỹ mãn và gây được tiếng vang lớn. *Boléro* nổi tiếng từ đó. Nhưng tác phẩm này thường được trình diễn như một bản nhạc hoà tấu chứ ít được dàn dựng. Sở dĩ nói như thế là vì *Boléro* vốn là một vở ba-lê dài 16 phút mà Ravel soạn theo yêu cầu của Ida Rubinstein, một nữ vũ công và Mạnh Thường Quân người Nga. Đây là một vở ba-lê cho dàn nhạc, gồm có: 3 sáo, 3 ô-boa, 3 clarinet, 4 basson, 3 saxo, 4 trumpet, 3 trombone, tuba, bộ gõ, timbal, celesta, harp, 6 violon I, 6 violon II, 6 alto, 4 cello và 2 bass.

Bản *Boléro* được hãng Durand ở Paris ấn hành lần đầu tiên năm 1929. Về sau nó được phối âm lại cho piano solo và piano duo (hai người cùng chơi trên một piano) và chính Ravel cũng soạn lại một bản cho hai piano, ấn hành năm 1930. Lần dàn dựng trên sân khấu nổi tiếng là của Maurice Béjart, vào năm 1961 tại Brussels (Bỉ). Hai mươi năm sau, với tài biên đạo của mình, Béjart được mời dàn dựng vở ba-lê *Boléro,* với vũ công ngôi sao người Argentina là Jorge Donn, để làm thành một phần cốt truyện cho phim *Les uns*

et les autres (Những người này và những người khác) của Claude Lelouch (1981). Cũng với bản *Boléro* làm nhạc nền, năm 1984, tại Thế vận hội mùa đông lần thứ XIV ở Sarajevo, cặp Jayne Jorvill và Christopher Dean của Anh đã giành giải nhất môn trượt băng nghệ thuật. Ngoài những sự kiện đặc biệt này, người ta đã thống kê là cứ mỗi 15 phút thì bản *Boléro* lại được trình diễn một lần trên hành tinh. Riêng trong mùa diễn 2005 - 2006, *Opéra National de Paris* (Nhà hát kịch quốc gia Paris) cũng trình diễn vở ba-lê *Boléro* với tài biên đạo của Maurice Béjart.

Những tác phẩm khác của Ravel cũng thường được trình diễn. Chẳng hạn, Nhà hát kịch Rennes đang diễn vở fantaisie trữ tình *L' enfant et les sortilèges* (Đứa bé và các phù phép), và sẽ tiếp tục diễn: ngày 12-4 tại La Roche-sur-Yon, ngày 14-4 tại Fougères, ngày 18-4 (2 suất) tại Lorient, ngày 20 và 21-4 tại Nantes. Hoặc, chẳng hạn, vào lúc 10g30 sáng thứ tư ngày 5-4-2006, Orchestre Symphonique de Montréal (Dàn nhạc Giao hưởng Montréal) sẽ trình diễn hai tác phẩm *Le Tombeau de Couperin* (Ngôi mộ của Couperin) và *La Valse* (Điệu valse) của Ravel cùng với một tác phẩm của André Mathieu và một tác phẩm của George Gershwin. Hoặc nữa, vừa mới đây, New York City Ballet (Đoàn ba-lê thành phố New York) cũng đã diễn vở *Mother Goose (Ma Mère l'Oye)* của Ravel.

1141. Kiến thức ngày nay, số 565

Hỏi: *Trữ có nghĩa là cất chứa. Vậy* trữ tình *là chất chứa tình cảm, bao trùm tình cảm ở bên trong. Thế nhưng tôi tìm trong* Hán Việt từ điển *của Đào Duy Anh thì chỉ thấy có* trữ lương *là chứa cất lương thực,* trữ kim *là tiền của để dành,* trữ súc *là chất chứa để dành,* trữ tích *là chứa sẵn, mà không thấy có* trữ tình. *Vậy có đúng* trữ *trong* trữ tình *có nghĩa là cất chứa hay không?*

Trả lời: *Hán Việt từ điển của* Đào Duy Anh không phải là từ điển cỡ lớn nên cũng khó đáp ứng được nhu cầu của ông trong trường hợp này. Nhưng *trữ* trong *trữ tình* và *trữ* trong các trường hợp mà ông đã thấy trong từ điển Đào Duy Anh lại không phải là một. Trong *trữ kim, trữ lương, trữ súc, trữ tích,* thì đó đúng là *trữ* 貯, có nghĩa là cất chứa. Chữ này cũng có khi viết thành 儲. Còn trong *trữ tình* thì đó lại là chữ *trữ* 抒, có nghĩa là phô ra, bày ra, diễn đạt ra. Vậy *trữ tình* không phải là chất chứa tình cảm ở trong lòng mà ngược lại, là phô bày ra, là biểu đạt ra. Chữ này cũng còn đọc là *thữ* (hoặc *thự*). Trên đây là nói theo nghĩa gốc, còn xét về thể loại thì *trữ tình* cũng đồng nghĩa với *lyric* của tiếng Anh và *lyrique* của tiếng Pháp.

1142. Kiến thức ngày nay, số 565

Hỏi: *Đứa cháu nội của tôi đã giải thích hai chữ* ạch đụi *của tiếng Nam Bộ như sau: "Con té một cái* ạch *còn ông nội té một cái* đụi. *Vậy là thành ra* ạch đụi". *Thằng cháu có cách giải thích của nó còn tôi không nghĩ ra cách giải thích của mình nên xin mạn phép hỏi ông An Chi: Trong* ạch đụi *thì* ạch *nghĩa là gì và* đụi *nghĩa là gì?*

Trả lời: Trong khi chờ tìm ra câu trả lời dứt khoát và chính thức, xin mạn phép "sơ đáp" ông như sau: Tuy chưa xác định được nghĩa cụ thể và chính xác của hai tiếng mà ông hỏi, ta vẫn có thể biết được rằng đó vốn là những từ có nghĩa. Lý do: ngoài sự có mặt trong *ạch đụi, ạch* còn có mặt trong *ì ạch* và *đụi* trong *lụi đụi*. Đây là hai trường hợp mà một số người sính chuyện "lấp láy" cho là "từ láy" còn chúng tôi thì cho rằng đó vốn là những tổ hợp đẳng lập gồm hai từ đồng nghĩa hoặc gần nghĩa. *Ạch* có thể là biến thể ngữ âm của *ách* (trong *ách tắc)* và có nghĩa tổng quát là trì trệ. *Đụi* là một cách ghi theo kiểu siêu chỉnh (*hypercorrection*, đã có nói đến trên hai kỳ *Chuyện Đông chuyện Tây*) từ *đuội*, vốn là biến thể ngữ âm của *đuối*, có nghĩa là yếu, kém, rồi chậm chạp, v.v... Nếu đúng như thế thì *ạch, đụi* rõ ràng là hai từ gần nghĩa nên hoàn toàn có thể đi "cặp kè" với nhau trong từ tổ đẳng lập *ạch đụi*.

1143. Kiến thức ngày nay, số 565

Hỏi: 1. *Trong bài* "Nét ngài" *và* "mày ngài", *GS. Nguyễn Huệ Chi nhận xét rằng Nguyễn Du "có dùng hai cụm từ "nét ngài" và "mày ngài" để tả lông mày". Nhưng ông lấy làm lạ rằng "trong khi "nét ngài" chỉ dành riêng cho nữ thì "mày ngài" lại được dùng cho cả nữ lẫn nam".*

2. *Cũng trong bài trên, tuy không đồng ý với các nhà chú giải cho rằng "nét ngài" và "mày ngài" (để nói về phụ nữ) là "con tằm nằm" nhưng GS. Nguyễn Huệ Chi vẫn thừa nhận rằng "con tằm nằm" chính là hình ảnh và cách dịch sát đúng của ba chữ "ngoạ tàm mi" trong tiếng Hán.*

3. *Cuối cùng, để bác ý kiến của ông Đổng Văn Thành, một học giả người Trung Quốc và cả của những nhà chú giải người Việt Nam kia, GS. Nguyễn Huệ Chi đã đưa ra hình ảnh con ngài (bombyx du mûrier) và lời giảng hai tiếng* nở nang *trong* Đại Nam quấc âm tự vị (nở nang: *1. nở ra tươi tốt; 2. đẹp đẽ) để mặc nhận rằng* nét ngài nở nang *là "lông mày đẹp đẽ".*

Xin hỏi, ông An Chi có ý kiến gì về ba vấn đề trên?

Trả lời: Trước nhất, xin nhắc lại là cách đây trên 12 năm *Kiến thức ngày nay,* số 117, tháng 8-1993, chúng tôi đã chứng minh rằng *ngoạ tàm mi* có nghĩa là "lông mày đẹp" (chứ không phải "lông mày con tằm nằm"); rồi cách đây 7 năm *Kiến thức ngày nay,* số 314, ngày 1-5-1999, chúng tôi

cũng đã chứng minh rằng *nét ngài nở nang* là "nét lông mày rạng rỡ, tươi tắn". Bây giờ xin đi vào các câu hỏi của ông.

1. Sở dĩ Nguyễn Du không dùng *nét ngài* cho nam giới thì đơn giản chỉ vì các đấng mày râu chẳng làm gì có nét ngài. Trên *Kiến thức ngày nay,* số 103, chúng tôi có dẫn lời của Từ Thời Đống trong *Yên Tự lâu bút ký,* giải thích tại sao cả nam lẫn nữ đều có lông mày *(mi)* nhưng chỉ riêng đàn ông mới được lấy lông mày làm đặc trưng cho giới của mình mà gọi là *tu mi* (mày râu (← râu mày)). Từ Thời Đống trả lời đại ý rằng ngày xưa đàn bà đều cạo lông mày nên người ta coi như họ không có thứ của trời cho này. Nhưng họ không chịu để trống chỗ đã cạo mà lại lấy một thứ phấn màu xanh đen, gọi là *đại,* để vẽ thay vào chỗ lông mày kia. Cái đường, cái vệt lông mày vẽ thay vào đó chính là cái mà Nguyễn Du của chúng ta gọi là *"nét ngài"*. Có vẽ mới có "nét". Đàn ông không vẽ lông mày thì làm sao có được *nét ngài?*

2. *Ngoạ tàm mi* tuyệt đối không có nghĩa là "lông mày con tằm nằm". Sở dĩ các nhà chú giải của ta cứ ngỡ và giảng như thế là vì họ chưa tìm hiểu cái cấu trúc đang xét cho đến tận ngọn nguồn. Lời dẫn của Phạm Kim Chi ("Diện như mãn nguyệt mi nhược ngoạ tàm"), ghi là lấy ở *Tướng thư,* thì chẳng qua chỉ là chép lại lời dịch câu *"Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang"* sang tiếng Hán trong bản *Kiều Oánh Mậu* 1902 chứ chẳng phải của sách "tướng thư tướng tịch" nào cả. Đến như hai tiếng *tàm mi* (mày tằm), mà Nguyễn

Thạch Giang đưa ra trong *Truyện Kiều* (chú thích và khảo đính) năm 1973, chẳng qua chỉ là một sự dịch ngược tuỳ tiện. Dĩ nhiên là ai kia có thể gặp may mà thấy được hai chữ *tàm mi* ở một chỗ nào đó, nhưng đây chỉ là một từ tổ tự do nên chỉ thuộc về lời nói chứ đâu có phải là một đơn vị cố định của ngôn ngữ.

GS. Nguyễn Huệ Chi nói rằng *Từ hải* bộ mới (1999) hoàn toàn không có "điển cố *ngoạ tàm mi*". Nhưng việc *Từ hải* không ghi nhận ba tiếng *ngoạ tàm mi* không thể chứng tỏ rằng cấu trúc này không tồn tại trong tiếng Hán. Huống chi, cái kho từ điển đồ sộ về tiếng Hán đâu chỉ có *Từ hải*, dù là *Từ hải* bộ mới. Cứ chịu khó mở *Từ nguyên* bộ cũ ra ở chữ *ngoạ* 臥 thì ta sẽ thấy mục *ngoạ tàm* 臥蠶 và mục này được giảng như sau:

"Tướng thuật gia dĩ nhãn khuông hạ văn vi *ngoạ tàm*. Hựu mi loan nhi đái tú giả diệc xưng *ngoạ tàm mi*".

Nghĩa là:

"Tướng thuật gia gọi nếp nhăn dưới vành mắt là *ngoạ tàm*. Lại nữa, lông mày cong mà đường nét thanh đẹp cũng gọi là *ngoạ tàm mi*".

Rồi nếu ta lại chịu khó mở *Vương Vân Ngũ đại từ điển* ra, cũng ở chữ *ngoạ* 臥 (Ký hiệu tứ giác là 7370o), ta lại sẽ thấy mục *ngoạ tàm* và mục này được giảng là:

"1. Tướng thuật gia xưng nhãn khuông hạ đích văn. 2. mi loan nhi tú".

Nghĩa là:

"1. Nhà bói tướng gọi nếp nhăn dưới vành mắt (là *ngoạ tàm*). 2. Lông mày cong mà đẹp".

Vậy rõ ràng là các cấu trúc *ngoạ tàm* và *ngoạ tàm mi* có tồn tại. Một bằng chứng hiển nhiên là nó cũng đã được dùng trong *Truyện trinh thử*:

To đầu vú, cả dái tai,

Dày nơi ngư vĩ, cao nơi ngoạ tàm.

Có điều là vì *ngoạ tàm* là một lối nói của tướng số nên ta phải hiểu nó một cách "trọn gói" theo lời giảng của các nhà chuyên môn (nhà tướng số) chứ không thể dịch từng thành tố của nó theo nghĩa đen thành "tằm nằm" được. *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức đã giảng một cách chính xác:

"*Ngoạ tàm*. Mí dưới, lằn xếp dưới mí mắt".

Các nhà chú giải của ta giảng một cách ngộ nghĩnh rằng *ngoạ tàm* là "(con) tằm nằm", rồi *ngoạ tàm mi* là "lông my như con tằm nằm" (Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim), là "mày tằm nằm" (Nguyễn Thạch Giang), là "lông mày giống con tằm nằm" (Đào Duy Anh), v.v...

Vậy *ngoạ tàm mi* là một lối nói của khoa tướng số, nó chẳng có liên quan gì đến con tằm cả, càng không phải là "con tằm nằm". Chẳng những thế, nó cũng chẳng có liên quan gì đến hai cấu trúc *nét ngài* và *mày ngài*. Những cấu trúc này chỉ liên quan đến mấy chữ *nga* và *nga mi* mà thôi. Ông Nguyễn Huệ Chi đã dựa vào *Từ hải* bộ mới (1999) để

tìm hiểu hai chữ *nga mi* rồi lấy trong từ điển bách khoa Pháp ngữ mấy cái hình *con ngài* (bombyx du mûrier) để minh hoạ những "sợi râu" của nó. Nhưng rất tiếc là những cái hình đó lại cho thấy những con ngài từ phía sau nên ta không thể thấy được cái chân tướng" của những "sợi râu" ấy. Mà nếu lông mày người phụ nữ có giống như thế thì có gì là đẹp? Còn *Từ hải* bộ mới thì lại thụt lùi so với *Từ hải* bộ cũ trong trường hợp này.

Bộ mới ghi rằng "*nga mi* 蛾眉 cũng viết là 娥眉". Bộ cũ, chính xác hơn, ghi rằng "*nga mi* 蛾眉 vốn viết (bổn tác) là 娥眉". Nghĩa là, theo bộ cũ thì chữ *nga* 蛾 bộ *huỷ* 虫 vốn viết là 娥, tức chữ *nga* bộ nữ 女, có nghĩa là xinh, đẹp. *Nga mi* vốn chỉ đơn giản có nghĩa là lông mày đẹp. Bộ cũ còn cho biết rõ là đến khi Nhan Sư Cổ (581 - 645) chú giải *Hán thư* mới bắt đầu có thuyết "hình giống con ngài tằm" *(Hình nhược tàm nga chi thuyết)*. Rồi còn nhận xét thêm rằng lông mày con người mà giống cái râu con ngài thì xấu quá, làm sao có thể cho là đẹp được. Đó là cái nhầm tự nghìn năm *(Thử thiên niên chi ngộ dã)*. Thực ra, đó là do quan niệm của người xưa chứ cặp "râu" của con ngài tằm thì đẹp thật. Nhưng râu ngài là râu ngài còn mày người là mày người; ta không nên tự nhốt mình vào cái vòng lẩn quẩn của việc so sánh "người thực vật thực" trong khi thẩm định từ ngữ ở đây. Nên nhớ rằng *nga mi* (= mày ngài) đã đi chung với *tần thủ* từ thời *Kinh Thi* trong bài "Thạc nhân" của "Vệ phong" thành câu: *Tần thủ nga mi* để ca ngợi nhan sắc của phụ nữ.

Nhưng thế nào là *tần thủ?* Hai tiếng này vẫn được giảng... là "tảng quảng nhi phương" (trán rộng mà vuông). "Trán rộng mà vuông" thì may ra chỉ thích hợp với diện mạo của phụ nữ ngoài trái đất chứ thí sinh dự thi Hoa hậu thế giới hay Hoa hậu hoàn vũ mà có trán như thế thì...! Dĩ nhiên, có thể đó là "model" cho tuyệt thế giai nhân thời *Kinh Thi* chứ ngày nay thì cả *tần thủ* lẫn *nga mi* đều chỉ còn là ước lệ mà thôi. Và *nga mi* là *mày ngài* mà *mày ngài* ở đây là lông mày đẹp nói chung. Nguyễn Huệ Chi viết:

"Trường hợp nhà thơ (Nguyễn Du - AC) dùng "mày ngài" trong câu thơ miêu tả Từ Hải thì có phần chắc ông mượn điển "ngoạ tàm mi", còn trường hợp ông nói "nét ngài" để tả Thuý Vân, hay nói "mày ngài" để chỉ các ả ca kỹ thì chính là ông đang nói đến lông mày con ngài tằm mà ở vùng Nghệ Tĩnh ai đọc đến cũng hiểu".

Nguyễn Huệ Chi còn khẳng định rằng đó là "năng khiếu dùng chữ tinh tế bậc thầy của Nguyễn Du". Dùng *mày ngài* mà lại bắt người đọc phải hiểu đó là "mày con tằm nằm" thì khó có thể bảo là tinh tế! Huống chi, sau khi quan sát và phân tích hàng chục trường hợp tương tự với cấu trúc *mày ngài,* Cao Xuân Hạo đã khẳng định:

"Những cặp danh từ tương tự (cũng gồm một từ chỉ bộ phận cơ thể động vật và một từ chỉ động vật) dùng để gọi tên, chỉ loại hay miêu tả hình dáng, màu sắc của đồ vật theo phép ẩn dụ (...) đều cho thấy mối quan hệ xác định

có ý nghĩa sở hữu, chứ không hề có trường hợp nào cho thấy một mối quan hệ có ý nghĩa tỷ dụ".

("Về mối quan hệ ngữ pháp và ngữ nghĩa của *mày ngài* trong câu thơ *Râu hùm, hàm én, mày ngài*", *Ngôn ngữ*, số 4-1982, tr. 45).

Quy luật của tiếng Việt đã như thế thì *mày ngài* tuyệt đối không thể nào lại có nghĩa là "lông mày hình con tằm nằm" được cả. Là một bậc thầy về ngôn ngữ, Nguyễn Du phải hiểu điều này hơn ai hết. Vậy danh ngữ *mày ngài* của ông chỉ có thể có nghĩa là lông mày đẹp mà thôi, dù nó dùng để miêu tả Từ Hải hay là ca kỹ. Chính vì quy luật của tiếng Việt và đặc điểm ngôn ngữ của Nguyễn Du là như thế nên việc tác giả Phạm Quang Tuấn đưa ra hai bức tranh mỹ nữ đời Đường và bức tranh mỹ nữ thời Heian ở Nhật (có đôi lông mày dày rậm) cũng là một việc làm không thích hợp.

3. Bây giờ xin nói về cách hiểu của ông Đổng Văn Thành. Những tưởng chỉ có các nhà chú giải của ta mới hiểu không đúng ba tiếng *ngoạ tàm mi*, té ra ông Đổng cũng hiểu sai ba tiếng này như các đồng nghiệp người Việt Nam. Tệ hơn nữa, ông lại còn không hiểu được đặc trưng về diện mạo của Quan Công mà ở khắp đất nước Trung Hoa đâu đâu cũng có miếu thờ. Đổng Văn Thành đã chê:

"Nguyễn Du thì lại mượn "ngoạ tàm mi" (mày tằm nằm) mà *Tam quốc diễn nghĩa* dùng để miêu tả Quan Vũ, trang nam nhi cao lớn, uy vũ, khoáng đạt, lắp vào khuôn mặt cô thiếu nữ mười phần xinh đẹp đó (Thuý Vân - NHC thêm).

Nếu trên khuôn mặt thiếu nữ xinh tươi mơn mởn lại mọc ra một đôi lông mày võ sĩ vừa đen rậm, vừa thẳng cứng thì cái điều kệch cỡm nghiêm trọng ấy há chẳng phá hoại cả vẻ đẹp của cô thiếu nữ đó sao?" (Dẫn theo Nguyễn Huệ Chi, Bđd).

Nhưng, như đã nói, *ngoạ tàm mi* đâu có phải là "mày tằm nằm" còn Quan Vũ (Quan Công) cũng đâu phải là người có "đôi lông mày võ sĩ vừa đen rậm vừa thẳng cứng". Cái nét đặc trưng của cặp lông mày Quan Công là nó vừa cong vừa xếch như có thể thấy trong tranh vẽ, trong mặt nạ hoặc trong điêu khắc, chứ có phải như ông Đồng Văn Thành đã nói đâu. Dĩ nhiên là, đó đây, ta có thể thấy những cặp lông mày Quan Công kiểu khác, nhưng đây chỉ là chuyện "vô tình vô ý" hoặc cá biệt chứ vừa cong vừa xếch thì mới đích thị là cặp lông mày điển hình của Quan Thánh đế quân vì nó còn đi chung với đôi mắt phượng *(đan phượng nhãn)* là một kiểu mắt xếch điển hình nữa. Vâng, mắt phượng là "mắt xếch", như Derek Lin đã chú tại bài "Guan Gong", mục "Tao Living" của *http://www.taoism.net:*

"Phoenix eyes means *slanted eyes".*

(Mắt phượng có nghĩa là *mắt xếch*[1]*).*

1. *Đan phượng nhãn* chỉ đơn giản có nghĩa là "mắt phượng" nhưng GS. Nguyễn Huệ Chi đã nhầm nên mới dịch thành "mắt đỏ như mắt phượng" rồi còn đẩy đi xa hơn thành "đôi mắt đỏ vằn tia máu". Ở đây, chữ *đan* đi với chữ *phượng* chứ không phải với chữ *nhãn*. Ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), ta chẳng đã có một huyện tên là *Đan Phượng* đó sao? Và *đan phượng* chỉ đơn giản là phượng chứ không phải "phượng đỏ", cũng như *lão thử* là chuột chứ không phải "chuột già" và *ô quy* là rùa chứ không phải... "rùa đen"!

Bản thân mình còn không biết được nghĩa và cái sở chỉ đích thực của hai danh ngữ *ngoạ tàm mi* và *đan phượng nhãn* ngay trong tiếng mẹ đẻ của mình thì ông Đồng Văn Thành còn muốn phê phán cách sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du thế nào được?

4. Bây giờ xin nói một chút về hai danh ngữ *nét ngài* và *mày ngài* trong mấy câu thơ của Nguyễn Du.

Như đã nói, các cấu trúc này liên quan đến danh từ *nga* và danh ngữ *nga mi* trong tiếng Hán. *Nga mi* có nghĩa là lông mày đẹp thì *mày ngài* cũng thế. *Nga mi* còn được dùng theo hoán dụ để chỉ phụ nữ đẹp thì *mày ngài* cũng thế. *Nga mi* cũng nói tắt thành *nga* thì *ngài* (trong *nét ngài*) cũng chính là hình thức nói tắt của *mày ngài.*

Nét ngài nở nang trong câu 20 là nét lông mày đẹp rõ ràng (Xin xem lại *Kiến thức ngày nay,* số 314). Còn trong câu 1213 *Khi khóe hạnh, khi nét ngài*) thì *nét ngài* lại là một hoán dụ để chỉ con mắt. Đây là chuyện "đá lông nheo", chuyện "liếc mắt đưa tình", tóm lại là chuyện "nói bằng mắt". Nguyễn Huệ Chi quy hàm nghĩa của hai tiếng này vào hai tiếng "chau mày" thì có sợ là hẹp quá hay không?

Còn dùng *mày ngài,* nghĩa là lông mày đẹp, để nói về Từ Hải trong hai câu 2167 và 2274 thì cũng không phải là chuyện cấm kỵ, mà Cao Xuân Hạo (Xin xem Bđd) cũng đã phân tích rồi. Huống chi, nếu cứ theo cái mốt này mà nhận xét thì ta còn có thể bắt bẻ nhiều thứ khác nữa, chẳng hạn

như việc La Quán Trung tả Quan Vân Trường "môi đỏ như tô son" thì có phải là đàn bà đâu!

Cuối cùng, *mày ngài* trong câu 927 thì có nghĩa là người đẹp. *Mấy ả mày ngài* chẳng qua là mấy "ả người đẹp", nói theo một văn phong có nhiều phần không nghiêm túc, nghĩa là trong đám đó có thể có ả... không đẹp.

Trở lên là một số ý mọn liên quan đến bài của GS. Nguyễn Huệ Chi, xin mạo muội trình bày để ông tham khảo.

1144. Kiến thức ngày nay, số 566

Hỏi: *Tạp chí* Thế giới mới, *số 681 có bài "Quyển sổ rùng rợn" tại mục "1.001 chuyện từ Internet". Trong bài này ta đọc được đoạn sau đây: "Ngay trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã từng có một số tên trùm Đức quốc xã dùng da của các nạn nhân ở Holocaust để bọc sổ sách". Xin vui lòng cho biết* Holocaust *nằm ở đâu trên nước Đức hay là ở một nước nào khác.*

Trả lời: *Holocaust* không phải là một địa danh mà là một danh từ chung, có nghĩa gốc là việc thiêu đốt các vật tế thần hàng loạt, rồi nghĩa bóng là sự huỷ diệt hàng loạt, sự tàn sát dã man, rùng rợn. Về sau nó còn được dùng với chữ "h" hoa (H) để chỉ việc tàn sát người Do Thái hàng loạt của Đức Quốc xã vào những năm 1930 và 1940 của thế kỷ trước. Vì chữ đầu (là chữ "h") của danh từ này (holocaust)

được viết hoa (thành *Holocaust*) nên tác giả mới tưởng đây là một địa danh mà diễn đạt thành "các nạn nhân ở Holocaust". Thực ra thì đây là "các nạn nhân của cuộc đại tàn sát người Do Thái mà bọn Đức Quốc xã tiến hành trước và trong Thế chiến II".

1145. Kiến thức ngày nay, số 567

Hỏi: *Đời ông tôi truyền cho cha tôi, rồi tới đời cha tôi truyền lại cho tôi đôi câu đối sau đây mà sự giải thích đã bị "thất bản"... từ đời nào. Thành ra câu đối thì thuộc, vì dễ thuộc, nhưng hễ người ta đề nghị giải thích thì không biết nói làm sao. Hai câu đó là:*

Tam quốc Tào Phi kêu "Tào Vậy",

Cưu giang Vương Bố gọi "Vương Nào".

Vậy xin nhờ ông An Chi giải thích giùm.

Trả lời: Người ta nói rằng đây là hai câu đối để chế nhạo người chỉ biết chữ Nôm mà không biết chữ Hán. Chữ *phi* 丕 trong tên của Tào Phi được dùng làm Nôm để ghi âm "vậy" còn chữ *nào* 𠊛 là chữ Nôm thì hơi giống với chữ *bố* 布 trong tên của Vương Bố. Vì vậy nên người không biết chữ Hán mới đọc *Tào Phi* thành "Tào Vậy" và đọc *Vương Bố* thành "Vương Nào". Nhưng đây chỉ là chơi chữ để "nói chơi" với nhau chứ nếu không biết Hán thì thường cũng khó mà biết được Nôm.

1146. Kiến thức ngày nay, số 567

Hỏi: Truyện Kiều - Bản Kinh đời Tự Đức *do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị đã được Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học ấn hành năm 2003. Danh tính của người chép tay bản* Kiều *này đã được xác định là* Nguyễn Hữu Lập. *Nhưng về tự và hiệu thì chưa thống nhất. Về hiệu, người thì nói* Thiếu Tô Lâm, *người thì nói* Tiểu Tô Lâm *còn về tự thì người nói* Nhu Phu, *người nói* Noạ Phu. *Xin nhờ ông An Chi khảo chứng xem thực hư ra sao.*

Trả lời: Mới đây, trên *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 4 (126), 2006, tác giả Nguyễn Khắc Bảo vừa có bài "Góp thêm về việc phiên âm mấy chữ Hán - Nôm tồn nghi trong bản *Truyện Kiều* do Hoàng giáp Nguyễn Hữu Lập chép năm 1870". Trong bài này, tác giả cũng có bàn về cách đọc tự và hiệu của Nguyễn Hữu Lập nên chúng tôi xin trả lời cho ông bằng việc phân tích ý kiến của ông Nguyễn Khắc Bảo.

Về hiệu của Nguyễn Hữu Lập, ông Nguyễn Khắc Bảo đã theo Nguyễn Hữu Sơn mà đọc là "Thiếu Tô Lâm". Nguyễn Hữu Sơn cho biết mình đã căn cứ vào hai bài thơ của Phạm Hy Lượng là *Tây Hồ khúc yến thứ Thiếu Tô niên huynh nguyên vận* và *Chu trung nguyên đán thứ Thiếu Tô vận*, trong đó họ Phạm đã gọi Nguyễn Hữu Lập là "Thiếu Tô". Riêng ông Nguyễn Khắc Bảo còn đưa ra một lý do nữa là ông Nguyễn Quảng Tuân đã dùng kỹ thuật vi tính mà xoá

những chỗ lem bẩn làm cho "văn bản bị sửa nát", trong đó có thể nét 丿 *phẩy* của chữ *thiếu* 少 bị xoá mất nên đã trở thành *tiểu* 小.

Phương pháp làm việc của ông Nguyễn Khắc Bảo đến là ngộ nghĩnh. Ông muốn xác định cho được cái hiệu của Nguyễn Hữu Lập nhưng lại không dựa vào sự tự xưng của đương sự (là *Tiểu Tô Lâm*) mà lại dựa vào cách gọi của Phạm Hy Lượng (là "Thiếu Tô"). Rồi để "hợp thức hoá" cái chữ "Thiếu" của mình, ông còn xuyên tạc rằng ông Nguyễn Quảng Tuân đã sửa nát văn bản chép tay 1870, làm cho chữ *thiếu* 少 bị xoá mất nét *phẩy* 丿 mà trở thành chữ *tiểu* 小. Thực ra, bản photocopy mà ông Nguyễn Quảng Tuân nhận được từ ông Đàm Quang Hưng (Texas, Mỹ) là một bản chụp rất sạch sẽ, rõ ràng, như ta có thể thấy được một cách hiển nhiên trong từng quyển *Truyện Kiều, bản Kinh đời Tự Đức 1870*, mà Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học đã ấn hành. Tại trang 40 của từng bản sách này, ta thấy chữ *tiểu* 小 (trước hai chữ *Tô Lâm*) rõ mồn một: đó là chữ thứ ba, dòng thứ 5 tính từ phải sang. Và chữ *tiểu* đó cùng có một cách viết y chang những chữ *tiểu* ở các câu 53 (tr. 57), 187 (tr. 77), 956 (tr. 187), 1557 (tr. 273), 1582 (tr. 275), 1598 (tr. 279), 1768 và 1771 (tr. 303), v.v... Cách viết đó là cái nét giữa của nó, tức nét sổ móc 亅, quá ngắn nên không cân đối so với cả chữ. Vâng, cái nét giữa của chữ *tiểu* 小 trong những câu đã nêu và trong tất cả những câu (có chữ *tiểu*) còn lại đều... thiếu kích thước.

Nhưng chính cái sự thiếu kích thước đó cho phép ta ghép cái chữ *tiểu* 小 ở dòng thứ 5 của trang 40 vào cùng một ca-tê-gô-ri với tất cả những chữ *tiểu* 小 trong các câu còn lại. Điều này tuyệt đối không có gì đáng nghi ngờ: về mặt thư pháp, chữ thứ ba, dòng thứ 5 của trang 40 chính là *tiểu* 小 chứ không phải bất cứ chữ gì khác.

Huống chi, việc tự xưng của Tiểu Tô Lâm hoàn toàn đúng với phong cách của việc sử dụng chữ *tiểu* 小 trong tiếng Hán để phân biệt người ít tuổi với người nhiều tuổi hơn mà cùng họ, cùng tên hoặc cùng hiệu:

- *Tiểu Đỗ* là Đỗ Mục còn *Lão Đỗ* là Đỗ Phủ.

- *Tiểu Nguyễn* là Nguyễn Hàm còn *Đại Nguyễn* là Nguyễn Tịch.

- *Tiểu Phạm* là Phạm Trọng Yêm còn *Đại Phạm* là Phạm Ung.

- *Tam Tô* là: *Tiểu Tô* tức Tô Triệt, em của *Đại Tô*, tức Tô Thức; Thức và Triệt là con của *Lão Tô*, tức Tô Tuân. Nhờ Thức lấy hiệu là *Đông Pha* nên con út của Thức là Quá cũng "ăn theo" mà được gọi là *Tiểu Pha* (còn Thức là *Đại Pha*), v.v... và v.v...

Vấn đề đã quá rõ ràng. Vậy hiệu của Nguyễn Hữu Lập là *Tiểu Tô Lâm*, như chính đương sự đã ghi bằng thủ bút của mình trong bản chép tay năm 1870. Tên, hiệu là những yếu tố tôn nghiêm của mỗi cá nhân nên ta không có quyền mà cũng không được phép thay đổi, như thật ra

ông Nguyễn Khắc Bảo cũng đã từng làm khi ông đọc tên cụ Huỳnh Thúc Kháng thành Huỳnh Thúc "Hăng" (Xin xem *Kiến thức ngày nay*, số 445, ngày 20-12-2002, *Chuyện Đông chuyện Tây*, tr. 49 - 51).

Bây giờ xin nói đến tự, cụ thể là chữ thứ nhất trong tự của Nguyễn Hữu Lập. Về mặt chữ thì đây là 懦. Chữ này chỉ có hai âm: *nhu* và *noạ*, mà *noạ* là âm thông dụng nhất. Nhưng ông Nguyễn Khắc Bảo thì lại đọc thành "nhụ" vì hai lý do. Thứ nhất, *Minh đạo gia huấn* có câu "Giáo nhi bất nghiêm, nãi sư chi noạ" (chữ *noạ* này là "lười", đồng âm với chữ *noạ* trong *Noạ Phu*) nên chẳng mấy ai theo đạo Nho lại chọn tự là "Noạ Phu" vì rất dễ bị hiểu nhầm là "nãi sư chi noạ" (là bởi thầy Lười). Thứ hai là *Dictionnaire annamite - français* của J.F.M. Génibrel có ghi âm của chữ đang xét là "nhụ". Tiếc rằng cả hai lý do của ông đều không đứng vững được.

Thứ nhất, tiếng tăm lẫy lừng như danh y Lê Hữu Trác còn khoái tự xưng là *Lãn Ông* (= ông già lười biếng) nữa là. Huống chi, cái câu trong *Minh đạo gia huấn* chỉ nói về hạng thầy giáo "bất nghiêm" nên chỉ có hạng này mới có tật giật mình chứ các bậc đạo cao đức trọng thì đâu có sợ bóng sợ gió như ông Nguyễn Khắc Bảo nói. Lại xin nhấn mạnh rằng cái tự của Nguyễn Hữu Lập còn là chữ của sách *Mạnh Tử* nữa đấy. Nó nằm trong một câu thuộc chương "Vạn chương, hạ":

"Cố văn Bá Di chi phong giả, ngoan phu liêm, noạ phu hữu lập chí".

Nghĩa là:

"Cho nên những người được nghe về nếp ứng xử của Bá Di, kẻ tham trở thành ngay, kẻ ươn hèn cũng biết lập chí".

Trong một tiểu cú chỉ có năm tiếng là *Noạ phu hữu lập chí,* mà đã có bốn chữ là tên *(Hữu Lập)* và tự *(Noạ Phu)* của đương sự rồi. Chữ nghĩa san sát với nhau như thế thì việc Nguyễn Hữu Lập chọn hai tiếng *Noạ Phu* là hoàn toàn cố ý, hơn thế nữa, là có dụng ý rất sâu sắc đó chứ. Cái mà Nguyễn Hữu Lập cần là chữ *noạ* 懦 trong *Mạnh Tử* chứ ông sá gì cái chữ *noạ* 惰 đồng âm trong *Minh đạo gia huấn* như ông Nguyễn Khắc Bảo khéo suy diễn.

Đến như cái âm "nhụ" mà ông đã dẫn ra từ từ điển Génibrel thì chúng tôi xin nói thẳng rằng cái âm này không "xài" được. Từ điển Génibrel là một pho sách công cụ mà ta chỉ có thể vận dụng với cái ý thức thường trực là nó đầy rẫy chông bẫy ở bên trong. Xin kể sơ sơ vài thí dụ mượn từ *Chữ nghĩa Truyện Kiều* của Nguyễn Quảng Tuân (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990).

Trong câu *Cỏ non xanh tận chân trời* thì *cỏ non* là một danh ngữ mà *cỏ* là trung tâm nhưng Génibrel lại biến vị từ *non* thành một danh từ và cho nó là trung tâm của danh ngữ *non xanh* (y chang như trong *non xanh nước biếc*) rồi dịch thành *vertes montagnes.*

Trong câu *Đầu cành quyên nhặt cuối trời nhạn thưa* thì Génibrel hiểu *nhặt* là hót, kêu nên dịch *quyên nhặt* thành *le coucou chante*, rồi hiểu *thưa* là đáp lại nên dịch *nhạn thưa* là *l' oie sauvage répond*. Thực ra, *nhặt* ở đây là mau, là khít, là nhiều, còn *thưa* là ít, là không khít, v.v...

Những chỗ sai sơ đẳng như thế trong từ điển Génibrel thì nhiều lắm. Trở lại với cái âm "nhụ" của chữ 懦, xin nói rằng không có bất cứ một quyển từ điển tiếng Hán nào có ghi nhận âm này. Từ điển Génibrel không phải là từ điển tiếng Hán nên ta có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng việc ghi nhận này chỉ là một sự nhầm lẫn mà lẽ ra người dùng từ điển phải biết nhận xét và phê phán, nhất là khi người sử dụng đó lại là người nghiên cứu. "Nhụ" ở đây là một âm hoàn toàn lạc lõng. Vậy tự của Nguyễn Hữu Lập chỉ có thể là *Nhu Phu* hoặc *Noạ Phu* mà thôi.

Tóm lại, hiệu của Nguyễn Hữu Lập là *Tiểu Tô Lâm* còn tự của ông là *Noạ Phu* hoặc *Nhu Phu*. Cá nhân chúng tôi thì chọn hai tiếng *Noạ Phu*.

1147. Kiến thức ngày nay, số 568

Hỏi: Trong bài phỏng vấn nhan đề "Chữ nghĩa Truyện Kiều cần nhiều người tranh luận" do Giao Hưởng thực hiện, đăng trên báo Lao Động, *ngày 22-1-2006, GS. Nguyễn Tài Cẩn có nói về chuyến đi giảng dạy của ông tại Đại học Paris 7 hồi đầu thập niên 1980. Theo lời Giáo sư, tại Pháp, ông đã*

"bám riết cụ Hoàng Xuân Hãn để thu thập Truyện Kiều". Rồi ông nhắc lại lời của cụ Hoàng:

"Ở bên nhà từ đầu thế kỷ XX đến nay chỉ dựa vào bản Kiều Oánh Mậu in năm 1902, thoáng có nhắc tới bản Liễu Văn Đường 1871 nhưng không có trong tay, vậy ta phải dựa vào những bản thế kỷ XIX, càng xưa càng tốt, càng nhiều càng tốt". Về phần mình, GS. Nguyễn Tài Cẩn khẳng định: "Và tôi đã nghiên cứu 8 bản Kiều *đời Tự Đức có tại nhà cụ Hãn".*

Xin ông An Chi cho biết, 8 bản Kiều đời Tự Đức mà GS. Nguyễn Tài Cẩn đã có vinh dự nghiên cứu tại nhà của học giả Hoàng Xuân Hãn (bên Pháp) là những bản nào. Giáo sư cũng nhắc đến chủ trương của học giả Hoàng Xuân Hãn là "phải dựa vào những bản (Kiều) càng xưa càng tốt". Xin ông An Chi cho biết có phải học giả họ Hoàng là người đầu tiên và/hoặc duy nhất có chủ trương như thế hay không.

Trả lời: Trên *Kiến thức ngày nay*, số 329, ngày 1-10-1999, chúng tôi đã đặt vấn đề nghi ngờ "8 bản Kiều đời Tự Đức của Hoàng Xuân Hãn". Rồi trong bài "Học giả Hoàng Xuân Hãn đã dùng mấy bản Kiều đời Tự Đức để làm quyển *Kiều tầm nguyên?*", đăng hai kỳ trên *Tài hoa trẻ* (số 292 và số 293, tháng 12-2003), chúng tôi đã phân tích và khẳng định dứt khoát rằng Hoàng Xuân Hãn chẳng làm gì có đến 8 bản. Đây chẳng qua chỉ là một lời nói nhầm mà ta hoàn toàn có thể đính ngoa bằng lời nói của chính Hoàng Xuân Hãn ở một đoạn khác của cuộc phỏng vấn. Vị học giả này chỉ có 5 bản đời Tự Đức nếu là những bản Nôm và 6 bản nếu

kể cả bản Quốc ngữ "ăn theo" đời Tự Đức mà thôi. Người đã giúp cho ta có thể khẳng định điều này một cách chắc chắn không phải ai khác mà chính là ông Nghiêm Xuân Hải, con rể của Hoàng Xuân Hãn. Theo lời của vị nghĩa tế thì sau đây là 8 bản Kiều mà Hoàng Xuân Hãn đã dùng để làm *Kiều tầm nguyên:*

1. Bản D, tức Duy Minh Thị 1872;
2. Bản T, tức Trương Vĩnh Ký 1911;
3. Bản K, tức Kiều Oánh Mậu 1902;
4. Bản P, tức Phạm Kim Chi 1975;
5. Bản H, tức bản Huế, microfilm của EFEO;
6. Bản L, tức Liễu Văn Đường 1871;
7. Bản M, tức Thịnh Mỹ Đường 1879; và
8. Bản V, tức Thịnh Văn Đường 1882.

Trong 8 bản trên đây, ta thấy rõ mồn một rằng T (1911), K (1902) và P (1975) không phải là những bản đời Tự Đức (1848 - 1883). Ngay H, mà Hoàng Xuân Hãn không cho biết năm in, ta cũng chẳng thể nào biết được đó có phải là một bản đời Tự Đức hay không. Vậy chắc chắn nhất, ta chỉ có thể khẳng định rằng Hoàng Xuân Hãn chỉ nhắc đến 4 bản đời Tự Đức là: D, L, M và V mà thôi.

Nhưng đây chỉ là *nhắc đến,* chứ bản L thì Hoàng Xuân Hãn cũng chẳng có vì "bản này có ở INALCO mà chưa xin được" (Lời của Nghiêm Xuân Hải) còn bản V thì Hoàng

Xuân Hãn càng chẳng làm gì có được vì ông chỉ được thấy ở nhà của ông Hoàng Huấn Trung hồi trước chiến tranh mà thôi. Nói một cách hoàn toàn nghiêm túc và chính xác thì Hoàng Xuân Hãn chỉ có vẻn vẹn 2 bản đời Tự Đức là D (Duy Minh Thị) và M (Thịnh Mỹ Đường). Vậy không biết hồi thập kỷ 1980, khi sang Paris, thì GS. Nguyễn Tài Cẩn lấy đâu ra 8 bản Kiều đời Tự Đức tại nhà của Hoàng Xuân Hãn mà nghiên cứu?

Trong vòng 9 năm nay, từ ngày tạp chí *Văn học* đăng bài "Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về *Truyện Kiều*" (tháng 3-1997), một vài tác giả cứ nhắc đi nhắc lại lời nói nhầm của học giả Hoàng Xuân Hãn về "8 bản Kiều đời Tự Đức" mà chúng tôi đã cải chính một cách rành mạch trên *Tài hoa trẻ*. Tiếc thay, chẳng ai trong mấy người "nói theo" cái nhầm của Hoàng Xuân Hãn quan tâm đến sự cải chính đó. Rồi trong bài phỏng vấn của Giao Hưởng trên báo *Lao Động*, ngày 22-1-2006, GS. Nguyễn Tài Cẩn lại còn "vui miệng" nói rằng mình đã "nghiên cứu 8 bản Kiều đời Tự Đức có tại nhà cụ Hãn". Nhưng Hoàng Xuân Hãn làm gì có được 8 bản Kiều đời Tự Đức?

Đến như chuyện "phải dựa vào những bản càng xưa càng tốt" thì Hoàng Xuân Hãn cũng chẳng phải là người đầu tiên và/hoặc duy nhất biết chủ trương như thế. "Ông phán Sài Gòn" Phạm Kim Chi đã làm như thế từ năm 1917 khi cho xuất bản *Kim Tuý tình từ* theo bản chép tay mà ông Nghè Mai đã cho vì "thấy chắc gốc" rằng cháu của Nguyễn

Du (Nghè Mai là cháu Nguyễn Du) có thể lưu giữ "bổn chánh", nghĩa là bản xưa nhất chưa bị ai "nhuận sắc". Đó là nói chuyện đời xưa. Còn gần đây hơn thì trong *Truyện Kiều 1965* của nhóm Nguyễn Văn Hoàn do Nhà xuất bản Văn học ấn hành, ta cũng lại đọc thấy như sau:

"Để có thể khôi phục lại nguyên tác *Truyện Kiều*, biện pháp căn bản nhất vẫn là cần phải tiếp tục công việc phát hiện, sưu tầm các bản *Kiều* cổ một cách có hệ thống và sâu rộng hơn nữa. Hiện nay trong hoàn cảnh công việc phát hiện, sưu tầm di sản văn hoá cổ mới được bước đầu tiến hành ở miền Bắc, chúng ta không nên mặc nhiên coi rằng đã hoàn toàn hết hy vọng tìm thêm được một vài bản *Kiều* Nôm khác cổ hơn (trước bản *Liễu Văn Đường* 1871 - AC) và có giá trị hơn. Rất có thể là ở trong nhân dân ta, vùng Nghệ - Tĩnh quê hương Nguyễn Du, vùng Bắc Ninh, quê mẹ Nguyễn Du, vùng Hải Dương, quê hương Phạm Quý Thích... vẫn còn có thể tìm được một vài bản *Kiều* quý. Đó là chưa kể đến các thư viện công và thư viện gia đình ở miền Nam nước ta, ví dụ ở Huế, Sài Gòn, hay các thư viện Đông phương học ở nước ngoài, ví dụ như ở Pa-ri (Pháp), Rô-mơ (Ý), Tô-ki-ô (Nhật), v.v... (Sđd, tr. lxv - lxvi).

Cứ như trên thì chuyện "phải dựa vào những bản càng xưa càng tốt" đâu có phải là chuyện do Hoàng Xuân Hãn khởi xướng, vì nó chỉ là chuyện... tự nhiên phải làm mà thôi. Có ai đi tìm nguyên tác mà lại dựa vào những bản "mới toanh"!

1148. Kiến thức ngày nay, số 568

Hỏi: *Trong* Tư liệu Truyện Kiều từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu *(Nxb. Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004), tác giả Nguyễn Tài Cẩn đã viết tại trang 17:*

"GS. Hoàng Xuân Hãn cho biết đã soạn xong bản *Kiều tầm nguyên* sau gần nửa thế kỷ nghiên cứu (...)".

Tôi nghe nói có nhiều người đóng tiền ủng hộ việc ấn hành bản Kiều tầm nguyên, *nếu cụ Hãn đã soạn xong thì sao đến nay vẫn chưa thấy ra sách? Nghe nói có một vị giáo sư toán học là bác của một pianist nổi tiếng cũng đang nóng lòng chờ đợi quyển* Kiều tầm nguyên. *Ông An Chi có nghe ngóng được tình hình gì không?*

Trả lời: "Đã soạn xong bản *Kiều tầm nguyên* sau gần nửa thế kỷ nghiên cứu" là lời của Nguyễn Tài Cẩn chứ Hoàng Xuân Hãn thì lại nói:

"Như quyển *Kiều* của tôi, nó 50 năm rồi, nó cứ nằm thế, không có khi nào có một thời gian khá dài để viết ra thành một quyển sách cả. Những cái tôi đã viết về *Kiều* bây giờ tôi đọc cũng không được nữa. Mực nó đã nhờn đi, nhiều khi đã 40, 50 năm rồi, mờ đi cả rồi, mất lại kém nữa".

("Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về *Truyện Kiều*", Tạp chí *Văn học*, số 3-1997, tr. 15).

Vậy, cứ như lời của chính Hoàng Xuân Hãn thì *Kiều tầm nguyên* của ông hãy còn là một công trình dở dang. Chứ nếu nó đã hoàn thành thì việc sắp xếp để cho in ấn có lẽ sẽ dễ dàng hơn nhiều, đâu có phải để cho những người đóng tiền ủng hộ phải nóng lòng chờ đợi... bấy lâu.

Riêng cá nhân chúng tôi thì xin nói thẳng rằng chúng tôi chẳng tin ở quyển *Kiều tầm nguyên* của Hoàng Xuân Hãn, mà ông còn gọi là *Bát Kiều*. Lý do của chúng tôi rất đơn giản: Hoàng Xuân Hãn đưa bản V tức bản Thịnh Văn Đường 1882 vào *Kiều tầm nguyên* làm bản thứ 8 trong khi ông chỉ nhìn thấy nó tại nhà của ông Hoàng Huấn Trung trước năm 1945. Vậy thì ông khảo dị ra sao, so sánh thế nào? Ngay cả bản *Liễu Văn Đường* 1871 mà ông còn chưa xin được từ INALCO mặc dù ông sống ở Pháp, trong khi ông Nguyễn Quảng Tuân và ông Đào Thái Tôn đều có được mỗi người một bản photocopy từ Pháp gởi về. Tóm lại, với cá nhân chúng tôi thì đây hãy còn là chuyện... "*Bát Kiều* nghi án".

1149. Kiến thức ngày nay, số 568

Hỏi: Joséphine Baker là người Pháp hay người Mỹ?

Trả lời: Joséphine Baker vốn là người Mỹ, tên gốc là Freda Josephine McDonald, sinh ngày 3-6-1906 tại Saint Louis (Mỹ), mất ngày 12-4-1975 tại Paris. Năm 1937, bà lấy một người Pháp và trở thành công dân Pháp. Joséphine

Baker đã tham gia tổ chức kháng chiến chống phát xít Đức và đã từng kết giao với Grace Kelly, Maurice Chevalier cũng như De Gaulle và Fidel Castro.

1150. Kiến thức ngày nay, số 569

Hỏi: *Mục "Lăng kính tự nhiên" trên báo* Tuổi trẻ *mới đây có đưa ảnh một con vật và viết: "Con thú có vú này sống ở quần đảo Philippines, có tên là Philippine tarsier (tên khoa học là* Tarsius syrichta*), từng là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhân vật ET của đạo diễn Steven Spielberg".*

Tôi thì lại thấy có vẻ như con vật này giống với Gollum mà ông An Chi đã đưa ảnh trên Kiến thức ngày nay, *số 559. Vậy không biết ET là một nhân vật như thế nào (vì báo không đưa ảnh)?*

Trả lời: Gollum *(Ảnh 1)* là nhân vật trong bộ phim *The Lord of the Rings* (Chúa tể của những chiếc nhẫn) của đạo diễn Peter Jackson, mà chúng tôi có giới thiệu trên *Kiến thức ngày nay,* số 559, đúng như ông đã viết. Còn E.T. *(Ảnh 2),* chứ không phải "ET", thì lại là nhân vật trong phim *E.T. the Extra - Terrestrial* (E.T. người (sinh vật) ngoài Trái đất) của đạo diễn Steven Spielberg, đúng như đã nói trên báo *Tuổi trẻ.* Chính E.T. mới giống với con *Tarsius syrichta (Ảnh 3).*

Ảnh 1

Ảnh 2

Ảnh 3

1151. Kiến thức ngày nay, số 569

Hỏi: *Tôi nghe nói có một bài thơ kiểu hồi văn của Tần Quan gởi cho Tô Thức, chỉ có 14 chữ xếp liên hoàn theo vòng tròn thành một bài thất ngôn tứ tuyệt. Xin nhờ ông An Chi tìm giúp và giới thiệu bài thơ đó.*

Trả lời: Chúng tôi chưa tìm được một xuất xứ chắc chắn nào để khẳng định "tác quyền" của bài thơ mà ông hỏi vì đây có lẽ chỉ là... giai thoại. Có nguồn thì nói là của Tần Quan gởi Tô Thức, có nguồn thì nói ngược lại, là của Tô Thức gởi cho Tần Quan. Không biết có nguồn nào nói là của một tác giả khác nữa hay không.

Ở đây, xin giới thiệu với ông và bạn đọc văn bản mà một thân hữu là LAM đã lấy trên mạng để cung cấp cho chúng tôi.

Ở phía ngoài vòng tròn, ta đếm được đúng 14 chữ đọc thuận theo chiều kim đồng hồ. Câu thứ nhất bắt đầu từ chữ đánh số 1 là chữ *thưởng;* câu thứ hai, từ chữ đánh số 2 là chữ *khứ;* câu thứ ba, từ chữ đánh số 3 là chữ *tửu;* câu thứ tư, từ chữ đánh số 4 là chữ *tỉnh.* Toàn bài thơ được trình bày bên trong vòng tròn theo hàng ngang, đọc theo lối ngày nay từ trái sang, rồi từ trên xuống:

Tần Quan ký Tô Thức

Thưởng hoa quy khứ mã như phi
Khứ mã như phi tửu lực vi[1]
Tửu lực vi tỉnh thời dĩ mộ
Tỉnh thời dĩ mộ thưởng hoa quy.

Tạm dịch:

Tần Quan gởi Tô Thức

Thưởng hoa về ngựa phóng như bay
Ngựa phóng như bay uống đã say
Uống say rồi tỉnh ra đà tối
Tỉnh ra đà tối thưởng hoa về.

1. *Tửu lực vi*: Tửu lực kém. Tạm dịch thành "uống đã say".

1152. Kiến thức ngày nay, số 569

Hỏi: *Vừa rồi,* Chuyện Đông chuyện Tây *có giới thiệu sơ lược về Joséphine Baker. Tôi nghe nói nữ nghệ sĩ này có một ngôi nhà rất đặc biệt, không biết có phải như thế hay không?*

Trả lời: Vâng, đúng như thế. Và đó là cả một lâu đài. Người ta gọi đây là tình yêu thứ ba (troisième amour) của bà để nhắc khéo đến bài *J' ai deux amours* (Tôi có hai tình yêu), bài hát "ruột" của Joséphine Baker.

Tháng 7 năm 1940, Joséphine chạy khỏi Paris và đi về phía Tây Nam nước Pháp, tới vùng Périgord. Tại đây, bà đã mê mẩn ngắm nhìn một toà lâu đài lộng lẫy, từ đó được cả thế giới biết đến - và ông đã nghe nói - vì là một trong những ngôi nhà của ngôi sao nổi tiếng làng ca vũ nhạc: lâu đài Mirandes, từ đây chính thức được gọi là *Milandes* theo cách phát âm của Joséphine.

Theo sách hướng dẫn du lịch của địa phương thì lâu đài này được François de Caumont bắt đầu xây dựng từ năm 1489 nhưng đến cuối thế kỷ XIX thì mới thực sự hoàn tất. Ngày nay, nó được xem là một kỳ quan về kiến trúc tân gothic ở trong vùng. Joséphine Baker đã làm tất cả để tân trang toà lâu đài trung cổ này theo kiểu xưa nhưng vẫn không quên trang bị cho nó những tiện nghi của thế kỷ XX từ phòng tắm cho đến mạng lưới điện, nhà bếp, sân tennis, sân bóng chuyền và cả một cái bể bơi hình chữ "J".

Như đã nói kỳ trước, Joséphine đã tham gia kháng chiến chống Đức quốc xã nên ta cũng sẽ không lấy làm lạ được biết thêm rằng lâu đài Milandes còn là nơi che giấu binh sĩ và đài phát thanh của Đồng minh. Bà đã được tưởng thưởng xứng đáng từ Huy chương kháng chiến, Huy chương nước Pháp tự do cho đến Bắc đẩu bội tinh. Thế nhưng một vài khách sạn của Mỹ lại không chịu đón tiếp bà chỉ vì bà là người da đen.

Vì không có con, Joséphine đã nhận 12 người con nuôi thuộc nhiều quốc tịch khác nhau trong những chuyến viễn du và họ đã lớn lên tại toà lâu đài này.

Cuối cùng, vì những chi phí về quản lý và về mọi mặt quá nặng nề, Joséphine không kham nổi và toà lâu đài Milandes đã bị đem ra bán đấu giá. Joséphine rời khỏi lâu đài của mình năm 1969. Bà bị sạt nghiệp và được bạn bè giúp đỡ, trong đó có Grace Kelly, như đã nói kỳ trước. Grace Kelly đã cho bà ở trong nhà tại Monaco, nơi bà đã qua đời và được chôn cất vào năm 1975.

1153. Kiến thức ngày nay, số 570

Hỏi: *Một ông bạn của tôi đã phát hiện rằng vào cuối thế kỷ X đầu thế kỷ XI mà nhà sư Vạn Hạnh đã đi trước thời đại để để cập đến "điện ảnh" trong một bài thơ. Xin cho biết có chuyện này không. Nếu có thì phải chăng Vạn Hạnh cũng là một Nostradamus của nước Việt thời xưa?*

Trả lời: Đúng là cách đây mười thế kỷ, sư Vạn Hạnh đã đề cập đến "điện ảnh" trong một bài thơ nhan đề "Thị đệ tử" (Bảo đệ tử):

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố uý
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Tạm dịch:

Thân như ánh chớp hiện rồi tan
Xuân cỏ cây tươi thu héo hon
Đã mang lấy mệnh đừng ngao ngán
Thịnh suy như ngọn cỏ sương phơi.

Nhưng, như đã thấy trong lời dịch, *điện ảnh* ở đây chỉ là "ánh chớp" theo cái nghĩa bình thường của từ ngữ, chứ không phải là "cinéma".

Dù sao, những bài thơ hoặc lời nói ít ỏi còn ghi lại được của Vạn Hạnh thiền sư cũng mang tính chất của những bài sấm hoặc bài kệ.

1154. Kiến thức ngày nay, số 570

Hỏi: *Tại sao người ta lại gọi các cầu thủ của Inter Milan là* nerazzurri, *của A.C. Milan là* rossoneri *còn các tuyển thủ quốc gia của Ý là* azzurri?

Trả lời: *Nerazzurri* là số nhiều của *nerazzurro.* Đây là một từ ghép gồm có: *nero* (= đen) + *azzurro* (= xanh da trời). Các cầu thủ của Inter Milan mặc áo truyền thống sọc xanh đen.

Rossoneri là số nhiều của *rossonero.* Đây là một từ ghép gồm có *rosso* (= đỏ) + *nero* (= đen). Các cầu thủ A.C. Milan mặc áo truyền thống sọc đỏ, đen.

Còn *azzurri* là số nhiều của *azzurro,* có nghĩa là xanh da trời. Đây là màu truyền thống của tuyển quốc gia Ý.

1155. Kiến thức ngày nay, số 571

Hỏi: *Từ "cirro-cumulus" được dịch là "mây ti tích", "strato-cumulus" là "mây tầng tích", "alto-stratus" là "mây trung tầng". Vậy tại sao từ "alto-cumulus" lại được Lạc Việt từ điển và cả Wikipedia cùng dịch là "mây dung tích". Tôi nghĩ nên dịch là "mây trung tích" mới đúng". Nhờ ông An Chi giải thích hộ tại sao lại như thế, hai tiếng "trung" và "dung" có gì giống nhau?*

Trả lời: Chúng tôi chưa rõ những người dịch *alto-cumulus* thành "dung tích" đã dùng hình vị *dung* theo nghĩa nào và đây là chữ *dung* nào của tiếng Hán nên không dám có ý kiến. Nhưng xét theo hệ thống, và nhất là đối với thuật ngữ, thì chúng tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của bạn. Nếu trong *alto-stratus, alto* đã được dịch là *trung* thì trong *alto-cumulus* nó cũng nên được dịch như thế (thành *trung tích*).

Sách *Tìm hiểu Trái Đất* của Nguyễn Hữu Danh (Nxb. Giáo dục, tái bản lần thứ tư, 2002) đã giới thiệu cho ta một bảng phân loại mây theo độ cao và hình dáng đám mây như sau:

"A. *Mây tầng cao:*

1. Mây ti

2. Mây ti tích

B. *Mây tầng giữa:*

3. Mây trung tích

4. Mây trung tầng

C. *Mây tầng thấp:*

5. Mây tầng tích

6. Mây vũ tầng

7. Mây tầng".

(Sđd, tr. 67 - 68).

Tên các loại mây của bảng trên đây tương ứng một đối một với các thuật ngữ bằng tiếng La Tinh dưới đây:

1. Cirrus

2. Cirrocumulus

3. Altocumulus

4. Altostratus

5. Stratocumulus

6. Nimbostratus

7. Stratus

Sổ tay thuật ngữ địa lý của Nguyễn Dược - Trung Hải (Nxb. Giáo dục, tái bản lần thứ năm, 2003) cũng dịch *altocumulus* là (mây) *trung tích* (Xin xem tr. 128).

Hai nguồn thư tịch trên đây cho ta thấy hình vị *alto* đã được dịch một cách thống nhất thành *trung*. Chúng tôi cho rằng cách dịch này phù hợp với tính chặt chẽ của thuật ngữ hơn cách dịch thành "dung" đối với trường hợp của *altocumulus* mà bạn đã nêu.

Cuối cùng, xin nói thêm rằng, thực ra, trong tiếng La Tinh, thì *alto (< altus)*, có nghĩa gốc là cao, rồi nghĩa bóng là cao cả, và cả cao ngạo nữa. Vậy nếu muốn dịch cho thật sát nghĩa gốc của hình vị đang xét trong tiếng La Tinh thì:

- *Altocumulus* phải là *(mây) cao tích;* còn

- *Altostratus* phải là *(mây) cao tầng.*

Các nhà khí tượng học người Việt Nam đã thực hiện kiểu "ta làm theo cách của ta" nên mới dịch *alto* thành "trung" vì họ cho rằng mây "trung tích" và mây "trung tầng" dù sao cũng còn thấp hơn là *mây ti tích* (khoảng 9.000m) và *mây ti* (từ 6.000 đến 12.000m). Thực ra, trong bảng phân loại mây bằng tiếng La Tinh, thuật ngữ *altocumulus* (mây tích cao) được đặt ra trong thế đối lập với *cumulus* (mây tích (hiểu là thấp hơn altocumulus)) còn *altostratus* (mây tầng cao) được đặt ra là để đối lập với *stratus* (mây tầng (hiểu là thấp hơn altostratus)), như có thể thấy trong sơ đồ *Classification des Nuages par Altitude* (Bảng phân loại mây theo độ cao) dưới đây:

Rõ ràng là *altocumulus* và *altostratus* ở tầng trung bình (Moyen) còn *cumulus* và *stratus* thì ở tầng dưới (Inférieur). Nghĩa là *altocumulus* cao hơn *cumulus* còn *altostratus* cao hơn *stratus*. Chính vì thế nên từ điển tiếng Hán, *Từ hải*, bản tu đính 1989 (Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1997), chẳng hạn, mới gọi *altocumulus* là *cao tích vân* còn *altostratus* là *cao tầng vân* (Xin xem tr. 2299). *Anh - Hoa đại từ điển* của Zheng Yili và Cao Chengxiu (The Commercial Press, Beijing, 1996) cũng dịch *altocumulus* là *cao tích vân* còn *altostratus* là *cao tầng vân*.

Vậy, đúng nhất thì hình vị *alto* phải được dịch thành *cao*, chứ cũng chẳng phải là "trung". Xài của người mà cứ đòi ta làm theo cách của ta thì nhiều khi rất dễ dẫn đến chuyện... tréo ngoe.

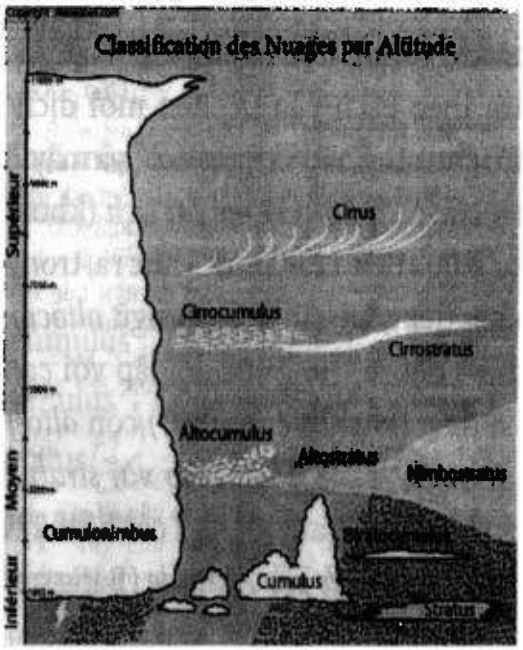

1156. Kiến thức ngày nay, số 571

Hỏi: Haiku *là một danh từ tiếng Nhật dùng để chỉ một thể thơ ngắn 17 tiếng làm thành 3 câu (5-7-5). Điều này thì chắc là nhiều người biết. Rắc rối là ở chỗ người thì nói danh từ này bắt nguồn từ hai chữ Hán đọc theo âm Hán Việt là "hài cú"; người lại nói hai chữ Hán đó là "bài cú" ("bài" chứ không phải "hài"). Vậy xin ông An Chi vui lòng cho biết đây là "bờ" hay là "hờ" và dù là "bờ" hay "hờ" thì chữ Hán viết ra làm sao.*

Trả lời: Nhiều tác giả đã khẳng định rằng *haiku* là *hài cú* nhưng không biết các vị căn cứ vào đâu vì cũng chẳng thấy họ đưa ra chữ Hán nào để làm bằng. Còn sự thật thì *haiku* lại là *bài cú,* mà Hán tự là 俳句.

Dictionnaire japonais - français của G. Cesselin (2366 pp., Tokyo, 1957) đã cho nguyên văn như sau:

"haiku (俳句): Vers comique, poésie comique en 3 vers de 5, 7 et 5 syllabes".

(haiku (bài cú): Câu thơ khôi hài, bài thơ khôi hài với 3 câu 5, 7 và 5 tiếng).

Một số từ điển tiếng Hán cũng có ghi nhận hai chữ *bài cú* 俳句, chẳng hạn *Từ hải,* cả bộ cũ lẫn bộ tu đính 1989.

Còn về ngữ âm mà *bài* lại thành *hai (ku)* trong tiếng Nhật thì cũng chẳng phải chuyện lạ:

- *Ba* là sóng, tiếng Nhật đọc thành *ha.*

- *Bá đạo*, tiếng Nhật đọc là *hadò*.

- *Bài* trong *môn bài*, tiếng Nhật đọc là *hai*.

- *Bái* trong *bái kiến*, tiếng Nhật đọc là *hai*.

- *Bán* là một nửa, tiếng Nhật đọc là *han*.

- *Biến* trong *biến hoá*, tiếng Nhật đọc là *hen*; và đặc biệt

- *Nhật Bản* thì tiếng Nhật đọc là *Nihon*; v.v...

Cứ như trên thì *bài cú* mà lại thành ra *haiku* trong tiếng Nhật cũng chẳng phải là chuyện lạ.

1157. Kiến thức ngày nay, số 571

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 541, ngày 20-8-2005, ông An Chi đã phủ nhận việc kỵ huý chú của Nguyễn Du trong việc khắc in bản Kiều Duy Minh Thị 1872 (DMT 1872). Nhưng mới đây, trong bài "Bàn lại với anh Nguyễn Quảng Tuân về niên đại* Truyện Kiều" (Nghiên cứu Văn học, *5-2006, tr. 119 - 123*), *GS. Nguyễn Tài Cẩn vẫn nhấn mạnh:*

"Gần đây Tiến sĩ Ngô Đức Thọ đã chứng minh cách viết các chữ TRỌNG khác cũng đều có sự thay đổi tự dạng cả. Hơn nữa, cụ Hoàng Xuân Hãn đã cất công vào tận Tiên Điền điều tra điền dã, hỏi cụ Nghè Mai và cụ Nghè Mai đã khẳng định. Việc kỵ huý trong gia đình mà gia đình đã công nhận thì chúng ta phải tin theo thôi" (Bđd, tr. 122).

Xin ông An Chi cho biết ông nghĩ thế nào về cái lý của GS. Nguyễn Tài Cẩn.

Trả lời: Ông Nguyễn Tài Cẩn nói như thế nhưng chính gia đình khẳng định rằng sau khi đi sứ về Nguyễn Du mới viết *Truyện Kiều* thì ông ấy có nghe theo đâu.

Còn việc kỵ huý chú Nguyễn Du trong văn bản Duy Minh Thị 1872 thì chúng tôi xin nhắc lại rằng "cái gia huý của Nguyễn Du mà ông Ngô Đức Thọ "tìm thấy" chỉ là một chữ huý ảo". Chúng tôi đã phân tích một số chữ để chứng minh cái thuyết "kéo vai xuống" (Xin xem lại *Kiến thức ngày nay*, số 541) của ông Ngô Đức Thọ không có giá trị. Để ông và bạn đọc dễ quan sát, chúng tôi xin in lại phần trên của trang 38B bản DMT 1872 trong đó chữ *chác* 卓 của câu 1459 cũng bị kéo vai xuống thành 卓 mặc dù nó chẳng kỵ huý ai cả (dĩ nhiên là rải rác còn có những chữ khác nữa cũng bị "kéo vai xuống" như thế).

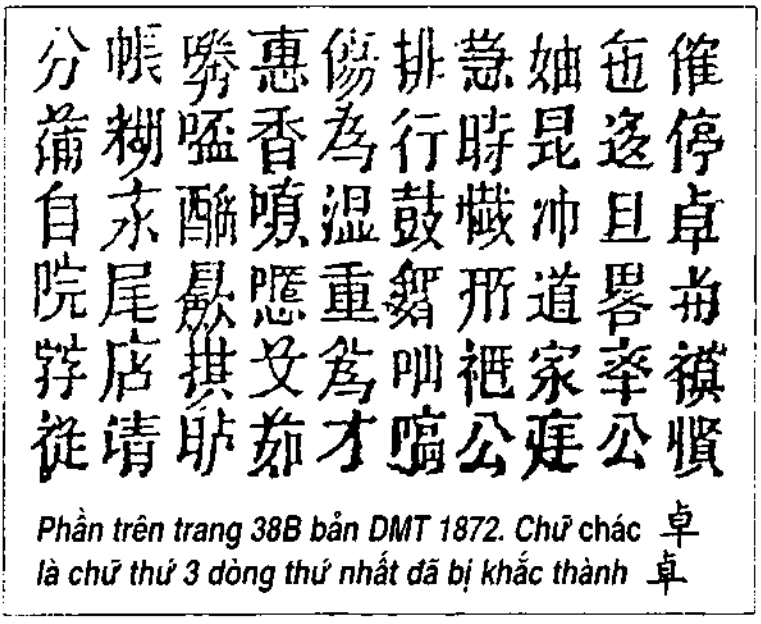

Phần trên trang 38B bản DMT 1872. Chữ chác 卓 *là chữ thứ 3 dòng thứ nhất đã bị khắc thành* 卓

Sự thật là như thế nên thiết tưởng ta có thể từ bỏ không chút lưu luyến cái thuyết "kéo vai xuống" của ông Ngô Đức Thọ để cho nhiều chữ khỏi bị hàm oan vì cái "gia huý" của Nguyễn Du. *(Xin xem thêm ở câu 1160).*

1158. Kiến thức ngày nay, số 572

Hỏi: *Vòng đấu bảng của World Cup 2006 sẽ kết thúc vào ngày 23-6 với hai trận của bảng H, sau 3 lượt trận. Xin ông cho biết vòng tiếp theo sẽ là vòng "một phần bao nhiêu". Tôi hỏi như thế là vì khi tường thuật và bình luận trực tiếp các trận đấu trên HTVC, cùng ngồi với nhau nhưng một vị bình luận viên gọi đây là vòng 1/16 còn một vị khác thì nói khéo để cải chính rằng đó là vòng 1/8. Rồi đọc một tờ báo ra ngày 21-6, tôi lại thấy hai bài tại trang 15, một bài của T.P., một bài của N.K. Cả hai tác giả này đều gọi đó là vòng 1/16. Rồi bản tin nhanh cùng ngày của tờ báo đó cũng gọi đây là vòng 1/16, chẳng hạn ở cuối cột 5 của trang nhất hoặc ở cột 1, trang 2. Hồi 2002, một số vị cũng gọi vòng này là vòng 1/16. Thật chẳng còn biết đây là vòng "một phần bao nhiêu". Nhưng dù là "một phần bao nhiêu" thì giới truyền thông cũng phải nói cho chính xác; có phải không, thưa ông?*

Trả lời: Vâng, đúng là phải nói cho chính xác. Mà vấn đề thực ra cũng chẳng có gì là phức tạp.

Chung kết (một trận) thì có 2 đội; bán kết (hai trận) có 4 đội; tứ kết (bốn trận) có 8 đội. Với 16 đội còn lại sau

ba lượt của vòng bảng, ta chỉ có 8 trận mà thôi. Vậy đây là vòng 1/8 chứ không thể là 1/16. Tiếng Anh có gọi vòng này là *round of 16* nhưng *round of 16* là *vòng 16 đội* chứ không phải là vòng 1/16.

1159. Kiến thức ngày nay, số 572

Hỏi: Trên Kiến thức ngày nay, *số 570, ông có dự đoán về World Cup 2006. Hơn nửa chặng đường đã qua, vậy ông có thu lượm được điều gì tâm đắc không?*

Trả lời: Thực ra thì điều tâm đắc mà chúng tôi thu lượm được từ World Cup 2006 lại không trực tiếp liên quan đến bóng đá mà đến hoạt động nhân đạo của FIFA và tổ chức phi chính phủ Làng Trẻ em SOS - trong đó có cuộc vận động "6 Làng (Trẻ em) cho năm 2006" - đặc biệt là về một cầu thủ của Tuyển quốc gia Ecuador.

Đó là Ulises de la Cruz, một trong 100 cầu thủ lớn của thế giới, đã nhận làm đại sứ của FIFA/Làng Trẻ em SOS.

Ulises lớn lên ở Piquiucho, một ngôi làng ở miền Bắc Ecuador. Ở đây thiếu nước, điện thì đắt đỏ còn hệ thống giáo dục thì kém cỏi. Được hỏi tại sao anh nhận làm đại sứ cho FIFA/Làng Trẻ em SOS, Ulises de la Cruz cho biết:

- Hiện nay, tôi đang chơi tại Anh. Ở đây tôi có một cuộc sống trước kia tôi chưa hề mơ đến. Tôi muốn tận dụng cơ hội của mình để giúp đỡ người khác. Tôi yêu trẻ con. Và tôi rất hãnh diện là đại sứ của Làng Trẻ em SOS.

Ulises de la Cruz

Chính Ulises de la Cruz cũng đã thành lập một quỹ cứu trợ tại quê hương của mình. Anh cho biết trước kia quê mình không có trung tâm y tế; muốn chữa bệnh thì phải đến Ibarra cách đó 40 phút xe. Giáo dục miễn phí không đến được với nhiều đứa trẻ. Bây giờ đã có một trung tâm y tế, một y sĩ, một nha sĩ, một nữ y tá. Có cả một trường tiểu học với gần 200 học sinh. Người ta cũng đang tiến hành hiện đại hoá một số cơ sở khác. Và đang có một đề án mở rộng trung tâm y tế để có thể đón tiếp người bệnh của các làng chung quanh.

» 1160. Kiến thức ngày nay, số 572

Bổ sung cho câu trả lời về "gia huý" của Nguyễn Du trên *Kiến thức ngày nay*, số 571.

Trên số 571, vì khuôn khổ còn lại cho câu trả lời về "gia huý" của Nguyễn Du quá hạn hẹp nên chúng tôi chỉ có thể nói một cách vắn tắt. Nhưng cũng chính vì thế nên chúng tôi cảm thấy mình chưa làm hết trách nhiệm với bạn đọc. Vậy xin nói kỹ thêm như sau.

Ngay ở trang 38B của bản Duy Minh Thị 1872 mà chúng tôi đã cho in lại tại cột 2 và 3, trang 43 của *Kiến thức ngày*

nay, số 571, ta thấy có chữ *trọng* 重 mà ông Ngô Đức Thọ cho là bị "kéo vai xuống" thành 重. Đó là chữ thứ 4 của dòng thứ 6 (tính từ trên xuống), nghĩa là của câu thứ 1469 trong *Truyện Kiều (Thương vì nết, trọng vì tài)*. Nhưng chữ *chác* 卓, tức chữ thứ 3 của dòng thứ nhất, cũng bị "kéo vai xuống" thành 卓rõ mồn một, như đã nói trên số 571. Lần này xin nói thêm rằng, ngay ở dòng thứ nhất đó, phía dưới chữ *chác*, chữ *mua* 模 cũng bị "kéo vai xuống" thành 模. Và đây cũng là chuyện rõ mồn một mà bất cứ ai có một chút tinh thần khách quan cũng đều dứt khoát phải thừa nhận. Vậy thì hai chữ *chác* và *mua* ở đây kỵ huý của ai? Chưa hết. Nếu cứ theo cách lập luận của Ngô Đức Thọ thì ta còn nhiều chữ "kỵ huý" khác nữa. Ở dòng thứ 3 *(Dâu con trong đạo gia đình)*, chữ *con* 昆 đã bị khắc thành 昆 trong đó phần bên trái của chữ *tỷ* 比 là 匕 đã bị khắc thành 工. Rồi cũng ở dòng đó, chữ *trong* 冲 đã bị khắc thành 冲 trong đó chữ *trung* 中 đã bị khắc thành *cân* 巾. Vậy không biết những chữ này "kỵ huý" của nhân vật nào đây vì cũng bị khắc "khác nét"?

Trở lại với cái sự "kéo vai xuống", lần này chúng tôi mạn phép bàn cho "triệt để" bằng cách phân tích thêm một số chữ hữu quan ở trang 21B của bản Duy Minh Thị 1872 (tức trang 143 trong *Tư liệu Truyện Kiều - Bản Duy Minh Thị 1872* của Nguyễn Tài Cẩn, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2002) mà chúng tôi cho sao in lại dưới đây:

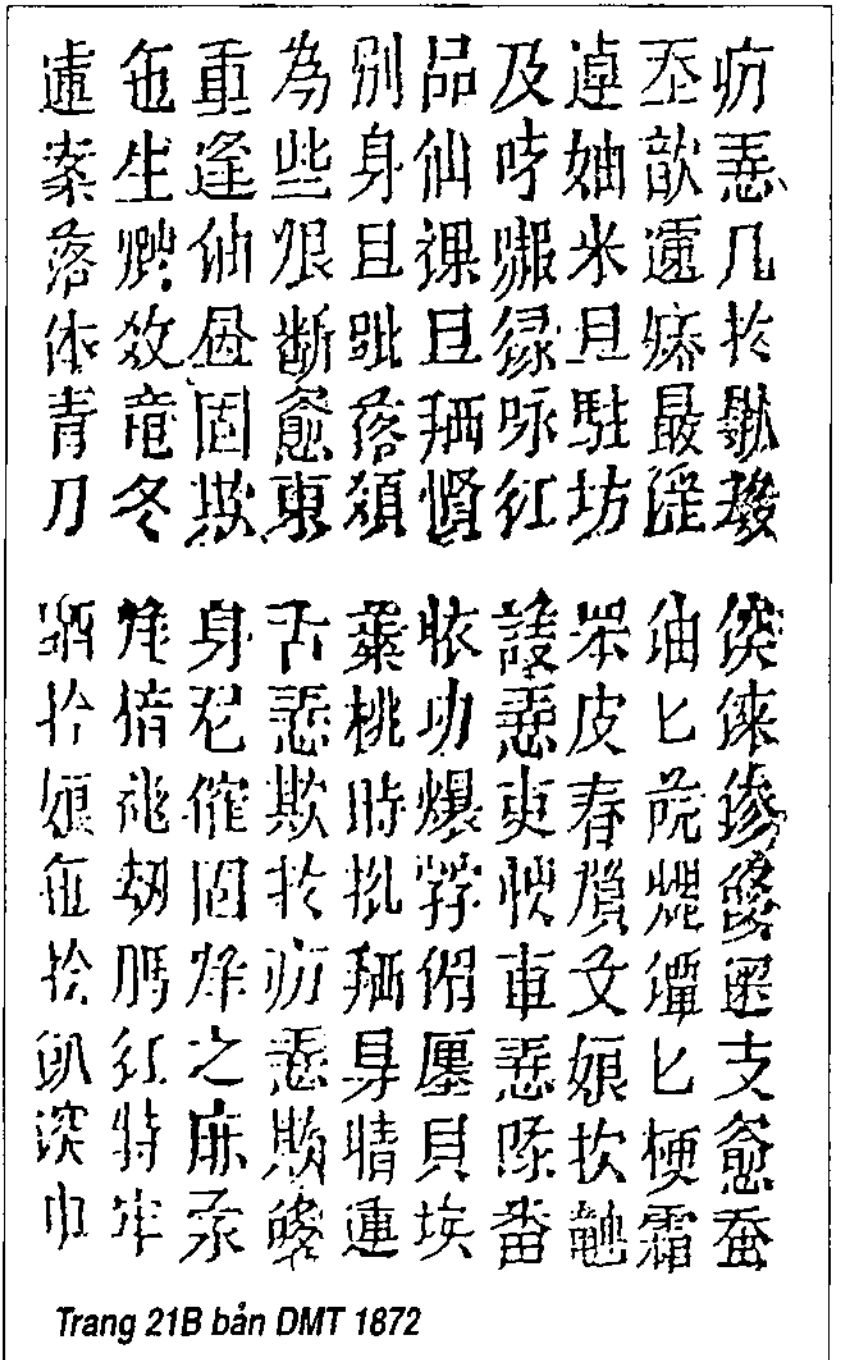

Trang 21B bản DMT 1872

Cũng như những trang khác của bản Duy Minh Thị 1872, trang này chia làm hai phần: phần trên là những câu 6 còn phần dưới là những câu 8. Riêng phần trên đã có đến 9 chữ bị "kéo vai xuống" (Xin tạm dùng cách nói này để chỉ những chữ có một bộ phận bị "kéo vai xuống") còn phần dưới thì có 4 chữ.

Xin phân tích phần trên trước.

1. Chữ *người* 𠊛 (chữ thứ 5, dòng 1) bị "kéo vai xuống" thành 𠊚.

2. Chữ *tối* 最 (chữ thứ 5, dòng 2) bị "kéo vai xuống" thành 𣎆.

3. Chữ *rước* 連 (chữ thứ 1, dòng 3) bị "kéo vai xuống" thành 連.

4, 5, 6. Ba chữ *đến* 旦 (chữ thứ 4, dòng 3; chữ thứ 4, dòng 5 và chữ thứ 3, dòng 6) đều bị "kéo vai xuống" thành 且.

7. Chữ *thuở* 課 (chữ thứ 3, dòng 5) bị "kéo vai xuống" thành 課.

8. Chữ *trùng* 重 (chữ thứ 1, dòng 8) bị "kéo vai xuống" thành 重.

9. Chữ *trên* 連 (chữ thứ 1, dòng 10) bị "kéo vai xuống" thành 連.

Trở lên là 9 chữ bị "kéo vai xuống" của phần trên còn sau đây là 4 chữ của phần dưới:

10. Chữ *dầm* 潭 (chữ thứ 6, dòng 2) bị "kéo vai xuống" thành 潭.

11. Chữ *xa* 車 (chữ thứ 5, dòng 4) bị "kéo vai xuống" thành 車.

12. Chữ *người* 哥 (chữ thứ 6, dòng 6) bị "kéo vai xuống" thành 哥.

13. Chữ *chung* (thực ra là trên) 連 (chữ thứ 8, dòng 6) bị "kéo vai xuống" thành 連.

Đó là 13 chữ trong đó có một bộ phận bị "kéo vai xuống" mà ta có thể thấy ở trang 21B của bản DMT 1872. Một mật độ như thế trong một trang có thể được coi là cao và cho phép ta khẳng định rằng việc "kéo vai xuống" ở đây chẳng qua chỉ là một cái tật của người thợ khắc ván do sự vụng tay và không rành chữ mà ra chứ chẳng phải là do kỵ tên kỵ huý gì hết. Có lẽ nào nhà văn bản học và nhà huý học lại đành lòng gởi trọn niềm tin của mình vào sự vụng tay và không rành chữ của anh thợ khắc ván? Thực ra, chuyện "kéo vai xuống" ở đây chỉ là chuyện hiếu sự mà thôi.

1161. Kiến thức ngày nay, số 573

Hỏi: *Trong* Tư liệu Truyện Kiều - Bản Duy Minh Thị 1872 *(Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002), Nguyễn Tài Cẩn đã phiên âm chữ thứ nhất câu 782 là "giọt" (tr. 142 - 143) rồi cho biết chỉ có bản Đào Duy Anh 1974 ghi "lệ" còn các bản Kiều Oánh Mậu 1902 (bản B), Thịnh Mỹ Đường 1879 (bản C) và Liễu Văn Đường 1871 (bản D) đều ghi "giọt". Xin ông An Chi cho biết thực hư ra sao.*

Trả lời: Ta không được biết Đào Duy Anh căn cứ vào đâu mà phiên chữ đang xét thành "lệ" nhưng chúng tôi thì có căn cứ để khẳng định rằng chữ *giọt* 滴 của các bản B, C, D chỉ là do nhầm lẫn mà ra. Cái chữ gốc phải là *lệ* 淚 thì mới đúng. Chẳng qua do tự dạng của hai chữ này na ná nhau nên thợ khắc ván hoặc người chép mới nhầm từ *lệ* 淚 thành *giọt* 滴 mà thôi.

Nhưng dựa vào đâu mà khẳng định rằng chữ đang xét phải là *lệ*? Ta hãy phân tích câu 782 như Nguyễn Tài Cẩn đã phiên (dĩ nhiên là phiên đúng):

Giọt rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.

Câu này có hai vế tiểu đối: *Giọt rơi thấm đá - tơ chia rũ tằm,* trong đó *giọt* đối với *tơ*. Nhưng trong khi *tơ* là một danh từ khối thì *giọt* lại là một danh từ đơn vị. Trái cựa chính là ở chỗ này. Trong một ngôn cảnh như câu 782, bản thân từ *giọt* không chỉ được cái gì cụ thể cả. Đó có thể là "giọt *máu* rơi thấm đá", "giọt *mỡ* (!) rơi thấm đá", "giọt *mưa* rơi thấm đá", "giọt *nước* rơi thấm đá", "giọt *sương* rơi thấm đá", v.v... Rõ ràng chữ *giọt* rất mơ hồ. *Lệ* thì hoàn toàn cụ thể:

Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.

Danh từ khối đối với danh từ khối thì mới xứng lứa vừa đôi chứ nếu người chép hoặc anh thợ khắc có quyền đổi *lệ* thành "giọt" thì ta cũng có quyền đổi *tơ* thành "sợi" mà nói:

Giọt rơi thấm đá, sợi chia rũ tằm!

May thay, bản của Tiểu Tô Lâm (Noạ Phu), một bản rất đáng tin, đã chép cho ta:

Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.

(*Truyện Kiều - Bản Kinh đời Tự Đức*, Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị, Nxb. Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2003, tr. 160 - 161).

1162. Kiến thức ngày nay, số 575

Hỏi: *Chú thích cho bức ảnh kèm theo đây (Ảnh 1), in tại trang 9 của tạp chí* Xưa & Nay, *số 262, Ban biên tập đã ghi: "Phố cổ Chợ Lớn - Triệu Quang Phục". Xin cho biết ghi chú như thế có đúng hay không?*

Trả lời: Chúng tôi in lại bức ảnh trên trang 9 của tạp chí *Xưa & Nay*, số 262 để bảo đảm tính khách quan, nhưng vì ảnh không rõ nên xin in thêm bức ảnh chúng tôi mới chụp *(Ảnh 2)*, cũng cùng một góc nhìn, để dễ bàn luận và nhất là để cho bạn đọc khác dễ quan sát.

Chỉ cần thoáng nhìn thì đã có thể biết rằng "Phố cổ Chợ Lớn - Triệu Quang Phục" là một lời ghi chú sai. Bất cứ ai đã từng ở Chợ Lớn trước đây hoặc thường lui tới Quận 5 hiện nay cũng có thể thấy đường Triệu Quang Phục không thể rộng như thế được. Đó thực ra là đường *Hải Thượng Lãn Ông*. Ngay căn nhà mặt tiền, nhìn ra góc đường, hiệu Hồng Phúc, như có thể thấy rõ ràng trong ảnh, cũng thuộc đường Hải Thượng Lãn Ông. Đây là một con đường rộng

Đường Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5 xưa *(Ảnh 1)* và nay *(Ảnh 2)*.

hàng mấy chục mét, chia làm hai chiều, ở giữa hiện nay là một khoảng trống (còn ngày trước là chợ Gaudot). Chiều có dãy phố cổ mà ta thấy trong ảnh là chiều đi từ Bưu điện Quận 5 tới. Còn đối diện ở phía bên kia, có một toà nhà lớn và kiên cố nay là văn phòng của Trung tâm giáo dục thường xuyên, Hội bảo trợ tiếng Hoa và Câu lạc bộ giáo viên tiếng Hoa thì trước đây là toà nhà trung tâm của trường Nghĩa An của người Triều Châu, nổi tiếng là mạnh về môn bóng rổ trong tất cả các trường của Sài Gòn - Chợ Lớn.

Còn đường Triệu Quang Phục thì lại cắt ngang đường Hải Thượng Lãn Ông, như ta cũng có thể thấy được ở bảng tên đường (tiếc rằng trong ảnh thì lại quá nhỏ), gần cột đèn, ở về phía trước và bên trái (nhìn theo ảnh, tức ở ngoài nhìn vào) của hiệu Hồng Phúc.

Xin nhân tiện bàn thêm đôi chút về khái niệm "phố cổ" mà Ban biên tập *Xưa & Nay* - và có lẽ cả nhiều vị ở một số lĩnh vực khác - đã dùng để chỉ dãy phố của người Hoa mà ta thấy trong ảnh. Thực ra, có "cổ" lắm thì dãy phố này

cũng chỉ mới thọ bách niên (nói có "chiếu cổ") mà thôi: đây chẳng qua chỉ là "phố Tàu thời Tây", làm sao bì được với *phố cổ* chính danh của Hội An và Hà Nội, cũng như những gì còn sót lại của Phố Hiến. Vậy, xin ngành bảo tồn bảo tàng vui lòng cho người dân biết quan niệm chính xác và chính thức của mình về cái khái niệm được gởi gắm trong hai tiếng "phố cổ".

» 1163. Kiến thức ngày nay, số 575

Hỏi: *Còn nhớ hồi 2003, khi bàn về cách đọc chữ* 仍 (trong câu Kiều thứ 2128, *bản* Duy Minh Thị *1872) của GS. Nguyễn Tài Cẩn, ông có nói rằng một vị ở Chợ Lớn có hứa với ông là vị ấy sẽ tìm tài liệu để "minh chứng" rằng chữ này có tồn tại. Từ bấy đến nay đã gần 3 năm, xin ông vui lòng cho biết vị ấy đã tìm được chưa?*

Trả lời: Chúng tôi thì không dám nhắc vị ân nhân ở Khánh Vân Nam Viện (Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) vì mình là người đi nhờ vả nhưng xin trân trọng cám ơn ông đã nhắc chúng tôi về một trường hợp của *Chuyện Đông chuyện Tây* mà, có lẽ, theo ý ông, chưa được giải quyết dứt khoát. Xin thưa để ông thông cảm cho rằng chưa giải quyết dứt khoát chỉ là chuyện chữ 仍 của tiếng Hán, chứ còn cái chữ Nôm 仍 thì chúng tôi đã kết luận rõ ràng và dứt khoát trên *Kiến thức ngày nay,* số 471 rồi. Nhưng có lẽ ông, và một số bạn đọc khác (?), chưa tin ở cách giải quyết đó nên

lần này chúng tôi xin đưa ra những bằng chứng *hoàn toàn chắc chắn* để ông và những bạn đọc đó tham khảo.

Mới đây, Nhà xuất bản Giáo dục có ấn hành quyển *Tự điển chữ Nôm* (TĐCN) của Viện nghiên cứu Hán - Nôm (NCHN) do Nguyễn Quang Hồng chủ biên (in xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2006). Về những dẫn chứng từ *Truyện Kiều,* TĐCN dùng bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Phúc Văn Đường tàng bản, khắc in năm Khải Định thứ 3 (1918). Tại trang 1001, mục SẮM, TĐCN cho nguyên văn như sau:

" 忄 SẮM. Loại chữ C2 (hv. *Sám*).

Sửa soạn, chuẩn bị. Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân *(Kiều, 1b)* - Sắm sanh níp tử xe châu *(Kiều, 2b)* - Sắm sanh xe ngựa vội vàng (*Kiều, 62a*)".

Ở tờ 1b của bản Phúc Văn Đường là câu 66; ở tờ 2b là câu 77 còn ở tờ 62 là câu 2951. Sự có mặt của chữ đang xét trong 3 câu này của bản Phúc Văn Đường cho phép khẳng định:

Chữ 忄 là một chữ Nôm chính cống bất kể nó là một chữ mượn từ một chữ Hán cận âm và cùng tự hình hay nó là một chữ mà người Việt tạo ra một cách hoàn toàn độc lập với cái chữ Hán kia. Đó cũng chính là chữ thứ 7 trong câu 2128 của bản Duy Minh Thị 1872 chứ chữ này không phải gồm có bộ *tâm* 忄 (hoặc 扌), chữ *thiên* 千 và dấu *cá* 丶; như Nguyễn Tài Cẩn đã suy diễn.

Mặc dù chúng tôi vẫn còn nợ ông và bạn đọc về dẫn chứng cho sự hiện diện của chữ đang xét trong kho Hán tự nhưng các nhà biên soạn của TĐCN đã khẳng định rằng chữ 忉 là một chữ Nôm thuộc loại C2, nghĩa là một chữ mượn từ chữ Hán mà đọc trại âm, thì chắc là các vị ấy phải có bằng chứng đáng tin cậy về sự tồn tại của nó trong kho Hán tự.

1164. Kiến thức ngày nay, số 575

Hỏi: *Tôi và mấy ông bạn cũng là người yêu thích* Truyện Kiều *nên tuy một chữ Nôm bẻ đôi cũng không biết nhưng lại thích sưu tầm các bản* Kiều *để trao đổi cho nhau xem và trao đổi ý kiến. Ông A mua bản Liễu Văn Đường 1871, ông B mua bản Kinh đời Tự Đức, tôi mua bản Duy Minh Thị 1872, v.v.. Thấy ông thường nhận xét về* Truyện Kiều *nên xin hỏi ông có ý kiến gì về một số chỗ phiên âm của Nguyễn Tài Cẩn trong bản Duy Minh Thị mà tôi đang có trong tay. Mong ông quan tâm và xin trân trọng cám ơn.*

Trả lời: Thực ra thì về bản Duy Minh Thị 1872, do Nguyễn Tài Cẩn phiên âm và khảo dị, chúng tôi cũng đã có nhận xét một vài lần về một số điểm chi tiết, đặc biệt là về chữ Nôm miền Nam (Xin xem *Kiến thức ngày nay*, số 464). Nhưng ông đã có lòng quan tâm đến *Chuyện Đông chuyện Tây* mà đặt vấn đề thì chúng tôi cũng mạn phép nhận xét thêm về một số chỗ phiên âm không hợp lý của Nguyễn Tài Cẩn.

1. Câu 81 được Nguyễn Tài Cẩn phiên là:

Lòng đâu sẵn mỏn thương tâm.

Chữ 疒 được phiên thành *mỏn* (tr. 72) với lý do "chắc phải đọc thành *mỏn* với ý nghĩa là "yếu đuối, kiệt sức, buồn thảm" (tr. 403). Hình như Nguyễn Tài Cẩn quên để ý rằng nếu chữ thứ hai của nó là một vị từ thì cấu trúc *sẵn mỏn thương tâm* không còn là tiếng Việt thật chuẩn nữa. Để cho cấu trúc này thật sự phù hợp với quy luật của tiếng Việt và cảm nhận của người Việt, chữ thứ hai của nó phải là danh từ: *món, mối,* v.v... Còn chúng tôi thì lại đọc thành *mớn*, như đã nói ở một kỳ *Chuyện Đông chuyện Tây* gần đây. *Mớn* là một từ của phương ngữ Nam Bộ, có nghĩa là "sức chứa của một chiếc thuyền" (Từ điển Lê Văn Đức). *Mớn thương tâm* là cái trữ lượng của tình thương chất chứa ở trong lòng. Nhưng nếu không phải là *mớn* thì cũng phải là một danh từ khác chứ "mỏn" thì không ổn.

2. Câu 677 được Nguyễn Tài Cẩn phiên là:

Thè rằng liều một thân con.

Chữ 時 được Nguyễn Tài Cẩn đọc thành *thè* (đây là chữ của Nguyễn Tài Cẩn chứ không phải lỗi in ấn). Ở câu 664 tuy viết *thà* nhưng Nguyễn Tài Cẩn lại nhận xét: "Riêng ở bản này thì *chẳng thè*, chữ *thè* ghi bằng *thì*" (tr. 427, chú thích 236) và "Ở câu này (câu 677 - AC) *thà* cũng khắc thành *thè* (...)" (tr. 428, chú thích 242). Thực ra, chữ 時 cũng được dùng để ghi *thà* (Xin xem chẳng hạn, *Tự điển chữ Nôm* của Viện

Nghiên cứu Hán Nôm do Nguyễn Quang Hồng chủ biên) nên ở đây nó không thể đọc thành "thè" như Nguyễn Tài Cẩn đã phiên.

3. Câu 789 được Nguyễn Tài Cẩn phiên là:

Phẩm tiên thuở đến tay hèn.

Chữ 裸 được Nguyễn Tài Cẩn đọc là "thuở" vì ông tưởng rằng đó là chữ *khoá* 課 của tiếng Hán. Thực ra, đây là chữ *loã* 裸 dùng làm Nôm để ghi âm *lỡ*. Vậy câu 789 là:

Phẩm tiên lỡ đến tay hèn.

Vì khuôn khổ có hạn nên xin tạm dừng ở đây; mong ông và bạn đọc thông cảm.

1165. Kiến thức ngày nay, số 576

Hỏi: *Trong bài "Trao đổi thêm về chữ* tầy *trong câu tục ngữ* Học thầy không tầy học bạn", *đăng trên* Ngôn ngữ & Đời sống, *số 7 (129), 2006, tác giả Lê Hữu Bắc Sơn đã bác bỏ ý kiến cho rằng "chữ* tầy *do chữ* tề *đọc chệch mà ra". Tác giả này viết:*

"Hiện tượng "ê" đọc chệch sang "ây" rất ít thấy vì "ê" là nguyên âm hơi hẹp ở hàng trước còn "â" lại là nguyên âm hơi hẹp ở hàng sau. Hai nguyên âm đó rất khó chuyển đổi cho nhau. Vì thế lập luận tề *đọc chệch thành* tầy *rất khó chấp nhận" (Bđd, tr. 44).*

Vậy, theo ông An Chi, ý kiến này có thể chấp nhận được hay không?

Trả lời: *Tầy* là âm Hán Việt xưa của chữ 齊 mà âm Hán Việt hiện đại là *tề*. Nếu không phải là âm Hán Việt xưa thì đó cũng là âm "Hán Việt Việt hoá", nhưng chắc chắn là ở đây *tầy* và *tề* có quan hệ nguồn gốc với nhau. Về mối tương ứng *ây* ~ *ê*, ta còn có những dẫn chứng đầy sức thuyết phục khác.

Chữ 西, vẫn còn đọc theo âm thông dụng là *tây*, lẽ ra phải đọc thành *tê* vì nó thuộc vận bộ *tề* 齊. Thiết âm của nó trong *Quảng vận* là *tiên kê thiết*. Rõ ràng là lẽ ra nó phải được đọc thành *tê*. Vậy mối quan hệ *Tây* 西 ~ *tê* là chỗ dựa để ta khẳng định mối quan hệ *tầy* ~ *tề* 齊.

Cái chỗ dựa này sẽ được củng cố thêm gấp bội nếu ta biết thêm rằng chữ *tê* 犀 trong *tê giác* cũng có một điệp thức là *tây*. Trước đây, cái con thú mà tiếng Việt miền Bắc trước 1975 và tiếng Việt toàn dân sau 1975 gọi một cách ngộ nghĩnh là *tê giác*, thì tiếng Việt miền Nam gọi là *tây*, như đã được ghi nhận từ cuối thế kỷ XVIII trong *Tự vị Annam - Latinh* của Pigneaux de Béhaine, rồi nửa đầu thế kỷ XIX trong *Từ điển An Nam - Latinh* của J.L.Taberd, và đầu nửa sau thế kỷ XX trong *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức. Dẫn từ điển Lê Văn Đức là để chứng tỏ rằng miền Nam giữ lại cái âm *tây* lâu hơn miền Bắc chứ xưa kia thì

miền Bắc cũng gọi con "tê giác" là con *tây* như có thể thấy trong *Dictionarium Latino - Annamiticum* của M.H. Ravier, in tại Ninh Phú năm 1880, tại các mục:

- "*Rhinoceros.* 1. Con tây; tê ngưu (...) 3. Bình bằng tây giác (...)".

- *Rhinoceroticus.* (sự gì) Thuộc về con tây".

Cái âm *tây* này còn được ghi nhận trong *Hán-Việt từ điển* của Đào Duy Anh:

"*Tê ngưu.* Con tê ngưu, mình nhỏ hơn voi một chút, da dầy (sic), sừng mọc ở mũi, ở rừng, tục gọi là tây ngu (rhinocéros)".

Ngoài các trường hợp trên, ta lại còn có chữ *tẩy* 洗 có nghĩa là rửa. Đây là một chữ thuộc vận bộ *tễ* 薺. Thiết âm của nó là *"tiên lễ thiết". Tiên lễ thiết* thì phải đọc thành *tể* nhưng đây lại là một cái âm chưa bao giờ được sử dụng đến. Người ta chỉ nói: *tẩy não, tẩy nhĩ, tẩy oan, tẩy uế,* v.v... Chẳng ai nói: *tể não, tể nhĩ,* v.v...

Thế là ta có:

- *tây* (trong *tây phương*) ~ *tê;*

- *tây (ngu)* ~ *tê (ngưu);*

- tẩy ~ tể.

Ba tiền lệ này là những chỗ dựa chắc chắn để ta khẳng định rằng *tẩy* (trong *Học thầy không tẩy học bạn*) là một biến thể ngữ âm, một điệp thức, của *tể.*

1166. Kiến thức ngày nay, số 576

Hỏi: *Có một bài hát nhan đề "Chờ đợi ai", trước đây nữ ca sĩ K.L. từng trình bày rất truyền cảm và thành công. Lời bài hát có những câu:*

Chờ đợi ai
Thao thức
Đêm hay ngày
Mong chờ ai
Không nguôi
Người có hay
Chờ đợi ai
Như cánh chim
Bay vút cao...

Và cuối cùng là:

Còn trái tim
Thì xin vẫn
Chờ đợi em.

Tôi tìm mãi mà không biết bài này của nhạc sĩ nào.

Trả lời: Đó là một ca khúc lời Việt nhạc... Tây và cái tên Tây của nó là *J'attendrai* (Em sẽ chờ).

Thật ra thì lai lịch của bài hát này hơi lòng vòng. Thoạt đầu, đó là một điệu nhạc trong vở nhạc kịch *Madame Butterfly* của Puccini. Điệu nhạc này là nguồn cảm hứng cho

Dino Olivieri sáng tác ca khúc *Tornerai (Anh [ngôi thứ 2] sẽ về)* do Nino Rastelli viết ca từ (bằng tiếng Ý). Sau đó Louis Poterat mới viết lời bằng tiếng Pháp với nhan đề *J'attendrai (Em sẽ đợi)*. Poterat đã viết lời cho 1.500 bài hát nhưng *J'attendrai* mới thuộc vào số những bài thành công nhất và, trong phần tiểu sử của Louis Poterat, *Hall de la Chanson* đã gọi đây là một bài *célébrissime* (lừng danh). Tuy có nguồn gốc như đã nói nhưng người ta mặc nhiên xem *J'attendrai* là một ca khúc của nước Pháp, rồi do giai điệu du dương và ca từ thống thiết của nó gợi liên tưởng đến người chinh phu mà bài hát này cơ hồ đã trở thành một bài ca yêu nước được hát đi hát lại trong suốt thời gian phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp. Ca từ có đoạn:

Les fleurs pâlissent
Le feu s'éteint
L'ombre se glisse
Dans le jardin
L'horloge tisse
Des sons très bas
Je crois entendre ton pas
Le vent m'apporte
Des bruits lointains
Guettant ma porte
J'écoute en vain
Hélas, plus rien
Plus rien ne vient.

Tạm dịch:

Hoa nhạt dần
Lửa bếp tắt
Bóng đêm lẻn
Vào vườn
Đồng hồ điểm
Những tiếng
Khẽ khàng
Em tưởng như
nghe bước
Chân chàng
Gió đưa đến em
Những tiếng xào xạc
Xa xôi
Dõi ra cửa
Em nghe vô vọng
Ôi, còn gì đâu
Còn có gì
Hiển hiện nữa đâu!

Đoạn trên đây thật là thống thiết nhưng tiếc rằng nhiều trang web cung cấp ca từ bài *J'attendrai* đã bỏ sót 7 câu đầu, làm cho nó nghèo nàn hẳn đi.

J'attendrai từng được một số danh ca lớp trước như Tino Rossi, Jean Sablon trình bày, còn gần đây hơn thì có Dalida (trình bày năm 1975), nhưng người đầu tiên giới

thiệu nó ngay từ năm 1938 và góp phần làm cho nó trở thành *célébrissime* chính là Rina Ketty, một danh ca người Pháp gốc Ý, sinh ngày 1-3-1911 tại Torino và mất ngày 23-12-1996 tại Cannes.

Ông và bạn đọc có thể vào: http://www.chanson.udenap.org/50-chansons/50-chansons-05.htm để nghe bài *J'attendrai* qua giọng ca của Rina Ketty, thu âm năm 1938.

1167. Kiến thức ngày nay, số 577

Hỏi: *Trong một pho từ điển, sau khi phân tích một cách đọc Nôm của học giả Hoàng Xuân Hãn mà mình cho là sai, tác giả Vũ Văn Kính viết tiếp:*

"Và ngay bây giờ, cũng có quyển sách mà đa số các nhà nghiên cứu vẫn đọc là "Ngọc Âm Chỉ Nam" hay "Chỉ Nam Ngọc Âm", chúng tôi cũng nghĩ rằng có lẽ chữ ngọc 玉 là do chữ quốc 國. *Viết đá thảo 王 mà vì lẽ gì đó đã mất một nét chấm nhỏ bên trái nên đã đọc thành chữ* ngọc. *Nếu trông vào tự hình chữ 玉 thì đúng là* ngọc, *nhưng chúng tôi không hiểu Ngọc Âm là gì mà chỉ Quốc Âm mới có nghĩa. Nhưng đây cũng chỉ là ý kiến của riêng chúng tôi thôi, còn độc giả sẽ tìm hiểu và đoán đọc".*

Trên một kỳ Chuyện Đông chuyện Tây, *ông đã có giới thiệu quyển sách trên và cũng đọc chữ đang bàn là "ngọc". Vậy lần này, xin ông cho biết ông có ý kiến gì khác không.*

Trả lời: Như chúng tôi đã nói trên một kỳ *Chuyện Đông chuyện Tây* trước đây, quyển *Chỉ nam* này chính là một loại từ điển Hán Việt trong đó tác giả đã giảng chữ Hán bằng chữ Nôm. Vậy chỉ với mục đích này thôi chứ chưa vội bàn đến mặt chữ, ta cũng đã có thể thấy rằng cái đối tượng mà tác giả đã ám chỉ bằng hai chữ *ngọc âm* ở đây chính là tiếng Hán. Mà đã thế thì đây không thể nào lại là "quốc âm" như ông Vũ Văn Kính đã suy đoán.

Vậy *ngọc âm* là gì? Trước nhất xin hãy nói về chữ *ngọc*. Đầu tiên là nghĩa đen, cũng là nghĩa gốc của nó, như trong *ngọc khí* (đồ trang sức bằng ngọc), *ngọc đái* (đai ngọc), *ngọc hoàn* (vòng (tay bằng) ngọc), *ngọc trâm* (trâm ngọc), *ngọc trợ* (đũa ngọc), v.v... Rồi đến nghĩa bóng (dùng theo ẩn dụ) như trong *ngọc lộ* (giọt sương như hạt ngọc), *ngọc tâm* (tấm lòng trong sáng như ngọc), *ngọc mễ* (hạt ngô (bắp) mà nếu nhìn kỹ thì có vỏ là một cái màng mỏng trắng bóng), v.v... Rồi cái nghĩa bóng đã đi rất xa nên chỉ còn là tươi đẹp, quý báu, đáng giá, đáng trân trọng, trong nhiều cấu trúc, đã trở thành đồng nghĩa với *tôn* (như: *ngọc chỉ:* bước chân ngài, *ngọc nữ:* con gái ngài, v.v...), với *ngự* (như: *ngọc phi:* phi của vua, *ngọc thực:* lương thực dành cho vua, v.v...). Tóm lại, cái công dụng của nó ở đây thực ra chỉ là để... "nịnh". Đây cũng chính là trường hợp của chữ *ngọc* trong *ngọc âm*. *Ngọc âm* là cái âm cao quý, đáng trân trọng. Ta hãy đọc mấy câu quan trọng trong phần mở đầu của sách *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa:*

Tụng kinh đọc sách thánh hiền,
Tải thông ba giáo dơ lên sách bày.
Bèn luận quyển Chỉ nam *này,*
Đã thông thiên địa lại hay nhân tình.
Thánh xưa đặt chữ xem hình,
Lấy bàng làm nghĩa, lấy mình làm tên.
Giáo ra muôn nước thừa truyền,
Khác nước khác tiếng chữ in một lề.
Nói nôm tiếng thị tiếng phi,
Đến lập văn tự lại y thánh hiền.
Hồng Phúc danh hương, chân Pháp tính,
Bút hoa bèn mới đính nên thiên,
Soạn làm chữ cái chữ con
San bản lưu truyền ai đặc thì thông[1].

Rõ ràng cái đối tượng trung tâm là chữ Hán, là những chữ được *soạn làm chữ cái* (chữ lớn, chữ chính) để giảng bằng chữ Nôm, là những *chữ con* (chữ khắc nhỏ hơn). Chẳng hạn, trong một câu như:

Kim ô mặt trời sáng hồng thì *Kim ô* là những chữ cái còn *mặt trời sáng hồng* là những chữ con. Hoặc như trong câu:

Thiềm luân nguyệt sáng trên không làu làu thì *thiềm luân* là những chữ cái còn *nguyệt sáng trên không làu làu* là những chữ con. v.v... và v.v...

1. *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa*, Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải, Nxb. Khoa học xã hội, 1985, tr. 74 - 75.

Cứ như trên thì hai chữ *ngọc âm* ở đây chính là cái ngôn ngữ dùng để chuyển tải sách vở của thánh hiền, nghĩa là chữ Hán, tuy vẫn được thừa nhận là quốc gia văn tự - đây là chuyện hoàn toàn hiển nhiên - nhưng bao giờ cũng được phân biệt với *quốc âm* là bộ phận văn chương được sáng tác bằng chính tiếng nói của dân tộc và được ghi chép bằng chữ Nôm.

1168. Kiến thức ngày nay, số 577

Hỏi: *Xin cho biết trong cấu trúc* cõi thọ, *chữ* cõi *chỉ không gian hay thời gian?*

Trả lời: *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình-Tịnh Paulus Của giảng *cõi thọ* là "cảnh vui vẻ (sic), cảnh trường sanh" (Xin xem ở chữ *cõi*), là "cõi tiên, cõi hưởng phước" (Xin xem ở chữ *thọ*). Còn *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức thì giảng là "nơi con người khi chết, linh hồn được ở đời đời, không phải đầu thai xuống trần chịu khổ nữa". *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa* có câu:

Trẻ từng vả đáng khoa danh,
Già lên cõi thọ tầm doành bụt tiên.

Cứ như trên thì, trong *cõi thọ, cõi* vẫn là một từ chỉ không gian.

1169. Kiến thức ngày nay, số 577

Hỏi: *Cùng một câu thành ngữ mà mỗi quyển từ điển ghi một khác.* Hán Việt từ điển *của Đào Duy Anh ghi:* "Lộng dả thành chân 弄假成眞 *làm cho cái hư thành ra cái thực". Còn* Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán *của Viện Ngôn ngữ học do Nguyễn Như Ý, Nguyễn Văn Khang, Phan Xuân Thành biên soạn (Nxb. Văn hoá, 1994) thì lại ghi:* "Lộng giả thành chân. *Đùa mà rồi thành thật.* Lộng: *làm, chơi,* chân: *thật". Cùng một chữ Hán mà quyển trước phiên thành "dả" còn quyển sau phiên thành "giả". Cùng một chữ* lộng *mà quyển trước giảng là "làm cho" còn quyển sau thì lại giảng là "đùa". Vậy xin ông vui lòng cho biết quyển nào đúng, quyển nào sai?*

Trả lời: Quyển sau giảng *lộng* ở đây là "đùa" thì sai còn quyển trước phiên chữ 假 thành "dả" thì không đúng.

Liên quan đến các phụ âm đầu *"d-"* và *"gi-", Hán việt từ điển* của Đào Duy Anh có 4 mục ghi sai chính tả:

1. "DÁ 駕 Buộc ngựa vào xe - Cỡi ngựa - Xe của vua (...)".

2. "DẢ 假 Vay mượn - Không thực - Nghỉ - Ví như".

3. "DÁC 角 Sừng thú - Góc nhọn - Cạnh tranh nhau - Một thứ trong ngũ âm (...)".

4. "GIÃ 也 Ấy là. Cũng dùng như chữ diệc 亦".

Các trường hợp 1, 2, 3 lần lượt phải là *giá, giả, giác* còn trường hợp 4 thì lại phải là *dã* mới đúng. Vậy câu thành ngữ đang xét phải viết là *lộng giả thành chân* thì mới đúng chính tả và phải giảng là "làm cho cái hư thành ra cái thực" thì mới đúng nghĩa.

1170. Kiến thức ngày nay, số 577

Hỏi: Chuyện Đông chuyện Tây *có nói rằng một trong những người bạn của Joséphine Baker là Grace Kelly. Có phải đây cũng chính là Bà Hoàng Rainier, xuất thân là diễn viên điện ảnh hay không?*

Trả lời: Grace Patricia Kelly sinh ngày 12-11-1929 tại Philadelphia (Mỹ), mất ngày 14-9-1982 tại Monte Carlo, Monaco vì một tai nạn xe hơi do chính mình gây ra. Cha là một người gốc Ireland còn mẹ là một người gốc Phổ.

Năm 1947, Grace Kelly rời Philadelphia, đến New York làm người mẫu để theo học ở Học viện kịch nghệ. Năm 1949, cô bắt đầu nghề diễn trong vở *Người cha* của August Strindberg, rồi năm 1951 cô bắt đầu nghiệp điện ảnh bằng một vai phụ trong phim *Mười bốn giờ đồng hồ* của Henry Hathaway. Năm 1952, cô bắt đầu nổi tiếng với bộ phim *Còi tàu hú ba lần* của Fred Zinneman.

Năm 1955, Grace Kelly là khách danh dự của Liên hoan phim Cannes, tại đây cô gặp ông hoàng Rainier Grimaldi III nhưng phải trở về Mỹ để đóng trong một bộ phim khác.

Năm 1956, họ lại gặp nhau ở New York, tại đây ông hoàng Rainier được gia đình Kelly mời dự tiệc Noël và cũng trong năm đó tin về hôn nhân của họ được công bố. Sau đó, hôn lễ được tổ chức linh đình và được 30 triệu khán giả truyền hình trên thế giới theo dõi.

Cuộc sống lứa đôi rất hạnh phúc nhưng tai nạn xe hơi năm 1982 đã cướp đi sinh mạng của bà hoàng. Ông hoàng không tái hôn, sống trong buồn nhớ và qua đời ngày 6-4-2005.

1171. Kiến thức ngày nay, số 578

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 103, ngày 1-3-1993, ông có trả lời câu hỏi: "Tại sao người Việt Nam lại gọi người Trung Hoa là* Tàu*?". Sau khi đọc câu trả lời của ông, tôi đã tìm hiểu thêm ở những người khác và nhận được email của một người bạn lớn tuổi hơn đang sống ở Mỹ, nội dung như sau:*

1. "Tàu", "Tầu" là tiếng thuần Việt. Tào *là từ Hán nhưng không có nghĩa là quan. Có một nghĩa là "department in an office" (phòng, ban của một công thự). Và* tào ty *là viên chức làm trong phòng, ban đó. Giải thích* tào *là quan là một cách giải thích gượng ép của mấy nhà sính cổ ham giải thích nhưng không truy cứu nghiêm túc.*

2. Người Hoa, tạm gọi như thế, đô hộ nước ta cả nghìn năm nhưng ngày xưa người Việt không gọi họ là người Tàu mà gọi là giặc Ngô vì tự thời Liệt Quốc đến thời Tam Quốc,

nước Sở (một trong những tiền thân của nước Việt và Bách Việt) luôn bị nhà Đông Ngô đàn áp, cướp bóc và thống trị. Mãi đến khi Mã Viện sang đánh Hai Bà Trưng mà ta vẫn còn quen miệng gọi họ là giặc Ngô. Trong tiếng Việt hiện đại vẫn còn sót cụm từ "đầu Ngô mình Sở", ý nói chuyện chẳng ăn khớp vào đâu. Từ nguyên của cụm từ cổ này dùng để trỏ những cuộc hôn nhân dị chủng của người Hoa và người Việt cổ.

3. Đến tận nhà Lê, nước ta vẫn còn ở phía Bắc sông Gianh. Chúa Nguyễn, chúa Trịnh vẫn tranh chấp ở miền Bắc cho đến khi chúa Nguyễn Hoàng mở mang bờ cõi về phía Nam theo lời khuyên của Trạng Trình. Khi đó người Việt vẫn gọi người Hoa là "khách trú", "người khách". Người Hoa vẫn vào nước Việt lẻ tẻ bằng cả hai đường thuỷ bộ. Khi ấy vẫn chưa có chữ "người Tàu".

Cụm từ "mấy người Ba Tàu", "dân Ba Tàu" đầu tiên xuất hiện ở miền Nam dùng để chỉ đám người Hoa ồ ạt di cư tị nạn vào thời nhà Thanh và được chúa Nguyễn cho định cư ở phía Nam. Họ đi bằng tàu với số lượng lớn. Người bản xứ (miền Nam) không biết họ nhiều lắm nên gọi họ là người Tàu: người đến bằng tàu, người tị nạn vượt biển bằng tàu (boat people).

Nên nhớ nghệ thuật hàng hải của Trung Hoa đã lên đến đỉnh cao của châu Á lúc bấy giờ. Các đội thương thuyền của họ thường đi theo từng nhóm ba chiếc *theo hình tam giác. Vì thế, khi đám người Minh Hương chạy sang Việt Nam bằng*

tàu, họ cũng đi theo đội hình "ba tàu" (chứ không phải họ đến Việt Nam chỉ với 3 chiếc tàu), làm cho người bản xứ rất ngạc nhiên mà gọi họ là dân Ba Tàu, người Ba Tàu.

Trở lên là nội dung bức thư của người bạn. Mong được nghe thêm ý kiến của ông và các nhà nghiên cứu khác.

Trả lời: Chúng tôi xin hân hạnh trả lời bạn và ông bạn của bạn (ÔB) như sau.

1.1. ÔB cho rằng *tàu* (*tầu* = thuyền) là một từ "thuần Việt". Thực ra, đây là một từ gốc Hán bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 艚 mà âm Hán Việt hiện đại là *tào*, cũng có nghĩa là… thuyền. Về mối tương ứng *-au* ~ *-ao*, ta còn có:

- *tàu* (trong *tàu ngựa*) ~ *tào* 槽 (máng cho súc vật ăn).

- *tàu* (= sơn, cũ, phai màu) ~ *tào* 𣍐 (xấu, thô, kém).

Ba tiền lệ trên đây là chỗ dựa chắc chắn để khẳng định rằng chữ *tào* 曹 là quan cũng có thể có một biến thể ngữ âm là *tàu*.

1.2. Về cái nghĩa "quan" của chữ *tào* 曹, *Mathews' Chinese - English Dictionary* ghi là "an official" còn *Dictionnaire classique de la langue chinoise* thì ghi là "juge, officier". *Từ nguyên*, bộ mới, ghi tại nghĩa 4: "Quận huyện chi thuộc quan diệc viết *tào*", nghĩa là "thuộc quan ở quận, huyện cũng gọi là *tào*". *Từ hải*, bộ mới, ghi tại nghĩa 4: "Hựu cổ đại châu quận sở trí đích thuộc quan dã xưng *tào*", nghĩa là "thêm nữa, thuộc quan được bố trí ở châu quận thời xưa cũng gọi là *tào*". Tại nghĩa 5 của chữ này, *Hán ngữ đại tự*

điển (Thành Đô, 1993) ghi: "Dã dụng lai xưng hô quản mỗ sự đích chức quan", nghĩa là "cũng dùng để gọi viên chức đảm nhiệm một công việc nhất định". Để làm cho rõ hơn, quyển tự điển này còn dẫn "Đỗ Quỳnh truyện", phần "Thục chí" trong *Tam Quốc chí:*

"Cổ giả danh chức quan bất ngôn *tào;* thuỷ tự Hán dĩ lai, danh quan tận ngôn *tào,* lại ngôn *thuộc tào,* tốt ngôn *thị tào*".

Nghĩa là: "Người xưa không gọi quan là *tào;* từ đời Hán trở đi, gọi quan đều dùng từ *tào,* gọi quan giúp việc là *thuộc tào,* gọi lính là *thị tào*".

Cứ như trên thì, *tào* có nghĩa là "quan" hay không, bạn và ÔB đã có thể tự mình rút ra kết luận.

2.1. Ở đây ta bắt gặp một cách hành xử rất tài tử về mặt niên đại. Nếu là *Đông Chu liệt quốc* thì thời kỳ này bắt đầu từ năm Cộng hoà thứ nhất (841 tr.CN) và kết thúc vào năm Tần Thuỷ Hoàng thống nhất thiên hạ (221 tr.CN).

Nếu là *Chiến Quốc* thì thời kỳ này bắt đầu từ năm 475 tr.CN và kết thúc vào năm 221 tr.CN. Còn Đông Ngô chỉ tồn tại trong thời *Tam Quốc* (220 đến 280 (của) CN) thì làm sao có thể "đàn áp, cướp bóc và thống trị" nước Sở, là một nước tồn tại vào thời Chiến Quốc, rồi đã bị tiêu diệt trước khi nhà Đông Ngô ra đời ít nhất là 450 năm?

2.2. *Ngô* trong câu *đầu Ngô mình Sở* là nước Ngô thời Chiến Quốc của Phù Sai chứ không phải Đông Ngô thời Tam Quốc của Tôn Quyền. Về câu này, chúng tôi đã có

phân tích trên *Kiến thức ngày nay,* số 151. Chẳng làm gì có chuyện "hôn nhân dị chủng giữa người Hoa và người Việt" ở đây cả.

2.3. Nói rằng nước Sở là "một trong những tiền thân của nước Việt và Bách Việt" thì cũng chỉ là phát biểu một cách tài tử mà thôi. Bách Việt gồm có những tộc người nói các ngôn ngữ thuộc những họ khác nhau: *Miêu Dao* có, *Đồng Thái* có, *Tạng Miến* có, v.v... (di duệ của họ hiện vẫn còn ở miền Nam Trung Quốc). Làm sao mà một mình nước Sở lại là tiền thân của Bách Việt cho được?

3. Trên 28 năm trước khi những người Tàu tị nạn của ÔB đến miền Nam *"bằng tàu"* (năm 1679) thì danh xưng *"Tàu"* đã có mặt trong quyển *Từ điển Việt Bồ La* của A. de Rhodes ấn hành tại Roma năm 1651 rồi (Xin xem mục *"Tàu. Mực tàu"*). Nó chẳng có liên quan gì đến những "chiếc tàu" và đội hình "ba tàu" của ÔB cả.

4. Xin nhắc lại và nói rõ thêm ý kiến của chúng tôi. Thời Bắc thuộc của nước ta chính thức bắt đầu từ nhà Hán. Từ nhà Hán trở đi, gọi quan đều dùng từ *tào,* gọi quan giúp việc là *thuộc tào,* gọi lính là *thị tào.* Thế là trong thời kỳ này, dân ta khi đi vào cửa quan đều gặp *tào* (từ *tào* cho đến *thuộc tào,* rồi *thị tào*), mà âm xưa là *tàu.* Tất cả các ông *"tàu"* này đều là người Hán. Do đó mà trong con mắt của dân ta thì: *Hán = Tàu.*

Rồi về sau những người Hán (Trung Hoa) không làm quan, cũng "ăn theo" mà được gọi là *"Tàu"*, như đã nói trên

Kiến thức ngày nay, số 103. *Tàu* là một cái tên có tuổi thọ đã trên 2.000 năm.

1172. Kiến thức ngày nay, số 578

Hỏi: *Bài "Những nghệ sĩ Hoa tài danh" trên số trước đã cung cấp nhiều chi tiết thú vị và bổ ích về nữ minh tinh Củng Lợi. Nhưng tôi còn tò mò vì muốn biết thêm vài điểm: Tên chồng của Củng Lợi chữ Hán viết thế nào và đọc theo âm Hán Việt ra sao* (Củng Lợi *cũng là âm Hán Việt*)? *Nghe nói cặp vợ chồng này đã bắt đầu "cơm không lành, canh không ngọt" vì cô vợ đã ra ngoài "gia cang" để đi đóng phim "mát mẻ". Xin cho biết có đúng không?*

Trả lời: Tên chồng của Củng Lợi bằng chữ Hán là 黃和祥, đọc theo âm Hán Việt là *Huỳnh Hoà Tường.*

"Cơm không lành, canh không ngọt" chỉ là chuyện đồn đại của một vài tờ báo "nhiều chuyện". Năm ngoái, ông Huỳnh Hoà Tường đã kiện tờ *Sudden Weekly (Hốt nhiên nhất chu)* của Hong Kong vì đã đưa tin xúc phạm đến danh dự của gia đình ông. Tờ này nói do thất bại về kinh tế và thiếu hụt về tài chính nên ông đã phải để cho bà đi "mài tài páo" (bán bánh bao - "bánh bao", ở đây là một ẩn dụ về mặt hình dáng). Toà đã phán quyết buộc tờ báo đó bồi thường cho gia đình ông Huỳnh 200.000 đôla Hong Kong và phải đăng lời cải chính trên trang nhất.

Bây giờ lại đến tờ *The Daily Mirror* của Anh tung tin về Củng Lợi và Colin Farrell. Rồi *Yahoo! Actualités* (6-8-2006) cũng dẫn *public.fr* (một site chẳng lấy gì làm danh giá!) mà khẳng định chuyện hai nhân vật này cùng nhau "ra khỏi khách sạn Sanderson ở trung tâm Luân Đôn với dáng vẻ đồng loã"! Xin nhớ rằng chuyện gia cang của người ta, nhất là đối với người châu Á, không phải là chuyện có thể đem ra đùa một cách rẻ tiền.

1173. Kiến thức ngày nay, số 579

Hỏi: *Về chữ* bố *trong* bố ráp, Từ điển từ và ngữ Việt Nam *của Nguyễn Lân (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2000) giảng là "ruồng bố nói tắt". Còn về chữ* ráp *thì có người nói là do tiếng Pháp* rapt, *có nghĩa là "vụ bắt cóc" mà ra. Xin cho biết giảng như thế có đúng không?*

Trả lời: Nguyễn Lân đã đi ngược chiều lịch sử của từ ngữ nên mới giảng *bố* là "ruồng bố nói tắt". Lý do rất đơn giản: trước khi có động từ *bố* riêng lẻ thì cũng chẳng làm gì có từ tổ động từ đẳng lập *ruồng bố. Bố* là một từ của phương ngữ Nam Bộ và ai có sống ở Nam Bộ, đặc biệt là ở Sài Gòn - Chợ Lớn từ 1945 đến 1954, mà lại có quan tâm đến tình hình chính trị ở đây, cũng đều có điều kiện để biết rằng *bố* là do *khủng bố* nói tắt mà ra, hoàn toàn đúng như đã ghi nhận rõ ràng trong *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức:

"*Bố:* Khủng bố nói tắt, tra xét, bắt bớ, đánh, đập, cướp bóc, khuân, dọn hết đồ vật trong nhà", và

"*Khủng bố* (...) Nghĩa rộng: Cũng gọi *bố.* Bắt bớ, đánh đập, giết chóc, cướp bóc, hảm dâm: *Dẫn Chà chóp về khủng bố*".

Vấn đề rất rõ ràng và rõ ràng nếu không phải là "dân tại chổ" thì thường gặp trở ngại trên con đường đi tìm bản chất của hiện tượng phương ngữ, thậm chí có khi còn nói sai nữa là đằng khác. Chẳng hạn, liên quan đến chữ *bố* này, ta còn bắt gặp một cách hiểu rất ngộ nghĩnh của Nguyễn Kim Thản trong quyển *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt* do Nhà xuất bản Khoa học ấn hành ở Hà Nội năm 1963. Trong phần "kết luận" của "Chương thứ hai", Nguyễn Kim Thản đã viết:

"Khuynh hướng tạo từ hai âm tiết theo kiểu liên hợp cũng vẫn còn phát triển, ví dụ gần đây, ta có: *lứa đôi, tươi đẹp, chăm sóc, cảm nghĩ, vây lùng, càn quét* (thậm chí *vây ráp, bao bố...*), *trường sở, hầm mỏ, khác biệt, sai sót, v.v...*" (Sđd, tr. 116).

Cứ như trên, thì Nguyễn Kim Thản cho rằng *bao bố* là một "từ hai âm tiết theo kiểu liên hợp", nghĩa là một từ tổ đẳng lập theo cách gọi hiện nay, rằng đây là một từ tổ động từ cùng một trường nghĩa với *vây lùng, càn quét, vây ráp,* gồm có *bao* trong *bao vây* và *bố* trong *bố ráp!* Rất tiếc rằng một từ tổ như vậy không hề tồn tại trong tiếng Việt toàn dân còn trong phương ngữ Nam Bộ thì *bao bố* lại là một

từ tổ danh từ chính phụ (*bao* là trung tâm còn *bố* là định ngữ), đồng nghĩa với *bao tải* trong tiếng Việt toàn dân, mà *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên giảng là "bao dệt bằng sợi đay, thường dùng để đựng lương thực". Nhưng do cớ sự nào mà ông Nguyễn Kim Thản lại làm một cuộc đại nhảy vọt từ danh từ sang động từ và từ một thứ đồ đựng sang hành động vây ráp? Hẳn là ở miền Bắc xa xôi, ông đã từng nghe nói rằng ở miền Nam, trong những cuộc bố ráp, Tây thường cho những kẻ đầu thú hoặc phản bội trùm bao bố (cho khỏi bị lộ mặt) mà nhận diện những cán bộ kháng chiến cho chúng nó bắt.

Nhưng có thể do chỉ nghe loáng thoáng hoặc nghe mà chưa nắm vững thực chất của sự việc và/hoặc từ ngữ nên ông mới đánh đồng từ tổ danh từ chính phụ *bao bố* với các từ tổ động từ đẳng lập *bố ráp, vây ráp, càn quét,* v.v... về mặt ngữ nghĩa.

Bao trong *bao bố* là một từ Việt gốc Hán, bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 包 mà âm Hán Việt hiện đại là... *bao* và cũng có nghĩa là... "(cái) bao". Còn *bố* cũng là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 布 mà âm Hán Việt hiện đại cũng là *bố*, có nghĩa là vải nhưng lại được phương ngữ Nam Bộ dùng để chỉ một loại vải thô. Loại vải thô này thường được dệt bằng sợi đay nên cây đay cũng được phương ngữ này gọi là cây *bố*. Vậy *bố* trong *bao bố* chẳng có liên quan gì với *bố* trong *bố ráp* về mặt từ nguyên.

Còn *bố* trong *bố ráp* thì, như đã nói, là hình thức nói tắt từ hai tiếng *khủng bố* và đây cũng là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 怖, mà âm Hán Việt chính thống hiện đại là *phố* - như đã được ghi nhận trong *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu - nhưng vẫn đọc thành *bố* theo thói quen, và có nghĩa là sợ hoặc làm cho sợ. *Ráp* ở đây không có liên quan gì đến *rapt* là sự bắt cóc, mà bắt nguồn từ *rafle* - cũng là tiếng Pháp - có nghĩa là cuộc bắt bớ đột xuất và ồ ạt nhằm vào nhiều đối tượng ở một địa điểm bị tình nghi.

1174. Kiến thức ngày nay, số 579

Hỏi: *Xin cho biết đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp của diễn viên điện ảnh Audrey Hepburn.*

Trả lời: Audrey Hepburn, tên gốc là Audrey Kathleen Ruston, sinh ngày 4-5-1929 tại Brussels (Bỉ), mất ngày 20-1-1993 tại Tolochenaz (Thụy Sĩ). Cha là Joseph Anthony Ruston, một chủ ngân hàng mang hai dòng máu Anh và Ireland; mẹ là Ella van Heemstra, một nữ quý tộc Hà Lan, có một đời chồng trước cũng là quý tộc người Hà Lan. Audrey đã trải qua một tuổi thơ đầy khó khăn: bị ho gà tưởng chết lúc mới được ba tuần tuổi, cha mẹ chính thức ly dị lúc cô chín tuổi nhưng ông bố đã bỏ nhà ra đi hồi cô mới lên sáu. Năm 1939, Thế chiến II bùng nổ, bà Ella đem Audrey từ Anh về Hà Lan, nghĩ rằng ở đây an toàn hơn.

Họ sống ở Arnhem và không ngờ là tháng 5-1940 thì quân Đức kéo đến. Arnhem bị tàn phá và tài sản của gia đình Van Heemstra quý tộc bị tịch thu từ đất đai, nhà cửa và tài khoản ngân hàng cho đến tư trang. Audrey chứng kiến cảnh bọn Đức đàn áp, giết chóc dân lành, những người yêu nước và chính cô đã làm liên lạc cho kháng chiến.

Ngay từ năm 11 tuổi, Audrey đã chọn nghiệp múa. Cô vào Nhạc viện Arnhem và học tại đây cho đến giữa năm 1944. Cô trợ giúp cho việc giảng dạy những học sinh trẻ hơn và kiếm thêm tiền cho gia đình. Cuộc chiến thực sự bắt đầu tại Arnhem ngày 17-9-1944. Bọn Đức ra lệnh cho dân chúng phải rời khỏi đây trong 24 giờ hoặc bị tàn sát. Tuy mới ở tuổi thiếu niên nhưng trừ những lúc không quá yếu ớt vì suy dinh dưỡng, cô vẫn biểu diễn, lấy tiền đóng góp cho kháng chiến. Sau chiến tranh, ông bố tìm thấy giấy tờ cũ của tổ tiên, theo đó họ chính thức của ông là Hepburn. Vì vậy, ông đã chính thức đổi tên con gái thành Audrey Kathleen Hepburn-Ruston (còn ông là Joseph Anthony Hepburn-Ruston).

Audrey và mẹ sang London sinh sống. Cô vừa học vừa làm người mẫu. Năm 1951, cô kiếm được mấy vai phụ trong những bộ phim xoàng, với nghệ danh Audrey Hepburn. Sau đó cô được nhà văn Pháp Colette chú ý và được chọn để thể hiện vai chính trong vở *Gigi* của bà ở Broadway (Mỹ).

Năm 1953, Audrey được giao vai quan trọng đầu tiên về điện ảnh trong phim *Roman Holiday,* cùng với nam diễn

viên Gregory Peck và đoạt được giải Oscar nữ diễn viên xuất sắc nhất với vai này. Audrey Hepburn bắt đầu nổi lên từ đây. Cô tiếp tục diễn chung với các nam diễn viên gạo cội của Hollywood, như với Humphrey Bogart trong *Sabrina* (1954), với Henry Fonda trong *War and Peace* (1956), với Fred Astaire trong *Funny face* (1957), với Gary Cooper trong *Ariane* (1957), với Cary Grant trong *Charade* (1963), v.v... Audrey Hepburn diễn vai điện ảnh cuối cùng của mình trong bộ phim *Always* của Steven Spielberg.

Audrey Hepburn lập gia đình lần đầu tiên năm 1954 với Mel Ferrer, người đàn ông đã hai lần ly dị và cha của bốn đứa con, diễn viên, đạo diễn, lớn hơn Audrey mười hai tuổi. Họ có với nhau một đứa con, Sean Ferrer (sinh năm 1960). Tháng 9-1967, họ ly thân, rồi ly dị ngày 21-11-1968. Ngày 18-1-1969, Audrey cưới Andrea Dotti, một nhà thần kinh học người Ý và sống ở Roma. Con trai của họ, Luca Dotti, sinh ngày 8-2-1970. Rồi Dotti bị tai tiếng vì quan hệ lăng nhăng. Tháng 9-1980, họ chấm dứt sống chung và năm 1982 thì chính thức ly dị. Audrey đã làm quen với Robert Wolders và tuy không hợp thức hoá quan hệ với người chồng này nhưng đã sống những ngày hạnh phúc nhất với ông cho đến cuối đời.

Năm 1988, Audrey Hepburn được cử làm Đại sứ thiện nguyện của UNICEF, một trách nhiệm cao cả mà bà đã toàn tâm toàn ý hoàn thành. Với vai trò này, ba đã đến nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam (1993).

1175. Kiến thức ngày nay, số 580

Hỏi: *Tôi đã thấy từ lâu, tên một quyển (hay là bộ) sách thiếu nhi khá buồn cười:* Mít Đặc và Biết Tuốt. *Rồi cũng từ lâu,* biết *và* tuốt *trong* biết tuốt *là gì thì tôi "biết tuốt" nhưng* mít *và* đặc *trong* mít đặc *là gì thì tôi "mít đặc". Nay may mắn gặp được* Chuyện Đông chuyện Tây *nên xin mạn phép thắc mắc.*

Trả lời: Cả *mít* lẫn *đặc* trong *mít đặc* đều là những yếu tố gốc Hán. Cả hai đều có nghĩa là không biết, là dốt, xuất phát từ cái nghĩa gốc là kín, là không thông (hơi, gió, v.v...). Sự chuyển nghĩa ở đây giống hệt sự chuyển nghĩa của từ *bí. Bí* là một yếu tố Hán Việt chánh cống, mà Hán tự là 祕 (bộ *thị* 示), cũng viết 秘 (bộ *hoà* 禾). *Bí* là *kín. Kín* là không thông, không lọt ra ngoài được. Ta dễ dàng thấy được cái nghĩa này trong các cấu trúc như: *bí kế, bí lục, bí mưu, bí phủ, bí tàng, bí thuật, bí truyền,* v.v... Cái nghĩa này đi vào khẩu ngữ và ta có: *bí đái, bí ỉa* (ít nhất là ở trong Nam) *bí hơi,* v.v...; rồi "xẹt" qua lĩnh vực tinh thần, như trong: *bí thế, bí vẫn, bắt bí, chiếu bí,* v.v...

Bây giờ ta chuyển sang từ *mít.* Trước nhất, *mít* là một điệp thức của *mịt* trong *mù mịt, tối mịt, mịt mờ,* v.v... Về sự tương ứng giữa thanh 5 (dấu sắc) và thanh 6 (dấu nặng), ta có thể minh hoạ bằng nhiều cặp điệp thức khác:

- *dấy* (binh, nghĩa, quân, v.v...) ~ *dậy* (đất, sóng, thì, v.v...).

- *mức* (độ, lương) ~ *mực* (nước, thước, v.v...).

- *ói* ~ *ọi*.

- *thiếp* ~ *thiệp* (thiệp mừng, thiệp cưới).

- *tí* ~ *tị* (một tí = một tị); v.v...

Vậy *mít* ~ *mịt* là chuyện bình thường và cặp song thức này bắt nguồn ở một từ Hán ghi bằng chữ 密 mà âm Hán Việt hiện đại là *mật*, có nghĩa là "kín". Còn từ "kín" đến "dốt" thì ta đã nói ở trên.

Nhưng *đặc* thì sao? Thì cũng là dốt, là không biết, như có thể thấy trong *Chỉ nam ngọc âm giải nghĩa:*

Soạn làm chữ cái chữ con
San bản lưu truyền ai đặc thì thông.

Đây là một yếu tố Hán Việt mà Hán tự là 特. Chữ này được *Hán ngữ đại tự điển* (Thành Đô, 1993) giảng là "độn" 鈍 (nghĩa 2). *Độn* là ngu dốt, như còn có thể thấy trong *đần độn, ngu độn*, v.v...

Vấn đề như thế là đã rõ ràng.

1176. Kiến thức ngày nay, số 580

Hỏi: Trên báo An ninh thế giới, *số 579, ngày 16-8-2006, bài "Tiết lộ mới về âm mưu khủng bố vừa bị phá vỡ tại Anh" do Lệ Đào tổng hợp có đoạn:*

"Thoạt đầu, Jaish-e-Mohammed có tôn chỉ là đấu tranh vì quyền lợi người da đỏ trong khu vực rừng núi Kashmir, sau đó bị Chính phủ Mỹ chính thức liệt kê trong danh sách nhóm khủng bố vì có những hoạt động tấn công mờ ám. Vẫn nhóm này bị nghi ngờ có liên quan đến vụ bắt cóc và giết chết Daniel Pearl, phóng viên tờ Wall Street Journal".

Xin cho biết khu vực rừng núi Kashmir, nơi có người da đỏ sinh sống, nay thuộc tiểu bang nào của nước Mỹ. Jaish-e-Mohammed có phải là một tổ chức của người da đỏ và người da đỏ có phải là những người bị nghi ngờ đã giết Daniel Pearl hay không? Xin hỏi thêm: Có phải vợ Daniel Pearl có viết một cuốn sách về chồng mình?

Trả lời: Kashmir (tiếng Pháp: *Cachemire*) chẳng phải là một địa phương nào của nước Mỹ cả. Đó là một vùng rộng lớn nằm trên tiểu lục địa Ấn Độ, Bắc giáp Afghanistan và Trung Quốc, Đông giáp Trung Quốc, Nam giáp Ấn Độ, Tây (và một phần nhỏ Tây Nam) giáp Pakistan. Đây là một vùng đang tranh chấp gồm có ba phần: *Azad Kashmir* (Azad Cachemire) do Pakistan chiếm giữ, *Jammu Kashmir* (Jammu Cachemire) do Ấn Độ chiếm giữ và *Aksaï Chin* do Trung Quốc chiếm giữ.

Kashmir vốn là một vương quốc xưa thuộc Đế quốc Anh. Về sau, người Anh bán vùng đất này cho một hoàng thân người Ấn Độ. Sau khi Ấn Độ giành được độc lập thì nó trở thành miếng mồi cho sự tranh chấp, đưa đến nhiều

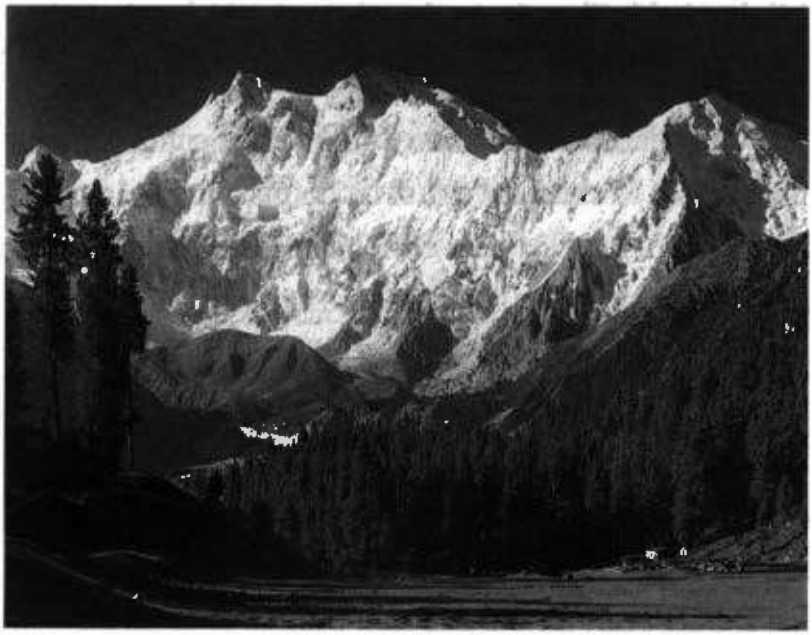

Kashmir tươi đẹp

cuộc chiến tranh giành giật lãnh thổ giữa Pakistan, Ấn Độ và Trung Quốc. Kashmir vẫn được mệnh danh là Thụy Sĩ của châu Á và một triết gia của thế kỷ XVI đã nhận xét: "Nếu thiên đường có tồn tại ở đâu đó, thì đó phải là ở đây". Còn Srinagar (thủ phủ mùa hè của Jammu Kashmir) thì được ví với Venice nhưng thay vì thuyền *gondola* thì đó lại là những chiếc thuyền - nhà (houseboat).

Chẳng có người da đỏ nào sinh sống ở Kashmir cả. Sở dĩ người tổng hợp bài báo đã viết "người da đỏ trong khu vực rừng núi Kashmir" có thể là do hiểu lầm danh từ *Indian* (hoặc *Indien*) trong tiếng Anh (hoặc tiếng Pháp). Thực ra thì, trước khi được dùng để chỉ người da đỏ ở châu Mỹ, danh từ *Indian/Indien* vốn đã dùng để chỉ người Ấn Độ.

Mà đã nói đến Thụy Sĩ của châu Á thì phải khẳng định rằng đây là người Ấn Độ.

Nhưng Jaish-e-Mohammed (JEM) chẳng những không phải là một tổ chức của người da đỏ mà cũng chẳng phải là của người Ấn Độ. Jaish-e-Mohammed có nghĩa là Đạo quân của (nhà tiên tri) Mahomet và đây là một tổ chức của vài trăm phiến quân Hồi giáo cực đoan người Pakistan mà mục đích là hợp nhất cả vùng Kashmir vào Pakistan. Nói về con người, thì chính các lãnh tụ chính trị và các quan chức chính phủ của Ấn Độ mới là những đối tượng mà JEM muốn sát hại. Tuy nhóm này bị nghi ngờ đã bắt cóc rồi sát hại Daniel Pearl nhưng đâu mới thực sự là kẻ đã giết hại nhà báo này thì một nhà phân tích chính trị người Pháp là Bernard-Henri Levy đã viết một cuốn sách nhan đề *Qui a tué Daniel Pearl?* (Ai đã sát hại Daniel Pearl?) để đặt vấn đề. Nhưng người ta cho rằng tác giả này không nghiêm túc và khách quan.

Đúng là sau cái chết của Daniel, Mariane Pearl đã viết về chồng mình trong quyển *A Mighty Heart: The Brave Life and Death of My Husband, Danny Pearl* (Một con tim mãnh liệt: Cuộc sống và cái chết dũng cảm của Danny Pearl, chồng tôi).

Còn bây giờ thì, như các báo đã đưa tin, *A Mighty Heart* sẽ lên phim. Cặp đôi Brangelina sẽ "đồng diễn": Brad Pitt, sẽ là nhà sản xuất còn Angelina Jolie, sẽ vào vai Mariane. Daniel thì chưa biết nam tài tử nào sẽ thủ vai.

1177. Kiến thức ngày nay, số 581

Hỏi: Utopia *là tên một quyển sách của tác giả người Anh Thomas More. Về cách dịch cái tên này, trên một tờ báo điện tử ngày 30-8-2006, ông Cao Xuân Hạo đã chủ trương:*

"Theo ý chúng tôi, cách dịch tốt nhất là dùng chữ Utopia *mà More muốn coi như một* quốc hiệu, *và theo đúng tập quán ngữ pháp của tiếng Việt, bổ sung cho nó một danh từ làm trung tâm đặt trước* Utopia *là* Nước Utopia *hay là* xứ Utopia".

Nhưng cũng trên số báo ấy, người đã chuyển ngữ quyển Utopia *sang tiếng Việt là dịch giả Trịnh Lữ thì lại cho biết:*

"Tôi không Việt hoá cái đầu đề này thành Nước *UTOPIA hoặc* Xứ *UTOPIA như giáo sư Cao Xuân Hạo gợi ý, vì thực ra không có cái nước ấy, cái xứ ấy, và bản thân chữ UTOPIA chỉ có nghĩa là "no place" - không có chỗ nào như thế cả".*

Vậy ta nên dịch cái tên sách này như thế nào, và thực ra Utopia *có nghĩa là gì?*

Trả lời: Dịch giả Trịnh Lữ không chịu Việt hoá cái tên *Utopia* thành *nước* (hoặc *xứ*) *Utopia* chỉ vì, theo ông thì "thực ra không có cái nước ấy, cái xứ ấy, và bản thân chữ *Utopia* chỉ có nghĩa là "no place" - không có chỗ nào như thế cả".

Nhưng đây đâu phải là chuyện thật hay không thật, có hay không có ở chỗ nào mà là chuyện Thomas More quan

niệm *Utopia* là cái gì. Với More thì đây là một nước, một quốc gia hẳn hoi. Chẳng những thế, đó còn là một phản mô hình đối với nước Anh Cát Lợi của chính More nữa. Huống chi *Utopia* đâu chỉ có nghĩa là "no place" như Trịnh Lữ đã khẳng định vì nói như thế là đã quên mất sự hiện diện của hậu tố *-ia*. Quyển *Origins* của Eric Partridge (Routledge & Kegan Paul, London, 1961) đã phân tích cái tên này một cách đơn giản và rành mạch:

"*Utopia*", an imaginary paradisal island: SciL, from LGr.

* *Outopia: ou*, not + *top* (os), a place + *-ia*, suffix connoting 'region'".

(*Utopia*, một hòn đảo cực lạc tưởng tượng: Tiếng La Tinh khoa học, từ tiếng Hy Lạp văn kỳ.

* *Outopia: ou*, không + *top* (os), nơi chốn + *-ia*, hậu tố hàm ý "vùng").

Ta có hàng loạt địa danh cấu tạo với hậu tố - *ia* trong tiếng Anh: *Australia, Austria, Bohemia, Russia, Slovakia,* v.v... trong đó, *-ia* đều hàm ý "vùng" hoặc "nước", "xứ". *Utopia* không phải là một ngoại lệ. Vậy đó là một địa danh và vì địa danh này là tên của một nước, dù là một nước tưởng tượng, nên ta có lý do hoàn toàn chính đáng để chuyển nó sang tiếng Việt bằng một danh ngữ do *xứ* hoặc *nước* làm trung tâm thành *nước Utopia* hoặc *xứ Utopia*. Đây thực ra cũng là cách mà chính Trịnh Lữ đã làm trong quyển *Utopia Địa đàng trần gian* của Thomas More do ông chuyển ngữ

(Nxb. Hội Nhà văn, 2006) khi ông dịch địa danh *Nolandia* từ tiếng Anh sang tiếng Việt thành *"xứ Nolandia"* (tr. 68). *Nolandia* là gì? Xin hãy đọc:

"Nolandia - trong nguyên bản tiếng Latin là Achoriorum populus - nghĩa là dân không có thật, nước không có thật". (Sđd, tr. 204, chú thích 18)

Tuy biết là nó không có thật nhưng ông Trịnh Lữ cũng đã sẵn sàng gọi Nolandia là "xứ" đấy thôi. Vậy sẽ chẳng có gì là bất thường nếu ta dịch nhan đề quyển sách của Thomas More thành *nước* (hoặc *xứ*) *Utopia*. Người Trung Quốc dịch *Utopia* thành *Ô Thác bang* vì *bang* là nước. Từ điển của Pháp cũng gọi nó là *pays* (= nước), chẳng hạn trong *Dictionnaire Hachette,* ed.2005 (mục *utopie*). Nhưng đó chỉ là nêu thêm một vài dẫn chứng cụ thể chứ nếu nói cho cùng kỳ lý thì trong truyện cổ tích, chẳng hạn, món kia vật nọ đều không có thật nhưng tất cả đều được gọi đúng tên.

Còn về nội dung thì, cứ theo cấu tạo của nó, *Utopia* có thể được hiểu như thế nào? Đó là *"xứ không chỗ (nào có), "the" no-place land"* (tiếng Anh), *le "lieu de nulle part"* (tiếng Pháp). Nhưng chữ nghĩa dĩ nhiên chẳng đơn giản như thế vì còn có thể có cả ẩn ý của tác giả ở phía sau. Mục *"Utopia (book)"* trên *Wikipedia* tiếng Anh (tính đến ngày 18-9-2006 - vì có thể còn được sửa chữa) có gợi ý rằng *Utopia* có thể ẩn giấu một sự chơi chữ: đó có thể do tiếng Hy Lạp *outopeia* (xứ không chỗ), mà cũng có thể là

do *eutopeia* (xứ tốt chỗ) mà ra (*eu-* = tốt). Cả hai đều có thể đưa đến hình thức La Tinh hoá là *utopia*. Về vấn đề này, trên *Lire*, tháng 6-2004, Jean Montenot có viết:

"Cũng như mọi nhà nhân văn ưu việt khuynh Hy Lạp thời Phục hưng, More là người ưa chuộng các hình thức chơi chữ và các lối diễn đạt nhị nghĩa bác học: ông chơi chữ trên sự hoà vận giữa *utopia* và *eutopia*. Thật vậy, trong tiếng Hy Lạp, tiền tố *-eu* chỉ "cái gì tốt" - hạnh phúc trong tiếng Hy Lạp là *eudaimonia* (...) Vậy *utopia* cũng là một "eutopia". Cái gì "không có ở đâu cả", cái "chỗ không có ở đâu cả", cũng là "chỗ của cái tốt", chỗ mà sự hoà hợp và hạnh phúc đã được thực hiện".

(*Lire: fr,* Ecrivains. Portrait, Thomas More).

Còn trong bản dịch tiếng Pháp *(L'Utopie)* của Marie Delcourt, do Simone Goyard - Fabre giới thiệu và chú giải, văn bản điện tử của Jean - Marie Tremblay, ta đọc được tại cước chú 1, trang 15:

"Trong bài thơ sáu câu làm để từ cho hai lần ấn hành ở Bâle năm 1518, More đặt tên cho hòn đảo của mình là *Eutopia:* đây là đảo của hạnh phúc".

Đó chính là bài thơ mà Trịnh Lữ đã dịch từ bản tiếng Anh, in tại trang 14 của quyển *Utopia Địa đàng trần gian* và ghi (theo bản tiếng Anh) là của Anemolius. Đây thực ra chính là Thomas More.

Xin in kèm theo đây bản sao nguyên văn bài thơ đó bằng tiếng La Tinh, chụp từ trang 11 quyển *Utopia*, ấn hành tại Bâle (Basel) tháng 12-1518, do Thư viện trường Đại học Bielefeld (UB Bielefeld) của Đức đưa lên mạng.

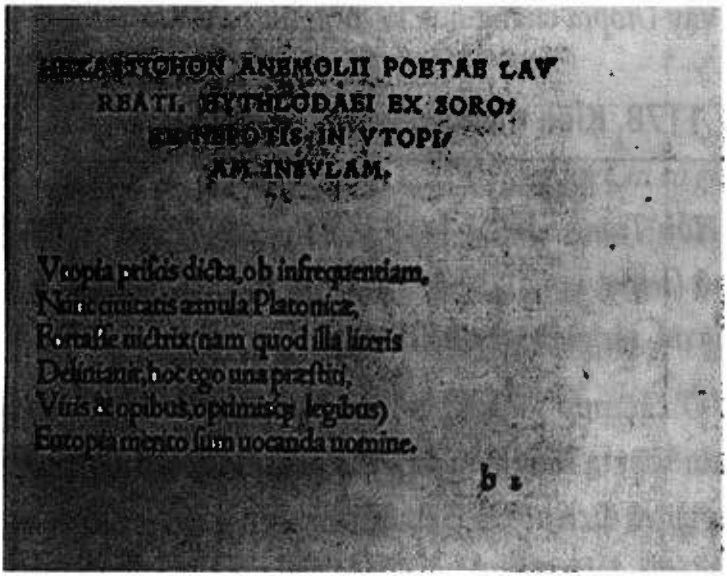

Bài thơ để từ

Dòng đầu tiên là:

Utopia priscis dicta, ob infrequentiam, nghĩa là: Xưa, do hoang vắng, ta được gọi là *Utopia.* Còn dòng chót là:

Eutopia merito sum vocanda nomine, nghĩa là: Nay ta đường đường được gọi bằng cái tên *Eutopia.*

Trở lên dù sao cũng là đã có bàn xa tán rộng chứ cách hiểu cái tên *Utopia* thực ra còn đơn giản hơn nhiều. Thomas More đã giải thích nó trong quyển thứ hai một cách rất rõ ràng: Utopia xưa kia gọi là Abraxa mà cũng chẳng phải là

đảo. Một người tên là Utopus đến chinh phục vùng đất này và chỉ huy dân chúng đào bỏ cái eo đất mười lăm dặm nối liền Abraxa với lục địa để biến nó thành một hòn đảo. Rồi Utopus lên làm vua và lấy tên mình mà đặt cho Abraxa.

Vậy *Utopia* chẳng qua là "hòn đảo của *Utopus*".

1178. Kiến thức ngày nay, số 581

Hỏi: *Trong bài "Ngôn từ thời hội nhập", đăng trên* Văn nghệ *(trung ương), số 37, ngày 16-9-2006, nói về chuyện bóng đá, tác giả Cao Thị Thịnh có viết:*

"Ở các nước mà người dân quen với tiếng Anh hơn người Việt ta rất nhiều như Pháp, Ý, Anh, Đức... người ta gọi giải vô địch bóng đá quốc gia của họ theo cách của mỗi nước (mà đài truyền hình của ta vẫn nói theo như Première ligne, série A...) chứ nào phải Ép lích, Ai lích, Đi lích... (F-league, I-league, D-league)!".

Xin cho biết Première ligne là gì và Première ligne gắn với "lích" (league) nào?

Trả lời: *Première ligne* là hàng đầu tiên, dòng đầu tiên, tuyến đầu tiên, v.v... Chúng tôi đoán có lẽ tác giả Cao Thị Thịnh viết *ligue* (là liên đoàn) nhưng chữ *ligue* đã bị in sai thành *ligne*.

Nhưng điểm lại các giải hạng nhất ở những quốc gia mà tác giả đã nhắc đến, ta thấy của Pháp là *Ligue 1*, của Ý là

(Calcio) Serie A, của Tây Ban Nha là *Primera Liga*, của Đức là *Bundesliga*, còn của Anh là *Premier League*. Người Pháp có khi gọi *Premier League* của Anh là *Première Ligue* nhưng "première ligue" của họ thì họ lại thường gọi là *Ligue 1*.

1179. Kiến thức ngày nay, số 583

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 577, ông An Chi có giải thích* cõi *trong* cõi thọ *là không gian, e rằng chưa ổn lắm. Tôi hiểu nôm na thì* cõi/cảnh/chốn, *v.v... trong trường hợp này là* thế giới - *một thế giới khác với thế giới chúng ta đang sống,* ở ngoài không gian và thời gian của chúng ta. *Nó là thế giới tưởng tượng hay có thật thì không ai biết, nó có thời gian hay không cũng chẳng ai hay. Vì có ai từ đó trở về để chứng thực đâu. Nhưng ít nhất là nó có thật trong niềm tin của một số người...*

Trả lời: Về mặt ngôn ngữ thì *cõi, cảnh, chốn* và cả... *thế giới* đều là những đơn vị từ vựng chỉ không gian. Ta không biết *niết bàn* có tồn tại hay không và nếu có thì nó như thế nào nhưng ta biết chắc chắn rằng trong danh ngữ *cõi niết bàn* thì *cõi* là một từ chỉ không gian. Ta chẳng biết có *thế giới bên kia* hay không và nếu có thì nó như thế nào, nhưng ta cũng biết chắc rằng *thế giới* là một đơn vị từ vựng chỉ không gian. *Cõi, cảnh, chốn, thế giới,* v.v... đều là những đơn vị từ vựng chỉ không gian, nói nôm na là... nơi chốn.

1180. Kiến thức ngày nay, số 583

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 580, ông có cho biết quyển* A Mighty Heart *của Mariane Pearl sẽ lên phim với Angelina Jolie trong vai Mariane nhưng Daniel (chồng của Mariane) thì chưa biết nam tài tử nào sẽ thủ vai. Vậy bây giờ đã có thể biết được chưa và bao giờ thì bấm máy?*

Trả lời: *A Mighty Heart* (Một con tim mãnh liệt) là một quyển sách mà Mariane Pearl viết để nói về cuộc đời và cái chết dũng cảm (The Brave Life and Death) của chồng mình, Daniel Pearl, phóng viên của tờ *Wall Street Journal*, đã bị bọn khủng bố bắt cóc rồi sát hại tại Pakistan năm 2002.

Trên *Kiến thức ngày nay*, số 580, khi chúng tôi nói rằng *A Mighty Heart* sẽ lên phim thì ta chỉ mới biết được người sẽ đóng vai Mariane Pearl là Angelina Jolie. Còn bây giờ, ta đã có thể biết thêm tên một số diễn viên khác của bảng phân vai: Archie Panjabi, vai Asra; Denis O'Hare, vai Bussey; Irfan Khan, vai đại uý; Sajid Hasan, vai Zubair; Will Patton, vai Randall; đặc biệt là Dan Futterman, vai Daniel Pearl (theo *IMDb, Earth's Biggest Movie Database, A Mighty Heart (2007)*).

- Brad Pitt và Angelina Jolie cùng các con đã đến Ấn Độ. Hai người có vẻ hối hả, vội vàng, một phần vì công việc, một phần vì cũng muốn tránh các tay săn ảnh. Họ đã đến Mumbai (Bombay) và rời Mumbai để đến Pune, là nơi sẽ quay các cảnh chính, bằng máy bay riêng.

Pune là một thành phố nằm cách Mumbai khoảng 170km về phía Nam, được chọn vì có những cảnh giống như ở Karachi (Pakistan) là nơi lẽ ra bộ phim *A Mighty Heart* phải được quay. (Daniel Pearl bị sát hại tại Pakistan và đã sống cùng Mariane ở Karachi để làm phóng sự trước khi bị giết). Ngôi nhà được chọn làm chỗ ở của vợ chồng Pearl (trong phim) là bungalow 223, nằm tại một địa điểm phía Tây thành phố, là nơi mà không khí sinh hoạt và các toà bungalow giống như ở Karachi.

Mấy chục công nhân đã sửa sang, dọn dẹp toà nhà này để chuẩn bị cho các cảnh quay và tất cả những người giúp việc đều được lệnh tuyệt đối giữ bí mật về những gì có thể thấy nếu không muốn bị đuổi việc.

Sau gia đình Brangelina, "nhân vật" chính của bộ phim, Dan Futterman, cũng đã đến Pune ngày 7-10-06. Dĩ nhiên là nam tài tử này cũng bị săn đón chẳng kém gì cặp đôi Brad và Angie, tại khách sạn 5 sao Le Meridien là nơi mà hai người này trú ngụ và được bảo vệ cẩn mật. Ta cũng đã nghe tin một vệ sĩ của cặp vợ chồng này hành hung nhà nhiếp ảnh Sam Relph, làm việc cho Barcroft Media.

Và tạp chí *USA Today* cũng đã công bố bức ảnh đầu tiên của Angelina Jolie trong vai Mariane Pearl đang mang thai.

Ta cũng được biết thêm rằng trong ngày thứ ba 3-10-2006 thì Angelina Jolie, cũng với cái bụng bầu giả, đang có mặt tại Marseille (Pháp), gần con đường La Canebière,

trong y phục toàn trắng, để quay những cảnh lúc Mariane Pearl đang ở Pháp.

Dự kiến, *A Mighty Heart* sẽ công chiếu trong năm 2007.

1181. Kiến thức ngày nay, số 583

Hỏi: *Xin giới thiệu sơ lược về giải* Booker Prize, *cũng gọi là* Man Booker Prize. *Người được giải năm 2006 là ai và tại sao gọi là "Man" (Đàn ông) mà nữ tác giả cũng được tặng thưởng?*

Trả lời: Giải này được gọi bằng những cái tên: *Booker, Booker Prize* (tên thông dụng), *Man Booker, Man Booker Prize, Man Booker Prize for Fiction* (tên chính thức). *Man* ở đây không phải là "đàn ông" mà cũng chẳng phải là "người". Đó là họ của James. Cách đây 200 năm hơn, *James Man* đã khởi nghiệp bằng công việc môi giới. Công việc ngày càng phát đạt và đưa đến việc thành lập tập đoàn *Man Group* hiện nay. Năm 1969, công ty *Booker-McConnell* sáng lập và tài trợ giải Booker-McConnell *(Booker-McConnell Prize),* thường gọi tắt là giải Booker *(Booker Prize).* Khi giải này được chuyển cho Quỹ giải thưởng Booker *(Booker Prize Foundation)* vào năm 2002 và nhà tài trợ chính của nó trở thành Công ty đầu tư *Man Group,* giải thưởng được đổi tên thành *Man Booker Prize for Fiction.* Tiền thưởng ban đầu là 21.000 bảng Anh, từ năm 2002 tăng thành 50.000 bảng. Giải *Man Booker Prize* dành cho tác giả còn tại thế

của khối Thịnh vượng chung (Commonwealth), Ireland, Pakistan và Nam Phi.

Giải 2006 thuộc về nhà văn nữ *Kiran Desai* của Ấn Độ, với tác phẩm *The Inheritance of Loss,* như báo đã đưa tin.

1182. Kiến thức ngày nay, số 584

Hỏi: *Hai chữ* giả đò *trong tiếng Nam Bộ có nghĩa là gì thì chắc ai cũng hiểu nhưng riêng chữ* đò *có nghĩa là gì thì... Rất mong ông giải thích hộ.*

Trả lời: *Đò* là âm xưa của chữ *độ* 度 trong *thái độ*, y hệt như chữ *độ* 渡 là bến đò cũng có âm cổ Hán Việt là... *đò*. Chữ *độ* ở đây có nghĩa là cái vẻ, cái dáng dấp, cái cử chỉ bên ngoài; do đó mà *giả đò* cũng đồng nghĩa với *giả bộ, làm bộ* trong phương ngữ Nam Bộ. Vậy *đò* là một từ cổ chứ không phải là một yếu tố vô nghĩa.

1183. Kiến thức ngày nay, số 584

Hỏi: Ho he: he *là gì?*

Trả lời: *He* là âm xưa của chữ *ha* 呵, có nghĩa là hà hơi. Vậy *ho he* là một cấu trúc đẳng lập gồm hai từ gần nghĩa chứ không phải là một từ láy.

1184. Kiến thức ngày nay, số 584

Hỏi: Ngoài bìa, và cả trong bìa giả, quyển Utopia *của Thomas More do Trịnh Lữ dịch, Nhã Nam và Nxb. Hội Nhà văn ấn hành, những người làm sách (chứ không phải dịch giả) đã thêm vào dưới nhan đề chính một "phụ đề" là "Địa đàng trần gian". Về cái phụ đề này, trong một bài nhận xét đăng trên báo* Lao động *ngày 4-9-2006, Cao Xuân Hạo đã viết:*

"Địa đàng trần gian *là một trùng ngữ (pleonasm), một lỗi ngữ pháp và ngữ nghĩa học không thể nào dung thứ được trong tiếng Việt, chẳng khác nào* ánh nắng mặt trời *hay* bóng Nguyệt của chị Hằng".

Ông còn nhấn mạnh: "Cho nên bốn chữ "Địa đàng trần gian", dù có dễ tính đến mấy, cũng không thể nào chấp nhận được".

Ý của Cao Xuân Hạo thì như thế, còn ý ông An Chi thì thế nào?

Trả lời: Đáp lại lời khẳng định của Cao Xuân Hạo, nhân danh những người làm sách, ông Nguyễn Nhật Anh có viết hai bài khá tỉ mỉ, đăng trên một tờ báo điện tử, ngày 20-9-2006 (số 360) và 1-10-2006 (số 363) để biện hộ cho bốn tiếng *địa đàng trần gian.*

Trước nhất, ông Nguyễn Nhật Anh đã đưa ra và biện hộ cho một số cách nói mà ông cho là bình thường nhưng có thể có người sẽ cho là trùng ngữ. Chúng tôi xin nhắc

lại một số thí dụ của ông bằng cách quy chúng vào một số loại để thuận tiện cho sự biện luận:

Loại 1: *cố gắng, gắn kết, tra khảo, truất phế, truy đuổi, v.v...*

Loại 2: *trái tính trái nết, đàn bà con gái, đàn ông con trai, v.v...*

Loại 3: *sông Hoàng Hà, sông Hồng Hà, sông Trường Giang, thành phố Mexico City, v.v...*

Loại 4: *người nghệ sĩ, kẻ triết gia, nhà học giả, người khán giả, người tài tử, người nông phu, người diêm dân, v.v...*

Loại 5: *tiền học phí, tiền cước phí, tiền lộ phí, v.v...*

Loại 6: (cái) *nết lành tính,* (cái) *nết nóng tính,* (cái) *nết cục tính,* (cái) *tính nết na,* (cái) *tính tốt nết, v.v...*

Cuối cùng, ông Nguyễn Nhật Anh có dẫn ra một câu trong *Nhị độ mai:*

Bất thình lình bỗng trong bàn mất vui.

mà ông cho là lệ ngoại cũng như loại 3, loại 4 và vì là lệ ngoại nên không phải là những hiện tượng khó lý giải. Khó lý giải là loại 1, loại 2, loại 5 và loại 6: tại sao người ta vẫn nói được như thế (mà đó không phải là trùng ngữ)?

Sau đây là ý kiến của chúng tôi.

Loại 1 là những thí dụ rất quan trọng cho thấy một đặc trưng của tiếng Việt là nó thích kiểu cấu tạo từ tổ đẳng lập bằng cách ghép hai từ cùng từ loại, đồng nghĩa hoặc cùng

trường nghĩa với nhau. Loại này thực ra cũng không hạn chế ở vị từ động (như các thí dụ mà ông Nguyễn Nhật Anh đã nêu), mà cả ở vị từ tĩnh (như: *bằng phẳng, cao cả, thấp bé, v.v...*), và danh từ (như: *nhà cửa, giấy bút, sách vở, v.v...*). Người có nhận thức đúng về tiếng Việt, không ai coi đây là *trùng ngôn* cả. Huống chi, các thí dụ của loại này thuộc về ngôn ngữ (langue) chứ không thuộc về lời nói (parole) nên cũng chẳng thể xem là trùng ngôn (pleonasm).

Loại 2 là những thành ngữ; rồi vì là thành ngữ nên cũng thuộc về ngôn ngữ chứ không phải thuộc về lời nói. Vậy ta cũng chẳng có lý do gì để xem đây là những thí dụ về hiện tượng trùng ngôn.

Loại 3 là những cấu trúc địa danh mà yếu tố thứ hai của địa danh *(hà, City)* đồng nghĩa với danh từ trung tâm *(sông, thành phố)* lại là những hình vị không được dùng độc lập trong tiếng Việt nên ta cũng không thể xem loại này là những thí dụ về hiện tượng trùng ngôn. Việc sử dụng hay không sử dụng danh từ trùng ngôn *(sông, thành phố)* ở đây phụ thuộc vào trình độ của người nói, người viết trong mối quan hệ với trình độ của người nghe, người đọc. Nó không có tính chất bắt buộc.

Loại 4 thì đòi hỏi một cái nhìn tế nhị hơn nhiều. Khác với loại 3 mà trung tâm là những danh từ khối, ở đây trung tâm lại là những danh từ đơn vị. Nhưng loại 4 cũng giống loại 3 ở chỗ yếu tố thứ hai trong định ngữ (*sĩ, gia, giả, tử, phu, dân* (khác hẳn với *dân* trong *người dân*)) đồng nghĩa

với danh từ trung tâm *(người, kẻ, nhà)* là những hình vị không được dùng độc lập trong tiếng Việt. Vậy ở đây ta cũng không thể đặt thành vấn đề trùng ngôn. Ngược lại, việc sử dụng danh từ trung tâm ở đây thể hiện một sự trau chuốt, một sự quan tâm đến tính minh xác của lời nói, mà sau đây là một thí dụ:

- Cung Trung là một *nghệ sĩ* piano tài ba. *Người nghệ sĩ* này đã có một quá khứ cay đắng và tủi nhục thời bao cấp.

Người trong danh ngữ *người nghệ sĩ* nằm trong một mối quan hệ đối vị với *anh*, với *chàng*, với *gã*, với *tay*, với *thằng*, v.v... trong *anh nghệ sĩ này, chàng nghệ sĩ này, gã nghệ sĩ này, tay nghệ sĩ này, thằng nghệ sĩ này*, v.v... Cái mối quan hệ này cấp cho danh từ đơn vị *người* trong *người nghệ sĩ* một thứ quyền công dân chính đáng và chắc chắn chứ ở đây làm gì có chuyện trùng ngôn.

Loại 5 chỉ thể hiện trình độ của người nói, người viết mà thôi. *Cước phí, học phí, lộ phí* tự nó đã là tiền trong văn viết, bên cạnh *tiền cước, tiền học, tiền đi đường* chứ *tiền cước phí, tiền học phí, tiền lộ phí* thì chỉ nên được chấp nhận trong lối nói bình dân mà thôi.

Loại 6 liên quan đến mặt ngữ dụng của *tính* và *nết* mà ông Nguyễn Nhật Anh đã không để ý đến. Đây không phải là hai từ đồng nghĩa tuyệt đối. Ta có thể nói đến *tính toàn dân* của một ngôn ngữ chứ không thể nói đến "nết toàn dân" của nó. Đồng thời, *nết* phải là cái *tính* tốt. Trong *hư*

thân mất nết thì *nết* là *tính* tốt. Vậy *nết nóng tính, nết cục tính* là những cách dùng từ không thích hợp. Đồng thời, trong *tính tốt nết* thì *nết* thừa mà trong *nết lành tính* thì *tính* thừa. Nếu có dễ dãi thì cũng phải nhận rằng ở đây đã có trùng ngôn cỡ... đờ-mi và chỉ nên dành cho khẩu ngữ mà thôi.

Sở dĩ chúng tôi phải phân tích dài dòng là vì chính ông Nguyễn Nhật Anh đã đưa ra những thí dụ trên đây chứ dù cho những thí dụ này có phải là trùng ngôn hay không thì nó cũng chẳng có liên quan gì đến sự trùng ngôn trong bốn tiếng *địa đàng trần gian* mà tác giả (hoặc người đại diện cho tác giả) của nó đã ra sức phủ nhận.

Ông Nguyễn Nhật Anh đã đưa ra hai luận cứ chính:

1. Trong *địa đàng* và *địa ngục* đều có *địa*. Vậy đã nói được *địa ngục trần gian* thì cũng có thể nói *địa đàng trần gian*.

2. "Cái *đàng* trong *địa đàng* với *đàng* trong *thiên đàng*, thì đều xuất phát từ *paradis* (tiếng Pháp), hay *paradisus* (tiếng La Tinh) tức là *thiên đàng, vườn cực lạc, vườn diệu quang*, và cả *địa đàng* nữa". Ông còn nói rõ thêm: "*Địa đàng* (hoặc *vườn địa đàng*) trong hầu hết các từ điển cái, quan trọng (...) đều tương đương với khái niệm *Paradisus* hay *paradisus terrestris* trong tiếng La Tinh, và với *Paradis* hoặc *paradis terrestre* trong tiếng Pháp, tức là đều trỏ rõ là *thiên đàng*".

Nghĩa là ông đã đánh đồng *địa đàng* với *thiên đàng*. Vì ông thấy rằng chỉ một từ *Paradis* của tiếng Pháp hoặc

Paradisus của tiếng La Tinh thôi, cũng vừa có nghĩa là *thiên đàng*, vừa có nghĩa là *địa đàng*.

Ông Nguyễn Nhật Anh đã nhầm.

1. Tuy trong *địa đàng* và *địa ngục* đều có *địa* nhưng *địa ngục* thì ở dưới âm phủ nên ta mới có thể dùng ẩn dụ mà nói *địa ngục trần gian* chứ *địa đàng* đã ở trên cõi trần rồi thì còn nói *địa đàng trần gian* làm gì cho thừa từ dư chữ?

2. *Paradis* có hai nghĩa (không kể những nghĩa không trực tiếp liên quan đến vấn đề đang bàn) nhưng tuỳ theo ngôn cảnh mà phải hiểu đó là *paradis céleste (thiên đàng)* hay *paradis terrestre (địa đàng)* chứ tuyệt đối không thể vì thế mà đưa ra cái đẳng thức:

Địa đàng = thiên đàng

Maîtresse có ba nghĩa: bà chủ - cô giáo - nhân tình nhưng ta đâu có thể vì thế mà lăng-xê cái đẳng thức:

Bà chủ = cô giáo = nhân tình!

Ông Nguyễn Nhật Anh muốn chứng minh rằng *Paradis = thiên đàng = địa đàng;* hàm ý của ông là tuy nói *địa đàng trần gian,* nhưng lại dính dáng đến *thiên đàng* nên làm gì có chuyện trùng ngôn.

Nhưng không có người Việt nào lại chịu hiểu rằng *địa đàng* là *thiên đàng!* Vì vậy nên vừa nghe đến mấy tiếng *địa đàng trần gian* thì *"bất thình lình bỗng trong lòng mất vui".*

1185. Kiến thức ngày nay, số 585

Hỏi: *Mục "Tin văn nghệ thế giới" tại trang 15 của một tờ báo ra ngày thứ hai 30-10-2006, có mẩu tin:*

"Đến Ấn Độ tuần qua, Angelina Jolie bị một tai nạn bất ngờ do xe của cô đụng vào một chiếc xe máy do một thanh niên 19 tuổi điều khiển (...). Có nguồn tin cho rằng, Jolie đang đọc sách thì cô lái xe và gặp tai nạn. Liên tục nhiều sự cố không hay cho vợ chồng nhà Pitt khi đến quay phim nơi đây. (E Online)".

Xin nhờ ông An Chi kiểm tra lại tính xác thực của cái tin "xe đụng" này. Bộ Angelina Jolie đã chán cái cuộc sống ăn sung mặc sướng và đầy danh vọng của cô ta rồi hay sao mà lại vừa lái xe vừa đọc sách?

Trả lời: Chúng tôi đã vào *E Online* và thấy có bài "Angelina's Driver Swipes Biker" của Natalie Finn, đưa lên mạng lúc 5g14 giây (giờ mùa hè Thái Bình Dương (PDT)) chiều ngày thứ tư 11-10-2006. Có lẽ tác giả của mẩu tin mà ông dẫn lại trên đây đã lấy chi tiết từ bài này. Nhưng chẳng làm gì có chuyện Angelina Jolie đọc sách khi đang lái xe cả, trừ phi cô ta mất trí. Liên quan đến chuyện này, Natalie Finn đã viết, nguyên văn như sau:

"Police confirmed to the network that 19 - year - old Mittal Rawat was hit by the vehicle while Jolie was riding in the car, reading".

(Cảnh sát xác nhận với mạng lưới truyền thông rằng Mittal Rawat, 19 tuổi, đã bị chiếc xe tông vào trong khi Jolie đang ngồi trên xe đọc sách). *(Xin xem ảnh)*

Rõ ràng là Jolie đang ngồi đọc sách trên xe chứ không hề lái xe. Tác giả của mẩu tin tiếng Việt đã hiểu nhầm nghĩa của động từ *(to) ride* (đi xe, ngồi xe). Huống chi, ngay trong câu tiếp theo, Natalie Finn còn nói đến người lái xe:

"The bruised teen-ager was the one who pointed out that the actress' driver was looking to escape some eager paparazzi".

(Chàng trai tuổi teen bầm mình tím mẩy chính là người đã nói rõ rằng lúc đó anh lái xe của Jolie đang lo tránh né mấy kẻ paparazzi háu tin).

Rõ ràng là trong chuyện này thì Angelina Jolie không có lỗi. Chỉ đáng tiếc là có nhiều chuyện không hay xảy đến cho cặp Brangelina trong thời gian họ lưu lại Ấn Độ để làm phim, có chuyện do chính họ gây ra, có chuyện thì hoàn toàn ngoài ý muốn của họ. Ngoài ý muốn của họ, chẳng hạn, tính cho đến khi chúng tôi viết những dòng này, Angelina đã bị ngất xỉu đến ba lần, do nhiều nguyên nhân: nhiệt độ và độ ẩm ở Pune (Ấn Độ), áp lực của đám paparazzi và những cảnh quay gây xúc động mạnh. Lần thứ ba trong tháng (mười), theo *Canalstars.com*, là sau khi Jolie vào vai Mariane trong cảnh nhân vật này vừa hay tin chồng mình đã bị bọn khủng bố sát hại. Còn chuyện mới nhất do chính họ gây ra khi chúng tôi viết những dòng này là họ đã làm cho giới chức hàng không thành phố Jodhpur nổi giận. Họ được GajSingh, một vị hoàng thân, mời đến dinh thự của ông ta để dự lễ hội Ánh sáng (Diwali) của người Ấn Độ. Theo lời tường thuật của Sarah Hall trong bài "Brad and Angelina's Chopper Controversy" của *E Online*, đưa lên mạng lúc 12g33ph23 (giờ mùa hè Thái Bình Dương) ngày 27-10-2006 thì họ đã đi trên một chiếc trực thăng thuê. Chiếc máy bay này đã đáp xuống một khách sạn sang trọng của Jodhpur hôm thứ hai 23-10 mà không có phép. Tờ *Times of India* thuật rằng chiếc báy may đã đáp xuống bãi đậu tư của khách sạn Umed Bhawan Palace, sau khi nêu yêu cầu được đáp xuống khẩn cấp. Một viên chức của Jodhpur, ông Bhura Ram Delu, cho biết rằng lẽ ra họ phải xin phép trước và nói tiếp: "Chúng tôi sẽ truy cứu sự việc.

Sau khi trao đổi với ban quản lý khách sạn Umed Bhawan Palace, chính quyền địa phương sẽ yêu cầu bộ phận kiểm soát không lưu của Jodhpur báo cáo về vụ này". Chưa biết cặp Jolie - Pitt có bị xử phạt hay không. Xem ra, xài tiền thì dễ nhưng nhập gia tuỳ tục lại khó.

Sự hiện diện của cặp Brangelina tại Pune ít nhiều đã khuấy động cuộc sống thường nhật ở đây, từ bungalow 223 đến khách sạn Le Méridien và một số địa điểm hữu quan khác. Tuy an ninh cho đoàn làm phim và bí mật các cảnh quay được thực hiện chặt chẽ nhưng ta cũng có được một vài bức ảnh... chưa nguội tính thời sự. Trên *Kiến thức ngày nay*, số 583, chúng tôi có nhắc đến chuyện một vệ sĩ của cặp Brangelina hành hung một nhà nhiếp ảnh. Và dù có bí mật đến đâu thì cũng không thể ở một chỗ. Như đã nói, lẽ ra, *A Mighty Heart* phải được quay ở Pakistan nhưng thực tế thì hầu như mọi việc đều được tiến hành ở Ấn Độ vì những lý do tế nhị, trong đó có việc giữ gìn an toàn cho diễn viên. Ngay cả ở Ấn Độ, hiện nay người ta cũng đang tăng cường an ninh chung quanh Jolie và Pitt vì lo rằng họ có thể bị bọn khủng bố sát hại. Còn Jolie thì cứ tiếc rẻ vì phim không được quay ở Pakistan, là đất nước mà cô đã đến thăm ba lần và ca ngợi về sự tươi đẹp, nhất là vì Pakistan mới chính là nơi mà Daniel Pearl bị sát hại. Vả lại, chính Jolie cũng khẳng định:

"*A Mighty Heart* không phải là một bộ phim về chủ nghĩa khủng bố hoặc về xung đột; đó là một câu chuyện

về những người thuộc tất cả các tín ngưỡng cùng làm việc với nhau để tìm ra lẽ phải".

1186. Kiến thức ngày nay, số 586

Hỏi: *Trong một bài viết rất bổ ích và đầy chi tiết lý thú nhan đề "Giải mã về nơi an táng* Hùm xám Yên Thế", *đăng trên* An ninh Thế giới, *số 600, ngày 28-10-2006 và số 601, ngày 1-11-2006, tác giả Đỗ Doãn có sao lại (đúng bút tích trong hiện vật) nguyên văn bài thơ Nôm sau đây:*

Theo tác giả thì bài thơ này đã được Bảo tàng Bắc Giang đọc như sau:

Cờ nghĩa bao năm nay lỡ vận.
Hậu thế nghìn năm ai biết không?
Yên Ngựa nghỉ vào đây lòng đất
Thế sự Hoàng Hoa ai rõ chăng?
Một nghìn chín trăm mười ba
Tháng năm ngày mồng chín Loan.

Còn chuyên gia hàng đầu về Hán Nôm ở Việt Nam, ông Nguyễn Tá Nhí, phất phơ đầu bạc, dùng kính lúp cùng Thạc sĩ Nguyễn Xuân Diện, ngồi tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, "lục vấn" từng chữ - vẫn là lời của Đỗ Doãn - rồi Cụ Tá Nhí rành rọt giải thích và đọc:

Cờ nghĩa bao năm lanh lẹ (*hoặc* nhanh nhẹ) vẫn
Hậu thế ngàn năm ai biết không
Yên Ngựa ngờ (ghi, nghi) vào nơi lòng đất
Thế sự Hoàng Hoa ai dẫu (thấu) chăng?

Xin hỏi: Giữa cách đọc của Bảo tàng Bắc Giang và cách đọc của cụ Tá Nhí, cách nào hợp lý hơn? Và riêng ông An Chi thì ông đọc như thế nào?

Trả lời: Trước nhất, để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xin sao lại đúng nguyên văn bài thơ Nôm đang xét bằng chữ in vi tính như sau:

Với chúng tôi thì cách đọc của Bảo tàng Bắc Giang (BTBG) hợp lý hơn cách đọc của cụ Nhí.

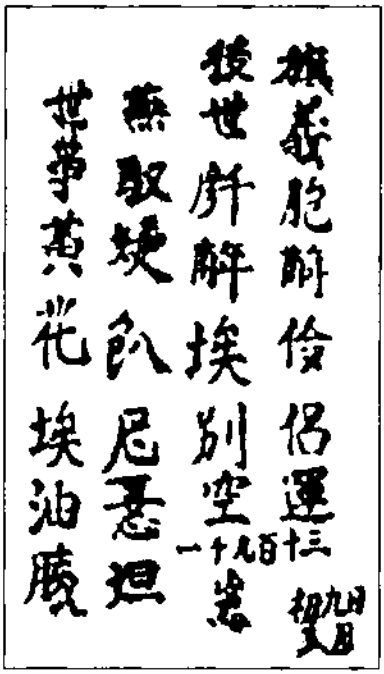

Bài thơ Nôm trên báo ANTG

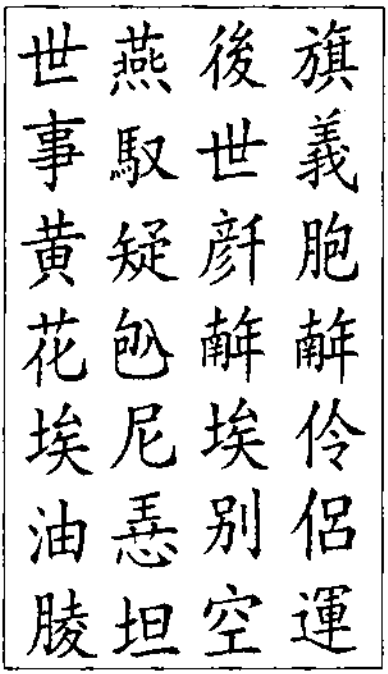

Bài thơ Nôm vi tính

Nhưng đây là nói chung, chứ cũng có chỗ thì BTBG lại sai, chẳng hạn chữ thứ năm của câu thứ ba, chữ 尸, lẽ ra phải đọc *nay* - như cụ Nhí đã đọc - thì BTBG lại đọc thành "đây". Bây giờ xin đi vào từng câu cụ thể.

Về câu thứ nhất, chúng tôi cho rằng BTBG đã đọc hoàn toàn đúng:

Cờ nghĩa bao năm nay lỡ vận.

Còn cách đọc của cụ Nhí thì chỉ là một thứ tiếng Việt quá yếu ớt. Cờ nghĩa bay phất phới, cờ nghĩa tung bay trước gió, v.v... thì phải quá chứ "cờ nghĩa lanh lẹ (nhanh nhẹ) vần" thì chúng tôi e rằng chẳng có người Việt nào hiểu đó là gì. Cờ bay thì bình thường; cờ rũ cũng bình thường chứ "cờ vần" thì cũng chỉ là một thứ "châu dệt" mà thôi (như chúng tôi đã phân tích trên *Kiến thức ngày nay,* các số 400, 401 và 439). Trong câu này, bốn chữ đầu chắc chắn là cờ nghĩa bao *năm* không sai chậy đi đâu được. Chữ thứ bảy, cũng không sai chậy đi đâu được, là chữ *vận.* Chữ thứ sáu, chữ 侶, mà đọc thành *lẹ* (hoặc *nhẹ*) như cụ Nhí, thì hoàn toàn vô lý. Đó là chữ *lỡ* rõ mồn một. Vậy chữ thứ sáu và chữ thứ bảy chắc chắn là *lỡ vận.* Bây giờ ta thử xét xem trong một ngôn cảnh bảy tiếng mà bốn tiếng đầu đã là *cờ nghĩa bao năm* và hai tiếng cuối là *lỡ vận* thì chữ thứ năm, chữ 伶 có thể hoặc phải đọc là gì. *Từ điển chữ Nôm* của Viện nghiên cứu Hán Nôm do Nguyễn Quang Hồng chủ biên đã ghi cho nó 7 âm: *lanh, lành, lềnh, lình, ranh, rành, rảnh.* Không có bất cứ âm nào thích hợp với ngôn cảnh đang xét.

Ta có quyền nghĩ rằng đó là một chữ viết sai. Có lẽ cũng do nghĩ như thế mà BTBG đã đọc chữ thứ năm thành *nay* vì cho rằng ở trong 伶 thì chữ *kim* 今 là "nay" đã bị viết sai thành 令. Điều này hoàn toàn có lý. Với chúng tôi thì 伶 chính là chữ *nay* 𠓛 đã bị viết sai. Chữ này nguyên dạng là 今尼, có thể đảo lại mà viết thành 尼今. Ta biết rằng khi người ta cần viết cho nhanh thì những chữ (bộ thủ) *hoả* 火, *thuỷ* 氵, *mịch* 糸, *kim* 金, *túc* 足, *thực* 食, v.v... ở bên trái đều có thể viết tắt thành 𠂉.

Ở đây, chữ "nay" cũng bị viết như thế nên cả chữ mới thành 𠓛, rồi chữ này mới bị viết nhầm thành 伶. Điều này hoàn toàn không có gì lạ. Vậy câu đầu là:

Cờ nghĩa bao năm, nay lỡ vận.

Câu thứ hai hoàn toàn không có vấn đề gì. Đó là:

Hậu thế nghìn năm ai biết không?

Câu thứ ba vướng mắc ở chữ thứ ba và chữ thứ năm. Chữ *nơi* 尼, mà cụ Nhí đã đọc hoàn toàn đúng thì không biết tại sao BTBG lại đọc thành "đây". Vậy bốn chữ cuối là *vào nơi lòng đất*. Chữ 疑 ở đây mà đọc thành *ngờ, ghi* (thanh mẫu của nó là *ng-* nên không thể là "ghi") hoặc *nghi* thì đều không thích hợp. Đó rõ ràng là chữ *nghỉ* và câu này là:

Yên Ngựa nghỉ vào nơi lòng đất.

Câu cuối thì vướng mắc ở chữ thứ sáu mà BTBG đọc là *rõ* còn cụ Nhí đọc thành *dẫu* hoặc *thấu*. Ở đây mà đọc thành "dẫu" thì vô nghĩa. Còn đọc thành *thấu* thì *thấu* đồng

nghĩa với *rõ* nhưng âm lý thì không xuôi (thanh mẫu của 沚 là *-d* nên không dùng để ghi *th-*). Chúng tôi cho rằng đây là chữ *rõ* 嘼 bị viết nhầm thành 沚. Huống chi, chỉ riêng về mặt âm lý mà thôi, đã có thể đọc thành "dẫu" thì tại sao lại không thể đọc thành *rõ*? Vậy câu cuối là:

Thế sự Hoàng Hoa ai rõ chăng?

Và cả bài là:

Cờ nghĩa bao năm nay lỡ vận.
Hậu thế nghìn năm ai biết không?
Yên Ngựa[1] *nghỉ vào nơi lòng đất.*
Thế sự Hoàng Hoa ai rõ chăng?

1187. Kiến thức ngày nay, số 586

Hỏi: *Paul Mauriat là ai mà mới mất thì đã có phương tiện truyền thông của ta đưa tin và tỏ lòng thương tiếc?*

Trả lời: Trong phần "Cáo phó" đăng ngày 9-11-2006, *Le Monde.fr* đã viết:

"Paul Mauriat là ông hoàng của nhạc êm dịu, khê khàng, lãng mạn, diễn tấu trên những thảm vĩ cầm mịn mượt; biết bao lứa đôi đã khiêu vũ theo nhịp của nó sau buổi dạ yến.

Người soạn bản *L'amour est bleu* (Tình yêu (mang) màu xanh) đã từ trần hôm thứ sáu 3 tháng 11 tại Perpignan

1. *Yên Ngựa* là tên núi ở địa phương - *Hoàng Hoa* là anh hùng Hoàng Hoa Thám, hùm thiêng Yên Thế.

(Đông Pyrénées). Ông thọ 81 tuổi. Sinh tại Marseille ngày 4 tháng 3 năm 1925, Paul Mauriat nổi tiếng khắp thế giới nhờ bản nhạc này, mà tên tiếng Anh là *Love is Blue*, soạn năm 1968, do André Popp viết (nhạc) và ban đầu là do Vicky Leandros hát để ghi âm".

Nói Paul Mauriat nổi tiếng khắp thế giới hoàn toàn không có gì ngoa. *Love is Blue* đứng đầu bảng xếp hạng tại Mỹ trong sáu tuần liền. Riêng tại Nhật Bản và Hàn Quốc thì dàn nhạc của ông đã đến trình diễn trên 1.200 lần. Ở Trung Quốc thì hai lần. Lần cuối cùng ông chỉ huy dàn nhạc diễn tấu tại Nhật là vào năm 1998 tại Osaka. Nhưng Le Grand Orchestre de Paul Mauriat vẫn tiếp tục lưu diễn ở các nước châu Á và các nước khác dưới sự chỉ huy của Gilles Gambus.

1188. Kiến thức ngày nay, số 587

Hỏi: *Trước đây xem báo, đài, tôi chỉ thấy và nghe nói đến tổng thống Philippines là bà Arroyo. Đùng một cái, đến APEC 2006 tại Hà Nội, lại thấy xuất hiện thêm một vị nữ tổng thống nữa là bà Michelle Bachelet. Tôi chưa nghe nói đến vị này bao giờ; ông An Chi có thể giới thiệu vài nét chăng?*

Trả lời: Thực ra thì trên thế giới hiện nay, ta thấy có đến mười vị phụ nữ làm nguyên thủ quốc gia hoặc thủ tướng. Còn sở dĩ ông biết đến bà Gloria Macapagal Arroyo mà chưa nghe nói đến bà Michelle Bachelet là vì hai lý do: Thứ

nhất, bà Arroyo là nguyên thủ của một quốc gia Đông Nam Á, có nhiều liên hệ với Việt Nam vì đều cùng nằm trong khối ASEAN nên ta thường nghe nói đến nhiều hơn. Thứ hai, bà Arroyo đắc cử tổng thống nhiệm kỳ đầu tiên là vào ngày 20-01-2001, rồi tái đắc cử nhiệm kỳ hiện nay vào ngày 10-5-2004, nghĩa là tính đến nay bà đã làm tổng thống được gần 6 năm còn bà Bachelet thì mới nhậm chức tổng thống Chile từ ngày 11-3-2006, chưa đầy một năm. Vì thời gian hãy còn ngắn nên ta ít nghe nói đến vị này. Đây là nói theo cái lý thông thường chứ thực ra thì bà Michelle Bachelet cũng là một nhân vật nổi bật và nổi tiếng *(Ảnh 1)*.

Michelle Bachelet Jeria,
Tổng thống nước Cộng hoà Chile.

Verónica Michelle Bachelet Jeria sinh ngày 29-9-1951 tại Santiago, Chile. Cha bà là tướng không quân Alberto Bachelet còn mẹ là nhà nhân loại học Angela Jeria. Bà thông thạo năm thứ tiếng: Tây Ban Nha, Anh, Đức, Bồ Đào Nha, Pháp và cũng biết đôi chút về tiếng Nga. Năm 2006, Michelle Bachelet được tạp chí *Forbes* xếp hàng thứ 17 trong 100 người phụ nữ có thế lực nhất thế giới. Bà đã từng là Bộ trưởng Bộ Y tế (2000), rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (2002) trong chính phủ của tổng thống tiền nhiệm Ricardo Lagos.

Kết thúc bậc trung học, cô gái Michelle đỗ tú tài năm 1969 rồi tiếp tục theo học ngành y tại trường Đại học Chile từ năm 1970. Năm 1973, tướng Pinochet làm đảo chính, lật đổ chính phủ của tổng thống Salvador Allende. Là người thân cận với tổng thống, cha của Michelle cũng bị phe đảo chính bắt giam, tra tấn rồi qua đời trong trại giam hồi tháng 3-1974 vì một cơn đau tim. Michelle và mẹ cũng bị bắt giam và tra tấn trong một trại khác ở Santiago. Được trả tự do năm 1975, bà Angela Jeria và con gái phải sang sống tị nạn ở Australia. Rồi Michelle đến Leipzig (Cộng hoà Dân chủ Đức) để học tiếng Đức; sau đó tiếp tục theo học ngành y tại trường Đại học Humbold ở Berlin. Michelle trở về Chile năm 1979 để hoàn tất việc học và năm 1982 thì đạt được văn bằng về giải phẫu.

Khi trở về Chile (1979), Michelle nguyện sẽ phục hồi nền dân chủ đã bị tướng độc tài Pinochet huỷ hoại. Khi nền dân chủ được phục hồi và Pinochet bị phế truất (1990), Michelle làm việc ở Bộ Y tế. Nhưng vì quan tâm đến quân sự nên Michelle lại theo học ở Học viện quốc gia về chính trị và chiến lược rồi đứng đầu cả khoá, nhờ đó có được học bổng để theo học tại Inter-American Defense College của Mỹ. Năm 1998, Michelle trở về Chile, làm cố vấn cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Michelle Bachelet đã gia nhập Đảng xã hội Chile từ những năm 1970 rồi trở thành ủy viên trung ương năm 1995. Ngày 11-3-2000, bà được Tổng thống Ricardo Lagos

bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Y tế, rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 7-1-2002, trở thành người phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ này ở châu Mỹ La Tinh. Năm 2005, cảm nhận được uy tín của mình trước quần chúng, bà đã quyết định từ nhiệm để ra tranh cử vào chức vụ tổng thống. Vòng 1 diễn ra ngày 11-12-2005 với 4 ứng cử viên.

- Sebastián Piñera, thuộc cánh trung hữu;
- Michelle Bachelet, thuộc cánh trung tả;
- Tomás Hirsch, thuộc cánh tả; và
- Joaquin Lavin, thuộc cánh hữu.

Không ứng cử viên nào đạt được đa số tuyệt đối nên hai người có số phiếu cao nhất là Michelle Bachelet và Sebastián Piñera phải tranh cử vòng 2. Và Michelle Bachelet trở thành tổng thống với 53,5% số phiếu bầu, so với 46,5% của đối thủ cánh hữu là Sebastián Piñera.

Michelle Bachelet là người phụ nữ thứ năm được bầu làm tổng thống ở châu Mỹ La Tinh và là người đầu tiên của Chile. Lễ nhậm chức của bà diễn ra thật long trọng, với sự hiện diện của nguyên thủ (hoặc đại diện) nhiều quốc gia, đặc biệt là của châu Mỹ La Tinh.

Trong khi vận động tranh cử, bà Michelle Bachelet đã hứa rằng chính phủ của bà sẽ gồm có 10 nam và 10 nữ và bà đã giữ lời.

Bà cũng hứa: "Tôi sẽ nói (với các bạn) những gì tôi nghĩ; và tôi sẽ làm những gì tôi nói". Theo tinh thần này,

sau chuyến đến thăm Việt Nam (và dự APEC) và New Zealand, ngày 21-11-2006, trên đường về, bà đã ghé thăm đảo Pascua để nhắc lại lời hứa xây dựng một bệnh viện mới cho hòn đảo này.

1189. Kiến thức ngày nay, số 588

Hỏi: *Một vị giáo sư của ta đã viết như sau: "Cuốn (từ điển của) Huình-Tịnh Của vẫn là một cuốn từ điển tiếng Việt toàn quốc, nó có thể thu thập cả MÌ và SẮN; thu thập cả HEO và LỢN; thu thập cả NA và MÃNG CẦU, v.v... Cuốn của A.de Rhodes cũng vậy: nó ghi chép cả niên hiệu LONG THÁI của nhà Mạc ở Cao Bằng, cả tên gọi ĐỨC BÀ THÁI QUỐC LÃO mẹ chúa Trịnh ở Kẻ Chợ, xứ Đàng Ngoài; nó cũng ghi chép cả địa danh HOÀI PHỐ (= FAÏFO), cả cách nói kị huý NGUYÊN thành NGUÔN của xứ Đàng Trong".*

Xin hỏi ông An Chi có nhận xét gì về đoạn biện luận trên đây của vị giáo sư đó.

Trả lời: Đoạn văn trên đây của vị giáo sư nọ có hai chỗ sai và một chỗ không ổn.

Cái danh từ *sắn* mà vị ấy ngỡ là của phương ngữ miền Bắc dùng để chỉ *khoai mì* của miền Nam thực ra là một danh từ mà phương ngữ Nam Bộ dùng để chỉ cái mà miền Bắc gọi là *củ đậu*. Huình-Tịnh Paulus Của giảng đó là "loài dây có trái như trái đậu, củ nó có nhiều nước, vị thuốc giải

khát, ăn sống được ăn chín cũng được, thổ sản Bình Thuận". *Việt Nam tự điển* của Lê Văn Đức giảng rõ hơn:

"Loại dây leo, lá kép gồm ba lá phụ hình tim, hoa tím, trái dài có nhiều hột dài lối 6mm, mỗi dây có nhiều củ hình tròn giẹp hoặc bong-vụ có khía cạn, được dùng ăn sống hay xào nấu: *Củ sắn (Pachyrrhizus)*".

Chẳng phải cố gắng gì nhiều ta cũng có thể khẳng định rằng đây chính là cái mà phương ngữ miền Bắc gọi là *củ đậu*. Vậy *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình-Tịnh Paulus Của không hề ghi nhận danh từ *sắn* mà phương ngữ miền Bắc dùng để chỉ *khoai mì* ở trong Nam, như vị giáo sư đó đã ngỡ.

Đó là cái sai thứ nhất. Vị giáo sư đó cũng đã nhầm khi viết rằng từ điển của A.de Rhodes ghi nhận "cả cách nói kị huý NGUYÊN thành NGUÔN của xứ Đàng Trong".

Thực ra, cái mà Đàng Ngoài phát âm thành *nguyên* thì dân Đàng Trong phát âm thành *nguơn*, (với "ơ" sau "u") chứ không phải "nguôn" (với "ô" sau "u"). Đàng Ngoài nói *nguyên đán, nguyên soái, thượng nguyên, trạng nguyên*, v.v... thì Đàng Trong nói *nguơn đán, nguơn soái, thượng nguơn, trạng nguơn*, v.v... Mà cũng chẳng phải là vô điều kiện. Sự tương ứng giữa *nguyên* và *nguơn* chỉ diễn ra với những danh ngữ cố định mà *nguyên/nguơn* là một thành phần hoặc khi *nguyên/nguơn* đứng một mình mà có một trong hai nghĩa sau đây: 1. chu kỳ 60 năm; 2. đơn vị tiền tệ đồng nghĩa với "đồng". Chứ với nghĩa "vốn là" hoặc "trọn

vẹn" thì, dù là dân Đàng Trong, người ta vẫn phải phát âm thành *nguyên*. Chẳng ai nói:

- *Nó ăn nguơn cả một con gà;*

hoặc:

- *Nguơn thằng ấy là một tay ăn chơi;* v.v...

Dĩ nhiên đây chỉ là nói chuyện đời xưa, chứ ngày nay, dù là người Nam Bộ, cũng chẳng ai - trừ một số ông già bà cả tuổi ngoại 80 - nói *nguơn*, ngay cả trong những điều kiện đã nêu ở trên.

Từ điển của A.de Rhodes chỉ có mục từ *"Nguôn mới làm"* là liên quan đến cái ý mà vị giáo sư nọ muốn nói đến nhưng đây là *nguôn* chứ không phải *nguơn* nên ta dứt khoát không thể xem đó là một hình vị của tiếng Việt ở Đàng Trong được. Đó là cái sai thứ hai.

Còn điểm bất ổn là ở chỗ vị giáo sư của chúng ta đã đưa những danh xưng *Long Thái, Đức Bà Thái Quốc Lão, Hoài Phố* ra để chứng minh cho sự hiện diện của "tiếng Việt toàn quốc" trong từ điển của A.de Rhodes. Nếu lập luận kiểu này thì chẳng những ta có "tiếng Việt toàn quốc" (chung cho cả Đàng Ngoài, Đàng Trong và Đàng Trên) mà ta còn có cả "tiếng Việt quốc tế" nữa vì A.de Rhodes còn ghi nhận cả những mục từ như: *"Lào, nước Lào"*, *"Mên, Cao Mên"*, *"Minh (...) Đại Minh"*, v.v... nữa. Những danh xưng như thế này không thuộc về từ vựng của một ngôn ngữ nên ta

không thể dựa vào đó mà chứng minh cho "tiếng Việt toàn quốc" như vị giáo sư nọ đã làm.

1190. Kiến thức ngày nay, số 589

Hỏi: *Tôi nhớ ở đâu đó: "Người trí nói một trăm câu cũng có một câu sai, người ngu nói một trăm câu cũng có một câu đúng". Tôi nghĩ sai sót gắn liền với thân phận con người. Nếu không sai sót thì ông đâu phải là... người, mà là... thần nhân rồi. Nói vậy, ý tôi là tôi quí ông. Vậy xin hỏi: ở trang 51, cột 3,* Kiến thức ngày nay, *số 584, từ* nhân tình *ông dùng có chuẩn không?*

Trả lời: Chắc ông cũng sẵn sàng thông cảm rằng ở đây, chúng tôi chỉ dùng hai tiếng *nhân tình* để đối dịch danh từ *maîtresse* của tiếng Pháp chứ không phải là dùng nó trong cách hành văn chính thức của mình. Còn sở dĩ chúng tôi chọn hai tiếng đó là vì hai lý do quan trọng: Một là cả *nhân tình* lẫn *maîtresse* đều là những cách nói có tính chất cũ xưa và hai là chúng đều có tính chất xấu nghĩa (péjoratif).

Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (in lần thứ chín, 2003, tr. 711) ghi về hai chữ *nhân tình:* "(cũ). Người tình (thường nói về quan hệ yêu đương không đứng đắn)". Lời giảng này cho phép ta khẳng định hai tính chất nói trên.

Còn *Le Petit Robert* thì ghi nhận về từ *maîtresse* như sau: "2. *Vieilli. La maîtresse d'un homme,* femme qui a des

relations amoureuses et sexuelles plus ou moins durables avec lui sans être son épouse". (*Cũ xưa. Nhân tình của một người đàn ông,* người đàn bà có quan hệ yêu đương và tình dục lâu bền hay ngắn ngủi với anh ta mà không phải là vợ (của anh ta)).

Lời giảng này của *Le Petit Robert* cho ta thấy một cách rõ ràng hai tính chất đã nói của từ *maîtresse.*

Với sự tương đồng về tính cũ xưa và tính xấu nghĩa như trên giữa Việt và Pháp thì việc lựa chọn hai tiếng *nhân tình* để đối dịch danh từ *maîtresse* sẽ là một việc làm hoàn toàn thích hợp. Huống chi, ngay cả *Từ điển tiếng Việt* (đã dẫn) cũng ghi nhận hai tiếng *nhân tình* thành một mục từ chính thức. Mà *Từ điển Pháp Việt* của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam do Lê Khả Kế làm tổng biên tập cũng đã dịch *maîtresse* là "nhân tình". Nếu ta dịch *maîtresse* thành "người yêu" thì ta sẽ không chuyển tải được tính xấu nghĩa của danh từ *maîtresse* vì *người yêu* là một danh ngữ mang sắc thái trung hoà, nếu không nói là trang trọng.

Thực ra, *nhân tình* đã từng là một lối nói phổ biến trong tiếng Việt để diễn tả cái mà tiếng Pháp gọi là *maîtresse.* Chẳng những thế, nó còn lây nghĩa cho danh ngữ *nhân ngãi,* làm cho cấu trúc này không còn chỉ một khái niệm về đạo đức nữa mà lại dùng để chỉ một kiểu quan hệ nam nữ không minh bạch, như trong *"Già nhân ngãi, non vợ chồng"*. Thì cũng là một kiểu *nhân tình* đó thôi, nhưng là

nhân tình - maîtresse chứ không phải là *nhân tình thế thái*, như trong câu thứ hai truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu:

Gẫm cười hai chữ nhân tình éo le.

Từ *chuẩn* mà ông dùng ở đây liên quan đến mặt từ vựng ngữ nghĩa mà, về mặt này, chỉ có dùng *nhân tình* để dịch *maîtresse* mới thực sự thích hợp mà thôi. Vậy có lẽ nào đó lại không phải là một việc làm đúng chuẩn?

1191. Kiến thức ngày nay, số 589

Hỏi: *Về chữ thứ ba và chữ thứ tư trong câu* Kiều *thứ 2826* (cắt người tìm tõi, đưa tờ nhắn nhe), *một tác giả có giải thích rằng* "tõi *trong* tìm tõi *là do* dõi *trong* tìm dõi *láy theo* tìm *mà thành*".

Xin cho biết ông có ý kiến gì về kiểu giải thích trên đây?

Trả lời: Sự thật lại chẳng hề quanh co, rắc rối đến như thế. Hai tiếng đẳng lập *tìm tõi* chỉ có mặt trong một ngôn cảnh duy nhất là câu 2826 của *Truyện Kiều*. Đó tuyệt đối không phải là một đơn vị độc lập trong từ vựng của tiếng Việt. Ta sẽ chẳng bao giờ có thể tìm thấy nó ở một lời nói nào khác của người Việt. Cho nên cất công đi tìm nguồn gốc của *tõi* trong *tìm tõi* là một việc làm chẳng những vô ích mà còn hoàn toàn vô nghĩa. Đào Duy Anh đã giải thích một cách đơn giản mà hoàn toàn chính xác:

"TÌM (...) *Tìm tôi:* Tức là tìm tòi, từ *tôi* nói theo giọng trắc cho đúng niêm luật. Ví dụ: Cắt người *tìm tôi* đưa tờ nhắn nhe (câu 2826)"[1].

Cái lý do ở đây cũng hoàn toàn giống như ở trường hợp *án* chuyển thành *an* trong câu:

Trên an bút giá thi đồng (c.397).

hoặc câu:

Trên an sẵn có con dao (c.799).

hoặc như trường hợp *chẳng* chuyển thành *chăng* trong câu:

Dầu chăng xét tấm tình si (c.339).

hoặc câu:

Sao chăng biết ý tứ gì (c.1861)

Cái lý do đích thực của sự "bút tre hoá" *tòi* thành *tôi* chẳng qua chỉ là chuyện niêm luật hoàn toàn đúng như Đào Duy Anh đã nêu chứ thực chất của vấn đề chẳng phải như tác giả nọ đã giải thích.

1192. Kiến thức ngày nay, số 589

Hỏi: *Lần này* (Kiến thức ngày nay, số 588) *thì ông An Chi đoán đúng: Ông Hugo Chavez đã đắc cử. Nhưng tôi nghe nói người anh hùng của ông đã phạm một cái* gaffe[2]

1. *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 366.
2. Gaffe: sự hớ hênh, điều nhầm lẫn ngớ ngẩn.

(danh từ của một tờ báo Pháp dành cho Chavez) không nhỏ. Tại Đại hội đồng Liên Hiệp quốc, ông ta đã giới thiệu với thiên hạ một quyển sách của Noam Chomsky mà không biết là tác giả hãy còn sống. Chẳng là ở một chỗ khác ông ta đã nói với người phỏng vấn rằng ông ta rất tiếc vì mình đã không được gặp mặt Chomsky trước khi Chomsky qua đời, báo hại cái ông tác giả người Mỹ này phải nhận đến hàng ngàn thư, điện hỏi thăm vì ngạc nhiên. Liệu chi tiết này có ảnh hưởng gì đến sự ngưỡng mộ của ông đối với người anh hùng của ông không?

Trả lời: Vâng, lần này thì chúng tôi đã đoán đúng. Hugo Chavez đã đắc cử nhiệm kỳ 2007 - 2013 và đã tuyên bố thắng cử trên balcon Dinh Miraflores ngay trong đêm 3-12, trước hàng ngàn người ủng hộ đến chào mừng dưới trời mưa tầm tã.

Ông hỏi cái *gaffe* của Chavez có ảnh hưởng gì đến sự ngưỡng mộ của chúng tôi đối với ông ta hay không. Không hề! *Errare humanum est*[1].

Đúng là tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, Hugo Chavez có giới thiệu quyển sách của Noam Chomsky nhan đề *Hegemony or Survival: The Imperialist Strategy of the United States (Xin xem ảnh)*. Thậm chí ông ta còn khuyên "các anh chị em người Mỹ" nên đọc quyển sách này hơn là ở đó mà xem *Superman*. Nhưng cái "gaffe" kia là tờ *New York Times*

1. Tạm dịch: Phạm sai lầm là thuộc tính của con người.

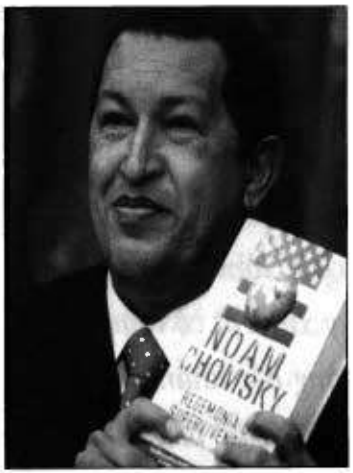

bịa đặt, rồi đó đây một số tờ báo khác cũng "nói theo". Thực ra, Hugo Chavez đã tỏ lời hối tiếc là mình không được gặp John Kenneth Galbraith trước khi tác giả này qua đời (hồi tháng 4-2006 ở tuổi 97). Tờ *NYT* đã xuyên tạc mà đổi Galbraith thành Chomsky để hạ thấp Chavez về mặt hiểu biết.

Đối với các yếu nhân, ta chẳng bao giờ nên nghe chỉ một chiều mà thôi.

Dân chúng Venezuela thường hô câu *"Chávez no se va"* (Chavez không đi đâu cả (= vẫn làm tổng thống)). Đúng thật! Ít nhất ông ta cũng còn ở lại đến năm 2013.

1193. Kiến thức ngày nay, số 590

Hỏi: Câu 628 của Truyện Kiều *xưa nay vẫn được đọc thành:*

Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao,

nghe chẳng những quen tai mà còn êm tai nữa. Đùng một cái, học giả Hoàng Xuân Hãn công bố cách đọc của mình bằng cách thay đổi tiếng thứ tư của nó và câu này đã trở thành:

Mày râu nhẵn trụi, áo quần bảnh bao,

nghe rất lạ tai và hình như cũng có phần thô thiển. Nhưng cụ Hãn là một học giả nổi tiếng nên có lẽ nào... Vì vậy nên ông Vũ Đức Phúc mới biện hộ:

"Ông Hãn phiên âm "Mày râu nhẵn trụi, áo quần bảnh bao" *là đã vận dụng kiến thức về chữ Nôm và tiếng Nghệ Tĩnh (...). Nguyên là các cụ ta ngày xưa rất có thành kiến với người lớn không râu, cho là tướng bất nhân, "nam tu, nữ nhũ". Bởi vậy viết* "mày râu nhẵn trụi" *tỏ ý khinh bỉ, thực hay. Còn "nhẵn nhụi" chính là để chỉ cái gì bóng mượt trơn tru, tuyệt đối không có ý gì chê trách, khinh bỉ. Bởi vậy, Hoàng Xuân Hãn phiên âm "nhẵn trụi" là rất có lý".* (Tạp chí Văn học, *số 4-1999, tr. 19*).

Tôi nghe ra cũng có lý. Nhưng ông An Chi đã phân tích kỹ chữ "trụi" và tính cách của nhân vật Mã giám sinh rồi khẳng định:

"Nguyễn Du đã có công trau chuốt cho ta câu 628 với hai vế tiểu đối hài hoà và xứng đôi như thế (mày râu nhẵn nhụi - áo quần bảnh bao) *để cực tả cái sự diện toàn diện của Mã giám sinh thì ta nỡ lòng nào biến hắn ta thành một gã đàn ông "mày râu nhẵn trụi". Làm sao mà một tay bợm già như họ Mã lại có thể ngu xuẩn đến mức đi* cạo trụi hết cả râu lẫn lông mày *để tước đi những cái nét nam tính trời cho? "Mày râu nhẵn trụi" thì chỉ có nước ứng tuyển vào hậu cung làm thái giám chứ đi "mua ngọc đến Lam Kiều" thế nào được?".*

Thì nghe ra cũng có lý. Nhưng đề cập đến ý kiến trên kia của Vũ Đức Phúc và ý kiến trên đây của ông An Chi, một vị giáo sư của ta đã viết:

"Đấy chỉ là chuyện hai người có hai cách nhìn khác nhau mà thôi. Cũng như cùng một hiện tượng ngữ âm cả mà nhà âm vị học mô tả khác, nhà ngữ âm học mô tả khác. Đứng trước các bản Kiều Nôm cổ, nhà nghiên cứu chữ Nôm nói những chuyện khác với những nhà nghiên cứu văn học. Mà cũng có 2 hướng giữa các nhà biên khảo về văn học: người thì quan tâm đến việc nay nên phiên Nôm thế nào để phục vụ sự thưởng thức của các độc giả hiện đại; người thì muốn tìm xem xưa kia cụ Nguyễn Du viết thế nào? Công việc nào cũng cần tiến hành thấu đáo cả. Trong tự vị Annam Latinh và Taberd chưa có NHẪN mà chỉ có LẪN. Không biết cụ Nguyễn Du viết chữ gì? Các bản Kiều Nôm thế kỷ XIX thì đã ghi NHẪN. TRỤI cũng vậy thôi: không biết đến lúc nào thì nó láy theo NHẪN và chuyển thành NHỤI?".

Vị giáo sư đó đã viết như thế. Nghe ra càng có lý hơn. Ông An Chi nghĩ thế nào?

Trả lời: Đoạn văn trên đây của vị giáo sư nọ có hai vấn đề: một liên quan đến chuyện lý thuyết, một liên quan đến chuyện từ ngữ cụ thể.

Xin nói về chuyện cụ thể trước. Nói "tự vị Annam Latinh và Taberd chưa có *nhẫn* mà chỉ có *lẫn*" thì không đúng. Ta nên nhớ rằng hai quyển từ điển này lấy phương ngữ Nam Bộ làm nền tảng. Trong phương ngữ này, *lẫn* đối với *nhẫn*

của phương ngữ Bắc Bộ cũng y hệt như *lài* đối với *nhài, lát* đối với *nhát, lạt* đối với *nhạt, lầm* đối với *nhầm, lẽ* đối với *nhẽ, lọ* đối với *nhọ, lời* đối với *nhời, v.v...* Vậy khi Pigneaux de Béhaine và Taberd ghi nhận từ *lẫn* trong từ điển của họ thì ở ngoài Bắc, người ta vẫn xài *nhẫn* đối với *lẫn,* cũng như xài *nhài* đối với *lài,* xài *nhát* đối với *lát,* xài *nhạt* đối với *lạt,* v.v... một cách bình thường. Ở ngoài Bắc cũng như trong ngôn ngữ của Nguyễn Du, lúc bấy giờ, *nhẫn* vẫn là một đơn vị từ vựng hành chức một cách bình thường và tự nhiên, chứ đâu phải lúc bấy giờ chỉ có *lẫn* mà chưa có *nhẫn.* Vậy ta chẳng cần phải thắc mắc cụ Nguyễn Du viết chữ gì (ý nói *"lẫn"* hay *"nhẫn"*) mà làm chi.

Còn về chữ *nhụi* mà vị giáo sư đó cho là do *trụi* bị đồng hoá theo *nh-* của *nhẫn* trong *nhẫn trụi (!)* mà ra, thì chúng tôi lại nghĩ khác. Đó là âm xưa của chữ *nhị* (trong *tế nhị*). *Nhị (↔ nhụi)* là trơn, bóng. Vậy *nhụi (↔ nhị)* là một từ cổ, ít ra cũng là một hình vị cổ, đi chung với *nhẫn* trong một cái thế đẳng lập rất hợp lý về trường nghĩa. Ngay trước mắt, nghĩa là trong phạm vi của những gì đã được cả hai bên trình bày, chưa ai có căn cứ gì để nói rằng vị giáo sư nọ đã đúng còn chúng tôi thì sai.

Bây giờ xin nói đến chuyện lý thuyết. Về chữ thứ tư của câu 628 mà nói như vị giáo sư nọ, rằng "đây chỉ là hai người có hai cách nhìn khác nhau", rằng "cùng một hiện tượng ngữ âm mà nhà âm vị học mô tả khác, nhà ngữ âm học mô tả khác", thì chỉ là ngụy biện mà thôi. Ở vị trí thứ tư của câu

628, Nguyễn Du đã viết hoặc là *nhụi,* hoặc là *trụi.* Giữa hai âm đó, ta chỉ có thể chọn một mà thôi; rồi trên cơ sở đó "nhà âm vị học" và "nhà ngữ âm học" mới phân tích theo cách riêng của mình được. Chứ dù là nhà âm vị học thì cũng không thể nói rằng /a/, chẳng hạn, là một nguyên âm hẹp còn /i/ là một nguyên âm tròn môi, rồi viện lý rằng vì mình làm âm vị học nên nói khác nhà ngữ âm học. Dù có là "nhà" gì, thì cũng phải khẳng định một cách dứt khoát xem chữ thứ tư của câu Kiều đang xét là *nhụi* hay là *trụi,* chứ tuyệt đối không thể nói với cách nhìn này thì đó là *nhụi* mà với cách nhìn khác thì đó lại là *trụi.* Đây là một kiểu thoả hiệp hoàn toàn phi lý và vô nguyên tắc. Mà chúng tôi thì khẳng định đó là *nhụi,* như đã phân tích ở những chỗ khác; còn "trụi" thì chỉ là một cách đọc "nhiễu sự" vì lập dị mà thôi.

1194. Kiến thức ngày nay, số 590

Hỏi: *Đồng xu có ảnh kèm theo đây có phải là tiền của Korea hay không? Và nó được đúc từ năm 971? Hay nó được đúc năm 1971 mà ai đó đã làm mờ chữ số "1" ở đầu? Những chữ khắc trên đó có nghĩa là gì?*

Trả lời: Như bạn đã biết, nếu là năm 971 thì người Triều Tiên (Korean) chưa có thể biết đến cái danh ngữ "The bank of Korea" để đúc trên đồng tiền của mình. Đây là năm 1971, như có thể thấy trong Ảnh 1, mà chúng tôi chọn trên mạng để in lại cho bạn và bạn đọc quan sát. *(Ảnh 1)*

(Ảnh 1)

Nói đó là đồng tiền của Korea thì cũng không đúng hẳn vì, hiện nay, có đến hai nước Korea: North Korea là Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên và South Korea là Hàn Quốc. Đồng tiền của bạn là đồng tiền của Hàn Quốc. Bank of Korea, viết tắt là BOK, là ngân hàng của Hàn Quốc.

Trong Ảnh 1, ở bên trái là mặt phải, tức mặt ngửa (obverse (Anh), avers (Pháp), còn bên phải là mặt trái, tức mặt sấp (reverse (Anh), revers (Pháp)). Ở bên trái và phía trên của mặt phải là hai chữ *sip won* 십원, nghĩa là 10 won. Ở phía dưới, vòng theo vành của mặt ngửa, là bốn chữ *Hanguk eunhang* 한국 은행, nghĩa là Ngân hàng Hàn Quốc. Còn ở bên phải hai chữ *sip won* và bên trên bốn chữ

(Ảnh 2)

Hanguk eunhang là hình của Dabotap, tức Đa Bảo tháp *(Ảnh 2)*, một toà tháp nổi tiếng, nằm trong phạm vi chùa Bulguksa, tức Phật Quốc tự, một khu danh lam ở Gyeongju, tức Khánh Châu.

Mặt có hình tháp Dabotap mới là mặt phải (mặt ngửa) của đồng 10 won này nhưng một số người sưu tập tiền cứ cho đó là mặt trái (mặt sấp).

1195. Kiến thức ngày nay, số 591

Hỏi: *Một số nhà nghiên cứu văn học nhận định rằng một nét nổi bật trong văn của Tô Hoài là "việc tìm tòi sáng tạo mới mẻ, độc đáo về từ ngữ, phương ngữ".*

Ông An Chi có cảm nhận như thế không?

Trả lời: Chúng tôi cũng có cảm nhận như thế, nhất là khi đọc xong *Ba người khác* của Tô Hoài mà Nhà xuất bản Đà Nẵng vừa ấn hành (nộp lưu chiểu tháng 12-2006). Tuy nhiên, điều chúng tôi muốn nói là sự tìm tòi, sáng tạo về từ ngữ và phương ngữ, dù có mới mẻ và độc đáo đến đâu thì cũng không phải là sửa đổi những gì vốn có của tiếng Việt. Sự tìm tòi và sự sáng tạo đó phải nhằm tạo ra những cách nói hoàn toàn mới của chính tác giả bằng những qui tắc cú pháp chung, chứ không phải bằng cách "cải biên" những đơn vị từ vựng cố định vốn có của ngôn ngữ, đặc biệt là những thành ngữ. Có vẻ như nhà văn Tô Hoài chưa chú trọng đến vấn đề này. Sau đây là một số dẫn chứng.

Ở trang 25, tác giả viết "quần xắn móng heo" còn thành ngữ vốn có của tiếng Việt thì lại là *xắn móng lợn*. Đã đành rằng *heo* chính là *lợn* nhưng xưa nay dân ta vẫn dùng *lợn* trong trường hợp này thì có lẽ nhà văn cũng nên tôn trọng. Mà hình như chữ "heo" ở đây là biểu hiện của một sự cố trong ý nghĩ của tác giả chứ sang đến trang 34 thì ông đã dùng trở lại bốn tiếng *xắn quần móng lợn*. Thế mới phải lẽ vì thành ngữ, quán ngữ là những đơn vị có hình thức cố định, chặt chẽ chứ không phải là những cấu trúc mà nhà văn, dù có nổi tiếng đến mấy, lại có thể "sửa chữa" được. Cũng như xưa nay dân ta vẫn nói *nói toạc móng heo* thì có lẽ nào ta lại "cách tân" mà đổi thành "nói toạc móng lợn"!

Ở trang 189, tác giả viết "ngứa ghẻ đòn ghen". Thì cũng là một cách cải biên thành ngữ. Đã đành là có những quyển từ điển cũng ghi nhận như thế, chẳng hạn *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lân nhưng nhà văn có lẽ cũng nên sử dụng từ điển một cách có phê phán chứ không thể viết theo cái sai của nó được. Thành ngữ chính xác ở đây là *ngứa ghẻ hờn ghen*, như ta có thể thấy một cách cụ thể nơi câu 1609 của *Truyện Kiều*. Mà có lẽ chính hai vế tiểu đối chặt chẽ này vốn là văn riêng của Nguyễn Du đã được dân chúng vận dụng lâu ngày và rộng rãi nên mới vô hình trung trở thành thành ngữ cũng không biết chừng. Vị từ *hờn* đối nhau chan chát với vị từ *ngứa* ở vế trước mà ta lại biến nó thành danh từ "đòn" thì còn đâu là đối!

Cũng như vị từ *ghẻ* ở vế trước đối nhau chan chát vị từ *ghen* ở vế sau mà ta lại biến nó thành danh từ (để chỉ một loại mụn ngoài da do ký sinh trùng gây ra) thì còn đối ở chỗ nào? Không biến *ghẻ* thành danh từ thì tại sao Đào Duy Anh, chẳng hạn, lại giảng *ngứa ghẻ hờn ghen* là "hờn ghen cũng khó chịu đến cuồng lên như ngứa ghẻ" còn Nguyễn Lân thì giảng là "bực bội chẳng khác nào khi ghẻ bị ngứa ran"? Nhưng đây nào phải chuyện ghẻ chốc. *Ghẻ* ở đây là đối xử lạnh nhạt, là bỏ bê, là không ngó ngàng đến, như còn có thể thấy trong từ tổ đẳng lập *ghẻ lạnh*. Mà *ngứa* ở đây cũng chẳng phải là cảm thấy khó chịu ở ngoài da nên có nhu cầu gãi cho dịu đi. *Ngứa* ở đây chính là tức, là giận. *Ngứa ghẻ* là một từ tổ vị từ chính phụ diễn tả cái tâm lý của người phụ nữ trong chế độ đa thê, đức lang quân không thể nào chiều năm bảy bà trong một lúc. Đấng trượng phu mà sang phòng nhì thì làm sao bà cả khỏi "ngứa ghẻ", nghĩa là khỏi ghen tức vì bị bỏ bê. Ngược lại, ông nhà mà chỉ lo quấn quít chung quanh cô hầu non mới rước về thì bảo sao năm ba bà hoặc năm bảy bà trước đừng "ngứa ghẻ". Vậy, xin trả lại cho hai tiếng *ngứa ghẻ* cái hàm nghĩa đích thực của nó chứ ai lại đưa mụn nhọt ra mà đối với sự ghen tuông.

Trở lên là chuyện thành ngữ. Bây giờ xin nói đến một đơn vị nhỏ hơn là cái mà người ta vẫn sính gọi là từ láy. Chúng tôi muốn nói đến hai tiếng "tròng lọng" mà tác giả đã dùng đến 8 lần (tr. 176 (*tròng* in sai thành "chòng"), tr. 219 (2 lần), tr. 220, tr. 232 (2 lần), tr. 247 (2 lần)).

Ông đã dùng "tròng lọng" thay cho *thòng lọng*. Chúng tôi không biết xuất xứ của hai tiếng "tròng lọng" nhưng dù cho đây là lối nói của một phương ngữ nào hay là một lối nói do chính Tô Hoài "cải biên" thì đó cũng không phải là một đơn vị từ vựng của ngôn ngữ văn học và ngôn ngữ toàn dân. Nhưng cái sự bất ổn của hai tiếng mà Tô Hoài đã dùng là ở chỗ tiếng thứ hai *(lọng)* hoàn toàn thừa thãi: chỉ một mình chữ *tròng* thôi cũng đã có nghĩa là *thòng lọng* rồi. Xin hãy đọc *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (in lần thứ chín, 2003):

- *"Thòng lọng.* Đoạn dây có một đầu buộc lỏng thành vòng để có thể mắc vào vật và thít chặt lại khi rút mạnh", và

- *"Tròng.* Thòng lọng buộc vào đầu gậy, dùng để mắc vào cổ chó, lợn mà bắt".

Cứ như trên thì chẳng phải là ở trong *tròng* đã có *"thòng lọng"* rồi hay sao? Và cứ như trên thì chẳng phải trong *tròng lọng* thì *"lọng"* là một âm tiết thừa? Thực ra, cách tân ngôn ngữ không phải là "sửa chữa" những đơn vị từ vựng sẵn có của nó, những đơn vị mà mọi người đều hiểu và dùng một cách hoàn toàn nhất trí. Trong ngôn ngữ toàn dân và ngôn ngữ văn học, *thòng lọng* là một đơn vị cố định. Ta có thể không dùng nó nhưng hễ đã dùng đến thì phải để nguyên.

Sự nắm vững các qui luật của ngôn ngữ sẽ giúp ích cho nhà văn rất nhiều và nó chỉ làm cho sự sáng tạo của nhà văn tăng thêm giá trị mà thôi. Nhưng hình như một số nhà văn của ta nghĩ rằng mình chỉ cần kinh nghiệm hành văn

có thâm niên cao là đủ. Chúng tôi mạo muội cho rằng đó là một quan niệm sai lầm. Nếu ta nhìn một cách nghiêm túc theo giác độ ngữ học thì những lối nói như *"láu tôm"* (tr. 112, 161), *"mỗi lúc một đùng đùng"* (tr. 209), v.v... đều sai. *Láu tôm* là kết quả của một sự "ngắt khúc" từ bốn tiếng *láu tôm láu cá,* trong đó "tôm" chỉ có tính chất đưa đẩy chứ không có nghĩa thực. "Láu tôm" không thể thay cho *láu cá* cũng như "chính em" không thể thay thế cho *chính trị* mặc dù ta vẫn có lối nói đưa đẩy *chính trị chính em.* Cũng như ta không thể lấy "văn gừng" thay cho *văn nghệ* mặc dù ta vẫn có thể nói *văn nghệ văn gừng. Đùng đùng* là hai tiếng phỏng thanh (onomatopoeia) nên không có mức độ tăng giảm. Vậy ta không thể nói "mỗi lúc một đùng đùng", cũng như không thể nói "mỗi lúc một gâu gâu", "mỗi lúc một meo meo", v.v...

Ngoài ra, ở một vài chỗ, Tô Hoài còn sử dụng những từ ngữ "chõi" nhau, nghĩa là không thể dung hợp với nhau. Chẳng hạn như ông đã viết *"mây trắng lờ đờ từng tảng vần vụ trong nắng nhạt"* (tr. 142), *"lặng lẽ sôi sùng sục"* (tr. 170), *"phừng phừng hớn hở"* (tr. 206), v.v... *Vần vụ* chỉ dùng để nói về mây đen, mây báo hiệu mưa giông, chứ không thể nói về "mây trắng lờ đờ". Đã "lặng lẽ" thì còn "sùng sục" thế nào được? Còn "phừng phừng" thì chỉ sự giận dữ mà "hớn hở" lại chỉ sự tươi cười; vậy làm sao "phừng phừng" có thể đi chung với "hớn hở"?

Trở lên, chúng tôi mạo muội nêu vài nhận xét về ngôn ngữ trong tiểu thuyết *Ba người khác* của Tô Hoài. Sở dĩ chúng tôi mạo muội nêu lên mấy nhận xét trên đây chẳng qua là vì muốn đạt đến cái đỉnh cao của sự thưởng thức văn chương mà thôi.

1196. Kiến thức ngày nay, số 592

Hỏi: *Quê tôi ở xã Tân Thành, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Trường cấp III tôi học ở sát hàng rào Nhà thờ Đá và từ nhỏ tôi vẫn quen gọi thị trấn soi mình xuống con sông đào là thị trấn* Phát Diệm. *Nhưng tôi nhớ thuở bé tôi có nghe ông bác tôi nói tên thị trấn này là* Phát Diễm. *Mối nghi ngờ của tôi càng lớn hơn khi nghe một số người gốc Kim Sơn di cư vào Nam cũng nói như ông bác. Người ta giải thích rằng* Phát *là phát đạt còn* Diễm *là diễm lệ. Quyển* Đội Công an số 6 *viết về thị trấn này trong những năm chống Pháp vẫn gọi nó là* Phát Diệm. *Trong các văn bản chính thức, con dấu cũng ghi là* Phát Diệm.

Vậy xin hỏi: Thị trấn nằm dọc bờ con sông đào của huyện Kim Sơn tên là Phát Diệm *hay* Phát Diễm? *Cái tên này có từ bao giờ và do đâu mà ra?*

Trả lời: Địa danh *Phát Diệm* 發豔 là do Nguyễn Công Trứ đặt ra trong công cuộc khai khẩn vùng đất nay là Kim Sơn (Ninh Bình) và Tiền Hải (Thái Bình) hồi 1828 - 1829. Ý nghĩa của địa danh này hoàn toàn đúng như ông đã nêu.

Cách đọc chính xác xưa nay vẫn là *Phát Diệm*. *Diệm* 豔 là đẹp đẽ, sáng sủa, như đã cho trong *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh. Tuy cũng có quyển như *Việt Hán thông thoại tự vị* của Đỗ Văn Đáp, và cả Đào Duy Anh trong mục phụ của chữ đang xét, ghi cho nó âm *diễm* nhưng trong thư tịch bằng chữ Hán, xưa nay nó chỉ có thanh khứ *(diệm)* chứ không bao giờ có thanh thượng *(diễm)*. Vậy *diễm* chỉ là một âm hậu khởi, nay đã trở nên phổ biến, như có thấy trong *diễm lệ, kiều diễm, diễm tình, diễm thi,* v.v... Xét về lịch sử của hệ thống âm Hán Việt thì *diệm* mới là âm gốc chứ không phải *diễm*. Ông bác của ông và một số người gốc Kim Sơn đã loại suy theo âm hậu khởi (như trong các thí dụ kể trên) nên mới nói đó lẽ ra phải là "Phát Diễm" chứ *Phát Diệm* mới chính là cách đọc chính xác ban đầu còn lưu truyền cho đến tận ngày nay.

1197. Kiến thức ngày nay, số 594

Hỏi: *Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên giảng* bộ sậu *là "tổng thể nói chung những người, những bộ phận làm thành một bộ máy nào đó". Vậy chữ* bộ *ở đây có phải cũng là chữ* bộ *trong* bộ phận, toàn bộ, *v.v... hay không?*

Trả lời: Chữ *bộ* 步, trong *bộ sậu* 步驟 có nghĩa là bước, bước đi, hoàn toàn khác với chữ *bộ* 部 trong *toàn bộ, bộ phận,* v.v... *Bộ sậu* có nghĩa gốc chính xác là bước ngựa

đi, rồi thứ tự, trình tự, v.v... *Mathews' Chinese-English Dictionary* dịch là "rate of progress; sequence; order; series". Người ta đã nhầm chữ *bộ* 步 này với chữ *bộ* 部 trong *bộ phận, toàn bộ,* v.v..., nên mới gán cho hai tiếng *bộ sậu* cái nghĩa như đã thấy trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên. Đây là một cách hiểu theo từ nguyên dân gian, dĩ nhiên là do sự thiếu hiểu biết mà ra. Việc hiểu sai, hiểu nhầm nhiều yếu tố gốc Hán trong tiếng Việt đang trở thành một cái nạn mà ta không thể xem nhẹ, nếu ta thực sự muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

Tuy là một phổ niệm *(universal),* nghĩa là một hiện tượng có thể gặp trong mọi ngôn ngữ nhưng từ nguyên dân gian chẳng phải là cái gì tất yếu như có người đã từng khẳng định. Hậu quả mà nó gây ra chỉ là làm cho nguồn gốc đích thực của từ ngữ thêm mờ mịt mà thôi. Ta sẽ chỉ phải chấp nhận cách hiểu theo từ nguyên dân gian khi không còn cách nào để xoay chuyển tình thế chứ không thể hài lòng với nó một cách vô nguyên tắc, càng không thể vỗ tay đón tiếp nó ngay từ đầu như có tác giả đã viết trên tờ tạp chí của một hội chuyên ngành.

Trở lại với hai tiếng *bộ sậu,* xin nhấn mạnh rằng cái nghĩa đã cho trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên chỉ là hệ quả của một cách hiểu theo từ nguyên dân gian. Chữ *bộ* ở đây viết là 步, chứ không liên quan gì đến chữ *bộ* 部 trong *bộ phận* hoặc *toàn bộ* cả.

1198. Kiến thức ngày nay, số 594

Hỏi: *Có người nói rằng chữ* bèn (*thí dụ:* Ưng ý, bèn mua ngay) *là do chữ* tiện 便 *mà ra. Xin cho biết giải thích như thế có đúng không?*

Trả lời: Đó là một lời giải thích chính xác. *Bèn* là một từ Việt gốc Hán, bắt nguồn ở một từ ghi bằng chữ 便, mà âm Hán Việt thông dụng hiện đại là *tiện* nhưng theo cách phát âm xưa thì lại có phụ âm đầu là một âm môi, như vẫn còn lưu tích trong tiếng Bắc Kinh *(biàn),* tiếng Quảng Đông *(pìn)* và nhiều phương ngữ khác của tiếng Hán. Ngay trong tiếng Việt, ta cũng có những cứ liệu về mối tương ứng *b- ~ t-*, chẳng hạn: *-bỉ* (trong *so bì*) cùng gốc với *tỉ* 比 (trong *tỉ lệ*); *-bệ* (trong *bệ rạc*) cùng gốc với *tệ* 敝 (trong *tệ hại*); *-bêu* (trong *bêu riếu*) cùng gốc với *tiêu* 標 (trong *tiêu biểu*); v.v...

Vậy chẳng có gì lạ nếu *bèn* cùng gốc với *tiện,* biết thêm rằng thanh điệu 2 tương ứng với thanh điệu 6 và vần *-iên* tương ứng với vần *-en* là chuyện thường thấy.

Nhân tiện, xin nói rằng từ *bèn* không đi chung với những vị từ chỉ hành động hoặc diễn biến xảy ra ngoài ý muốn hoặc không phụ thuộc vào sự quyết định của chủ thể. Vì thế mà một câu như câu sau đây nghe sẽ rất lạ tai. Trong mục "Danh nhân đất Việt", phát hình trên VTV1 tối 27-12-2005, sau khi say sưa kể chuyện và phân tích, nhà sử học Lê Văn Lan đã nói trước khán giả truyền hình như sau:

"Trần Nhật Duật bèn khỏi bệnh".

Hẳn ai ai cũng biết rằng sự khỏi bệnh không phụ thuộc vào ý chí của Trần Nhật Duật. Vậy ta không thể dùng *"bèn"* ở đây mà chỉ có thể nói:

- Trần Nhật Duật *liền* khỏi bệnh.

1199. Kiến thức ngày nay, số 596

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 475, ông đã có trả lời về từ nguyên của địa danh* Cửa Lò. *Mới đây,* Văn nghệ *(trung ương), số 2, ngày 13-1-2007, có đăng bài "Cửa Lò, đất chuộng khách" của Nguyễn Uyển. Tác giả này có nhắc đến ý kiến của GS. Đinh Xuân Lâm như sau:*

"Căn nguyên hai tiếng Cửa Lò cũng được giáo sư cắt nghĩa kỹ càng. Theo dân gian, ấy là: Từ Cửa Gió lùa, *người ta nói gọn lại thành* Cửa Lùa, *rồi thành Cửa Lò như bây giờ. Giải thích có tính chất hàn lâm học, giáo sư dẫn Bình Nguyên Lộc* (Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam) *cho rằng: "Cửa Lò là địa danh gốc Malayo-pôlynêdiêng có nghĩa là Cửa sông. Trong ngôn ngữ của các cư dân Malayo-pôlynêdiêng có từ* Kuala *để gọi tên nơi một con sông đổ ra biển... Dần dần, danh từ* Kuala *với nghĩa là cửa sông chuyển thành danh từ riêng Kuala/Kualo và cuối cùng địa danh hoá thành Cửa Lò - Cửa Lò là tên gọi để chỉ nơi con sông Lạch Lò đổ nước ra biển...".*

Xin ông cho biết ý kiến của mình về vấn đề này.

Trả lời: Trước nhất, xin nhận xét về cách giải thích hai tiếng *Cửa Lò* theo dân gian, như GS. Đinh Xuân Lâm đã nêu. Đây chính là từ nguyên dân gian mà đã là từ nguyên dân gian thì thường không đúng. Chẳng cần biện luận xa xôi, chỉ xin phân tích về sự chuyển biến từ *lùa* thành *lò* để chỉ ra sự phi lý. Hiện nay, thổ ngữ Nghệ An còn có hai từ *ló* và *rò*, tương ứng với *lúa* và *rùa* của tiếng Việt toàn dân. Trong sự tương ứng đó thì *-o* của Nghệ An xưa hơn *-ua* của tiếng Việt toàn dân; đồng thời *-o* trong *ló* và *rò* chính là lưu tích của thời kỳ Việt - Mường chung (chưa tách thành tiếng Việt và tiếng Mường). *Từ điển Mường-Việt* của Viện Ngôn ngữ học do Nguyễn Văn Khang chủ biên (Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2002) ghi nhận hai từ *lúa* và *rùa* trong tiếng Mường là *lõ* và *rò*. Xem thế đủ biết *-o* trong tiếng Nghệ An là một âm rất xưa; đồng thời trong sự chuyển biến ngữ âm chung của tiếng Việt, ta chỉ có thể có hiện tượng "*-o* → *-ua*" chứ không có hiện tượng ngược lại *(-ua* → *-o)*. Vậy nếu Nghệ An từng có địa danh **Cửa Gió lùa* thì có nghĩa là khi nó xuất hiện, vị từ *lùa* đã được phát âm thống nhất với tiếng Việt toàn dân rồi và nó không thể "thoái hoá" thành **lò*, như từ nguyên dân gian đã giải thích. Hẳn là GS. Đinh Xuân Lâm cũng chẳng tin vào chuyện "Cửa Gió lùa" và chuyện "*lùa* biến thành *lò*" nên ông mới đưa ra "cách giải thích có tính chất hàn lâm học" mà Nguyễn Uyển đã ghi lại.

Thực ra, ông Đinh Xuân Lâm không phải là người đầu tiên nhắc lại ý kiến của Bình Nguyên Lộc để giải thích

nguồn gốc của địa danh *Cửa Lò*. Người đầu tiên, theo chúng tôi biết, chính là Trần Trí Dõi mà về kiến giải của tác giả này thì chúng tôi đã đề cập trên *Kiến thức ngày nay*, số 475. Ở đây, chỉ xin phân tích một vài điểm chính liên quan đến lập luận của Bình Nguyên Lộc, mà theo lời thuật của Nguyễn Uyển, thì ông Đinh Xuân Lâm mặc nhiên xem là chính xác.

Xin nói rằng toàn bộ mục E (Ngôn ngữ tỷ hiệu, tr. 455 - 658), chương V trong cuốn sách của Bình Nguyên Lộc, với 175 biểu đối chiếu của nó, rất xa lạ với phương pháp lịch sử - so sánh chân chính vì đó chỉ là kết quả của một sự biện luận mang tính tài tử. Bình Nguyên Lộc nói rằng "danh từ Việt giống Mã Lai lại có từ thuở dân ta... mới biết nói tiếng người" (tr. 456). Trong cái nhan đề cuốn *A Study of Middle Vietnamese Phonology* của Kenneth J. Gregerson thì *Middle Vietnamese* là tiếng Việt trung đại (thời gian) mà ông cứ ngỡ đó là "tiếng Việt miền Trung" (không gian) (Xem tr. 476). Người ta chia tiếng Hán thành các phương ngữ như Quảng Đông, Phúc Kiến, Bắc Kinh, v.v... thì ông chê rằng đó là chuyện buồn cười (Xem tr. 484 - 5). Vì không có ý thức về ngữ học lịch sử và về phương ngữ học như trên nên Bình Nguyên Lộc mới dám hình dung rằng sau khi Mã Viện bình định xong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng mà bọn đô hộ đã dạy dân ta học tiếng Tàu theo âm Bắc Kinh hiện đại, chẳng hạn một câu như *"Wò txửa fál"* (tr. 494), v.v... và v.v...

Trở lên là một vài nhận xét tổng quát về sở đắc ngữ học của Bình Nguyên Lộc còn bây giờ xin trở lại với địa danh *Cửa*

Lò mà tác giả này cho là cùng gốc với *Kuala* (Bình Nguyên Lộc viết "Kưala") của tiếng Mã Lai. Bình Nguyên Lộc khẳng định rằng "cách đây 300 năm, dân ta không nói *cửa* mà nói *pan* do *p'pan* của Mã Lai mà ra" (tr. 528), rằng "danh từ *cửa* chắc chắn xuất hiện ra sau năm 1792, tức chỉ mới đây thôi" và "*cửa* là tiếng Mã Lai *Kưala*" (tr. 529), rằng "*Kưala* của Mã Lai chỉ để gọi *cửa sông* (...) và Việt Nam chỉ mới đồng hoá *Kưala* để chỉ *cửa nhà* không lâu" (tr. 530). Nhưng sự thật hoàn toàn không phải như Bình Nguyên Lộc đã khẳng định.

Người Việt không bao giờ gọi *cửa* là *pan* còn *papan* (Bình Nguyên Lộc viết *p'pan*) trong tiếng Mã Lai chỉ có nghĩa là ván, bảng, kệ, giá chứ không hề có nghĩa là cửa *(cửa* là *pintu).* Danh từ *cửa* của tiếng Việt cũng chẳng phải sau năm 1792 mới ra đời vì trước đó 20 năm nó đã được Pigneaux de Béhaine ghi nhận trong *Dictionarium Anamitico Latinum* (1772 - 1773). Còn xa hơn nữa, vào nửa đầu thế kỷ XV, nó đã xuất hiện với một tần số cao trong *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (1380 - 1442): *cửa quyền* (các bài 6, 20, 27), *cài cửa* (b.20), *cửa song* (b.21), *cửa Nho* (b.27), *cửa vương hầu* (b.30), *cửa nhà* (b.30), *cửa ngọc* (b.40), v.v... Thế là danh từ *cửa* đã tồn tại trong từ vựng của tiếng Việt tự đời nào rồi và người ta đã dùng nó để tạo ra những danh ngữ thông thường mà nó là một thành tố (như đã thấy trong thơ Nguyễn Trãi) hoặc để tạo ra những danh ngữ đặc xưng (địa danh) như: *Cửa Bạng* (Thanh Hoá), *Cửa Cấm* (Hải Phòng), *Cửa Đáy* (Ninh Bình), *Cửa Hội* (Nghệ

An), *Cửa Sót* (Hà Tĩnh), *Cửa Tùng* (Quảng Trị), v.v... *Cửa Lò* cũng nằm trong cùng một trục đối vị đó.

Vậy ta chẳng nên nhiễu sự mà đi tìm nguồn gốc của *Cửa Lò* trong tiếng Mã Lai *Kuala*, mà Bình Nguyên Lộc cố ý bóp méo thành "kưala" để cho âm tiết thứ nhất càng gần với âm "cửa" của tiếng Việt hơn. Ta càng không nên đưa một lối giải thích mang nặng tính tài tử như thế vào trong luận văn của mình vì nó chỉ có thể làm giảm giá trị của áng luận văn đó mà thôi. Bất kể nguồn gốc của *Lò* trong *Cửa Lò* ra sao, ta có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng đó là một cái tên do người Việt Nam đặt ra bằng chất liệu của chính tiếng Việt chứ tuyệt đối chẳng có liên quan gì đến tiếng Mã Lai. Rất có thể đó chính là âm xưa của *Lô* trong *Lô sơn*, có nghĩa là *núi Lò*, một ngọn núi cùng địa phương. Nhưng ngay trước mắt, ta có thể vận dụng thẳng một dữ kiện do Đinh Xuân Lâm đưa ra và Nguyễn Uyển đã thuật lại:

"Cửa Lò là tên gọi để chỉ nơi con sông Lạch Lò đổ nước ra biển".

Để cho dễ thấy, ta có thể đẳng thức hoá cái câu trên đây của GS. Đinh Xuân Lâm thành:

- *Cửa Lò* = cửa của lạch Lò, y hệt như: *Cửa Bùng* = cửa của sông Bùng (Diễn Châu, Nghệ An).

- *Cửa Cạn* = cửa của sông Cạn (ở đảo Phú Quốc).

- *Cửa Cấm* = cửa của sông Cấm (thành phố Hải Phòng).

- *Cửa Gianh* = của của sông Gianh (Quảng Bình), v.v...

Thế là *Lò* nằm trong một cái thế đối vị với *Bùng, Cạn, Cấm, Gianh,* v.v... và đây đều là những danh từ riêng bằng tiếng Việt chính tông chứ *Lò* chẳng có dây mơ rễ má gì với *-la* trong *kuala* cả.

Tóm lại, ý kiến của Bình Nguyên Lộc không phải là kết quả của những thao tác nghiêm túc và chính xác trong phương pháp lịch sử - so sánh. Nó không thể là căn cứ để ta có thể dựa vào mà đi tìm từ nguyên của địa danh *Cửa Lò.*

1200. Kiến thức ngày nay, số 596

Hỏi: *Xin cho biết nguyên văn bài* Tầm ẩn giả bất ngộ *của Giả Đảo và bản dịch của Tản Đà.*

Trả lời: Sau đây là nguyên văn chữ Hán, phần phiên âm, phần dịch nghĩa bài *Tầm ẩn giả bất ngộ* của Giả Đảo và bản dịch của Tản Đà, dẫn từ quyển *Thơ Đường* do Tản Đà dịch và do Nguyễn Quảng Tuân biên soạn (Nxb. Văn học, 2003):

尋隱者不遇

松下問童子
言師採藥去
只在此山中
雲深不知處

Tầm ẩn giả bất ngộ

Tùng hạ vấn đồng tử
Ngôn sư thái dược khứ.
Chỉ tại thử sơn trung,
Vân thâm bất tri xứ.

Dịch nghĩa:

Tìm người ở ẩn, không gặp

Dưới cây thông, hỏi chú tiểu đồng,
Chú em nói: "Thầy tôi đi hái thuốc, vắng nhà,
Chỉ ở nội trong núi này thôi,
Nhưng mây mờ đặc không biết đang ở chỗ nào".

Tìm nhà ẩn dật không gặp

Gốc thông hỏi chú học trò,
Rằng: "Thầy hái thuốc lò mò đi xa.
Chỉ trong dãy núi đây mà,
Mây che mù mịt biết là nơi nao?".

1201. Kiến thức ngày nay, số 597

Hỏi: Tham ô *nghĩa là gì? Có phải trong chữ* tham *có chữ* kim *là vàng, ý nói ham tiền ham của hay không? Dân chúng có tham ô được không?* Hủ hoá *là gì mà lại đi chung với* tham ô *thành* tham ô hủ hoá?

Trả lời: Đúng là trong chữ *tham* 貪 có chữ *kim* nhưng chữ *kim* 今 này có nghĩa là nay (trong *xưa nay*) chứ không có nghĩa là vàng. Chữ *kim* là vàng, Hán tự là 金.

Tham 貪 là một hình thanh tự mà thanh phù là *kim* 今 còn nghĩa phù là *bối* 貝, có nghĩa là tiền của. Vậy chính chữ *bối* này mới nói lên cái ý ham tiền ham của của chữ *tham*.

Ban đầu, hai tiếng *tham ô* chỉ có nghĩa chung chung là tham lam nhớp nhúa nhưng trong tiếng Hán (rồi cả tiếng Việt) do áp lực của thành ngữ *tham quan ô lại* nên nó mới có cái nghĩa hiện hành. *Tham quan ô lại* là một thành ngữ gồm có hai danh ngữ đẳng lập là *tham quan* và *ô lại*. *Tham quan* là quan tham lam còn *ô lại* là bọn thuộc hạ nhớp nhúa (của quan). Vậy thành ngữ này vốn dùng để nói về bọn quan lại nhớp nhúa của nha môn thời xưa. Nghĩa hiện hành của hai tiếng *tham ô* là một nghĩa phái sinh từ nghĩa của thành ngữ này. Trong Hán ngữ hiện đại, *tham ô* có nghĩa là lợi dụng sự thuận tiện do chức quyền tạo ra mà chiếm lấy của cải. *Hiện đại Hán ngữ từ điển* của Phòng biên soạn từ điển thuộc Sở nghiên cứu ngôn ngữ của Viện khoa học xã hội Trung Quốc (Thương vụ án thư quán, Bắc Kinh, 1992) giảng *tham ô (tànwù)* là:

"Lợi dụng chức vụ thượng đích tiện lợi phi pháp địa thủ đắc tài vật".

Đây chính là cái nghĩa mà chúng tôi đã dịch ở trên. *Từ hải* bản tu đính 1989 còn giảng cái nghĩa này kỹ hơn bằng

cách đi sâu vào mặt pháp lý (mà chúng tôi không nhắc lại ở đây). Vậy, trong tiếng Hán hiện đại, nghĩa của hai tiếng *tham ô* đã bị thu hẹp chứ không còn chung chung như trước kia nữa. Đây là cái nghĩa đang lưu hành chính thức để chỉ hành động tham nhũng của cán bộ (trước 1949) rồi của các quan chức trong bộ máy nhà nước hiện nay. Với nghĩa này, hai tiếng *tham ô* còn đi chung với hai tiếng *hủ hoá* để làm nên thành ngữ *tham ô hủ hoá* mà *Hán Đại thành ngữ đại từ điển* giảng là:

"Lợi dụng chức quyền xâm thôn quốc gia tài vật hoặc tiếp thụ hối lộ, quá mi lạn đoạ lạc đích sinh hoạt".

(Lối sống sa đoạ thối nát (bằng cách) lợi dụng chức quyền mà ăn cắp tài sản quốc gia hoặc nhận của hối lộ).

Thành ngữ này đã đi vào tiếng Việt trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp nhưng chỉ có cái nghĩa của hai tiếng *tham ô* là được giữ nguyên còn *hủ hoá* thì đã bị biến nghĩa một cách… khôi hài. Nghĩa gốc của hai tiếng *hủ hoá* trong tiếng Hán là trở nên hư hỏng nói chung, còn nghĩa hiện hành là trở nên hư hỏng so với tiêu chuẩn của cán bộ cách mạng và đảng viên (cộng sản).

Trong Hán ngữ hiện đại, người ta chỉ xài hai tiếng *hủ hoá* với cái nghĩa này nhưng sang đến ta thì không hiểu vì lý do gì mà nó lại dùng để chỉ sự ăn nằm lén lút hoặc bất chính giữa nam và nữ của cán bộ với nhau hoặc với dân! Trong tiếng Việt thì nghĩa của *hủ hoá* cũng trải qua hai giai đoạn: trước 1945 thì đó là trở nên hư hỏng, không còn tốt

đẹp và sau 1945, trong vùng giải phóng và ở những môi trường mà sinh hoạt trực tiếp chịu ảnh hưởng của kháng chiến, thì đó là thực hiện mối quan hệ bất chính đã nói ở trên. Vì không phân biệt được hai giai đoạn này nên Trương Chính mới phê bình Trần Trọng Kim dùng sai nghĩa của *hủ hoá* và cũng chính vì cái sai này của Trương Chính nên trước đây chúng tôi đã viết:

"Trần Trọng Kim hoàn toàn đúng khi dùng hai tiếng *hủ hoá* theo nghĩa "hư hỏng, không còn tốt đẹp nữa". Còn cái nghĩa "quan hệ nam nữ bất chính về xác thịt" mà Trương Chính nêu lên thì lại chỉ bắt đầu được dùng trong công cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) nhưng cũng không phải là rộng rãi trong cả nước mà chỉ ở vùng chiến khu và vùng tự do. Sau 1954, nó mới được dùng rộng rãi trên cả miền Bắc và ở một số vùng căn cứ của miền Nam. Sau 1975, chưa kịp trở nên thông dụng ở những vùng còn lại của miền Nam thì hình như nó đã chết". (*Kiến thức ngày nay*, số 143, ngày 15-7-1994)

Bây giờ thì nó đã chết thật, có lẽ vì *hủ hoá* chỉ là chuyện nhỏ: mại dâm, mãi dâm và sex nói chung mới là chuyện đại sự.

Trở lại với hai tiếng *tham ô*, xin nói rằng cả trong tiếng Hán lẫn tiếng Việt hiện đại, hai tiếng này chỉ dùng để nói về cán bộ, nói chung là các vị có chức có quyền, như đã cho trong *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản 2003):

"Lợi dụng quyền hạn hoặc chức trách để ăn cắp của công".

Vì vậy nên nói rằng dân mà "tham ô", cho dù người dân đó có là cò đất, cò nhà, thì chỉ là làm trò khôi hài một cách... vô duyên.

1202. Kiến thức ngày nay, số 597

Hỏi: *Ông đã phê bình ngôn ngữ của nhà văn Tô Hoài trong tiểu thuyết* Ba người khác *trên* Kiến thức ngày nay, *số 591. Tôi lo, không biết rồi đây ông sẽ còn phê bình ngôn ngữ của nhà văn nổi tiếng nào khác nữa?*

Trả lời: Nổi tiếng không có nghĩa là tuyệt đối không có một khuyết điểm nào.

Trở lại với ngôn ngữ của *Ba người khác*, xin nói rằng trên *Kiến thức ngày nay*, số 591, chúng tôi cũng chưa nêu hết nhận xét của mình được. Nói chung là bên cạnh sự tìm tòi, sự trau chuốt, vẫn còn những chỗ thô ráp. Chẳng hạn:

- Tôi để ý cái *xương bánh chè hai bên hông Duyên* (tr. 141).

Xương bánh chè thì ở hai đầu gối chứ ở hai bên hông thế nào được?

- (...) máu chảy *ròng ròng* xuống chân tường, vệt rỏ giọt dài ra đến chỗ trụ cột (tr. 158).

Tác giả kể chuyện lão Tư Nhỡ trốn khỏi chỗ bị giam. Khi người ta đến nơi thì Tư Nhỡ đã biệt tăm. Mà đây đã là sáng hôm sau. Thế thì làm sao có chuyện "máu chảy ròng ròng"? "Chảy ròng ròng" là chuyện của đêm đã qua chứ vì hai tiếng *ròng ròng* chỉ dùng với những vị từ ở thể tiến hành, nghĩa là đang diễn ra, mà thôi.

- (...) máy bay Mỹ *bắn* bom (tr. 221).

Người ta chỉ nói *ném bom, liệng bom, bỏ bom, rải bom, rắc bom* (kiểu B52) vì một lẽ đơn giản là bom không phụt ra từ nòng súng.

Về chính tả, chúng tôi thấy có những cái lỗi có vẻ như là chính tả đặc trưng của Tô Hoài.

- *Chái* trong *chái nhà* bị viết thành "trái" (tr. 56, 58, 194).

- *Trát* trong *trát tường* bị viết thành "chát" (tr. 58).

- *Sướng* trong *sướng mạ* bị viết thành "xướng" (tr. 155).

- *Giẻ* trong *giẻ rách* bị viết thành "rẻ" (tr. 174).

- *Tru tréo* bị viết thành "chu chéo" (tr. 174).

Chính tả là hình thức của hình thức; vậy có lẽ ta cũng nên chăm chút cho đúng chuẩn chăng?

1203. Kiến thức ngày nay, số 598

Hỏi: Tôi nhớ ông có giải thích rành rọt rằng cây mai Tết ở trong Nam không phải là cây mai trong văn thơ xưa (chữ

Hán). Nay mạn phép hỏi ông về tên của cây điệp ở trong Nam mà nghe nói có tác giả còn gán cho cái tên là kim phượng. Tại sao lại gọi là điệp? Rồi tại sao lại phải gọi là kim phượng? Tôi năm nay 89 tuổi, từ thuở cha sanh mẹ đẻ đến nay, chưa nghe tới cái tên "kim phượng" bao giờ. Tên khoa học của cây điệp là gì? Tên tiếng Hán, tiếng Anh và tiếng Pháp của nó như thế nào? Tôi chỉ biết có điệp vàng, điệp đỏ nhưng nghe nói hình như còn có cả điệp hường (hồng) nữa, không biết có đúng không?

Trả lời: Phân theo màu thì điệp có ba loại: đỏ, vàng và hồng. Loại đỏ thì cánh hoa có viền màu vàng; viền có khi chiếm gần hết bề mặt của cánh hoa. Khi hoa vừa bung ra hết cỡ, thì màu vàng rất tươi và đó là màu vàng cam. Màu này dần dần ngả thành đỏ rồi đến khi hoa héo thì ta sẽ có những cánh hoa toàn màu đỏ. Loại vàng thì chỉ toàn một màu vàng từ khi nở cho đến khi tàn. Còn loại hồng thì cánh hoa có viền màu trắng rồi màu trắng cũng ngả dần sang hồng và khi héo thì đó cũng sẽ là những cái bông toàn hồng. Chúng tôi cũng chưa thấy điệp hồng nhưng không có bằng chứng gì để khẳng định rằng ở Việt Nam chưa từng có loại điệp màu này.

Tên khoa học của điệp là *Caesalpinia pulcherrima*. Đây là một loại thuộc chi *Caesalpinia*, có tên bắt nguồn từ họ của nhà thực vật học người Ý thế kỷ XVI là Andrea Caesalpini (1524 (?) - 1609). Trong chi này thì điệp được xem là loài rất đẹp nên mới được gọi là *Caesalpinia pulcherrima*.

Pulcher là đẹp, còn *pulcherrima* (rất đẹp) là giống cái của *pulcherrimus,* hình thái tối cao (superlativus) về nghĩa của *pulcher.* Tên (khoa học) cũ của nó là *Poincinia pulcherrima* và ngay trong chi *Poicinia* thì điệp cũng được xem là một loài *rất đẹp* (pulcherrima). Chính vì thế nên tại nhiều nước người ta mới trồng nó ở sân, ở vườn để làm cảnh.

Ở miền Nam nước ta trước kia cũng vậy. Cho đến thập kỷ 1950, tại vùng Sài Gòn - Gia Định, nhiều nhà cũng trồng điệp làm kiểng và nhân tiện người ta cũng cắt bông điệp để cúng vào những ngày rằm, ngày giỗ. Vì vậy nên mới có tác giả (khoa học) gọi đó là "điệp cúng" mặc dù dân gian chỉ cần dùng một tiếng "điệp" đã là đủ. Tiếc rằng hiện nay (2007), một số người ở các trại bông và một số người có biết sơ sơ về điệp đã bắt đầu gọi nó là "điệp đồng", ý muốn nói rằng đó là "điệp nhà quê", "điệp thôn dã", chẳng đáng trồng làm kiểng ở thành phố! Có lẽ các vị này không biết rằng tại quê hương của nó là Barbados thì điệp là "quốc hoa" (National Flower), là biểu tượng quốc gia trong quốc huy của nước này. Đó là vị trí của điệp trên quốc huy của Barbados còn tại đảo quốc rộng 431km^2 này, nơi mà tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức, thì tên của cây điệp là *Pride of Barbados,* nghĩa là "niềm tự hào của Barbados". Một số dân tộc ở các nước châu Mỹ nói tiếng Tây Ban Nha đã dịch đúng nghĩa gốc của cái tên này thành *Orgullo de Barbados* nhưng trong tiếng Pháp thì chẳng biết tự bao giờ người ta đã thay tên nước Barbados bằng tên nước Trung Hoa mà

gọi cây điệp là *Orgueil de Chine*, nghĩa là "niềm tự hào của Trung Hoa". Dù sao, đây cũng chỉ là sự nhầm lẫn trong cách gọi đã "chết tên" chứ người ta vẫn xác định rằng quê hương của "niềm tự hào Trung Hoa" là... Barbados, một tiểu đảo quốc nằm ở cực Đông của quần đảo Antilles, gần nơi giáp giới giữa phía Đông biển Caribbe và phía Tây Đại Tây Dương.

Tên tiếng Anh của điệp là *pride of Barbados* (như đã thấy ở trên), *Barbados pride, Barbados flowerfence, flowerfence poinciana, peacock flower, dwarf poinciana, prettiest Caesalpinia, redbird-of-paradise.* Tiếng Pháp thì gọi nó là *orgueil de Chine* (như đã thấy ở trên), *flamboyant nain, petit flamboyant, fleur de paon, baraguette, césalpinie la plus belle.* Còn trong tiếng Hán thì điệp là *giáp điệp hoa, hoàng hồ điệp, hồng hồ điệp, giáp thiền hoa, hương hồ điệp, phiên hồ điệp,* v.v...

Về tên cây điệp trong tiếng Việt, trước hết xin nhấn mạnh rằng đó là một yếu tố Hán Việt, một từ gốc Hán và là hình thức nói tắt của *hồ điệp*, có nghĩa là bướm. Ở đây, giữa tên hoa và hình dáng của hoa có một mối liên hệ rất dễ thấy: sở dĩ gọi thứ hoa này là *(hồ) điệp*, nghĩa là bướm, là vì hoa điệp rất giống hình một con bướm (xin quan sát ảnh). *Đại Nam quấc âm tự vị* của Huình-Tịnh Paulus Của giảng *"cây điệp"* là "thứ cây nhỏ, bông đỏ mà có kiến (sic) giống kiến (sic) con bướm". (Xin xem chữ *"điệp"*), "Kiến" ở đây chính là cánh hoa (và lẽ ra phải viết thành *"kiếng"*, với *-ng*). Như

đã nói, dân gian chỉ cần gọi *điệp* đã là đủ. Sở dĩ có người muốn gọi rõ là "điệp ta" hay "điệp cúng" là để phân biệt với *phượng vĩ* (thường gọi tắt là *phượng*, tên khoa học là *Delonix regia*), mà một số người ở trong Nam đã gọi nhầm thành "điệp".

Đến như cái tên "kim phượng" dành cho cây điệp thì chúng tôi cho rằng đây chỉ là chuyện ghi trong sách vở chứ cách gọi này không lưu hành trong dân gian. Nhân tiện, xin nêu một điều để chất chính với hai vị KS. Nguyễn Đại Hương và Lê Thị Thuỳ Trang, đồng tác giả cuốn *Sổ tay tra cứu danh pháp khoa học* (STTC) do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành năm 2002. Theo chúng tôi tra cứu thì cả *Caesalpinia pulcherrima* lẫn *Poinciana pulcherrima* đều là tên khoa học của cây *điệp*, mà có tài liệu gọi là *kim phượng*. Nhưng STTC thì ghi riêng biệt hẳn *Caesalpinia pulcherrima* là *điệp cúng* còn *Poinciana pulcherrima* là *kim phượng*.

Vậy xin vui lòng cho biết cây *điệp* và cây *kim phượng* khác nhau như thế nào?

1204. Kiến thức ngày nay, số 599

Hỏi: *Tại sao lại gọi là "Tây sình" để chỉ những người hay học đòi theo Tây (Pháp)?*

Trả lời: *Tây sình* là một danh ngữ ăn theo danh ngữ *đầm sình*. *Đầm sình* là một lối nói để chê những người phụ nữ Việt Nam học theo đầm, tức đàn bà Pháp. *Đầm sình* là một cấu trúc đồng nghĩa với *đầm lầy*. Ở đây người ta đã đồng nhất hoá *đầm* là đàn bà Pháp với *đầm* là ao, hồ trong cấu trúc *đầm sình* mà nhờ tiếng *sình* (= bùn, chỉ ý dơ bẩn) để chê bai những người đàn bà Việt Nam học đòi theo phụ nữ Pháp mà quê vẫn hoàn quê (dĩ nhiên là theo cách nhìn của một thời). Do *đầm sình*, người ta mới loại suy mà nói *tây sình*, chứ đây không phải là chữ *sình* trong *sình bụng*, *chết sình*, v.v... của phương ngữ Nam Bộ.

1205. Kiến thức ngày nay, số 599

Hỏi: *Chữ "Cồ" trong quốc hiệu* Đại Cồ Việt *là Hán hay Nôm và nghĩa của nó là gì?*

Trả lời: Về chữ *Cồ* trong quốc hiệu *Đại Cồ Việt*, cách đây gần 6 năm, chúng tôi đã trả lời vắn tắt như sau:

"Một số người cho rằng đó là một tiếng "Nôm", có nghĩa là to lớn như trong *gà cồ*, *bự cồ*, v.v... của phương ngữ Nam Bộ. Thực ra, *cồ* chỉ là âm Hán Việt xưa của chữ 巨, mà âm Hán Việt hiện đại là *cự*, có nghĩa là to lớn mà thôi. Mối

quan hệ *ô ~ ư* giữa *cồ* và *cự* không phải là điều khó hiểu và một dẫn chứng lý thú là các chữ *ư* 於, *hồ* 乎, *vu* 于 đều là những đồng nguyên tự (chữ cùng gốc) qua đó có thể thấy mối quan hệ *ư ~ ô ~ u* một cách rõ ràng. Còn về mối quan hệ giữa thanh 2 (dấu huyền) với thanh 6 (dấu nặng) thì thanh 2 *(cồ)* xưa hơn thanh 6 *(cự)* đồng thời *cự* 巨 còn có một đồng nguyên tự là *cừ* 渠, cũng có nghĩa là to lớn, như trong *cừ suý (soái), cừ khôi,* v.v...". (*Kiến thức ngày nay*, số 353, ngày 1-6-2000).

Câu trả lời trên đây của chúng tôi chưa triệt để; nó chỉ nương theo câu hỏi để chứng minh rằng *cồ*, với nghĩa "to, lớn", vẫn cứ là một yếu tố gốc Hán (chứ cũng chẳng phải là Nôm). Kỳ này, xin nói kỹ như sau:

Đối với chữ *Cồ* 罝 trong *Đại Cồ Việt* 大罝越 mà nói rằng đây là một yếu tố Nôm có nghĩa là "to, lớn" thì thật là chẳng còn gì nhẹ dạ cho bằng. Với cách hiểu quá đỗi hời hợt này, người ta đã gây ra trong ba tiếng *Đại Cồ Việt* một cái lỗi quá thô thiển về trùng ngôn (pleonasm): đã "đại" mà lại còn "cồ". Chẳng những thế, cách hiểu rất ít chiều sâu đó còn biến ba tiếng *Đại Cồ Việt* thành một thứ ngôn ngữ "ba rọi" (vừa Tàu vừa ta) không thể chấp nhận được cho một quốc hiệu nghiêm túc và đáng kính trọng. Nên nhớ rằng Đinh Tiên Hoàng đặt ra quốc hiệu này còn là để "chơi" với nhà Tống nữa chứ đâu có phải để "giỡn chơi". Mà đã "chơi" với nhà Tống trong những điều kiện lịch sử xã hội thời bấy giờ thì phải "chơi" bằng chữ Tàu (dĩ nhiên

là đọc theo tiếng ta bên nước ta). Trước Đinh Tiên Hoàng đến hơn 400 năm, Lý Bôn đã đặt tên nước là *Vạn Xuân*. Thì cũng là chữ Tàu đọc theo âm ta đấy thôi. Làm sao mà *Cổ* lại có thể là Nôm cho được!

Vì hai lý do trọng yếu trên đây nên chúng tôi xin khẳng định rằng ở đây, *Cổ* 瞿 là *một yếu tố Hán chính tông*. Về mặt này, và chỉ riêng về mặt này, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với tác giả Kỳ Quảng Mưu 祁广谋 (Qí Guǎngmóu) trong bài "*Đại Cồ Việt quốc danh thích*" (大瞿越国名释) đăng trên tập san *Đông Nam Á tung hoành* (东南亚纵横) số 1, năm 2000 (tr. 35 - 38). Tác giả này đã xét hoàn cảnh nước Đại Cồ Việt lúc bấy giờ một cách tổng hợp để khẳng định rằng trong những điều kiện đã nêu thì *Cổ* (trở xuống xin miễn ghi kèm chữ Hán) phải là một yếu tố Hán. Chỉ tiếc rằng phần ngữ nghĩa mà ông đã nêu thì lại không đủ sức thuyết phục, chủ yếu là vì nó quá mơ hồ. Họ Kỳ khẳng định rằng chữ *cổ*, cũng đọc *cù*, có hai nghĩa, mà ông dẫn theo *Từ nguyên*, là: 1. dáng nhìn sợ hãi; 2. kinh ngạc, lo sợ. Ông cho rằng trong quốc hiệu *Đại Cồ Việt* thì chữ *cổ* vẫn giữ nguyên nghĩa mà nó vốn có trong tiếng Hán và *Cồ Việt* là một cách gọi dùng để phân biệt người Việt của nước Đại Cồ Việt với các tộc Việt khác trong nhóm Bách Việt. Ta thử xét xem cái lý của họ Kỳ có thể đứng vững được hay không.

Thứ nhất, ở nửa sau của thế kỷ X (của Công nguyên) thì tính thời sự của việc phân biệt tộc Việt này với tộc Việt

kia trong nhóm Bách Việt đã trở nên nguội lạnh ít nhất là đã 1.000 năm.

Thứ hai, nếu cần phân biệt thì những yếu tố dùng để phân biệt phải là *Âu* hoặc là *Lạc* chứ nếu là *Cổ* thì ta khó lòng biết được Đinh Tiên Hoàng đã "khai quật" nó từ đâu ra.

Thứ ba, với cái nghĩa mà họ Kỳ cho là chữ *Cổ* vẫn còn giữ được thì hoá ra *Cổ Việt* sẽ là những người Việt luôn luôn lo sợ, luôn luôn nơm nớp dòm ngó chung quanh mình ư? Ông Kỳ Quảng Mưu đã quên rằng, trước đó chưa lâu, Ngô Quyền đã đánh tan tác quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng chăng? Đinh Tiên Hoàng có điên hay không khi gọi dân mình là bọn Việt sợ hãi trong khi chính ông ta lại tự xưng là Đại thắng Đinh Hoàng đế? Cách giải thích của họ Kỳ làm chúng tôi nhớ lại cách giải thích của ông Đào Văn Phái cho rằng *Annamite (s)* là (những) người An Nam ốm yếu, bệnh hoạn (mà chúng tôi đã nhận xét trên *Kiến thức ngày nay,* số 336).

Tóm lại, bài viết của Kỳ Quảng Mưu tuy đã góp thêm một tiếng nói vào việc tìm hiểu chữ *Cổ* trong *Đại Cổ Việt* nhưng với bài này thì vấn đề vẫn còn treo để cho ta quan sát thêm. Vậy *Cổ* là gì? Trước khi trả lời câu hỏi này chúng tôi xin mời ông và bạn đọc tìm hiểu về một đặc điểm quan trọng của nước Đại Cồ Việt thời Đinh Tiên Hoàng mà Đào Duy Anh đã mô tả:

"Đinh Bộ Lĩnh chỉ có thể dựa vào tập đoàn phong kiến tôn giáo là thành phần xã hội có uy tín nhất trong xã hội

bấy giờ để duy trì trật tự và kỷ cương. Nhưng trong hai tôn giáo, phật và đạo, đều thịnh hành trong dân gian, thì phật giáo có tổ chức và quy củ vững vàng hơn, có kinh điển và lễ nghi nghiêm trang hơn, chứ đạo giáo thì chỉ là một mớ phương thuật và mê tín. Về tổ chức cũng như về tinh thần, phật giáo là yếu tố thống nhất đắc lực nhất thời bấy giờ. Bởi thế *Đinh Bộ Lĩnh lấy phật giáo làm quốc giáo, định phẩm cấp tăng nhân để giao cho họ lãnh đạo phật giáo trong toàn quốc.* (Chúng tôi nhấn mạnh - AC) (...) Khuông Việt đại sư tham dự triều chính gần như một vị tể tướng. Các chùa (tự viện) của Nhà nước do các tăng quan trụ trì đều được cấp ruộng làm tự điền. Các tự viện có những đại điền trang không kém gì đại điền trang của bọn vương công đại thần"[1].

Xem thế đủ thấy vai trò của đạo Phật trong xã hội Đại Cồ Việt quan trọng đến thế nào. Cũng vẫn là Đào Duy Anh đã viết như sau:

"Nước mới dựng, kỷ cương chưa vững, trật tự xã hội chưa ổn định, Bộ Lĩnh lấy hình phạt ghê gớm để uy hiếp nhân dân, sai đặt vạc dầu ở giữa điện đình và nuôi cọp trong chuồng, kẻ phạm tội nặng thì bắt bỏ nấu trong vạc dầu hay bỏ cho cọp ăn". (Sđd, tr. 174)

Nhiều sử gia khác cũng đã công nhiên hay mặc nhiên đánh giá rằng đó là những việc làm dã man, tàn bạo. Về

1. *Lịch sử Việt-nam*, quyển thượng, Nxb. Văn hoá, Hà Nội, 1958, tr. 175.

khách quan, thì quả có đúng như thế nhưng thực tế thì lại chẳng hề đơn giản như người ta đã chê bai một cách quá dễ dàng. Đinh Tiên Hoàng muốn xây dựng xã hội Đại Cồ Việt theo tinh thần của Phật giáo. Vì vậy, ta phải thấy rằng vạc dầu, chuồng cọp ở đây chẳng qua chỉ là hình ảnh sinh động và cụ thể của địa ngục mà thôi. Phật giáo chẳng đã lấy hình ảnh của địa ngục để khuyến thiện giới ác đó sao?

Trên đây, ta đã thấy vai trò của đạo Phật trong xã hội Đại Cồ Việt mà khi đã thấy được điều này thì ta cơ hồ không còn khó khăn gì trong việc tìm hiểu nghĩa của chữ *Cồ* trong *Đại Cồ Việt* cả. Trong kinh Phật, khi thấy mấy chữ *Cồ lão* ((ông) Già Cồ) hoặc *Cồ thị* (họ Cồ) thì ta phải hiểu rằng đó là *Đức Phật Thích Ca*. Phải, *Cồ* là họ của Đức Thích Ca, mà hình thức đầy đủ là *Cồ Đàm*, phiên âm từ tiếng Sanskrit là *Gautama*. Vậy *Cồ* là một từ dùng để chỉ Đức Thích Ca, rồi dùng theo hoán dụ, để chỉ tôn giáo của Ngài, tức đạo Phật. Và *Cồ Việt* chẳng qua là *nước Việt theo đạo Phật*, chứ chẳng phải là "nước Việt to bự" hoặc "người Việt sợ hãi" gì cả. Tóm lại, trong *Đại Cồ Việt* thì chữ *Cồ* đóng vai trò chỉ cái thể chế tôn giáo của nước ta thời đó y chang như hai chữ *Hồi giáo* trong cấu trúc *Cộng hoà Hồi giáo Iran* bây giờ vậy.

Lai lịch và ý nghĩa của chữ *Cồ* trong *Đại Cồ Việt* là như thế đấy.

1206. Kiến thức ngày nay, số 600

Hỏi: *Cách đây chưa lâu, ông có giải đáp rằng cùng một chữ Hán nhưng nếu đọc thành* quan *thì có nghĩa là mũ, nón còn nếu đọc thành* quán *thì có nghĩa là đội mũ, đội nón. Ông còn nói rõ lễ đội mũ phải đọc là* quán lễ. *Nhưng mới đây, trên* Văn nghệ *(trung ương), số 12, ngày 24-3-2007, tác giả Nguyễn Sĩ Hoàng có trích* Giáo trình Cổ văn Trung Quốc *của Đặng Đức Siêu (tủ sách Đại học Sư phạm Hà Nội, 1970), nguyên văn như sau:*

"(...) Người đời xưa coi trọng quan lễ, bởi vì lễ này xác nhận sự trưởng thành về mọi mặt của một con người (...)".

Vậy xin ông vui lòng cho biết tôi nên tin theo ai?

Trả lời: Xin ông cứ tin theo người nào mà ông cho là đã nói đúng. Chỉ xin mạo muội lưu ý ông rằng không phải đã là giáo trình thì không bao giờ sai. Ngay trong cái câu mà ông trích dẫn thì ta còn thấy thêm một cái sai thô thiển nữa trong ngữ đoạn *"sự trưởng thành* về mọi mặt của một con người". Con người thì có cả đàn ông, đàn bà. Mà *quán lễ* thì chỉ thực hiện cho các chàng trai đã đến tuổi. Vậy cái ngữ đoạn kia phải được sửa thành *"sự trưởng thành* của một *người con trai"*.

1207. Kiến thức ngày nay, số 600

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 382, ông có giải thích về cách dịch tên con chim mà báo* Tuổi trẻ *ngày 24-2-2001 (mục "Tin học lý thú") gọi là "chim giáo chủ". Nhưng có lẽ do nội dung câu hỏi lúc đó không yêu cầu nên ông đã không bàn kỹ. Lần này, xin ông vui lòng cho biết thêm về loài này: tên khoa học, tên trong một số ngôn ngữ quen thuộc, hình dạng và tập tính, sự phân bố trên thế giới, v.v... Có người nói rằng tên khoa học của chim hồng tước (theo cách gọi của ông) là* Cardinalis *nhưng tôi tìm trong* Sổ tay tra cứu danh pháp khoa học *của KS. Nguyễn Đại Hương và KS. Lê Thị Thuỳ Trang (Nxb. Trẻ, 2002) thì chỉ thấy có mục từ* Carduelis carduelis, *được dịch là "chim sẻ cánh vàng, - chim Kim oanh". Vậy giữa* Cardinalis *và* Carduelis *có mối quan hệ nào không? Tại sao cách dịch* cardinal *thành "giáo chủ" lại không ổn?*

Trả lời: Đúng như ông đã viết, vì câu hỏi lần trước không yêu cầu chi tiết nên trên *Kiến thức ngày nay*, số 382, chúng tôi đã không trình bày về những điểm mà ông hỏi lần này. Còn bây giờ xin trả lời ông và bạn đọc như sau:

Xin nói ngay rằng không những "chim giáo chủ" là một cách dịch không thoả đáng để gọi tên một loài chim mà ngay cả cách dịch tên giáo phẩm "cardinal" thành "hồng y giáo chủ" - mà chúng tôi cũng đã có lần nhỡ nói theo - cũng là một cách dịch hoàn toàn không thoả đáng.

Người Trung Quốc có dịch *cardinal* thành *hồng y chủ giáo* nhưng cách dịch này hoàn toàn không có vấn đề gì (vì *chủ giáo* khác với *giáo chủ*). Còn có vấn đề thì lại là cách "chuyển" thành "hồng y giáo chủ" của tiếng Việt. Có vấn đề là vì, trong tiếng Việt thì *giáo chủ* đồng nghĩa với *giáo hoàng*. Ta có thể thấy rõ điều này tại mục từ sau đây trong *Từ điển Công giáo Anh Việt* của Nguyễn Đình Diễn (Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002).

"*Pope, pope.* dt. Đức Giáo Hoàng, Giáo Hoàng, Đức Thánh Cha, *Đức Giáo Chủ, Giáo Chủ* (chúng tôi nhấn mạnh - AC), Đức Giáo Tông, Giáo Tông (...)".

Rõ ràng là cách dịch đang xét đã làm đảo lộn tôn ti trật tự trong các hàng giáo phẩm của Giáo hội Công giáo vì nó biến *cardinal* (Hồng y) thành *pope* (giáo chủ = giáo hoàng).

Thực ra thì *cardinal* tự nó cũng chẳng có nghĩa là "giáo chủ" hoặc "hồng y" gì cả. Đây là một từ bắt nguồn từ tiếng La Tinh *cardinalis*, vốn là một tính từ, có nghĩa là "chủ yếu", "cốt yếu", "chủ chốt". Tính từ này đã được dùng trong đoản ngữ La Tinh *cardinalis sanctae romanae Ecclesiae*, nghĩa là "(những người) chủ yếu của Giáo hội La Mã thiêng liêng", để chỉ hàng giáo phẩm mà ta diễn đạt bằng tiếng Việt hiện nay là *hồng y*. Về sau, nó được nói tắt thành *cardinalis*. Tiếng Pháp mượn tiếng La Tinh mà nói thành *cardinal*, rồi tiếng Anh đã mượn nguyên dạng từ tiếng Pháp (nhưng với cách phát âm của người Anh). Vậy ta có:

La Tinh *cardinalis* → Pháp *cardinal* → Anh *cardinal* = *hồng y*.

Nhưng cái nghĩa "(những người) chủ yếu của Giáo hội La Mã thiêng liêng" thì có liên quan gì đến *hồng y* là "áo đỏ"? Xin thưa là có, vì màu đỏ là màu đặc trưng trong phẩm phục của các vị hồng y. Người Trung Quốc đã dựa vào đặc trưng này mà dịch *cardinal* thành *hồng y chủ giáo* - cách dịch thông dụng hiện nay là *khu cơ chủ giáo* - nghĩa là "giám mục áo đỏ". Có lẽ một số người Việt Nam đã đảo cái danh ngữ tiếng Hán này mà nói thành "hồng y giáo chủ" chăng? Còn các vị có thẩm quyền bên Công giáo thì lại chọn và chỉ chọn hai tiếng *hồng y* để dịch tên của giáo phẩm *"cardinal"*.

Chính do đặc điểm trên đây nên, trong tiếng Anh, tính từ *cardinal* mới mang thêm cái nghĩa phái sinh là "đỏ thắm" và danh từ *cardinal* mới có nghĩa là "màu đỏ thắm". Vậy khi người ta dùng từ *cardinal* mà đặt tên cho con "chim giáo chủ" thì tính từ và/hoặc danh từ *cardinal* chỉ liên quan đến màu đỏ chứ chẳng còn dính dáng gì đến hàng giáo phẩm đã nói bên Công giáo nữa. *Từ điển Anh Việt* của Viện ngôn ngữ học do Lê Khả Kế, Đặng Chấn Liêu và Bùi Ý hiệu đính (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975) dịch *cardinal* (hoặc *cardinal-bird*) thành "chim giáo chủ" là đã sai đến hai lần. Có lẽ tác giả của mẩu tin trong mục "Tin học lý thú" trên báo *Tuổi trẻ* ngày 24-2-2001 đã căn cứ vào quyển từ điển này nên mới chuyển *cardinal* sang tiếng Việt thành "chim giáo chủ" cũng không biết chừng. Còn chúng tôi thì xin

dịch thành *hồng tước* (trở xuống, xin gọi bằng cái tên này), như đã có thử dùng trên *Kiến thức ngày nay,* số 382.

Tên khoa học của hồng tước là *Cardinalis cardinalis.* Hồng tước trống có bộ lông màu đỏ thắm; đầu có chóp, đuôi dài, mỏ đỏ và chung quanh mỏ có một vầng lông màu đen. Hồng tước mái có bộ lông màu vàng, mào, cánh và đuôi phơn phớt đỏ, mỏ đỏ và chung quanh mỏ có một vầng đen nhạt. Thân hồng tước, kể cả đuôi, dài từ 21 đến 23cm, nặng từ 42 đến 48gr. Sải cánh từ 25 đến 31cm. Hồng tước thích sống ở ven rừng, ở vùng ao đầm, những vùng rừng ven sông ngòi và ở những vùng cây cối gần nhà ở của thành phố. Chúng sống phân bố chủ yếu ở miền Đông và miền Trung của Bắc Mỹ, ở Florida và Mexico, cho đến Belize và Guatemala và rải rác ở một vài vùng khác của châu Mỹ. Mùa đông, chúng đi ăn theo từng bầy, có khi đông đến 60 hoặc 70 cá thể. Hồng tước sống "một vợ một chồng".

Chúng không di cư và sống theo lãnh địa riêng của từng cặp. Con mái đẻ một lứa từ 1 đến 5 trứng, ấp từ 11 đến 13 ngày còn con trống thì đi tìm mồi nuôi con mái. Chúng rất chung thuỷ với nhau.

Carduelis carduelis là "chim sẻ cánh vàng", là "chim Kim oanh", như ông đã nêu, con trống có màu đẹp và sẫm, con mái có màu nhạt hơn, không có liên quan gì đến *Cardinalis cardinalis* là chim hồng tước cả.

1208. Kiến thức ngày nay, số 601

Hỏi: *Xin cho biết đôi câu đối sau đây:*

Chén tân khổ nhấp ngon mùi chánh khí
Ngọn quang minh hun mát tấm trung can.

do ai làm và để nói về ai?

Trả lời: Đôi câu đối này nằm trong một đoạn văn luận về luân lý Việt Nam cổ truyền của Thượng Chi, tức Phạm Quỳnh (1892 - 1945), nguyên văn như sau:

"Thờ gia đình, mến tổ quốc, phụng tổ tiên, tôn cổ điển, những tình cảm đó nhờ giáo dục vun trồng, thói quen bồi đắp, văn chương cùng phong tục cổ lệ tán dương, dần dần tạo thành cho người nước Nam một cái thần trí vững vàng, ngay thẳng, một cái tâm địa chắc chắn điều hoà, một cái hồn tính thiết thực và kiện toàn, có lẽ không được bay bổng cao xa lắm, nhưng khi gặp quan hệ đến vận mạng gia đình, tổ quốc thì cũng có thể tận tụy hy sinh được. Lòng hiếu thảo trong đạo cha con, lòng tiết nghĩa trong đạo vợ chồng, lòng trung thành với nhà vua là trạng thái đặc biệt của lòng ái quốc. Người Việt Nam cổ lai vẫn gây nên những bực anh hùng liệt nữ, hoặc hiển hách, hoặc vô danh hoặc tên để chói lọi trong sử sách, hoặc việc chép lưu truyền trong gia phả, hay chỉ còn để lại cái bài vị trong một gian miếu nhỏ nấp dưới bóng tre xanh. Lòng vị nghĩa đó có khi siêu việt đến bậc tuẫn tử một cách oanh liệt. Như việc Ngô Tòng Châu và Võ Tánh tuẫn tử ở thành Bình Định vậy:

Một người thời:

Chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí.

Một người thời:

Ngọn quang minh hun mát tấm trung can".

(Chép theo Dương Quảng Hàm, *Việt Nam thi văn hợp tuyển*, in lần thứ năm, 1958, tr. 211 - 212).

1209. Kiến thức ngày nay, số 602

Hỏi: *Về hai tiếng "kinh điển" mà các nhà báo thể thao và các nhà bình luận bóng đá dùng để chỉ những trận tiêu biểu, trong bài "Về hai từ* kinh điển *và* tiêu chí*", đăng trên* Văn nghệ *(trung ương), số 14, ngày 7-4-2007, tác giả Vũ Cao Phan cho rằng đây là một cách dùng từ không chính xác. Ông Vũ Cao Phan viết:*

"Kinh điển *là một từ Hán-Việt. Giải nghĩa về từ này hầu như tất cả các từ điển xuất bản lâu nay tại Việt Nam (và cả Trung Quốc) đều thống nhất: 1- Tác phẩm có giá trị mẫu mực, tiêu biểu; có ảnh hưởng lớn cho một học thuyết, một chủ nghĩa, một tôn giáo. 2- Tác giả của các tác phẩm ấy (nhà kinh điển). 3- Có tính quy chuẩn, bài bản, cổ điển. Chấm hết. Vậy thì tại sao lại có cách hiểu, cách sử dụng như trên? Theo thiển ý của tôi (mà chắc đúng), nguyên do là ban đầu một vài bình luận viên bóng đá đã dịch từ* classic *(tiếng Anh - hoặc* classique, classico*... của các ngôn ngữ Ấn - Âu*

khác) sang tiếng Việt theo nghĩa kinh điển *(chỉ không hiểu sao trước kia họ không dịch như vậy), rồi dần dà nó được "ăn theo". Thực ra,* classic (classique, classico…) *trong các ngôn ngữ ấy còn có nghĩa là lớn, là hay, là có chất lượng cao… (từ* kinh điển *trong tiếng Việt không có nghĩa này). Do đó "a classic game of football" phải được dịch là "một trận bóng hay" hoặc "một trận đấu lớn" thì mới đúng nghĩa. Gọi là "trận đấu* kinh điển*" nghe có vẻ sang, có vẻ "chữ nghĩa" nhưng thực là đã làm hỏng tiếng Việt".*

Ông Vũ Cao Phan đã viết như trên. Xin hỏi ông An Chi: Các nhà báo và các nhà bình luận kia đã làm hỏng tiếng Việt hay là chưa?

Trả lời: Trong các nghĩa của hai tiếng *kinh điển* mà ông Vũ Cao Phan cho là đã dẫn từ "hầu như tất cả các từ điển xuất bản lâu nay tại Việt Nam (và cả Trung Quốc)" thì nghĩa 1 và nghĩa 2 là nghĩa của danh từ nên chỉ đúng với tiếng Hán và Hán văn Việt Nam. Còn tiếng Việt hiện đại thì chỉ dùng *kinh điển* theo nghĩa của tính từ nên chỉ có nghĩa 3 mà ông Vũ Cao Phan đã nêu mới có thể xem là thích hợp mà thôi. Chẳng những ông đã nhầm khi nêu nghĩa 1 và nghĩa 2 của *kinh điển* cho tiếng Việt hiện đại mà ông còn nhầm - và đây là nhầm to! - khi nêu tính từ *classic* (*classique, classico,* v.v…) ra để làm cơ sở cho sự biện luận của mình. Ông cho rằng trong trường hợp đang xét thì *classic* (*classique, classico,* v.v…) có nghĩa là lớn, là hay, là có chất lượng cao và rằng "a classic game of football"

phải được dịch là "một trận bóng hay" hoặc "một trận đấu lớn" thì mới đúng nghĩa. Nhưng người Anh không nói "a classic game" để diễn cái ý "một trận đấu lớn". Họ nói "*a great match*". Cũng cái ý này, người Pháp sẽ nói "*un grand match*", người Tây Ban Nha thì "*un gran partido*", còn người Ý thì "*una grande partita*", v.v... Vậy người Anh không dùng "classic" thay cho *great* còn "a classic game of fooball" cũng chỉ là một cấu trúc do ông Vũ Cao Phan suy diễn mà đặt ra chứ tính từ *classic* ở đây cũng chẳng phải là cái yếu tố nguyên ngữ đã được các nhà báo thể thao và các nhà bình luận bóng đá dịch thành "(trận) kinh điển". Cái mà họ đã dịch thì lại là danh từ *classic*.

Sau đây là cái nghĩa hữu quan của danh từ *classic* trong một số tài liệu.

Answers.com: "A traditional event, especially a major sporting event that is held annually: *a golf classic*".

(Sự kiện truyền thống, đặc biệt là sự kiện thể thao trọng đại diễn ra hằng năm: *một classic* (sẽ dịch sau) *về môn golf*).

The Free Dictionary (Online): Y hệt như *Answers.com*.

Còn *Webster's New World College Dictionary* (1997) thì:

- "*noun* (...) 3.a famous traditional or typical event".

- (*danh từ* (...) 3. sự kiện điển hình hoặc truyền thống nổi tiếng).

Tương ứng với danh từ *classic* này của tiếng Anh là các danh từ *classique* của tiếng Pháp, *clásico* của tiếng

Tây Ban Nha, *classico* của tiếng Ý, *clássico* của tiếng Bồ Đào Nha và *Klassiker* của tiếng Đức. Những từ này nên được chuyển sang tiếng Việt như thế nào? Các nhà báo thể thao và các nhà bình luận bóng đá đã làm một cách tự nhiên mà dịch thành *"(trận) kinh điển"*. Đây là *sự sao phỏng (calque)*, một biện pháp thông thường của sự vay mượn từ ngữ khi ta cần chuyển một số khái niệm mới lạ (đối với ta) từ tiếng nước ngoài vào tiếng Việt, chẳng hạn *guerre froide* là "chiến tranh lạnh", *marché noir* là "chợ đen", *package* là "trọn gói", v.v...

Cũng vậy, *classic* (*classique*, v.v...) mà chuyển thành "(trận) kinh điển" là điều hoàn toàn tự nhiên. Nói về một trận bóng giữa Real Madrid và Barcelona mà nhà bình luận M.T. gọi là "trận đấu *kinh điển*", tác giả Vũ Cao Phan viết: "Tôi đã cố theo dõi kỹ để xem "cái sự kinh điển" ấy nó diễn ra như thế nào. Không như thế nào cả vì chẳng có gì để có thể gọi là *kinh điển*". Nếu ai cũng đòi làm như kiểu lý luận của tác giả Vũ Cao Phan thì hẳn là người ta phải dùng nhiệt kế để đo xem "chiến tranh lạnh" đã xuống đến bao nhiêu độ âm chăng? Huống chi, muốn biết nó "kinh điển" như thế nào thì phải phân tích chi tiết về đội hình, về chiến thuật, về nhiệm vụ và tài nghệ của từng cầu thủ, v.v... tóm lại là về đấu pháp của hai bên, về sự đấu trí của hai huấn luyện viên, chứ đâu có thể hạ một câu đơn giản là "chẳng có gì để có thể gọi là kinh điển". Thật là không công bằng khi nói như thế về những trận kinh điển giữa hai câu lạc bộ đã nêu.

Xin hãy đọc một đoạn của FIFA.com (bằng tiếng Pháp mà chúng tôi dịch sang tiếng Việt) ngày 20-10-2006 dưới nhan đề "Trận kinh điển: Real Madrid - FC Barcelona":

"Mỗi khi Real Madrid và FC Barcelona giao tranh, tất cả mọi con mắt đều hướng về Tây Ban Nha. Cứ mỗi lần hai câu lạc bộ này gặp nhau, hàng ngàn hàng ngàn người say mê quả bóng tròn đều nín thở, dù họ đang ở trên bán đảo Iberia hay ở nơi nào trên hành tinh. Bên kia dãy Pyrénées (Người Pháp ở bên này dãy Pyrénées - AC), sự kiện này có sức mê hoặc mạnh đến nỗi ngay cả những ai bàng quan nhất cũng trưng ra biểu hiệu của một trong hai câu lạc bộ. Chủ nhật này, tại sân Santiago Bernabéu, 80.000 khán giả may mắn sẽ hoà nhịp tim vào cuộc biểu diễn do một nhóm cầu thủ xuất sắc nhất hành tinh trình bày".

Chưa kể đến diễn tiến của trận đấu, chỉ mới nói về cái không khí chung quanh, ta cũng đã có thể cảm nhận được sơ sơ cái tính kinh điển của sự kiện thể thao đang xét rồi.

Điểm duy nhất - thực ra cũng rất quan trọng - mà chúng tôi hoàn toàn nhất trí với tác giả Vũ Cao Phan là ta không nên lạm dụng hai tiếng *kinh điển*. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả rằng 3 trường hợp mà tác giả đã dẫn ra từ 3 tờ báo khác nhau, là những thí dụ về cách dùng từ tuỳ tiện. Nếu ta quan sát rộng hơn, ta sẽ thấy có những cách dùng bất hợp lý khác nữa, chẳng hạn cái nhan đề "Những trò lừa kinh điển qua e-mail", tưởng như vô thưởng vô phạt

nhưng lại có vấn đề. Vấn đề là ở chỗ *kinh điển* là một đơn vị từ vựng mang sắc thái biểu cảm: nó chỉ dùng cho cái gì tốt, tích cực chứ không phải cho cái gì xấu, tiêu cực. Trò lừa thì làm sao có thể "kinh điển" cho được?

Trở lại với hai tiếng *kinh điển* dùng cho một số trận bóng, như ông đã đặt vấn đề, chúng tôi thấy đây là một cách dịch thích hợp (đối với từ *classic* của tiếng Anh) mà các nhà báo thể thao và các nhà bình luận bóng đá đã thực hiện để góp vào tiếng Việt một lối nói mới và một khái niệm mới.

1210. Kiến thức ngày nay, số 602

Hỏi: Xin giới thiệu bài Trường can hành *của Thôi Hiệu và bản dịch của Ngô Tất Tố.*

Trả lời:

Trường can hành

I. Quân gia hà xứ trú?
Thiếp trú tại Hoành Đường.
Đình thuyền tạm tá vấn,
Hoặc khủng thị đồng hương.

II. Gia lâm Cửu Giang thuỷ,
Lai khứ Cửu Giang trắc.
Đồng thị Trường Can nhân,
Sinh tiểu bất tương thức.

Bản dịch thơ của Ngô Tất Tố:

I. *Nhà chàng đâu tá chàng ơi,*
Nhà em thì ở phía ngoài Đê Ngang.
Dừng thuyền hỏi chuyện nào! Chàng!
Đôi ta may ở cùng làng cũng nên.

II. *Nhà anh ở bến Cửu Giang,*
Bên con sông ấy anh thường lại qua.
Trường Can cùng quán đôi ta
Xa nhau từ nhỏ, hoá ra lạ lùng.

(Chép theo Nguyễn Thị Bích Hải, *108 bài thơ tình Trung Hoa*, Nxb. Thuận Hoá, 1996, tr. 82 - 83).

1211. Kiến thức ngày nay, số 603

Hỏi: *Ngoài những cuộc thi* Hoa hậu thế giới (Miss World) *hàng năm, nhiều năm gần đây, người ta còn sanh ra cái sự thi tuyển* Mr. World (Mister World) *dành cho phái "đực rựa" nữa. Xin hỏi ông An Chi mấy tiếng* Mr. World (Mister World) *nên được chuyển sang tiếng Việt như thế nào cho hợp lý?*

Trả lời: Nhiều phương tiện truyền thông đã dịch *Mr. World* thành "Nam hậu Thế giới". Chẳng hạn trên mạng *24h.com.vn* ngày 10-4-2007, dưới nhan đề "Truyền hình trực tiếp cuộc thi "Mr. World" trên VTC1", ta đọc thấy:

"Theo thông báo mới nhất của Đài Truyền hình kỹ thuật số VTC, cuộc thi "Nam hậu Thế giới" - Mr. World 2007", nơi hội tụ của những người đàn ông trẻ đẹp nhất hành tinh, sẽ được phát sóng vào 20h ngày 14-4-2007 trên kênh VTC1".

Trước đó, trong thông báo số 24 TB/HSV ngày 6-3-2007 về việc "Tham gia đợt hội trại chào mừng 76 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh" của Hội sinh viên trường Đại học Công nghệ (thuộc Hội sinh viên Đại học quốc gia Hà Nội) gửi sinh viên các lớp do chánh văn phòng Bùi Thị Thu Hương ký, ta cũng đọc thấy:

"I. Nội dung:

(...)

- Thi Nam Hậu (Cuộc thi dành cho phái mạnh để chọn ra các danh hiệu "Người đàn ông có nụ cười quyến rũ nhất, người đàn ông đẹp nhất...)".

Trên *Tienphong Online* ngày 15-3-2007, dưới nhan đề "Hồ Đức Vĩnh dự thi Mr. World 2007", ta cũng đọc thấy:

"Từ 12-3, cuộc thi "Nam hậu thế giới 2007" rục rịch khởi động với 50 người đàn ông, là những sinh viên, giáo viên, người mẫu... từ khắp nơi trên thế giới, tại đảo Hải Nam, Trung Quốc".

Còn nhiều tác giả và phương tiện truyền thông khác nữa cũng gọi *Mister World* (của từng năm) là "Nam hậu thế giới" nhưng đáng buồn là cách gọi này chẳng mang lại cho

họ một chút vinh dự nào. Ngược lại, nó đã biến họ thành những người "lại cái". *Hậu* 后 là một yếu tố Hán Việt, có nghĩa là vợ vua, như có thể thấy trong các cấu trúc *hoàng hậu, thái hậu, mẫu hậu,* v.v... nghĩa là đặc dụng để chỉ một nhân vật thuộc phái đẹp, có chồng là vua. Vậy đã là nữ thì còn là nam thế nào được mà gọi là "nam hậu"?

Chữ *nam* chỉ có thể đi chung với những danh từ hay danh ngữ dùng cho cả hai giới như: *nam công nhân* (đối với *nữ công nhân*), *nam công trình sư* (đối với *nữ công trình sư*), *nam doanh nhân* (đối với *nữ doanh nhân*), v.v... Còn *hậu* thì không.

Trong điều kiện hiện tại, chúng tôi cho rằng hợp lý nhất là dịch *Mr. World (Mister World)* thành *"Nam khôi thế giới"*, như một số tác giả đã làm, chẳng hạn Trần Thuyên trên *Kiến thức ngày nay,* số 601.

1212. Kiến thức ngày nay, số 603

Hỏi: *Tôi nghe người ta nói trong thiên "Hương đảng" của sách* "Luận ngữ", *Khổng Tử có dạy về phương pháp ẩm thực. Xin cho biết ngài đã dạy như thế nào, qua cả nguyên văn và lời dịch.*

Trả lời: Sau đây là nguyên văn của đoạn hữu quan và lời dịch của Nguyễn Hiến Lê:

"Tự bất yếm tinh, khoái bất yếm tế. Tự ế nhi ái, ngư nỗi nhi nhục bại bất thực. Sắc ác bất thực, xú ác bất thực.

Thất nhẫm bất thực, bất thời bất thực. Cát bất chính bất thực, bất đắc kì tương bất thực. Nhục tuy đa, bất sử thắng tự khí. Duy tửu vô lượng, bất cập loạn. Cô tửu, thị bô, bất thực. Bất triệt khương thực. Bất đa thực. Tế ư công, bất túc nhục. Tế nhục bất xuất tam nhật, xuất tam nhật, bất thực chi hĩ. Thực bất ngữ, tẩm bất ngôn. Tuy sơ tự, thái canh, tất tế, tất trai như dã".

Dịch. - Cơm càng trắng tinh càng tốt, (càng thích), gỏi thái càng nhỏ càng tốt. Cơm hẩm và thiu, cá ươn mà thịt đã nhão thì không ăn. (Thức ăn mà) sắc đã biến, hư rồi, không ăn: mùi hôi cũng không ăn. Nấu mà chưa chín hay chín quá, không ăn. Không đúng bữa không ăn. (Có sách dịch là không ăn những vật trái mùa). Cắt không ngay ngắn (hoặc không đúng cách), không ăn. Nước chấm không thích hợp, không ăn. Dù có nhiều thịt, (Khổng Tử) cũng ăn ít thịt hơn cơm. Duy có rượu là không hạn chế, nhưng không uống tới say. Rượu bán ở cửa hàng không uống, thịt mua ở chợ không ăn. Bữa nào cũng ăn gừng. Không ăn tới quá no. Tế ở công miếu rồi, được phần thịt thì ông phân phát ngay, không để cách đêm. (Vì thịt tế vào buổi sáng thì làm vào hôm trước, nếu để cách đêm nữa, qua ngày hôm sau là ba ngày, thịt ôi đi. Thịt cúng tổ tiên, không để quá ba ngày, quá ba ngày thì không ăn. Khi ăn, không đàm luận, khi ngủ không nói chuyện. Tuy là cơm thô, canh rau, mà trước khi ăn cũng cung kính cúng vái như lúc trai giới.

1213. Kiến thức ngày nay, số 603

Hỏi: *Xin giới thiệu bài "Xuân nhật tuý khởi ngôn chí" của Lý Bạch và bản dịch của Tản Đà.*

Trả lời: Sau đây là nguyên văn tiếng Hán (phiên âm):

Xuân nhật tuý khởi ngôn chí

Xử thế nhược đại mộng.
Hồ vi lao kỳ sinh?
Sở dĩ chung nhật tuý.
Đổi nhiên ngoạ tiền doanh.
Giác lai miện đình tiền.
Nhất điểu hoa gian minh.
Tá vấn thử hà nhật?
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cảm chi dục thán tức,
Đối tửu hoàn tự khuynh.
Hạo ca đãi minh nguyệt.
Khúc tận dĩ vong tình.

Ngày xuân say rượu dậy nói chí mình

Ở đời như giấc chiêm bao
Cái thân còn đó, lao đao làm gì?
Cho nên suốt buổi say lì
Nằm lăn trước cột, biết gì có ta.
Tỉnh thôi đưa mắt sân nhà.

Một con chim hót bên hoa ngọt ngào.
Hỏi xem: nay đó ngày nào?
Ngày xuân gió mát, vui chào tiếng oanh.
Ngậm ngùi cám cảnh sinh tình,
Nghiêng bầu, mình lại với mình làm vui.
Hát ran, chờ tấm trăng soi,
Thoạt xong câu hát thời rồi đã quên.

(*Ngày Nay*, số 91, 26-12-1937)

Dịch nghĩa:

Ngày xuân say rượu tỉnh dậy nói chí mình

Ở trên đời giống như ở trong giấc mộng lớn.
Làm chi cho vất vả thân mình.
Cho nên suốt ngày ta say sưa,
Nằm lăn quay ra ngủ trước hiên.
Lúc tỉnh dậy ngó ra phía trước sân,
Thấy một con chim hót trong khóm hoa.
Ướm hỏi người ta, hôm nay là ngày gì,
Mà con chim oanh bay chuyền học nói trong gió xuân?
Xúc cảm trước cảnh ấy, ta muốn thở than.
Đối cảnh ấy ta tự nghiêng bầu rượu.
Ta cất tiếng ca vang, đợi chờ trăng sáng.
Ca hát xong, ta quên cả mối tình buồn lúc trước.

(Chép theo *Thơ Đường*, Tản Đà dịch, Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, Nxb. Văn học, 2003, tr. 45 - 46).

1214. Kiến thức ngày nay, số 603

Hỏi: *Xin giới thiệu bài "Viếng bạn" (Khóc bạn) của Tú Xương.*

Trả lời: Sau đây là nguyên văn, chép theo *Tú Xương - Tác phẩm, giai thoại* (Hội Văn nghệ Nam Định, 1987).

Viếng bạn

Đêm qua trằn trọc không yên,
Vắng người cùng bạn bút nghiên sao đành!
Ngựa xe là thói tỉnh thành,
Nào người vui thú học hành là ai?
Nhớ khi thảo sách soạn bài,
Tựa trong khóm trúc, dạo ngoài hồ sen.
Ngậm ngùi dưới nguyệt trước đèn,
Ta vui ai biết, ta phiền ai hay?
Của trời như nước như mây,
Lũ ta như dại, như ngây, như khờ.
Đi đâu một bước một chờ,
Vắng nhau một khắc một giờ khôn khuây.
Tháng năm tết đến sau này,
Cùng ai lên núi hái cây xương bồ?
Há rằng thiếu nịp không bồ
Tri âm đã vắng. Bồng hồ cũng thôi

Qua năm hương hội đến rồi,
Cùng ai vượt bể đến nơi kinh kỳ?
Dẫu cho vui thú Phụng trì.
Khi vui mà vắng cố tri thêm sầu.
Bạn đàn chưa dễ tìm nhau,
Bạn nghiên, bạn bút có đâu được nhiều!

1215. Kiến thức ngày nay, số 604

Hỏi: *Một ông bạn có cho tôi hay rằng tên của siêu sao bóng đá Zinedine Zidane đã được đặt cho một vườn hoa ở bên Pháp, mà lại là "square" mới lạ. Tôi cứ ngỡ "square" là tiếng Anh. Vậy xin nhờ ông An Chi "rà" lại xem đây là chuyện thiết thật hay thất thiệt.*

Trả lời: Chuyện đã diễn ra vào ngày 1-5-2007 và được nhiều phương tiện truyền thông của Pháp nói đến, chẳng hạn:

- *Le Figaro.fr* (1-5-2007): "Le petit village de Pégomas honore Zidane" (Ngôi làng Pégomas nhỏ bé vinh danh Zidane).

- *Yahoo! Actualités France* (1-5-2007): "Le plaque du square "Zinédine Zidane", à Pégomas" (Tấm biển của công viên Zinedine Zidane ở Pégomas).

- *Maville.com* (Thứ hai, 7-5): "Yazid est revenu aux sources" (Yazid (tên đệm của Zidane - AC) đã về nguồn).

- *Médias MCTL* (Thứ bảy, 5-5): "Zinédine Zidane, un square à son nom" (Zinedine Zidane, một công viên mang tên anh) v.v... và v.v...

Chẳng là ngay từ buổi tối của trận bán kết cúp bóng đá Thế giới 2006 tại Đức vừa qua, vị xã trưởng của Pégomas đã ngẫm nghĩ đến chuyện vinh danh Zidane bằng cách này rồi. Nghĩa là, đối với ông, việc Zidane húc đầu vào ngực Materrazzi chẳng có ảnh hưởng gì đến hoà bình thế giới cả.

Thế là lễ đặt tên "Zinedine Zidane" cho công viên của ngôi làng Pégomas sáu ngàn dân đã được tiến hành ngày 1-5-2007 vừa qua, với sự có mặt của khoảng 3.000 người, đặc biệt là của ông bà Elineau, Jean-Claude và Nicole, những người đã cho anh ở nhờ khi anh đến thử việc tại Câu lạc bộ AS Cannes hồi 1987. Ông Gilbert Pibou, vị xã trưởng nói về Zidane: "Anh đã chinh phục công chúng chẳng những bằng tài nghệ, mà còn bằng cả sự tốt bụng và sự giản dị của mình nữa. Yazid, Pégomas là nhà của bạn". Sau đó, Zidane ký tặng cho người hâm mộ.

Tấm biển ghi mấy dòng chữ: *"Square Zinedine Zidane Inauguré le ler Mai 2007 en présence de Gilbert Pibou Maire de Pégomas et du Conseil Municipal"* (Công viên Zinedine Zidane, khánh thành ngày 1 tháng 5 năm 2007 trước sự hiện diện của Gilbert Pibou, xã trưởng Pégomas và Hội đồng xã).

Ở đây, *square* là một danh từ tiếng Pháp, có nghĩa là công viên, thường có vòng rào. Đây là một từ mượn ở tiếng Anh

square, có nghĩa là quảng trường. Nhưng chính danh từ này của tiếng Anh thì lại được mượn từ tiếng Pháp trung đại *esquarre* (nay là *équerre*), có nghĩa là... ê-ke, tức thước đo góc vuông. Từ đây mới ra những cái ý khác, dẫn đến cái nghĩa vừa nói, là "quảng trường". Khởi sự là tiếng La Tinh *quattor,* có nghĩa là bốn; từ đó ta có *quadrus,* là vuông; rồi từ *quadrus,* ta lại có *quadrare,* là làm cho vuông; rồi với tiền tố *ex-* để làm cho tăng nghĩa, ta mới có **exquadrare,* nghĩa là đẽo cho vuông.

Hình thái La Tinh này đã cho ra tiếng Pháp trung đại *esquarrer* (nay là *équarrir*), cùng nghĩa. *Esquarre,* với biến thể *esquerre,* nay là *équerre* (cái ê-ke), chẳng qua chỉ là một hình thái phân từ quá khứ của *esquarrer* mà thôi. Vậy xét theo từ nguyên thì trong *square,* ta vừa có ý "vuông", vừa có ý "bốn". Đây chính là những ý mà ta có thể thấy trong cái nghĩa "hình vuông" của danh từ *square* (là hình có bốn cạnh bằng nhau và có bốn góc vuông). Đây cũng chính là những ý mà ta có thể thấy trong cái nghĩa "quảng trường" của danh từ *square* (là nơi bốn (ngã tư) hoặc nhiều (ngã ba, ngã năm, v.v...) con đường giao nhau (vuông góc với nhau), thường dùng làm công viên). Có thấy được như thế thì ta mới khỏi ngạc nhiên vì có nơi tuy chẳng phải là quảng trường mà vẫn được gọi là "square", chẳng hạn *Times Square* ở New York (City). Rất nhiều tác giả người Việt đã dịch *Times Square* thành "Quảng trường Thời đại". Chẳng có quảng trường nào cả. Đây thực ra chỉ là một giao lộ nơi

mà đại lộ Broadway, rồi đại lộ số 7, cắt ngang con đường (phía Tây) số 42 của khu Manhattan ở New York mà thôi.

1216. Kiến thức ngày nay, số 605

Hỏi: *Cách đây mấy tháng, đi dự đám cưới, tôi ngồi cạnh bàn của dân kiến trúc (tôi đoán thế, qua câu chuyện của họ) và nghe lỏm được rằng một kiến trúc sư người Brazil (tôi không nhớ tên) tuổi đã ngoài 90 mà mới lấy vợ 60 tuổi. Liệu chuyện này có thực hay không và nếu có thực thì ông già đó là ai mà "quái" đến thế? Ông ta có công trình kiến trúc nào đặc biệt không?*

Trả lời: Ông già "quái" đó là kiến trúc sư người Brazil Oscar Niemeyer *(Ảnh 1)*, đến ngày 15-12-2007 thì sẽ trọn... bách niên. Ông ta sinh ngày 15-12-1907 tại Rio de Janeiro. Oscar Niemeyer nổi tiếng khắp thế giới và có công trình ở nhiều nước như Mỹ, Pháp, Cuba, Đức, Ý, Algeria, v.v... Oscar Niemeyer "khai" về thành phần dân tộc của mình như sau:

"Tên thật của tôi là Oscar Ribeiro de Almeida de Niemeyer Soares. Ribeiro và Soares là hai cái họ có nguồn gốc Bồ Đào Nha, Almeida là Á Rập còn Niemeyer thì là Đức. Ngoài ra, như mọi gia đình Brazil khác, tôi còn có một chút máu da đen và da đỏ. Chúng tôi là những người lai như thế và tôi hãnh diện về điều đó".

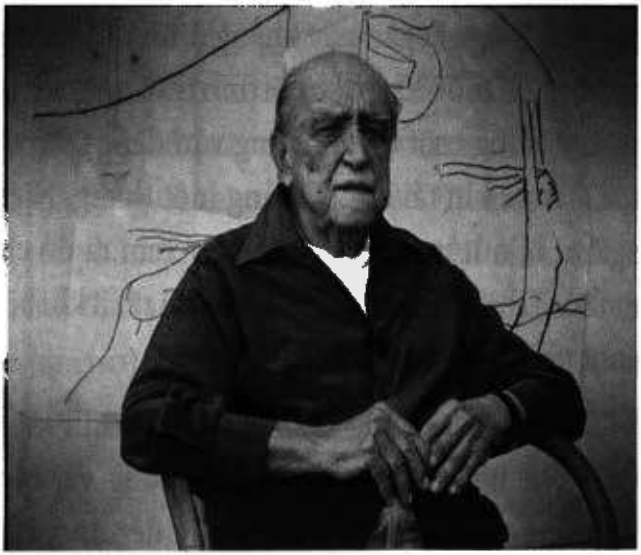

Oscar Niemeyer (Ảnh 1)

Năm 1928, ở tuổi 21, Niemeyer kết hôn với Anita Baldo, con gái của một gia đình người Ý di cư. Hai ông bà sống với nhau 76 năm cho đến tháng 10 năm 2004 thì bà Anita qua đời. Họ có một người con gái, năm cháu ngoại, mười ba chắt, năm chít. Tháng 11 năm 2006, ở tuổi 99, Oscar Niemeyer đã tái hôn với cô thư ký của mình là Vera Lucia Cabrera, 60 tuổi, ít hơn ông 39 tuổi. Hôn lễ cử hành một cách kín đáo, chỉ với sự hiện diện của hai người làm chứng và một vị quan toà. Chỉ ngày hôm sau, gia đình hai bên mới biết tin. Các phương tiện thông tin địa phương cho biết con gái của Niemeyer là Ana Maria, một người buôn tranh nổi tiếng, đã phản đối cuộc hôn nhân này.

Nếu được phép dùng lối nói của khẩu ngữ bình dân ở trong Nam thì chúng tôi sẽ nói rằng Oscar Niemeyer là một

"ông già gân". Ông già gân này khẳng định rằng mình cảm thấy như đang ở tuổi 30 và làm... tình mỗi ngày. Ông ta đã nói như thế trong một cuộc phỏng vấn đăng trên tờ tuần báo *Istoé*. Trước khi tái hôn khoảng một tháng, Niemeyer đã bị ngã và bị nứt xương chậu nhưng xem ra đó chỉ là... chuyện nhỏ. "Thiên nhiên đã ưu ái tôi. Tôi rất ít khi bị bệnh", ông ta nói như thế với nhà báo.

Cái làm nên đặc trưng cho các công trình kiến trúc của Oscar Niemeyer là những đường cong và, như ông nói, ông dùng những đường cong này để tôn vinh thân hình của người phụ nữ Brazil. Bằng chứng mới nhất cho lời nói này của Niemeyer là hình dáng bên ngoài của Nhà hát Nhân dân ở Niteroi (Teatro Popular de Niterói), vừa khánh thành hôm 15-4-2007 *(Ảnh 2)*. Niemeyer cho biết

(Ảnh 2)

rằng Nhà hát Nhân dân gợi dáng một người phụ nữ Brazil đang nằm trên thảm cỏ. Bên trong nó có 300 chỗ ngồi còn sân khấu thì có thể quay ra phía ngoài cho mười ngàn khán giả. Đây là công trình mới nhất của Niemeyer. Còn trong những tác phẩm trước đây, ta cũng nên nhắc đến một số công trình toạ lạc tại Brasilia, thủ đô mới của Brazil (sau Rio de Janeiro), như Cung Alvorada (Palacio Alvorada), Nhà thờ lớn ở Brasilia, Toà nhà Quốc hội, Bảo tàng Oscar Niemeyer, Cung Planalto (Palacio do Planalto) v.v...

Thế là như đã nói, đến ngày 15-12-2007 thì Oscar Niemeyer sẽ tròn 100 tuổi. Nhưng con đường sáng tạo của ông thì còn dài. Chẳng hạn, ông đã nhận lời của Tổng thống Hugo Chavez (Venezuela) thực hiện đồ án cho một tượng đài cao 100m để tôn vinh và tưởng niệm Simon Bolivar, Nhà giải phóng của nhiều nước Mỹ La Tinh. Và còn Con đường Niemeyer, con đường thật, *Caminho de Niemeyer* khởi công từ 2001, dọc theo đó là các công trình văn hoá và tâm linh như: *Catedral Batista* (Nhà thờ phái Baptist), *Fundação Oscar Niemeyer* (Quỹ Oscar Niemeyer), *Centro de Memória* (Trung tâm Tưởng niệm), *Teatro Popular* (Nhà hát Nhân dân, đã khánh thành), *Catedral Católica* (Nhà thờ Công giáo), *Barcas-Estacionamento* (Bến thuyền), *Praça JK* (Quảng trường JK (Juscelino Kubitschek)), *Museu BR do Cinema* (Bảo tàng Điện ảnh Brazil) và *Museu de Arte Contemporânea* (Bảo tàng Nghệ thuật hiện đại, khánh thành từ 1995).

Nếu muốn bắt chước cách đặt tên quyển *Nam Hải dị nhân* của Phan Kế Bính thì chúng tôi sẽ gọi Oscar Niemeyer là một "Ba Tây dị nhân". Đúng là một con người khác thường. Niemeyer là một đảng viên cộng sản. Nhưng chính ông lại nói rằng mình thông cảm với niềm tin của con người về thế giới bên kia. Ông là một kiến trúc sư lừng danh thế giới. Nhưng ông lại nói: "Cuộc đời chỉ là một thoáng mà thôi, nó quan trọng hơn kiến trúc. Cần phải biết rằng ta chỉ sống gởi, rằng cuộc đời đầy lạc thú mà cũng là bể khổ. Phải sống sao cho lương thiện". Ông còn nói với một nữ phái viên đặc biệt của tờ *L'Humanité*: "Tôi xin nhắc lại rằng kiến trúc không phải là cái đáng kể hơn cả. Có lúc tôi nghĩ rằng cái anh thanh niên đi phản đối sự bất công của thế giới trên đường phố là đang làm một việc còn quan trọng hơn công việc của tôi. Và khi tôi nói với các nhà báo như thế thì họ đã trố mắt kinh ngạc".

Đấy, cái "ông già quái" mà ông đã hỏi là một con người như thế.

1217. Kiến thức ngày nay, số 606

Hỏi: *Trong một số văn bản ngày xưa viết bằng chữ Hán, ở dòng (hàng dọc) ghi niên đại, ta thấy thỉnh thoảng có xen vào hai chữ "long phi", mà tôi hiểu theo nghĩa đen là "rồng bay". Xin cho biết trong văn cảnh chung đó, hai chữ "long phi" thực tế có nghĩa là gì.*

Trả lời: Trong văn cảnh đó, *long phi* có nghĩa là "năm". *Long phi* cũng từng được dịch thành *"rồng dậy"* như có thể thấy trong câu mở đầu *Sứ trình tân truyện* của Nguyễn Tông Quai:

Cảnh Hưng rồng dậy thứ ba

(Tháng thu ngày tám sứ Hoa khởi trình)

Cảnh Hưng rồng dậy thứ ba có nghĩa là "Năm Cảnh Hưng thứ ba".

* Chúng tôi chép hai câu thơ trên đây từ bài "Nguyễn Tông Quai, đường đi sứ - đường thơ" của Bùi Duy Tân (*Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (81), 2007, tr. 4).

1218. Kiến thức ngày nay, số 606

Hỏi: *Xin cho biết người Trung Quốc gọi "hoa hậu" và "nam khôi" là gì? Có lẽ "hoa khôi" là "nửa kia" của "nam khôi" chăng? Ta có thể dùng "nam vương" để chỉ "nửa kia" của "hoa hậu" được không?*

Trả lời: Trong tiếng Hán, *hoa khôi* có nghĩa là "(người) ca kỹ nổi tiếng". Ở ta, trước đây người ta có dùng hai tiếng *hoa khôi* theo nghĩa "Miss (...)" nhưng có lẽ về sau đã thấy ra cái nghĩa gốc không mấy hay ho của nó nên đã thay bằng *hoa hậu* (nhưng *hoa khôi* vẫn còn tồn tại trong khẩu ngữ hoặc lối nói thân mật). Người Trung Quốc gọi *hoa hậu* là *"tiểu thư"* và *nam khôi* là *"tiên sinh"*. *Miss World* là *"Thế giới*

Tiểu thư" còn *Mr (Mister) World* là *"Thế giới Tiên sinh"*. Hai yếu tố *"hậu"* và *"vương"* không phản ánh được cái nghĩa tế nhị và chính xác của *Miss* và *Mr (Mister).*

1219. Kiến thức ngày nay, số 606

Hỏi: *Qua loạt bài bàn về hai câu đối của cụ Vũ Phạm Hàm và một số bài nói đến niên biểu và ngữ nghĩa của* Truyện Kiều *trước đây giữa ông và một số vị khác, tôi nhận thấy chuyên mục* Chuyện Đông chuyện Tây *không còn là chuyện Đông chuyện Tây như ý nghĩa ban đầu của nó nữa, mà lần lượt trở thành một diễn đàn để ông phổ biến cái chủ quan của mình như để dạy người khác vậy! Rồi khi cái chủ quan lên đến đỉnh điểm và sai sót, gặp sự tranh luận của độc giả, ông xoay ra hơn thua một cách lố bịch và cuối cùng là thái độ hàm hồ quá đáng y chang của kẻ hợm mình. Đây cũng là ý kiến của một số đông độc giả từng yêu thương tờ tạp chí.*

Cái hàm hồ mới nhất là trên Kiến thức ngày nay, *số 597 (trả lời ông Đinh Cao Trác), ông nhân danh trình độ thưởng thức và kinh nghiệm sống của mình trong hai mươi năm ở miền Bắc, cũng như của một người bạn thân để chê bai, bắt bẻ nhà văn Tô Hoài qua tác phẩm* Ba người khác.

Cùng một đề tài, Dương Thu Hương tự nhận mình không phải nhà văn, chỉ kể lại chuyện thật (vì bức xúc) trong Vĩ nhân tỉnh lẻ, Những thiên đường mù *nhưng nổi tiếng mà không bị ai vạch lá tìm sâu, chê bai chỉ trích. Ngược lại, Tô*

Hoài, một nhà văn chuyên nghiệp, nổi tiếng từ hơn nửa thế kỷ trước, nay viết một quyển tiểu thuyết vừa kể chuyện thật xã hội, vừa hư cấu thì ông lại bới lông tìm vết để bắt bẻ, hậm hực và thẳng thừng "không mê". *Vậy trong ông có cái* "mê" *hay* "không mê" *nào khác nhau trong đời sống hay không?*

Nếu tôi nhớ không lầm, trên một số báo nào đó, để nhắc ai đó, ông đã từng dẫn câu "Trí giả thiên luận tất hữu nhất thất". *Lẽ nào ông lại quên với mình sao, hay ông không nhận mình là trí thức nhưng lại ưa chỉ vẽ cho thiên hạ?! Riêng tôi thường nhớ câu* "Đa ngôn đa quả", *thưa ông!*

Trả lời: Chúng tôi rất hân hạnh nhận được những lời góp ý của ông. Xin công bố để toàn thể bạn đọc của *Chuyện Đông chuyện Tây* nhận định xem có thật là chúng tôi đã lố bịch và hợm mình, có thật là *Chuyện Đông chuyện Tây* đã "biến chất", như ông (và "một số đông độc giả" (?)) đã khẳng định hay không. Cá nhân chúng tôi thì xin miễn trả lời. Cũng xin miễn bàn về chuyện *Những thiên đường mù* và Dương Thu Hương mà chỉ xin nói rõ thêm về *Ba người khác* và Tô Hoài là những chuyện trực tiếp liên quan đến ý kiến của chúng tôi trên *Kiến thức ngày nay,* số 597, mà ông đã chỉ trích.

Xin nói thẳng rằng chúng tôi chẳng bới lông tìm vết mà cũng không hề hậm hực với Tô Hoài. Chúng tôi chỉ nhận xét về cách dùng từ của nhà văn này với tư cách của một người đọc muốn được tận hưởng chân, thiện, mỹ trong khi thưởng thức văn học mà thôi. Còn Tô Hoài thì chẳng

có đặc ân đặc quyền gì trước sự nhận xét của công chúng, dĩ nhiên là một sự nhận xét nghiêm túc, khách quan và "có kiến thức". Vậy, tốt nhất là ông nên dùng kiến thức của mình để phản bác những trường hợp mà chúng tôi cho là Tô Hoài đã sai về chính tả hoặc từ ngữ thay vì chỉ nói chay để quy chụp cho chúng tôi là hậm hực và bới lông tìm vết.

Ông lại còn mạnh mẽ chỉ trích chúng tôi "thẳng thừng không mê" *Ba người khác* của Tô Hoài; rồi lại còn hỏi vặn xem chúng tôi "có cái *mê* hay *không mê* nào khác nhau trong đời sống hay không". Mê hay không mê cái gì đó trong đời sống là chuyện riêng của cá nhân. Còn không mê *Ba người khác* của Tô Hoài là quyền của chúng tôi, không ai có thể áp đặt được. Một số nhà phê bình đã tung hô tác phẩm đó đến mức mà chúng tôi cho là quá đáng và điều này, như đã nói trên *Kiến thức ngày nay,* số 597, có lẽ "xuất phát một phần là từ một niềm khao khát chính đáng: những chuyện và truyện về các đề tài cấm kỵ sẽ được công bố một cách dễ dàng". Cửu hạn phùng cam vũ mà lại!

Nhưng cái chất cam của *Ba người khác,* theo chúng tôi, thì lại chẳng được ngọt gì cho lắm. Chẳng qua người ta đã lăng-xê nó một cách quá đáng trong khi mà chính người lăng-xê cũng chưa hiểu rõ và đúng về tác giả và/hoặc tác phẩm. Về cái nhan đề của nó, chẳng hạn, Phạm Xuân Nguyên nói trong cuộc toạ đàm:

- Ba người khác thì nhiều người nghĩ là ba người sau cải cách, ba anh đội trở lại đời thường, ý kiến của tôi là *ba người khác* nhập vào và sai khiến họ.

Nhưng chính Tô Hoài thì - khi được Phạm Xuân Nguyên hỏi: "Vì sao bác đổi tên truyện từ *Chuyện ba người* thành *Ba người khác?* - đã giải thích một cách thật thà và tự nhiên:

- Vì *Chuyện ba người* không được in, tôi chán nên *đổi văng mạng, còn cứ đem phân tích thì vẽ vời ra thôi* (Chúng tôi nhấn mạnh - AC).

Ấy thế nhưng người ta cứ thích vẽ vời, mặc dù, như đã nói, người ta chưa hiểu rõ và đúng về tác giả và/hoặc tác phẩm, đặc biệt là về cái chữ *"tốt"* của nó. Lại Nguyên Ân, chẳng hạn, đã nói như sau, khi trả lời phỏng vấn:

- Trong *Chiều chiều,* người đọc thấy nhà văn "của mình" đã đi làm một ông tổ trưởng dân phố và phải làm cả cái việc là kiểm tra hố xí thùng thì ở *Ba người khác,* cái "tôi" ấy đã về nông thôn trong vai đội phó đội cải cách, đã ăn trộm bánh đúc ngô và ngủ với "chuỗi, rễ" (quần chúng được chọn để phát động đấu tố địa chủ) ngoài ruộng. Cách chọn vị trí thể hiện, hoá thân vào một nhân vật xưng "tôi" nào đó, giúp nhà văn "trần tình" được nhiều hơn, và cảm giác tin cậy của người đọc khi đọc ông cũng ngày một nhiều hơn là vì thế.

("Nhà văn Tô Hoài với *Ba người khác",* Diễn đàn văn học trẻ, *www.thotre.com*).

Ở đây, Lại Nguyên Ân đã phạm một sai lầm thô thiển là đồng nhất hoá cái "tôi" trong *Chiều chiều* với cái "tôi" trong *Ba người khác. Chiều chiều* là hồi ký nên "tôi" ở đây

là chính tác giả Tô Hoài còn *Ba người khác* là tiểu thuyết nên "tôi" ở đây thì chỉ là anh đội Bối mà thôi. Cho dù anh đội Bối có mang đến 90% cái cốt cách của Tô Hoài thì, về nguyên tắc, ta vẫn không có quyền đánh đồng anh ta với tác giả của *Ba người khác*. Không riêng gì Lại Nguyên Ân, Phạm Xuân Nguyên cũng mắc sai lầm tương tự. Chẳng thế mà nhà phê bình văn học này lại hỏi thẳng Tô Hoài:

- Còn chuyện quan hệ với rễ chuối thì sao?

Thế mà nhà văn của chúng ta cũng xác nhận một cách thật thà và tự nhiên:

- Có khi có, có khi không. Có khi ôm ấp rễ chuối nhưng nó bảo nó "có tháng".

Hoá ra *Ba người khác* không phải là tiểu thuyết mà là tự truyện? Và Tô Hoài đã từng ăn cắp bánh đúc, từng làm tình với rễ chuối ở ngoài ruộng, v.v...? Câu hỏi này cần được các nhà phê bình hữu quan và chính tác giả giải đáp. Mong lắm thay! Nếu không thì *Chuyện ba người* - mà bây giờ là *Ba người khác* - sẽ còn là chuyện *mơ màng* (Đây là hai tiếng mà Tô Hoài sính dùng) dài dài. Tô Hoài đã "mơ màng" tự nhận trong cuộc toạ đàm:

- Tôi (...) bao giờ cũng viết bằng cái thực tế nhất định cộng với một chút mơ màng. *Ba người khác* cũng thế, tôi chỉ là anh Bối thôi. Anh Bối không biết gì nhưng anh Bối đi cải cách ba lần nên viết được.

Thế đấy, thưa ông Lê Xuân Thới (Quảng Ngãi)! Với *Ba người khác* và cuộc toạ đàm về tác phẩm này, ta mới biết rằng cái ranh giới giữa tự truyện và tiểu thuyết đôi khi làm cho người đọc phải "mơ màng". Chính cái sự "mơ màng" này là một trong những lý do quan trọng khiến chúng tôi không thể mê *Ba người khác* của Tô Hoài vì, cứ theo lời của các vị đó thì chúng tôi cũng khó lòng biết được nó có phải đích thực là tiểu thuyết hay không.

1220. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Tên nước "Nga" được phiên âm ra chữ Hán là "Nga La Tư". Tôi đoán "La Tư" là chữ* Russ, *vậy "Nga" là phiên âm từ chữ gì?*

Trả lời: Ông đã nêu một câu hỏi rất thích đáng và thú vị. Nhiều tác giả đã giải thích một cách rất tự tin rằng cả ba âm tiết *Nga La Tư* đều là những tiếng dùng để phiên âm địa danh *Russia* của tiếng Anh. Các vị đó chẳng cần quan tâm xem nếu quả đúng như thế thì tiếng (âm tiết) *"Nga"* tương ứng với âm hoặc âm tiết nào của *Russia.* Đó là còn chưa kể rằng khi ba tiếng *Nga La Tư* ra đời trong tiếng và chữ Hán để chỉ quốc gia mà tiếng Anh gọi là *Russ,* rồi về sau là *Russia,* thì người Trung Quốc thậm chí còn chưa tiếp xúc với tiếng Anh. Quả đúng như thế thật vì danh xưng *(Nga) La Tư* xuất hiện trong thư tịch của Trung Hoa

vào cuối đời Nguyên (1206 - 1368) đầu đời Minh (1368 - 1644), nghĩa là vào khoảng giữa thế kỷ XIV. Lúc bấy giờ, người Trung Hoa gọi nước Nga là *La Tư* 羅斯 hoặc *La Sát* 羅剎. Âm Bắc Kinh (Quan thoại) của *La Tư* là *luósī* còn của *La Sát* là *luóshà*, phản ánh gần đúng danh xưng *Ross (ia)* của tiếng Nga mà người Trung Quốc biết được nhờ tiếp xúc với các bộ lạc sinh sống ở phía Tây của nước mình. Đến đời Thanh thì nhà cầm quyền xem ra lại thích phiên âm tên của nước Nga từ tiếng Mông Cổ, mà nhiều từ ngữ cũng đã từng được biết đến từ đời Nguyên. Một đặc điểm quan trọng của tiếng Mông Cổ là nó không có từ nào bắt đầu bằng *l-* hoặc *r-*; nói một cách khác, hai phụ âm *l-* và *r-* không thể đứng đầu âm tiết đầu tiên của từ trong thứ tiếng này. Vì vậy nên người Mông Cổ không thể chấp nhận cách phát âm *"Rossia"* (có *r-* khởi đầu). Họ đã xử lý bằng cách lặp lại nguyên âm chính của *ros* là *"o"* làm âm tiết đầu tiên cho hình thức phiên âm. Do đó mà *Rossia* của tiếng Nga đã trở thành *Orossia* trong tiếng Mông Cổ.

Ban đầu *Orossia* được phiên âm sang tiếng Trung Quốc thành *Oát La Tư* 斡羅斯 (âm Bắc Kinh là *Wòluósī*) hoặc *Ngạc La Tư* 鄂羅斯 (âm Bắc Kinh là *Èluósī*). Về sau, khi biên soạn *Đại Thanh nhất thống chí*, người ta lại phiên *Orossia* thành *Nga La Tư* 俄羅斯 (âm Bắc Kinh là *Éluósī*), rồi hình thức này trở thành thông dụng cho đến tận ngày nay và *Nga La Tư* đã được nói tắt thành *"Nga"*.

Chữ *nga* 俄 không chỉ dùng để phiên âm "*o*" trong *Orussia*, mà còn dùng để phiên âm "*o*" trong nhiều địa danh hoặc nhân danh khác, chẳng hạn:

- *Obadiah* thành *Nga Ba Đế Á.*
- *Ohio* thành *Nga Hợi (Hãi) Nga.*
- *Oklahoma* thành *Nga Khắc Lạp Hà Mã.*
- *Ophir* thành *Nga Phỉ.*
- *Oregon* thành *Nga Lặc Cương.*
- *Ostrava* thành *Nga Tư Đặc Lạp Phát,* v.v...

1221. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Các rạp vừa chiếu bộ phim Hàn Quốc* "Sắc đẹp ngàn cân" *mà theo lời giới thiệu thì tên gốc là* "200 Pounds Beauty". *Xin cho biết tại sao 200 pounds lại thành ra tới "ngàn cân"?*

Trả lời: Có lẽ vì dịch giả của ngành điện ảnh và một số nhà báo cho rằng 200 pounds chỉ mới là 9 yến, nghĩa là 90 cân, tức kí-lô (một pound bằng khoảng 450 gam), chưa đầy một tạ (100 kí) nên một sắc đẹp như thế cũng chưa đáng gọi là đẹp chăng? Có lẽ vì thế nên họ mới dùng đến "ngàn cân", nghĩa là đến một "kí-lô kí-lô", để diễn tả nó chăng?

Thật ra, dù có diễn đạt thành "sắc đẹp ngàn cân", "sắc đẹp một tạ" hay "sắc đẹp hàng tấn", v.v... thì đó cũng đều là những lối nói vô nghĩa. Lý do: giữa *sắc đẹp* và "ngàn cân",

"một tạ", "hàng tấn", v.v... không hề có sự tương hợp ngữ nghĩa. Nói toạc ra, chẳng làm gì có sắc đẹp mà lại cân bằng kí-lô. "Sức mạnh ngàn cân" thì còn tạm được, mà cũng chỉ là *tạm được* chứ "sắc đẹp ngàn cân" thì chỉ là một lối nói vô duyên. Điều tai hại là ở chỗ các vị không ngờ rằng *beauty* không chỉ có nghĩa là sắc đẹp, mà còn có nghĩa là người đẹp, là mỹ nhân nữa. *200 Pounds Beauty* chẳng qua là "người đẹp (nặng) một tạ" (Chúng tôi làm tròn "9 yến" thành "một tạ" cho dễ nghe). Chẳng là ở trong phim, ta có hai người đẹp, một người thon thả mà hát tồi, hát dở còn người hát hay, hát giỏi thì lại nặng đến cỡ 200 pounds. Vì thế nên mỗi lần nàng thon thả ra trình diễn thì nàng "có da có thịt" đứng bên cánh gà để hát thay. Chuyện còn dài nhưng đại khái là như thế.

Cũng với cái nghĩa đã nói, ta còn có một tên phim khác có thể lấy làm thí dụ là *Beauty and the Beast*, mà tên tiếng Pháp là *La Belle et la Bête. Beauty, la Belle,* ở đây là Người đẹp, là Mỹ nhân, chứ không phải là "sắc đẹp"!

1222. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Trên mạng của báo* Quốc tế *điện tử,* www.mofa.gov.vn/quocte, *tác giả Nguyễn Năng Lượng (Hai Bà Trưng, Thái Bình) đã khẳng định rằng "Cáp Nhĩ Tân" là tên bằng tiếng Trung Quốc của* Cape Town *ở Nam Phi. Xin cho biết có đúng không?*

Trả lời: *Cáp Nhĩ Tân* 哈 爾 濱 là một địa danh ở Trung Quốc mà người Anh gọi là *Harbin*, còn *Cape Town* thì người Trung Quốc phiên âm thành *Khai Phổ Đôn* 開 普 敦 đọc theo âm Bắc Kinh là *Kàipǔdūn*.

1223. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Xin giới thiệu bài "Quan san nguyệt" của Lý Bạch và bản dịch thơ của thi sĩ Tản Đà.*

Trả lời: Sau đây là bài thơ và bản dịch mà ông yêu cầu, chép theo *Thơ Đường* do Tản Đà dịch, Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, Nhà xuất bản Trẻ và Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh, ấn hành năm 1989, trang 57 - 58:

Quan san nguyệt

Minh Nguyệt xuất Thiên San
Thương mang vân hải gian
Trường phong kỷ vạn lý,
Xuy độ Ngọc Môn quan.
Hán hạ Bạch Đăng đạo,
Hồ khuy Thanh Hải loan.
Do lai chinh chiến địa,
Bất kiến hữu nhân hoàn.
Thú khách vọng biên sắc,

Tư quy đa khổ nhan.
Cao lâu đương thử dạ,
Thán tức vị ưng nhàn.

Trăng quan san

Vừng trăng ra núi Thiên San,
Mênh mang nước bể mây ngàn sáng soi.
Gió đâu muôn dặm chạy dài,
Thổi đưa trăng sáng ra ngoài Ngọc Môn.
Bạch Đăng quân Hán đóng đồn,
Vụng kia Thanh Hải dòm luôn mắt Hồ.
Từ xưa bao kẻ chinh phu,
Đã ra đất chiến, về ru mấy người?
Buồn trông cảnh sắc bên trời,
Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà.
Lầu cao, đêm vắng, ai mà,
Đêm nay than thở ắt là chưa nguôi.

1224. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Cách đây khá lâu, ông có nói rằng* ren *trong* ren rua *bắt nguồn từ tiếng Bồ Đào Nha. Còn* ben *thì do thứ tiếng nào mà ra hay là thuần Việt? Chị em chúng tôi khi đi may áo, người thì đòi "nhấn ben", người thì không chịu "làm ben" (cứ để cho tự nhiên!) nhưng hầu như chẳng ai biết từ này do đâu mà ra.*

Trả lời: *Ben* là do tiếng Pháp *pince* mà ra.

Từ điển Pháp - Việt do Lê Khả Kế làm tổng biên tập và do Agence de Coopération Culturelle et Technique của Pháp ấn hành năm 1981 đã dịch danh từ này là:

"6. đường [khâu] chiết *(ở áo..., cho bớt rộng)*".

1225. Kiến thức ngày nay, số 607

Hỏi: *Có người giảng hai câu:*

Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh.
Nhượng tam bộ hải khoát thiên cao.

Là:

Nhịn một khắc gió lặng sóng yên
Nhường ba bước biển rộng trời cao.

Nhưng có người lại cho rằng câu thứ hai sai ở chữ "cao" (chữ cuối cùng). Vậy để cho chính xác, hai câu đó phải đọc là:

Nhẫn nhất thời phong bình lãng tĩnh
Nhượng tam bộ hải khoát thiên không.

Và phải hiểu là:

Nhìn một lúc gió lặng sóng yên
Nhường ba bước biển rộng trời quang.

Xin cho biết cách hiểu nào đúng?

Trả lời: Trong trường hợp này thì chữ *không* mới đúng (tuy tiếng Hán cũng có thành ngữ *hải khoát thiên cao*).

Nhưng ở đây ta không thể hiểu *phong bình lãng tĩnh* là "gió lặng sóng yên" và *hải khoát thiên không* là "biển rộng trời quang" vì đây chỉ mới là nghĩa đen của hai thành ngữ đang xét. Thực ra *phong bình lãng tĩnh* ở đây là bình yên vô sự còn *hải khoát thiên không* là phóng khoáng, không câu nệ. *Hán Đại thành ngữ đại từ điển* giảng thành ngữ trước là "bình an vô sự" còn thành ngữ sau là "hào phóng bất câu (nệ)".

1226. Kiến thức ngày nay, số 608

Hỏi: *Gần đây tôi có hỏi ông An Chi về xuất xứ của đôi câu đối:*

Chén tân khổ nhắp ngon mùi chánh khí
Ngọn quang minh hun mát tấm trung can.

và ông đã trả lời cho tôi ngắn gọn mà rành mạch trên Kiến thức ngày nay, *số 601. Nhưng mới đây, trên* Kiến thức ngày nay, *số 607, trong bài "Về một câu trả lời" (nhận xét về câu trả lời của ông), tác giả Tôn Nữ Trầm Hương đã khẳng định rằng đó không phải là hai câu đối mà là hai phần vế của câu thứ 9 trong bài "Văn tế Phò mã chưởng hậu quân Võ Tánh và Lễ bộ thượng thư Ngô Tòng Châu" của Đặng Đức Siêu. Xin thưa với ông An Chi và bà Tôn Nữ Trầm Hương rằng bài "Văn tế (...)" của Đặng Đức Siêu thì tôi có biết còn cái tôi không biết thì lại là xuất xứ của đôi câu đối đã nêu - Tôi nhấn mạnh là "đôi câu đối" - mà bà Tôn Nữ Trầm Hương*

không công nhận. Vậy xin vui lòng cho biết ý kiến của ông đối với ý kiến của bà Trầm Hương.

Trả lời: Có lẽ do bị bài "Văn tế" của Đặng Đức Siêu ám ảnh quá nặng nề nên tác giả Tôn Nữ Trầm Hương không thể "tưởng tượng" được rằng hai câu mà ông đã nêu để hỏi là một đôi câu đối hoàn chỉnh và đặc sắc do Phạm Quỳnh tận dụng lời lẽ trong bài "Văn tế (...)" của Đặng Đức Siêu để ghép thành mà không cần nhắc đến tên của tác giả gốc. Sở dĩ không nhắc tên của tác giả gốc là vì, cho đến lúc bấy giờ, "Văn tế Phò mã (...)" của Đặng Đức Siêu vẫn còn được quan niệm là một bài văn được nhiều người biết đến nên tất nhiên người ta sẽ biết rằng hai câu đó không phải là văn của Phạm Quỳnh. Nhưng cái công "tuyển trạch" thì chắc chắn thuộc về ông ta. Nếu không có Phạm Quỳnh đem chúng ra đặt cạnh nhau thì ta làm sao có được một đôi câu đối súc tích và ý nhị để nói về cái khí phách của Võ Tánh và Ngô Tòng Châu như:

Chén tân khổ nhắp ngon mùi chánh khí
Ngọn quang minh hun mát tấm trung can?

Đối với nhau chan chát ở từng chữ, từng ngữ, từng thành phần câu như thế mà bảo không phải câu đối thì rõ ràng là chẳng thực tế một chút nào! Nói rằng đây không phải là câu đối do Phạm Quỳnh làm thì nghe còn được; đến như nói rằng đây không phải là câu đối thì nghe khó lọt lỗ tai.

1227. Kiến thức ngày nay, số 608

Hỏi: *Tôi nghe nói có người đã tập Kiều để vịnh xe ô tô. Xin cho biết bài vịnh đó như thế nào?*

Trả lời: Có văn bản chỉ có hai câu:

Thênh thang đường cái thanh vân
Một xe trong cõi hồng trần như bay[1].

Lại có văn bản bốn câu:

Lạ gì một cốt một đồng
Khéo thay gặp gỡ cũng trong chuyến vần
Thênh thang đường cái thanh vân
Một xe trong cõi hồng trần như bay[2].

Có thể còn có văn bản khác nữa mà chúng tôi chưa biết đến; xin tạm chép như trên để ông và bạn đọc đọc cho vui.

1228. Kiến thức ngày nay, số 608

Hỏi: *Báo* Công an Thành phố Hồ Chí Minh *ngày 16-6-2007 có in hình một đàn thú với chú thích: "Ngoài trồng cây coca, dân Bolivia còn nuôi vicuna để lấy lông may áo". (tr. 16). Nhưng vì ảnh chụp từ phía trước của các con vật*

1. Theo Lê Trung Hoa - Hồ Lê, *Thú chơi chữ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 232 - 233.
2. Theo Phạm Đan Quế, *Tập Kiều một thú chơi tao nhã*, Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1999, tr. 230.

nên tôi không thấy rõ được thân mình của nó. Có vẻ như đó là một giống hươu không sừng? Vậy xin cho biết vicuna *là con gì?*

Trả lời: Vì không có dấu tilde (~) của chữ Tây Ban Nha nên người ta mới viết thành *vicuna;* còn cách viết chính xác là *vicuña.* Con vicuña *(Xin xem ảnh)* thuộc họ Lạc đà *(Camelidae)* và là loài nhỏ con nhất của họ này. Cổ dài, mõm nhỏ, đuôi ngắn, tai dài và nhọn, chân dài và thon. Đặc biệt, nó có lông thật mịn, chỉ thua có tơ mà thôi. Vậy con vicuña quý nhất là ở bộ lông của nó. Mới đây (8-6-2007) Tổng thống Evo Morales của Bolivia đã đến thăm Ulla Ulla, một ngôi làng nhỏ mà vừa xuất khẩu được 950kg len từ lông vicuña và ông đã rất vui thích.

1229. Kiến thức ngày nay, số 609

Hỏi: *Có phải tên của hoa* dạ lan hương *bắt nguồn từ tiếng Hán hay không? Tên của nó trong tiếng Anh và tiếng Pháp là gì? Tên khoa học của nó là gì? Có người nói là* Telosma cordata; *xin cho biết có đúng không?*

Trả lời: Tên khoa học của *dạ lan hương* là *Cestrum nocturnum.* Chúng tôi thấy ngoài Bắc gọi là *dạ lan hương* còn trong Nam gọi là *dạ lý hương.* Còn tên gọi tắt là *dạ hương.* Tên tiếng Pháp của nó là *galant de nuit, jasmin de nuit, lilas de nuit, reine de la nuit.* Tên tiếng Anh là *Night jessamine, night blooming jasmine, night blooming cestrum, lady of the night, queen of the night.* Tên tiếng Hán của nó là *dạ hương mộc* 夜香木 hoặc *dạ hương thụ* 夜香树. Cũng còn gọi là *dương tố hinh* 洋素馨.

Còn *Telosma cordata* lại là tên khoa học của hoa *thiên lý,* mà tên bằng tiếng Hán là *dạ lai hương* 夜來香.

Dạ hương là cây bụi còn *thiên lý* là cây leo.

1230. Kiến thức ngày nay, số 609

Hỏi: *Trên* Kiến thức ngày nay, *số 605, giới thiệu về Oscar Niemeyer, ông có nói rằng vị kiến trúc sư người Brazil này "đã nhận lời của Tổng thống Hugo Chavez (Venezuela) thực hiện đồ án cho một tượng đài cao 100m để tôn vinh và tưởng niệm Simon Bolivar, Nhà giải phóng của nhiều nước Mỹ La*

Tinh". Không biết có sự nhầm lẫn nào về con số hay không chứ tôi thấy 100m thì quá cao. Và nếu có thì tượng đài này sẽ đặt ở đâu? Mà cái ông "Ba Tây dị nhân" của ông xem ra cũng hay lý sự, nhất là về chính trị, có phải không, ông An Chi?

Trả lời: Ông ta đã trót sinh ra như thế thì ta còn biết làm thế nào! Chính trị phả cái hơi thở của nó vào cuộc sống hàng ngày của mọi người. Có khi nó thổi ào ào như một cơn gió mạnh mà kẻ tự nhốt mình trong tháp ngà thì không hay, không biết; có khi nó chỉ thổi nhè nhẹ như một làn gió mỏng mà người giàu lòng ưu ái với xã hội đã thấy băn khoăn. Oscar Niemeyer thuộc về *type* sau. Bởi vậy ta cũng chẳng nên lấy làm lạ là trong nhiều cuộc phỏng vấn "Ba Tây dị nhân", các nhà báo thường "quẹo" qua khía cạnh chính trị. Trong một cuộc đàm thoại do Jean Baudot (cùng với Nanda Eskes) thực hiện tại Rio de Janeiro, đăng trên *Le Nouvel Observateur* điện tử (số 2.217, thứ năm 3-5-2007), nhà báo Baudot đã hỏi Niemeyer:

- Ông tiếp tục làm việc như một người thanh niên. Và ông vẫn một mực bảo vệ cái giáo điều mác-xít và vẫn là môn đệ (disciple) của Castro và Chavez. Điều này có thực sự phải lẽ hay không?

Niemeyer:

- Tại sao bạn muốn tôi phải thay đổi. Thế giới luôn luôn bất công, người nghèo vẫn cứ nghèo và cuộc đấu tranh chống đói nghèo vẫn cứ phải được ưu tiên. Cuộc đấu tranh giai cấp hãy còn đó. Về mặt thẩm mỹ, người ta có thể

chiết trung, có thể đồng thời thích Matisse và Picasso, Le Corbusier và Mies van der Rohe. Về mặt chính trị thì không thể. Tôi bao giờ cũng tin tưởng rằng những nhà lãnh đạo như Chavez thì làm việc để đưa quần chúng ở châu Mỹ La Tinh thoát khỏi cảnh khốn cùng. Ông ấy vừa mới đến đây thăm tôi nhân cuộc họp vừa rồi của tổ chức Mercosur. Tôi đã gợi ý ông ấy về đề án cho một tượng đài để tôn vinh Simon Bolivar.

Trên *Kiến thức ngày nay*, số 605, chúng tôi đã nói đến chiều cao của tượng đài. Đó là một con số hoàn toàn chính xác. Cái nổi bật nhất trong đề án là một khối bê tông khổng lồ hình mũi tên, dài 170m, cao 100m. Tượng đài sẽ toạ lạc trên đỉnh núi Avila, ở phía Bắc thủ đô Caracas của Venezuela. Mũi tên sẽ chĩa về phía nước Mỹ.

1231. Kiến thức ngày nay, số 610

Trả lời ông Ngu Minh

Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã.

KHỔNG TỬ

Chúng tôi đã đọc bài *"Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như"* của ông Ngu Minh trên *Kiến thức ngày nay*, số 601. Xin trả lời để ông thấy chúng tôi đã tâm phục khẩu phục như thế nào. Bài của ông tựu trung có mấy điểm sau đây:

1. An Chi bất kính với Nguyễn Du.

2. Câu 942 của *Truyện Kiều* là một câu thơ đúng và rất hay nhưng vì nó nằm ngoài khả năng hiểu biết của An Chi nên tác giả này đã suy luận khập khiễng rồi phạm nhiều sai lầm.

3. Cũng vậy đối với câu 2168.

4. An Chi không hiểu được *ước lệ* là gì và

5. Cũng không biết được rằng *trượng phu* là người cao mười thước.

6. Nói theo tác giả Ngô Quốc Quýnh thì Từ Hải chính là Quang Trung và đây là một ý kiến đáng được bàn tới.

7. Cũng đáng được bàn tới là ý kiến của tác giả trên đây cho rằng *bốn câu ba vần* là thơ lục bát. Ẩn ý hẳn là "Kiều là ta, ta là Kiều".

Chúng tôi xin trả lời ông theo từng điểm như sau:

1. Ông Ngu Minh viết:

"Thật đáng buồn khi tiên sinh (An Chi - AC) nặng lời với đại thi hào Nguyễn Du một cách khiếm nhã (...) Lôi ngựa ký - *thiên lý mã - ngựa* kỳ - *tên ngựa - ra để châm biếm cá nhân một thiên tài đã khuất (...) thì thật thất kính đối với tiền nhân, coi thường độc giả: Ông bà sai, con cháu đem súc vật ra ví von bóng gió!".*

Ông Ngu Minh nói như thế chứ An Chi chỉ noi gương người xưa mà thôi, bắt đầu là Đức Thánh Khổng. Trong *Luận ngữ*, thiên "Hiến vấn", nói về năng lực và đạo đức của

người hiền tài, Ngài đã dạy: *"Ký bất xưng kỳ lực, xưng kỳ đức dã"* nghĩa là "Khen ngựa ký (người ta) không khen cái sức của nó, mà khen cái đức của nó vậy".

Dẫn lời của Đức Thánh Khổng là có ý dựa dẫm chứ chỉ cần mở từ điển ra thì đã có thể thấy rằng *ký* là tên của giống ngựa hay, ngựa giỏi, dùng để ví với nhân tài kiệt xuất. Vậy dùng tên của giống ngựa này để chỉ Nguyễn Du là để cao nhà thơ này một cách nghiêm túc chứ phải đâu là thất kính như ông Ngu Minh đã xuyên tạc.

Nhưng dù có là ngựa ký, ngựa kỳ thì, như đã nói trên đường thiên lý, e cũng có lúc "vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh". Sau đây là một dẫn chứng mà thực ra nhiều người cũng đã thấy. Đó là hai chữ *vu quy* trong câu 2843 *(Tuy rằng vui chữ vu quy)*. Câu này nằm trong đoạn thơ nói lên lòng nhớ nhung của Kim Trọng đối với Kiều sau khi sánh duyên cùng Thuý Vân. Hai chữ *vu quy* chỉ dùng để nói về việc người con gái về nhà chồng. Ta chẳng thấy trong các đám cưới, nhà gái đều kết hoa hay treo bảng hai chữ "Vu Quy" đó sao? Đàng trai mà trưng hai chữ đó lên trước cổng nhà thì có mà làm trò cười cho thiên hạ. Thế nhưng thi hào Nguyễn Du lại "tương" hai cái chữ ấy vào cuối câu 2843 để nói về Kim Trọng đấy. Chẳng khấp khểnh ư? Chẳng gập ghềnh à?

Vậy, thưa ông Ngu Minh, ta không được phép bất kính với tiền nhân nhưng ta cũng chẳng bao giờ nên… *ngu kính* với Kiều giáo chủ.

2. Phân tích dông dài về câu 942, ông Ngu Minh cốt chứng minh rằng An Chi không đủ khả năng để hiểu *vai* ở đây chỉ là "một vai" chứ không phải "đôi vai". Nhưng cách diễn đạt của ông lại đẩy ông vào tình thế "gậy ông đập lưng ông". Ông Ngu Minh đã viết: "*Vai* ở đây chỉ là biến thể của *đôi vai* trong ngôn ngữ hàng ngày khi không cần *xác định cụ thể* (...) *vai* thay thế cho *đôi vai* (...) *vai năm tấc rộng* có nghĩa *đôi vai rộng mười tấc*". Vì mải lo hùng biện nên ông không hề hay biết rằng mình đã diễn đạt ngược hẳn với ý mình muốn nói, nên hoàn toàn trùng với ý của... An Chi. Để dễ thấy vấn đề, xin trình bày lời khẳng định của ông bằng đẳng thức (trong đó dấu "bằng" (=) thay thế cho những từ "là biến thể" hoặc "thay thế" mà ông đã dùng): *Vai = Đôi vai.*

Vậy *Vai năm tấc rộng = Đôi vai năm tấc rộng.*

Quanh đi quẩn lại thì cũng chỉ có "năm tấc" mà thôi chứ với cái đẳng thức đã nêu, làm sao ông Ngu Minh có thể hoá phép cho *vai năm tấc rộng* có thể trở thành "đôi vai rộng mười tấc"? Thực ra, cái đẳng thức mà ông Ngu Minh chủ trương thì lại là: *Vai = Một vai.*

Có thế thì "đôi vai" mới "rộng mười tấc" được chứ. Nhưng Nguyễn Du có dốt tiếng Việt đâu mà xài *vai* ở đây với nghĩa "một vai"? Trừ những trường hợp được xác định cụ thể về số lượng *(một* hoặc *hai/đôi)* hoặc vị trí *(trái* hoặc *phải),* danh từ *vai* dùng để miêu tả vóc dáng hoặc sức lực của con người bao giờ cũng có nghĩa là "đôi vai": *sức dài*

vai rộng, vai u thịt bắp, vai ngang, vai xệ, v.v... *Vai năm tấc rộng* cũng không thể nằm ngoài cái lệ này. Đây là một qui tắc bất di bất dịch về mặt ngữ dụng của từ *vai*. Cái lý thuyết "một vai" của ông không thể đứng vững được vì trong ngữ học truyền kỳ thì chẳng có thứ "vô chiêu" nào thắng được "hữu chiêu" cả, thưa ông.

3. Nghĩ rằng chúng tôi không đủ khả năng để hiểu câu 2168, ông Ngu Minh đã phải phân tích dông dài rồi gút lại như sau:

"Tú bà mà khấn như... bà tú: *triêu triêu Hàn thực, dạ dạ Nguyên tiêu!* Câu này chỉ dành cho những người giàu sang phú quí, mong muốn ngày đêm đều là lễ hội. Tú bà hành nghề trong thanh lâu, sống *ngược* thiên hạ: *lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm*. Cuộc sống thường là: *Đêm đêm ăn sáng, ngày ngày ăn đêm*. Mong muốn ngày đêm đều là lễ hội thì phải khấn: *Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu*".

Ông Ngu Minh không ngờ rằng trong đoạn tiểu kết ngắn ngủi này mình lại phạm đến hai điều mâu thuẫn.

Một là ở trên, ông nói rằng những người giàu sang phú quí mong muốn ngày đêm đều là lễ hội chứ Tú bà thì không (vì mụ ta lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm). Nhưng ở dưới, ông lại nói Tú bà cũng "mong muốn ngày đêm đều là lễ hội (thì phải khấn: *Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu*)". Thế thì Tú bà cũng y chang như những người giàu sang phú quí kia chứ khác nhau ở chỗ nào?

Hai là ông nói rằng Tú bà lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm. Bất cứ ai biết tiếng Việt cũng hiểu "lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm" là ban đêm thì hoạt động còn ban ngày thì... nghỉ và ngủ. Nhưng đã nghỉ và ngủ vào ban ngày thì còn khấn "ngày ngày Nguyên tiêu" làm gì? Ngày ngày Nguyên tiêu thì bọn ăn chơi kéo đến rần rần; còn nghỉ, ngủ cái gì? Thế thì Tú bà "sống *ngược* thiên hạ" ở chỗ nào?

Ông Ngu Minh không hề hay biết rằng mình chỉ thốt ra những điều vô nghĩa. Lập luận của ông ở điểm 3 hoàn toàn không có giá trị.

4. Ông Ngu Minh đã tung hoả mù chung quanh hai tiếng *ước lệ* để chê chúng tôi dốt. Chuyện thực ra không có gì mà phải làm cho ầm ĩ. *Ước lệ* là một khái niệm mà học sinh chương trình Việt văn trung học đã được học qua.

5. Ông lại chê chúng tôi không hiểu *trượng phu* là "người cao mười thước" mà bản thân ông thì lại không hiểu rằng đây là một cái nghĩa rất "nhà quê". Nó cũng "nhà quê" như nói rằng cửa hàng bách hoá là cửa hàng bán một trăm thứ sản phẩm, trường bách khoa là trường dạy trăm môn, đường thiên lý là con đường dài đúng một ngàn dặm, chim bách thiệt là chim có một trăm cái lưỡi, v.v... Thực ra, cái ý "mười thước" trong hai chữ *trượng phu* của ông chỉ là cái người ta mượn để chỉ kẻ nam nhi đã trưởng thành. Vì thế cho nên, tuy đều "cao mười thước" cả nhưng có người là *đại trượng phu*, có kẻ lại là *tiểu trượng phu*, thậm chí có kẻ còn là *tiện trượng phu* nữa. Nếu ta cứ "căng" từ ngữ ra mà

hiểu theo kiểu Ngu Minh thì *tiểu trượng phu* sẽ là "người mười thước cỡ nhỏ" chăng? Nhưng đây cũng chưa phải là chuyện quan trọng nhất.

Quan trọng nhất là chuyện ông Ngu Minh đưa hai tiếng *trượng phu* ra trong trường hợp này để chê chúng tôi vì chính ông đã không phân biệt được hai lĩnh vực: *ngôn ngữ* và *lời nói*. Hai tiếng *trượng phu* thuộc về *từ vựng (ngôn ngữ)* còn *thân mười thước cao* thì thuộc về *lời nói* vì đã là một câu. Đáng lẽ phải tìm cứ liệu trong lời nói *(parole)* để chứng minh sự tồn tại của "người cao mười thước" thì ông Ngu Minh chỉ đưa ra được có hai tiếng *trượng phu*, một đơn vị của ngôn ngữ *(langue)*. Cứ theo cách này của ông Ngu Minh thì người ta còn chứng minh được rằng Việt Nam có cả bom hạt nhân, tàu vũ trụ, v.v... cũng không biết chừng vì tiếng Việt chẳng có những danh ngữ *tàu vũ trụ, bom hạt nhân*, v.v... thì là gì?

6. Ông Ngu Minh dẫn ý kiến của Ngô Quốc Quýnh cho rằng Từ Hải chính là Quang Trung và cho rằng đây là chuyện đáng bàn. Có lẽ ông thích có một tay hoàng đế từng ra vào lầu xanh và từng nghe lời đàn bà để cho sự nghiệp tan thành mây khói chứ chúng tôi thì không. Chúng tôi không dám bôi nhọ Hoàng đế Quang Trung.

7. Ông Ngu Minh lại dẫn ý kiến của Ngô Quốc Quýnh cho rằng *bốn câu ba vần* là thơ lục bát. Ông cho rằng đây cũng là chuyện đáng bàn. Phải, đáng bàn lắm chứ vì ông

Quýnh thì đếm nhầm còn ông Minh thì lại lăng-xê cái sự nhầm lẫn đó. Xin thưa với hai ông rằng bốn câu thì chỉ có hai vần mà thôi. Xin nêu bài lục bát bốn câu sau đây của Xuân Diệu để cho hai ông đếm:

*Tôi cầm mùi dạ lan **hương***
*Trong tay đi đến người **thương** cách **trùng***
*Dạ lan thơm nức lạ **lùng***
*Tưởng như đi mãi chưa **cùng** mùi hương.*

Rõ ràng là chỉ có hai vần: *ương* và *ung*. Muốn được ba vần thì phải có sáu câu, như bài "Vịnh cây thông" của Nguyễn Công Trứ:

*Ngồi buồn mà trách ông **xanh***
*Khi vui muốn khóc buồn **tênh** lại **cười***
*Kiếp sau xin chớ làm **người***
*Làm cây thông đứng giữa **trời** mà **reo***
*Giữa trời vách đá cheo **leo***
*Ai mà chịu rét thì **trèo** với thông.*

Ở đây ta mới có ba vần: anh/ênh, ươi/ơi và eo. Vậy *bốn câu ba vần* là bốn câu Đường luật đấy, thưa hai ông, chẳng hạn bài "Lương Châu từ" của Vương Hàn:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang **bôi***
*Dục ẩm tỳ bà mã thượng **thôi***
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiếu
*Cổ lai chinh chiến kỷ nhân **hồi**.*

Ông Ngu Minh sẽ hỏi: - Ba vần ở đâu?

Thưa ông: - Đó là ba chữ *bôi, thôi, hồi.*

Ông sẽ bẻ: - Thế thì chỉ có một vần *"ôi"* mà thôi.

Xin thưa với ông rằng đó là vì ông chưa quen với phép tu từ gọi là hoán dụ. Với hoán dụ, *vần* ở đây có nghĩa là chữ hoặc tiếng cùng vần với chữ hoặc tiếng khác trong những câu thơ có liên quan, mà trong bài "Lương Châu từ" thì đúng là *bôi, thôi,* và *hồi.* Ông có thể vặn thêm: - Sao không thấy cái nghĩa đó trong từ điển?

Thưa: - Đã là tu từ thì ít khi có sẵn trong từ điển.

Thế đấy, thưa ông Ngu Minh, đó mới chánh cống là *Kiều chiêu* đấy, thưa ông!

Trở lên, chúng tôi đã nêu ra những điểm sai cốt lõi của ông để ông thẩm định lại.

Hạ tuần tháng 6-2007

1232. Kiến thức ngày nay, số 611

Hỏi: *Trong một lần trà dư tửu hậu, một ông bạn của tôi có nhận xét rằng bài "Trong đầm" (nói về bông sen) là một bài ca dao thật đẹp, cả nội dung lẫn hình thức; đặc biệt là về mặt ngôn ngữ, nó chỉ gồm toàn những từ thuần Việt. Ông bạn còn nói rõ đó không phải là những từ Việt gốc Hán. Xin cho biết có đúng như thế không. Và thế nào là "từ thuần Việt"?*

Trả lời: Trước nhất, xin chép lại bài ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Trong 28 tiếng (âm tiết) của nó, ta đếm được 21 từ (vì có 7 từ được dùng 2 lần): *bằng, bông* (2), *bùn* (2), *chẳng, chen, đầm, đẹp, gần, gì, hôi, lá* (2), *lại, mà, mùi, nhị* (2), *sen, tanh, trắng* (2), *trong, vàng* (2), *xanh* (2). Trong 21 từ này, chúng tôi đếm được ít nhất là 13 từ gốc Hán sau đây:

1. *Bằng* là âm Hán Việt Việt hoá của chữ 平, mà âm Hán Việt hiện đại là *bình* (như trong *hoà bình, bình đẳng,* v.v...). "Hán Việt Việt hoá" là cách gọi bắt đầu với Vương Lực (1948) mà chúng tôi tạm thời gọi theo. Chứng cứ cho âm đã nói của chữ đang xét là:

- *bình an* cũng nói thành *bằng an.*

- *bằng* trong *đồng bằng* chính là âm Hán Việt Việt hoá của *bình* trong *bình nguyên.*

- *bình chân như vại* cũng nói thành *bằng chân như vại;* v.v...

2. *Bông,* mà một số tác giả cho là bắt nguồn từ tiếng Mã Lai *bunga* (đọc là "bu-nga"). Đây là một ý kiến hoàn toàn không có cơ sở mà chúng tôi đã phản bác trên *Kiến thức*

ngày nay, số 276, ngày 1-4-1998. Ở đây chỉ xin nhắc lại và nói rõ thêm về gốc Hán của từ này. *Bông* bắt nguồn ở một từ Hán ghi bằng chữ 葑, mà âm Hán Việt hiện đại là *phong*, có nghĩa là mầm, chồi, nụ. Đây là cái nghĩa mà *Dictionnaire classique de la langue chinoise* của F.S.Couvreur giảng là "germe, bourgeon". Về mặt ngữ nghĩa thì mối quan hệ giữa *bông* và *phong* đã quá rõ ràng. Còn về ngữ âm, trước nhất là về vần thì mối tương ứng *ông ~ ong* thực chất là biểu hiện của mối kỳ duyên giữa ba nguyên âm *-u-*, *-ô-*, *-o-* trong lĩnh vực Hán Việt (mà chúng tôi mạn phép cho qua). Chỉ xin nhấn mạnh rằng, nếu kể cả vần, thì *bông ~ phong* 葑 cũng y hệt như *rồng ~ long* 龍, là một mối tương ứng hiển nhiên đã được công nhận hoặc mặc nhận từ lâu. Về tương ứng phụ âm đầu *b- ~ ph-*, ta cũng có hàng loạt dẫn chứng, mà Vương Lực đã nêu lên một số trong luận văn "Hán Việt ngữ nghiên cứu" (*Hán ngữ sử luận văn tập*, Khoa học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1958, tr. 361 - 363). Ở đây, xin nêu thêm một số dẫn chứng khác:

- *bổ* (trong *ngả bổ chửng*) ~ *phó* 仆 (ngã).

- *bụ* (trong *bụ bẫm*) ~ *phụ* 阜 (to, béo).

- *bù* (trong *bù đắp*) ~ *phụ* 附 (thêm vào).

- *bua* (trong *bua việc, bua quan*) ~ *phu* 夫 (trong *phu dịch*).

- *bụng* (trong *bụng dạ*) ~ *phụng* 髈 (ngực); v.v...

Với những dẫn chứng về ngữ âm và ngữ nghĩa trên đây, ta thấy rằng *bông ~ phong* 葑 là chuyện hoàn toàn bình thường.

3. *Đầm* là âm Hán Việt Việt hoá của *đàm* 潭, có nghĩa là… đầm, ao.

4. *Đẹp* là một từ bắt nguồn ở từ Hán ghi bằng chữ 倢, mà âm Hán Việt là *diệp,* có nghĩa là… đẹp. Về vần thì *đẹp ~ diệp* cũng như *hẹp* (trong *eo hẹp*) *~ hiệp* 狭, có nghĩa là chật hẹp; đặc biệt, cũng y hệt như *dẹp* (trong *dẹp lép*) *~ diệp* 菄, mà *Thuyết văn giải tự* giảng là "bạc dã", nghĩa là "mỏng vậy". Còn về phụ âm đầu thì chữ *diệp* 菄, thanh phù của chữ *diệp* 倢 đang xét, cũng còn dùng để hài thanh cho rất nhiều chữ *điệp* khác nhau: 喋, 堞, 惵, 楪, v.v… Vậy *đẹp ~ diệp* 倢 là chuyện hoàn toàn bình thường.

5. *Gần* là âm xưa (hoặc âm Hán Việt Việt hoá) của chữ *cận* 近, có nghĩa là… gần. Về phụ âm đầu *(g- ~ c- (k-))* thì ta có hàng loạt thí dụ:

- *gác ~ các* 閣 (= lầu).

- *gan* (trong *tim gan*) *~ can* 肝.

- *gắng* (trong *cố gắng*) *~ cắng* 亙, là hết, suốt (*gắng sức* là "làm cho hết sức của mình").

- *gấm* (trong *gấm vóc*) *~ cẩm* 锦 (= gấm).

- *gân* (trong *gân cốt*) *~ cân* 筋 (= gân); v.v…

6. *Hôi* là bình thanh của *hối* 餯, cũng đọc *huế*, có nghĩa là hư, thiu, cơm thiu.

7. *Mùi* là âm xưa của *vị* 味, có nghĩa là… mùi. Về phụ âm đầu thì *mùi* ~ *vị* 味 cũng giống như:

- *màng* (trong *màng lưới*)/*mạng* (trong *mạng nhện*) ~ *võng* 網 (= lưới).

- *mong* (trong *mong muốn*) ~ *vọng* 望 (= mong).

- *muộn* (trong *muộn màng*) ~ *vãn* 晚 (= muộn).

Nhưng, dẫn chứng tiêu biểu nhất là chính chi thứ tám trong thập nhị địa chi, mà âm nay là *vị*, chữ viết là 未, thì âm xưa cũng là *mùi*.

Còn về vần *(-ui ~ -i)* chỉ xin nêu một thí dụ điển hình: chữ *phi* 非 là thanh phù của chữ *bùi* 裴 (họ *Bùi*); điều này đủ để xác nhận mối tương ứng *-ui ~ -i*.

8. *Nhị* là biến thể ngữ âm của *nhụy*, một từ Hán Việt chánh tông mà Hán tự là 蕊.

9. *Sen* là một từ gốc Hán, bắt nguồn ở từ ghi bằng chữ 蓮, mà âm Hán Việt hiện đại là *liên*, có nghĩa là… sen.

Về vần thì mối quan hệ *-en ~ -iên* không khó chứng minh. Còn về phụ âm đầu thì *sen ~ liên* cũng giống như:

- *sáp* (trong *sáp ong*) ~ *lạp* 蠟 (= sáp).

- *sức* (trong *sức mạnh*) ~ *lực* 力 (= sức); v.v…

Mối quan hệ này cũng đã được Nguyễn Tài Cẩn đề cập đến trong *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt* (Nxb. Giáo dục, 1995, tr. 108 - 114).

10. *Tanh* là một từ bắt nguồn ở từ Hán ghi bằng chữ 腥 mà âm Hán Việt hiện đại là *tinh*, như một số người vẫn đọc, và có nghĩa là... tanh, hôi. Nhưng *tanh* mới là âm chính thống của nó vì đây lại là một chữ thuộc vận bộ *thanh* 青.

11. *Trong* rõ ràng là một biến thể ngữ âm của *trung* 中, dĩ nhiên có nghĩa là... trong. Về mối tương ứng *-ong ~ -ung*, ta có nhiều thí dụ: *(hình) dung ~ (hình) dong, thong dong ~ thung dung; (tuỳ) tòng ~ (tuỳ) tùng, tòng (bách) ~ tùng (bách);* v.v...

12. *Vàng* là âm xưa (có người xem là âm Hán Việt Việt hoá) của *hoàng* 黃, có nghĩa là... vàng. Về mối tương ứng phụ âm đầu *v- ~ h (w)*, ta có hàng loạt dẫn chứng:

- *và* (liên từ) ~ *hoà* 和.

- *vạ* (trong *tai vạ*) ~ *hoạ* 禍.

- *vạch* (trong *vẽ vạch*) ~ *hoạch* 劃 (= vạch); v.v...

13. *Xanh* là âm Hán Việt Việt hoá của *thanh* 青, có nghĩa là xanh.

Thế là trong 21 từ của bài ca dao đang xét, có đến hơn một nửa (13) là những từ Việt gốc Hán, như chúng tôi đã nêu và chứng minh. Đến như "từ thuần Việt" thì đây là một khái niệm rất mông lung mà một số nhà ngữ học thừa thãi tinh thần dân tộc đã đặt ra.

Đây thực ra chỉ là một cách gọi danh không chính, ngôn không thuận mà chúng tôi cũng đã có lần phê phán trên *Chuyện Đông chuyện Tây*: phàm những từ mà người ta mù tịt về từ nguyên thì đều là "từ thuần Việt". Thực ra, trong ý thức của những người chưa hề biết đến một từ nào của tiếng nước ngoài thì những từ như: *bơ, kem* (cả *kem* để ăn lẫn *kem* để (thoa), *ga* (cả *ga* để đốt lẫn *ga* tàu hoả), v.v..., đều là "thuần Việt". Vậy ta có nên đặt ra cái khái niệm "từ thuần Việt" cho rắc rối hay không?

1233. Kiến thức ngày nay, số 612

Hỏi: *Xin cho biết* vóc *trong* Ăn vóc học hay *nghĩa là gì. Và nghĩa của cả câu là gì?*

Trả lời: Về từ *vóc* và nghĩa của cả câu *Ăn vóc học hay,* chúng tôi đã trả lời trên *Kiến thức ngày nay,* số 194, ngày 10-12-1995. Trên số đó, chúng tôi đã nhận xét và phân tích khá kỹ ý kiến của Phan Ngọc trước khi đưa ra cách giải thích riêng của mình. Vì số 194 phát hành cách đây ngót 8 năm, e khó tìm nên chúng tôi xin nhắc lại ý kiến của mình để ông và bạn đọc tham khảo (còn phần nhận xét về ý kiến của Phan Ngọc thì xin ông và bạn đọc vui lòng tìm đọc ở số *Kiến thức ngày nay* đã nói, nếu cần). Chúng tôi đã viết như sau:

"Chúng tôi cho rằng *vóc* là tính từ và đây là một từ Việt gốc Hán bắt nguồn ở một nguyên từ ghi bằng chữ 郁 mà

âm Hán Việt thông dụng hiện đại là *úc* nhưng âm chính thống lại là *vúc* vì thiết âm của nó là *"vu cúc thiết". Úc (vúc)* là thơm, ngon; *úc (vúc) liệt* là thơm nức (xem thêm các từ ghép *uất úc, úc phức, phân úc,* v.v... trong từ điển); vậy *vóc* có nghĩa là thơm, ngon. Còn về mặt tương ứng âm vị thì *úc (vúc)* ~ *vóc* là hoàn toàn bình thường vì *uc* ~ *oc* còn được tìm thấy qua nhiều cặp khác nữa, chẳng hạn: - (uẩn) *khúc* ~ (hiểm) *hóc;* (Nhân) *Mục* (địa danh) ~ (làng) *Mọc;* (cực) *nhục* ~ (cực) *nhọc; túc* 粟 (hạt lúa) ~ *thóc* (gạo); *trục* 蹴 (không dứt đi được) ~ (trần) *trọc,* v.v...

Tóm lại, *vóc* có nghĩa là thơm, ngon và *"ăn vóc học hay"* chỉ đơn giản có nghĩa là ăn ngon học giỏi. Cấu trúc cú pháp của thành ngữ này giống hệt của các thành ngữ: *ăn ngon mặc đẹp, ăn ngon ngủ yên, ăn không ngồi rồi, ăn gian nói dối, ăn thật làm dối,* v.v... Nghĩa là nó gồm hai từ tổ động từ sóng đôi mà mỗi từ tổ gồm một động từ và một tính từ làm trạng ngữ cho nó".

Ý kiến của chúng tôi là như thế. Nhưng mới đây, trao đổi riêng trong một cuộc gặp mặt, một cán bộ giảng dạy ngữ văn kiêm tác giả sách ngữ pháp đã bác bỏ ý kiến đó. Vị này cho rằng trong câu thành ngữ đang xét - mà vị ấy cho là tục ngữ - thì cả *vóc* lẫn *hay* đều là danh từ. *Vóc* là thân hình, ở đây là thân hình khỏe mạnh, còn *hay* là cái hay, điều hay. Cả câu có nghĩa là ăn thì được thân hình khỏe mạnh, học thì được cái hay, cái bổ ích. Tuy không trả lời trực diện nhưng ngay lúc đó, chúng tôi đã thấy rằng đây là

một cách giải thích thực sự không ổn. Nhân câu hỏi của ông, nay chúng tôi xin phân tích như sau:

Một là về nội dung thì đó là một cách hiểu không phù hợp với lẽ thường. Tục ngữ phải đúng với thực tế nếu nó nói về chuyện đời (xã hội) hoặc chuyện trời (thiên nhiên) và phải hợp lý nếu nó đưa ra những lời khuyên. Nếu là một câu tục ngữ có nội dung như vị kia đã nêu thì vế đầu của câu *ăn vóc học hay* lại không đúng với thực tế. "Người ta ăn để sống (chứ không sống để ăn)" là một câu nói đúng chứ "ăn thì được thân hình khỏe mạnh" là một lối suy diễn sai. Nguyễn Du có lý hơn nhiều khi tả Tú bà:

Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao!

Vâng, vấn đề là phải "ăn gì" và cả "ăn như thế nào" nữa thì mới có thể có được một thân hình khỏe mạnh. Ăn như gia đình chị Dậu của Ngô Tất Tố thì e là khó có được thân hình như thế. Ăn toàn cơm độn với những ngô những khoai thì chỉ đủ sức đi cày thuê cấy mướn cũng đã là tốt lắm rồi! Câu thành ngữ đang xét này đã ra đời cách chúng ta cũng nhiều trăm năm. Lúc đó nước ta chủ yếu chỉ là Đàng Ngoài, là nơi đất (trồng trọt) hẹp người đông. Cho đến giữa thế kỷ XX, ai có đi "ba cùng" với nông dân ở miền Bắc cũng có thể biết được người ta đã sống khổ cực như thế nào. Vậy thì trước kia, làm sao dân gian lại có thể tếu táo mà nói rằng "ăn thì được thân hình khỏe mạnh"? Nhưng cứ cho là dân chúng lúc bấy giờ cũng xơi toàn cao lương mỹ vị như các nhà cao sang quyền quý thì ta cũng tuyệt nhiên

không thể nói rằng "ăn thì được thân hình khỏe mạnh" vì vấn đề không phải ở chỗ "ăn", mà là "ăn gì" và "ăn như thế nào". "Ăn" chẳng đã góp phần tạo ra bệnh béo phì đó sao? Đó là điểm bất ổn thứ nhất.

Điểm bất ổn thứ hai là việc gán từ loại danh từ cho từ *hay*. Đây thực ra trước sau vẫn cứ là một tính từ và, với tính cách là một tính từ, nó cũng sẽ không bao giờ có thể trở thành danh từ được cả. Nó chỉ có thể đi chung với danh từ đơn vị *cái* và đứng sau danh từ này để tạo thành ngữ danh từ *cái hay* mà *cái* là trung tâm còn nó thì làm định ngữ cho *cái*. Cũng vậy, với những tính từ cùng một phạm trù ngữ nghĩa với nó: *cái tốt, cái đúng, cái xấu, cái dở, cái sai,* v.v... Từ xưa, dân gian cũng đã nắm vững quy tắc này rồi. Vì vậy nên họ mới tạo ra danh ngữ *cái đẹp* trong câu *Cái nết đánh chết cái đẹp*. Trong danh ngữ này, *đẹp* vẫn cứ là tính từ, chỉ có *cái* mới là danh từ đứng làm trung tâm của danh ngữ *cái đẹp* mà thôi. Tóm lại, nếu "đi một mình" thì *hay* tuyệt đối không thể "chuyển đổi từ loại" thành danh từ. Đó là điểm bất ổn thứ hai.

Điểm bất ổn thứ ba là *vóc* và *hay* dứt khoát không thể đơn độc làm thành phần Thuyết trong các cấu trúc Đề - Thuyết *ăn vóc* và *học hay*, nếu đó là những danh từ (?). Nếu muốn diễn đạt cái ý "ăn thì được thân hình khỏe mạnh", không ai lại nói *ăn vóc*, cũng như nếu muốn diễn đạt cái ý "học thì được cái hay", không ai lại nói *học hay*, cho dù đó có là người xưa đi nữa, và cho dù đó có là thành ngữ, tục ngữ hay là bất

cứ thứ... ngữ gì đi nữa, vì đó dứt khoát không phải là tiếng Việt. Danh từ không thể đơn độc làm phần Thuyết trong cấu trúc Đề - Thuyết của tiếng Việt, trừ những trường hợp hoàn toàn ít ỏi làm thành lệ ngoại, chẳng hạn *khẩu Phật, tâm xà* trong đó *Phật* và *xà* là những phần Thuyết dùng để *xác định* hoặc *mô tả bản chất* của phần Đề. Ta không thể chấp nhận hiện tượng danh từ đơn độc làm phần Thuyết một cách vô nguyên tắc. Nếu *vóc* và *hay* có là danh từ, và nếu cần sử dụng hai danh từ (?) này để diễn đạt hai cái ý mà vị kia đã nêu thì ngay từ xưa dân gian đã phải nói:

Ăn (thì) được vóc, học (thì) được hay

chứ không phải *ăn vóc, học hay* một cách cộc lốc. Đó là điểm bất ổn thứ ba.

Lại có ý kiến cho rằng ở đây *vóc* là danh từ chuyển loại thành tính từ và tính từ này có nghĩa là khỏe mạnh, to lớn. Vậy *ăn vóc* có nghĩa là ăn thì sẽ được to lớn, khỏe mạnh. Nhưng một là ta chưa có tiền lệ nào về hiện tượng danh từ *vóc* trở thành tính từ và hai là, như đã nói, vấn đề không chỉ là "ăn", mà là "ăn gì" và "ăn như thế nào". Cũng thời là ăn nhưng ăn như gia đình chị Dậu thì e là sẽ dễ gầy yếu còn ăn như nhiều người khoái ăn ở các nước phát triển thì tránh sao cho khỏi béo phì! Vấn đề rõ ràng không phải chỉ là "ăn" và ta cũng không nên nghĩ rằng dân gian ngày xưa không phân biệt được vị từ *ăn* với ngữ vị từ *ăn gì*. Vậy có lẽ ta cũng không nhất thiết phải xem *ăn vóc* và *học hay* là những cấu trúc Đề - Thuyết, không nhất thiết phải xem *ăn*

vóc học hay là một câu tục ngữ. Lý do: thành ngữ vẫn có thể có hình thức giống với tục ngữ đồng thời vẫn có thể có những cấu trúc mà nếu xem là tục ngữ thì đúng nhưng nếu xem là thành ngữ thì có khi cũng chẳng sai. Đây cũng chính là ý kiến của Cao Xuân Hạo trong *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng* (Nxb. Giáo dục, 2004, tr. 229, thí dụ 128).

Trở lại với ý kiến riêng, chúng tôi xin nhắc lại rằng *vóc* là âm xưa của chữ 郁, nay đọc *úc*, có nghĩa là thơm, ngon, đẹp, tốt... Vậy *ăn vóc* có nghĩa là ăn ngon và thành ngữ *ăn vóc học hay* có nghĩa là ăn ngon, học giỏi. Cấu trúc của nó cũng giống hệt cấu trúc của *ăn ngon mặc đẹp, ăn ngon ngủ yên, ăn thật làm dối,* v.v... Một cách hiểu như thế thật sự không có gì bất thường. Có thể sẽ có ý kiến cho rằng ta chưa có tiền lệ nào trong đó *vóc* lại có ý nghĩa là thơm, ngon, đẹp, tốt. Nhưng ta cũng đã bao giờ có tiền lệ về trường hợp danh từ *vóc* trở thành tính từ? Vả lại, nếu cứ nói như thế thì ta còn biết ứng dụng kết quả của từ nguyên học vào đâu?

1234. Kiến thức ngày nay, số 612

Hỏi: *Xin cho biết nguyên văn chữ Hán, phần phiên âm Hán Việt bài "Thu tịch lữ hoài" của Lý Bạch và bản dịch của Tản Đà.*

Trả lời: Dưới đây là các phần của bài thơ mà ông hỏi, chép từ *Thơ Đường*, Tản Đà dịch, Nguyễn Quảng Tuân biên soạn (Nxb. Văn học, 2003, tr. 50 - 52).

秋夕旅懷

涼風度秋海
吹我鄉思飛
連山去無際
流水何時歸
目極浮雲色
心斷明月暉
芳草歇柔豔
白露催寒衣
夢長銀漢落
覺罷天星稀
含悲想舊國
泣下誰能揮

Thu tịch lữ hoài

Lương phong độ thu hải
Xuy ngã hương tứ phi.
Liên sơn khứ vô tế,
Lưu thuỷ hà thời qui

Mục cực phù vân sắc,
Tâm đoạn minh nguyệt huy.
Phương thảo yết nhu diệm,
Bạch lộ thôi hàn y.
Mộng trường Ngân hán lạc,
Giác bãi thiên tinh hy.
Hàm bi tưởng cựu quốc,
Khấp hạ thuỳ năng huy.

Tối mùa thu nhớ nhà

Lạnh lùng gió vượt bể thu,
Hồn quê theo gió như vù vù bay.
Chạy dài dãy núi liền mây,
Nước trôi trôi mãi, có ngày về chăng?
Đám mây vút mắt xa chừng,
Đứt tươm khúc ruột dưới vừng trăng soi.
Từ xưa bao kẻ chinh phu,
Đã ra đất chiến, về ru mấy người?
Buồn trông cảnh sắc bên trời,
Giục lòng khách thú nhớ nơi quê nhà.
Lầu cao, đêm vắng, ai mà,
Đêm nay than thở ắt là chưa nguôi.

***Tản Đà** dịch*

1235. Kiến thức ngày nay, số 615

Hỏi: *Tại bài "Italy: Phát hiện âm mưu tuồn vũ khí vào Iraq" của một tờ báo ra ngày 14-8-2007, tôi thấy có một bức ảnh với lời chú thích như sau:*

"Mua bán vũ khí dễ như mua rau ở Baghdad".

Xin ông An Chi cho nhận xét về lời chú thích này.

Trả lời: Nếu phân tích theo cấu trúc Đề - Thuyết thì phần Đề của câu trên đây là *"mua bán vũ khí"* còn phần Thuyết của nó là *"dễ như mua rau ở Baghdad"*. Với cấu trúc này thì việc mua bán vũ khí không bị giới hạn về không gian còn việc mua rau thì bị giới hạn ở Baghdad. Vậy, với lời chú thích trên đây thì Baghdad có một đặc điểm nổi tiếng là tại đó người ta mua rau rất dễ dàng còn việc mua bán vũ khí thì mặc nhiên được hiểu là có thể tiến hành ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Nhưng điều này dĩ nhiên là không đúng với cái ý mà tác giả bài báo muốn diễn đạt. Cái ý mà tác giả này muốn diễn đạt là:

"Ở Baghdad, mua bán vũ khí dễ như mua rau".

Với câu này thì *"ở Baghdad"* mới là trạng ngữ chỉ nơi chốn của *"mua bán* (vũ khí)" còn với câu của tác giả kia thì đó lại là trạng ngữ chỉ nơi chốn của *"mua* (rau)".

Rõ ràng lời chú thích mà ông đã nêu là một cấu trúc cú pháp không chặt chẽ và rành mạch. Chẳng riêng gì trong làng văn làng báo ở ta mới có chuyện này mà ở Tây vẫn

có, nhất là trong hoàn cảnh thông tin bùng nổ và báo điện tử đua nhau cập nhật cập thời ồ ạt. Mới đây thôi, trên *La Tribune.fr* ngày 19-8-2007, mục "Economie/International", ta có thể đọc thấy một hàng tít như sau:

"Après 2000 jours de captivité, le monde reste sans nouvelle d'Ingrid Bétancourt".

(Sau 2000 ngày bị giam giữ, thế giới vẫn không có tin tức gì của Ingrid Bétancourt).

Ingrid Bétancourt là một phụ nữ mang hai dòng máu Pháp và Colombia - là ứng cử viên tổng thống Colombia hồi 2002 - đã bị tổ chức FARC (Lực lượng vũ trang cách mạng Colombia) bắt cóc ngày 23-2-2002 trong khi đi vận động tranh cử. Mới đây Tổng thống Hugo Chavez (Venezuela) đã bày tỏ ý định đứng làm trung gian trong việc thương lượng với FARC để tổ chức này trả tự do cho các con tin. Trong động thái đó, một đoàn thân nhân của các con tin đã đến Caracas và được Tổng thống Chavez tiếp kiến tại Dinh Miraflores ngày 20-8-2007.

Trong số đó, có mẹ của Ingrid Bétancourt là bà Yolanda Pulecio. Chúng tôi có ý nói thêm một chút như thế về thời sự để nhấn mạnh rằng người bị bắt làm con tin và bị giam giữ chính là Ingrid Bétancourt chứ không phải là ai khác. Vì vậy nên *"Après 2000 jours de captivité, le monde reste sans nouvelle d'Ingrid Bétancourt"* là một câu rất vô duyên. Với cấu trúc đang thấy của nó thì ở trong cảnh huống *"captivité"* (cảnh bị giam giữ) là *"le monde"*, nghĩa là "thế giới", chứ

không phải Ingrid Bétancourt. Đây hiển nhiên là chuyện trái khoáy. Vậy, nếu muốn cho thế giới thoát khỏi cảnh bị giam giữ thì ta phải thêm cho danh từ *captivité* một định ngữ (complément déterminatif) mà nói rõ ra là *"la captivité d' Ingrid Bétancourt"* (tình trạng bị giam giữ của Ingrid Bétancourt). Và cả câu phải đổi thành:

"2000 jours après la captivité d'Ingrid Bétancourt, le monde reste sans nouvelle d'elle".

Nghĩa là:

"2000 ngày sau khi Ingrid Bétancourt bị bắt giữ, thế giới vẫn không có tin gì về cô".

Trong quá trình lên mạng, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn bắt gặp những cấu trúc không chặt chẽ và không rành mạch như thế. Vậy đây không phải là chuyện chỉ có ở ta; chỉ tiếc rằng ở ta thì... nhiều hơn!

1236. Kiến thức ngày nay, số 615

Hỏi: *Marc Vivien Foé, trung vệ của Tuyển quốc gia Cameroon đã đột quỵ trong trận bán kết với Tuyển Colombia hồi Cúp các Liên đoàn (Confederations Cup) năm 2003 tại Pháp, trên sân Gerland (Lyon). Rồi 30 phút sau, cầu thủ này tắt thở. Có nhiều giả thuyết về bệnh lý, trong đó có bệnh tim, bệnh tiêu chảy, bệnh dạ dày, v.v... Nhưng kết luận chính thức là không có chứng bệnh nào đã giết chết Foé theo kiểu đó cả và vụ việc hình như đã chìm xuống. Nhưng nghe nói mới đây*

ông Evo Morales, tổng thống Bolivia đã có lời tuyên bố như thế nào đó về cái chết của Foé, không biết có đúng không? Vậy tại sao Foé chết? Xin hỏi thêm: Có phải cầu thủ này có một cô vợ xinh đẹp người Tiệp Khắc và là người mẫu hay không?

Trả lời: Chúng tôi đã tìm hiểu thì thấy đúng như ông nói, không có căn bệnh nào giết chết Marc Vivien Foé cả. Trong trận bán kết với Colombia, ở phút 60 huấn luyện viên của Cameroon là Schafer đã nhận thấy Marco (tên thân mật của M.V. Foé) có dấu hiệu uể oải và định thay anh nhưng Marco lại muốn cống hiến tất cả sức lực của mình cho đội tuyển. Nhưng đến phút 73 thì Marco ngã quỵ xuống mặt cỏ, mắt trợn tròng. Một cầu thủ Colombia vội vàng chạy đến, rồi sau đó mấy cầu thủ Colombia hoảng hốt ra hiệu về phía khán đài. Marco được cáng ra khỏi sân. Sau 30 phút thực hiện phương pháp hồi sức, Foé đã tắt thở.

Từ đó đến nay, bốn năm đã trôi qua. Tháng 6 vừa qua, trùng với dịp giỗ lần thứ tư của Foé, Tổng thống Evo Morales của Bolivia đã thẳng thắn và dũng cảm quy trách nhiệm cho FIFA về cái chết của Marc Vivien Foé. Sau đây là lời lược thuật của Celestin Ngoa Balla từ New York, trên *allAfrica.com*, đưa lên mạng ngày 6-8-2007, ngắn gọn và rành mạch:

"Với ông (Evo Morales - AC) thì trách nhiệm về thảm kịch đó phải được quy về cho FIFA, tổ chức đã có cái ý tưởng tệ hại là bày đặt ra Cúp các Liên đoàn và đưa nó lên lịch vào một giai đoạn nguy hiểm cho sức khỏe của cầu thủ, mà cũng không đếm xỉa gì đến sự thất thường của thời tiết".

Vợ của Marco, Marie-Louise Foé, không phải là người mẫu, cũng không phải dân Tiệp, nhưng dễ thương và đã sống với anh rất hạnh phúc. Họ có ba con.

Còn cầu thủ có vợ người Tiệp - chính xác là người Slovakia - thì lại là Christian Karembeu. Vợ của Karembeu là người mẫu Adriana Sklenarikova, có đôi chân dài 1,21m, nay lấy họ chồng thành Adriana Karembeu. Họ cũng sống với nhau rất hạnh phúc. Nàng nói: "Thời thơ ấu, tôi đã phải đau khổ vì không được yêu thương nên tình yêu của Christian làm cho tôi yên lòng. Chúng tôi rất thoải mái bên nhau, hầu như không tách rời nhau và tôi sợ phải phá vỡ sự cân bằng này". Còn chàng thì: "Vì tình yêu đối với Adriana, tôi sẵn sàng không nghĩ đến việc có con. (Christian có một đứa con riêng trên 10 tuổi với một cô nhân tình trước). Nhưng nếu Adriana chấm dứt hoạt động người mẫu để làm mẹ thì tôi sẽ là người đàn ông hạnh phúc nhất trên thế giới".

1237. Kiến thức ngày nay, số 616

Trả lời ông Lê Vy

Bài *"Ăn vóc học hay* là thành ngữ hay tục ngữ?" của ông Lê Vy trên *Kiến thức ngày nay,* số 614 chẳng những không có sức thuyết phục mà còn chứa đựng nhiều điều sai lầm hoặc vô lý. Xin theo trình tự của bài đó mà trả lời ông như sau.

1. Chưa chi ông đã vội phủ đầu chúng tôi là "rơi vào cái nguy cơ triệt xoá những giá trị văn hoá truyền đời của dân tộc, đồng thời còn có thể kéo theo cả một số người rơi luôn vào cái bẫy đó".

Chuyện đó quan trọng đến thế ư? Và cái nguy cơ đã sát sườn đến thế à? Chúng tôi có đem cả cái kho tàng thành ngữ, tục ngữ đi đổ xuống sông xuống biển đâu mà ông bảo là "triệt xoá những giá trị văn hoá truyền đời"? Chỉ có một câu thành ngữ *"Ăn vóc học hay"* mà đã ghê gớm đến thế sao? Mà đã chắc đâu chỉ có ông mới đúng còn chúng tôi thì sai? Ông lại còn bồi thêm là "e rằng những giá trị văn hoá dân gian đặc thù của chúng ta không những chỉ mai một dần mà còn hơn thế nữa, sẽ biến thành những giá trị âm!". Ông thật khéo dùng những "câu xanh yờn"[1] để hù doạ những người yếu bóng vía chứ thực ra cả cái đoạn từ dòng đầu cho đến dòng 25↓, cột 1, trang 41 trong bài của ông chỉ là chuyện thùng rỗng kêu to.

2. Trong bài của mình, ông Lê Vy đã đặt vấn đề *"Ăn vóc học hay* là thành ngữ hay tục ngữ" nhưng chính ông thì lại chưa phân biệt cách hiểu thành ngữ với cách hiểu tục ngữ. Vì thế nên ông mới viết: *"Nếu quả thật có cái thực tế "ăn ngon học giỏi" như ông nói, thì trên bảng hổ khoa cử ngày trước chỉ có toàn những Trịnh Hâm với Bùi Kiệm, chứ làm sao có được những bậc hiền tài xuất thân từ chốn ruộng nương, thôn dã thiếu đói quanh năm?"*.

1. Đây là cách viết cố ý của tác giả (BT).

Ông Lê Vy thật khéo chê chứ cách hiểu của chúng tôi nào phải cách hiểu mà ông đã mỉa mai. Chúng tôi đâu có hiểu câu *Ăn vóc học hay* theo cái kiểu "hễ ăn ngon thì học giỏi". Với chúng tôi, đây chỉ là một câu thành ngữ và trong câu thành ngữ này thì *ăn vóc* và *học hay* chỉ là hai ngữ động từ đẳng lập (nên tất nhiên không thể và không hề có quan hệ nhân quả gì với nhau). Trên *Kiến thức ngày nay*, số 612, chúng tôi đã khẳng định rõ ràng: "Cấu trúc của nó (của câu *Ăn vóc học hay*) cũng giống hệt cấu trúc của *Ăn ngon mặc đẹp, Ăn ngon ngủ yên, Ăn thật làm dối, v.v...*" (tr. 43). Đối với câu *Ăn thật làm dối* mà ta lại tếu táo hiểu theo cái mốt của ông Lê Vy là "hễ ăn thật thì làm dối" thì hẳn là cho đến ngày hôm nay, nhân loại vẫn hãy còn ăn lông ở lỗ chứ làm sao mà văn minh cho được? Vậy, nếu đã hiểu câu *Ăn vóc học hay* theo cách của An Chi là "ăn ngon, học giỏi" thì xin ông Lê Vy vui lòng xem "ăn ngon" và "học giỏi" chỉ là hai ý đẳng lập chứ đừng ép "học giỏi" phải làm cái quả của cái nhân "ăn ngon". Và như vậy, thì việc Trần Minh khố chuối đỗ trạng cũng chẳng có trực tiếp dính dáng gì về nhân quả với cuộc sống "thôn đã thiếu đói quanh năm" của anh ta cả.

3. Đoạn thứ 3 trong bài của ông Lê Vy (nói về lời giảng của thầy giáo Khảng) đã góp phần khẳng định cái nghĩa "thơm, ngon" của từ *vóc* mà chúng tôi từng chứng minh. Nó chứng tỏ rằng đó là một cái nghĩa *vrai* chứ không *faux* (chữ mà ông Lê Vy đã dùng ở một đoạn sau), đã từng tồn tại trong lời ăn tiếng nói của dân gian. Từ ngày chúng tôi

chính thức đưa cái nghĩa "thơm, ngon" của từ *vóc* lên mặt báo (*Thông tin Khoa học & Công nghệ*, Thừa Thiên - Huế, số 3-1996), tính đến nay đã 11 năm. Đây là lần đầu tiên chúng tôi được biết rằng trước đó, cũng có người đã hiểu như thế, ít nhất cũng là thầy giáo Khảng, theo lời ông Lê Vy. Chúng tôi lại càng tâm đắc hơn nữa vì thấy cách nói của vị thầy giáo này rất gần với cách nói ở giai đoạn hiện nay:

"*Vóc* là một tiếng cổ, có nghĩa là thơm, là ngon, không phải là vóc trong vóc dáng hay vải vóc...".

4. Đoạn thứ 5, cũng là đoạn dài nhất của toàn bài, chứng tỏ rằng ông Lê Vy đã "nhiều lời, ít ý". Vì vậy nên chúng tôi chỉ xin nêu lại cái đoạn rõ ý nhất sau đây của ông để trao đổi với ông:

"*Tục ngữ chứ có phải văn chương bác học đâu mà câu nệ ngữ âm ngữ pháp, mà lại là ngữ âm ngữ pháp kiểu Tây, kiểu Tàu?*".

Nói như ông Lê Vy thì, té ra chỉ văn chương bác học mới có "ngữ âm ngữ pháp" chứ tục ngữ thì không. Ông nhầm rồi đấy, thưa ông! Chính ngữ pháp của tục ngữ mới thuộc hàng "number one" đấy! Nếu không tin, xin ông cứ dành thời gian đọc ngữ pháp chức năng tiếng Việt trong mấy quyển sách của Cao Xuân Hạo thì rõ.

Ông lại còn vu cho chúng tôi là theo "ngữ pháp Tây ngữ pháp Tàu". Tây ở chỗ nào, xin ông cứ chỉ ra. Tàu ở chỗ nào, xin ông cứ nêu lên. Chúng tôi e rằng nếu ông mà

chỉ ra được những thứ đó, thì đó chỉ là những phổ niệm *(universals)* mà thôi. An Chi là người kiên quyết chống lại việc rập khuôn theo ngữ pháp Tây hoặc ngữ pháp Tàu đấy, thưa ông. Ông đã hiểu lầm rồi đấy. Ông cũng hiểu lầm cái câu sau đây của chúng tôi:

"Nếu cứ nói như thế thì ta còn biết ứng dụng kết quả của từ nguyên học vào đâu?".

Ông cho đó là một sự "than van". Không đâu, thưa ông, nếu có là tán thán thì cũng chỉ là tán thán tu từ mà thôi. Còn thực chất thì đó là một sự vặn vẹo chứ "than van" là "than van" thế nào?

5. Ông vu cho chúng tôi là theo "ngữ pháp Tây ngữ pháp Tàu" nhưng chính ông thì lại đưa tiếng Tây ra để nói chuyện không đâu vào đâu khi ông viết:

"Viết đến đây, tôi chợt nhớ đến thắc mắc của một bạn học thời trung học: Tại sao Tây nó nói: *"Dire le faux pour savoir le vrai"* mà không nói *"Dire la fausseté pour savoir la vérité"*? Giáo sư dạy Pháp văn lớp Đệ Thất lúc đó (...) chỉ cười, bảo: Học lên chút nữa đi, rồi sẽ hiểu...".

Xin thưa với ông rằng Tây nó không dùng động từ *dire* (ở đầu câu đang xét) như ông đã ghi. Nó chỉ nói:

"Plaider le faux pour savoir le vrai".

Plaider (biện hộ) có khi được thay bằng *prêcher* (giảng, khuyên); *savoir* (biết) có khi được thay bằng *connaître* hoặc *découvrir* (phát hiện) chứ *dire* thì chưa bao giờ thay cho

plaider cả, thưa ông. *Plaider le faux pour savoir le vrai* là (vờ) bênh vực cái sai để biết được cái đúng. Ông đã thay *plaider* bằng "dire" trong câu này; thế là sai đấy, thưa ông. Ông lại còn dịch *dire le faux* (nói cái sai) thành "nói bậy"; thế thì có sợ là… bậy thật hay không? "Nói bậy" khác với "nói cái sai" lắm chứ!

6. Cuối cùng, ông hạ một câu: *"Một lời răn bảo, một đạo lý đầy tính* nhân văn *như vậy mà ông nỡ biến thành một thứ "thành ngữ" vô nghĩa vô duyên như vậy được sao?".*

Chúng tôi đã chứng minh một cách chặt chẽ rằng đó là một thành ngữ còn ông thì chỉ chạy quanh cái lập luận của chúng tôi như sư diễu đàn để nói lên cách hiểu của ông mà không hề có một lời nào trực tiếp bài bác những luận cứ cụ thể của người đối thoại. Thế mới thật là "vô nghĩa vô duyên"!

Trở lên là những điểm cốt yếu trong bài của ông mà chúng tôi nêu lên để trao đổi. Hy vọng sẽ được đọc tiếp những lời chỉ giáo mới nữa của ông.

1238. Kiến thức ngày nay, số 617

Hỏi: *Xin nhờ ông An Chi giải thích giúp xem* Trước Lâm *và* Trúc Lâm *có nghĩa giống nhau hay không. Sở dĩ tôi hỏi như thế là vì cha tôi đặt tên cho tôi là* Trước Lâm *còn tôi thì thắc mắc tại sai lại không là* Trúc Lâm. *Cha tôi đã giải thích rằng hai cách nói đó cũng có nghĩa như nhau. Nhưng*

tôi vẫn tiếp tục thắc mắc; rồi thời gian trôi qua, cha tôi lâm bệnh và đột ngột qua đời. Đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu được nguồn gốc sâu xa của việc dùng Trước *thay vì* Trúc. *Xin ông giải thích giúp.*

Trả lời: Từ lâu, ở trong Nam, chữ *trúc* 竹 là tre đã được đọc thành *trước*, đặc biệt là trong những ngữ cảnh bằng Hán văn (chữ Nho). Cách đây trên 230 năm, chữ *trước* là tre đã được ghi nhận trong *Dictionarium Anamitico Latinum* (1772 - 1773) của Pierre Pigneaux de Béhaine (có thể xem bản dịch của Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên: *Tự vị An Nam Latinh*, Nxb. Trẻ, 1999). Trong quyển tự vị này, Pigneaux de Béhaine đã ghi nhận:

"*Trước* [*trúc*]. Cây tre.

Trước lịch. Nhựa tre.

Trước nhự. Vỏ tre dùng để làm thuốc".

Đó là nói về *trước*. Còn *trúc* thì, trong Nam cũng như ngoài Bắc, lại dùng để chỉ một loại tre nhỏ, gióng thẳng. Chính vì thế nên trong *Dictionarium Anamitico Latinum*, Pigneaux de Béhaine mới phân biệt mà ghi nhận thành 2 mục rõ ràng như sau:

- *Trúc*, mà ông giảng là "một loại tre" *(species arundinis)*.

và

- *Trước* [*trúc*] mà ông đã giảng bằng cách miêu tả là *"arundo"* (mà nghĩa gốc là "sậy").

Chúng tôi viện dẫn có phần dài dòng cốt để chứng minh rằng chữ *trúc* 竹 mà đọc thành *trước* là một cách đọc truyền thống đã có từ nhiều trăm năm nay của phương ngữ Nam Bộ. Vì thế nên đối với những người lớn tuổi hiện nay thì đó là một cách đọc hoàn toàn quen thuộc. Chẳng những thế, mà đối với những người này, nó còn mang cả sắc thái trang nghiêm, thiêng liêng nữa là đằng khác, vì họ ý thức được rằng đây mới chính là cái âm cần đọc, mà ông bà từ nhiều đời trước đã truyền lại cho mình. Có lẽ cũng là xuất phát từ tâm thức này mà vị thân sinh của cô mới chọn âm *trước* để đặt tên cho cô, chứ không chọn âm *trúc* như trong tiếng Việt toàn dân hiện nay.

Chắc cô cũng sẵn sàng thấy rằng âm *trước* của chữ *trúc* 竹 có hai điểm đặc sắc. Một là nó mang tính địa phương (người miền Bắc không đọc như thế) và hai là nó mang sắc thái cổ kính (ngay người Nam Bộ bây giờ cũng đã đọc chữ 竹 thành *trúc* theo tiếng Việt toàn dân). Xét về mặt này thì chẳng phải *trước* là một âm rất hay, rất ý nhị đó sao?

1239. Kiến thức ngày nay, số 617

Hỏi: *Mới đây, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã khoe bộ ngực trần của mình khi đi câu ở Siberia. Báo chí phương Tây đã làm rùm beng về chuyện này và đoán già đoán non về "ý nghĩa bí mật" của việc "khoe ngực" đó. Ông An Chi nghĩ thế nào?*

Trả lời: Thật lòng thì chúng tôi chẳng nghĩ gì cả, nói cho đúng ra, đối với chúng tôi, việc Tổng thống Putin "khoe ngực" *(Ảnh 1)* chẳng phải là chuyện gì ghê gớm. Đi nghỉ hè vài ngày hoặc đi thị sát rồi kết hợp thư giãn bằng việc câu cá nên có thể hoặc cần cởi trần bên sông bên suối thì đâu có phải là chuyện lạ. Người ta chẳng đã "chộp" được nhiều bức ảnh của một số nguyên thủ quốc gia đang ở trần đó sao? Mới đây, gần như cùng một thời gian với ông Putin, Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy chẳng đã cởi trần bơi thuyền đó sao? Có điều là ông Putin thì chẳng có phản ứng gì khi được (hay là bị?) chụp ảnh còn ông Sarkozy thì đã nổi cáu lên và xua đuổi phóng viên nhiếp ảnh *(Ảnh 2)* khi biết mình bị chụp lén trên hồ Winnipesaukee tận bên Huê Kỳ. Sarkozy đi "vi hành" mà lại (Chính phủ Pháp làm lơ trước chuyến đi này; chỉ có báo chí lên tiếng mà thôi)! Vì thế nên ông ta đâu có muốn "ảnh chèo thuyền" của mình được đưa lên mặt báo! Còn Putin thì... chả sợ ai. Ông ta

(Ảnh 1. Nguồn: AP)

(Ảnh 2. Nguồn: AP)

cứ điềm nhiên buông câu. Mà đây cũng chẳng phải lần đầu ông ta ở trần để (hay là để được) chụp hình. Trước đó, ít nhất cũng đã có một lần hồi 2002, khi ông ta đi nghỉ với phu nhân và hai cô con gái ở Vladivostok.

Thực ra thì báo chí phương Tây đã chế biến và xào nấu chuyện này thành "vấn đề" chẳng qua là vì lý do chính trị. Nước Nga đang lấy lại vị thế chính trị của mình trên trường quốc tế nên Mỹ và EU tất nhiên không ưa. Chẳng những họ xới vấn đề lên theo kiểu "bình luận chính trị" mà lại còn lợi dụng blog và forum để cho một số cá nhân nói bậy nữa, chẳng hạn nói về sex, liên quan đến bộ ngực của Putin (mà nhiều phụ nữ cho là hấp dẫn)!

Tóm lại, đó là một việc hoàn toàn bình thường mà chính trang web của Phủ tổng thống CHLB Nga cũng đã đưa lên một cách bình thường.

1240. Kiến thức ngày nay, số 620

Trả lời ông Nguyễn Hà Viên

Kiến thức ngày nay, số 614 đã đăng bài *"Hai câu ấy có phải là câu đối không?"* của ông (hay bà?) Nguyễn Hà Viên (trở xuống, xin cứ gọi là "ông"), trao đổi về một câu trả lời của chúng tôi trên *Kiến thức ngày nay*, số 601, liên quan đến đôi câu đối:

Chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí
Ngọn quang minh hun mát tấm trung can.

mà Phạm Quỳnh đã ghép từ hai phần câu trong bài "Văn tế Phò mã chưởng hậu quân Võ Tánh và Lễ bộ thượng thư Ngô Tòng Châu" của Đặng Đức Siêu. Xin trân trọng trả lời như sau:

1. Ông Nguyễn Hà Viên viết rằng "ông An Chi cho đó là "đôi câu đối" do Phạm Quỳnh làm" nhưng chữ "làm" lại là của chính ông chứ đâu phải của chúng tôi. Chúng tôi chỉ viết một cách thận trọng - vì thực ra cũng đã lường trước được vấn đề - rằng "đôi câu đối này nằm trong một đoạn văn luận về luân lý Việt Nam cổ truyền của (...) Phạm Quỳnh". "Nằm trong một đoạn văn (...) của Phạm Quỳnh "khác với" do Phạm Quỳnh làm" lắm chứ! Từ 15 năm nay, biết bao nhiêu câu, lời của biết bao nhiêu tác giả "nằm trong *Chuyện Đông chuyện Tây* của An Chi" (vì được trích dẫn) nhưng chẳng có lẽ tất cả những câu, lời đó đều do "An Chi làm" ra? Huống chi, chính ông Trương Hữu Trác (người nêu câu hỏi) cũng đã khẳng định đã thấy hai câu đó trong bài văn tế đã nói khi nêu câu hỏi cho chúng tôi. Ông chỉ không biết ai đã ghép hai phần câu ấy lại thành một đôi câu đối mà thôi. Vì thế nên trên *Kiến thức ngày nay*, số 608, vị độc giả đó mới nhắc lại: "Xin thưa với ông An Chi và bà Tôn Nữ Trầm Hương rằng bài "Văn tế..." của Đặng Đức Siêu thì tôi có biết còn cái tôi không biết thì lại là xuất xứ của đôi câu đối đã nêu". Người hỏi đã đặt vấn đề một cách rõ ràng và người trả lời cũng đã trả lời một cách rõ ràng cho người hỏi. Thế nhưng ông Nguyễn Hà Viên đã có dụng

ý dùng mấy từ "do Phạm Quỳnh làm" mà gán cho chúng tôi để kết luận rằng chúng tôi sai và để hạ một "câu xanh yờn" như sau:

"Cách trả lời của ông An Chi cho câu hỏi trên như vậy, chẳng những không góp phần "làm giàu" kiến thức cho bạn đọc *mà có thể còn ngược lại,* vì thà không biết còn hơn là tiếp thu nhầm những điều tưởng là chính xác!".

Lời lẽ của ông Nguyễn Hà Viên nghe êm như ru nhưng thực chất thì lại là "tiếu trung hữu đao". Thà rằng cứ huỵch toẹt như chúng tôi với những "bị ám ảnh nặng nề" và "nghe khó lọt lỗ tai" mà lại ít "dễ sợ" hơn.

2. Ông Nguyễn Hà Viên khẳng định rằng hai câu đang xét không phải là một đôi câu đối vì cái lý do sau đây, mà ông đã chủ quan xem như hoàn toàn chắc chắn:

"Câu đối tồn tại một cách độc lập, tức là một tác phẩm hoàn chỉnh, chứ *không phải là một bộ phận của một tác phẩm khác,* do đó hai vế đối nhau trích từ những bài thơ, bài phú, bài văn tế, v.v... không thể gọi là một câu đối được".

Ông đã nhầm, và nhầm to. Chính cái điều ông phủ nhận lại là một kiểu đối mà người Trung Hoa gọi là *tập cú đối. Trung Quốc thật dụng đối liên đại toàn* do Lương Thạch, Lương Đống biên soạn[1] có dành một mục từ trang 114 đến trang 116 để bàn về *tập cú đối* và dành cả một phần từ

1. Thượng Hải văn hoá xuất bản xã, 1998.

trang 501 đến trang 510 để giới thiệu 172 đôi câu đối theo kiểu *tập cú* qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Người ta có thể "tập" thơ văn ở hai nguồn khác nhau của cùng một tác giả hoặc thơ văn của hai tác giả khác nhau để làm thành câu đối theo kiểu này. Sau đây là một số thí dụ lấy từ đó ra (xin miễn dịch nghĩa):

- *Thái cúc đông ly hạ*
  Chủng tang trường giang biên.

(Đào Uyên Minh)

- *Tang trúc thuỳ dư ấm.*

(Đào Uyên Minh)

Sơn thuỷ hàm thanh huy.

(Tạ Linh Vận)

- *Sơn quang dao tích tuyết*
  Phàm ảnh quải thanh xuyên.

(Lý Bạch)

- *Sơn tuỳ bình dã khoát.*

(Lý Bạch)

Nguyệt dũng đại giang lưu.

(Đỗ Phủ)

- *Mai hoa hàn đãi tuyết*
  Quế diệp văn lưu hương.

(Thẩm Thuyên Kỳ)

Vấn đề rõ ràng là như thế. Nhưng với hai câu đối đang xét, ông Nguyễn Hà Viên còn nêu một lý do nữa để bài bác:

"Ở đây, Phạm Quỳnh chỉ làm công *việc trích dẫn,* chứ không hề có ý định "ghép thành" câu đối, vì với trình độ kiến thức của Phạm Quỳnh, ông thừa biết rằng những câu trích ở những bài văn trong đó có áp dụng phép đối thì không thể gọi là câu đối được".

Ông Nguyễn Hà Viên đã suy bụng ta ra bụng người chăng chứ có lẽ nào Phạm Quỳnh lại không biết rằng tập cú đối chẳng những là một việc làm hoàn toàn được phép mà còn là một thao tác đậm chất nghệ thuật nữa. Nhưng ông cũng chưa dừng ở đây mà còn viết tiếp:

"Vả lại, hai câu ấy xuất hiện trong văn cảnh bài viết của Phạm Quỳnh cũng không phải là hai câu hoàn chỉnh theo phép đối, chứ đừng nói là một câu đối hoàn chỉnh; đó chỉ là hai bộ phận của hai câu sóng đôi mà phần đầu mỗi câu là nhóm từ "một người thời" được lặp lại để nhấn mạnh chứ không đối nhau:

Một người thời: Chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí;

Một người thời: Ngọn quang minh hun mát tấm trung can".

Ông Nguyễn Hà Viên muốn giải quyết vấn đề cho "cùng kỳ lý" nhưng cái lý của ông cũng không vững. "Một người thời" ở đây cũng có giá trị như những câu tường thuật hoặc câu bình luận trong khi giới thiệu về câu đối mà thôi. Trong cả quyển *Câu đối Việt Nam* của Phong Châu, có phải

lúc nào hai câu đối trong cùng một cặp cũng đi liền nhau, cũng đứng khít bên nhau đâu. Còn có lời kể, lời bình nữa chứ. Hồi đầu thập kỷ 1990, viết thơ cho một người bạn ở Hà Nội để kể chuyện Sài Gòn, chúng tôi có lược thuật về hoạt động kinh tế của một nhân vật, rồi viết:

Thanh Hương thơm nghẹt mũi;
nghẹt mũi, nghẹt tiền con tốt đỏ.

Rồi lại lược thuật về một nhân vật khác mà viết tiếp:

Anh Đào ngọt ê răng; ê răng, ê của đứa dân đen.

Người bạn của chúng tôi cũng chẳng vì những lời lược thuật kia mà không nhận ra rằng hai câu trên đây làm thành một cặp đối.

Huống chi, cái ý thức của Phạm Quỳnh về câu đối đâu chỉ hạn định ở hai câu đang xét, mà còn bộc lộ qua việc đưa ra hai câu khác ở ngay sau đó đúng 5 dòng, mà Phạm gọi là "có câu thơ":

Khẳng khái cần vương dị.

Thung dung tựu nghĩa nan.

Nếu ta cứ câu nệ theo họ Phạm mà nói rằng đó là "thơ" chứ không phải "câu đối" thì đĩ nhiên là… sẽ hết chuyện.

3. Ông Nguyễn Hà Viên còn đòi hỏi chúng tôi phải "nói đến tác giả gốc của bài văn tế" và dạy chúng tôi:

"Khi giảng bài thơ *Kính gởi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu, thầy giáo tất phải nói cho học sinh biết những câu "*Dẫu lìa*

ngó ý, còn vương tơ lòng" và *"Mai sau dù có bao giờ"* đã được nhà thơ trích từ đoạn nào trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du thì học sinh mới cảm nhận được ý nghĩa sâu sắc của từng câu thơ, chứ không thể xem đó là thơ của Tố Hữu mà bỏ qua xuất xứ và tác giả gốc của những câu thơ trên!".

Nhưng về tác giả gốc của bài văn tế là Đặng Đức Siêu thì người hỏi là ông Trương Hữu Trác biết rồi còn về phương pháp giảng văn mà ông Nguyễn Hà Viên đã dạy thì đó lại không phải là việc chúng tôi cần làm. Việc chúng tôi cần làm trong trường hợp này chỉ là trả lời cho ông Trương Hữu Trác biết rằng hai vế:

Chén tân khổ nhắp ngon mùi chính khí

Ngọn quang minh hun mát tấm trung can.

mà ông Trương đã thấy trong bài văn tế của Đặng Đức Siêu do ai ghép lại mà làm thành một đôi câu đối. Và chúng tôi đã dè dặt trong việc dùng từ mà trả lời rằng "đôi câu đối này nằm trong một đoạn văn (...) của Phạm Quỳnh". Thế là đủ. Cũng y như khi trả lời câu hỏi "Jean Paul Sartre sinh năm 1905 hay 1915" trên một kỳ *Chuyện Đông chuyện Tây*, chúng tôi chỉ cần khẳng định "1905" là đủ chứ cần gì phải nói về thân thế và sự nghiệp của Sartre! Việc có diễn giảng thêm hay không còn tuỳ thuộc vào từng trường hợp, vào trọng tâm của câu hỏi, v.v... Và nếu có thể gọi đó là "diễn giảng" thì chúng tôi cũng từng "diễn giảng" nhiều lần tại *Chuyện Đông chuyện Tây* chứ đâu có phải là không. Nhưng ở trường hợp này thì hoàn toàn không cần thiết.

4. Cuối cùng, ông Nguyễn Hà Viên đã lợi dụng ngôn từ của chúng tôi ("bị ám ảnh nặng nề", "nghe khó lọt lỗ tai") để đặt thành vấn đề "dân chủ" và "bình đẳng", là những điều kiện mà chính chúng tôi chủ trương là cần phải có trong học thuật. Nhưng cái mà ông Nguyễn Hà Viên không hài lòng ở đây lại chỉ là chuyện ngôn từ và thái độ chứ nào phải là sự cấm đoán hay sự áp đặt mà ông phải viện đến chuyện dân chủ và bình đẳng.

Tóm lại, bài của ông Nguyễn Hà Viên mới đọc thì nghe ra dịu dàng, êm tai nhưng suy nghĩ kỹ thì An Chi lại thấy rùng mình vì đó là một sự quy kết "chết người" *(tiếu trung hữu đao)* chứ chẳng hiền lành gì đâu!

Cuối tháng 9-2007

1241. Kiến thức ngày nay, số 621

Hỏi: *Xin hỏi ông về việc đếm vần trong một số bài thơ. Trong* Kiến thức ngày nay, *số 610, ông có đề cập đến việc đếm vần trong một bài thơ:*

- Trong 4 câu thơ lục bát của Xuân Diệu:

Tôi cầm mùi dạ lan *hương*
Trong tay đi đến người *thương* cách <u>*trùng*</u>
Dạ lan thơm nức lạ <u>*lùng*</u>
Tưởng như đi mãi không <u>*cùng*</u> mùi hương.

Chỉ có 2 vần *ương* và *ung* (trang 45): vần *ương* ứng với 2 chữ *hương* và *thương;* vần *ung* ứng với 3 chữ *trùng, lùng* và *cùng.*

- Trong 4 câu Đường luật thì có 3 vần chứ không phải 1 vần:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang *bôi*
Dục ẩm tỳ bà mã thượng *thôi*
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân *hồi.*

(Vương Hàn, *Lương Châu từ*)

3 vần ở đây là bôi, thôi *và* hồi *chứ không phải là 1 vần* ôi. *Sở dĩ như vậy là vì ở đây dùng phép hoán dụ (trang 45).*

Vậy xin ông cho biết: Lúc nào thì ta đếm vần của một bài thơ theo kiểu như ta đã đếm vần trong 4 câu thơ lục bát ở trên và lúc nào thì ta dùng phép hoán dụ.

Nhân đây cũng xin hỏi thêm: Một bài thơ thất ngôn bát cú có mấy vần?

Ví dụ bài thơ "Qua đèo Ngang" *của bà huyện Thanh Quan:*

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen lá đá chen hoa
Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ (rợ) mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời, non, nước
Một mảnh tình riêng ta với ta.

Bài thơ này có 1 vần a/oa *hay có 5 vần:* tà, hoa, nhà, gia, ta?

Nếu bài thơ này có 5 vần thì xin hỏi thêm:

Bài thơ "Thăng Long thành hoài cổ" *của bà huyện Thanh Quan:*

Tạo hoá gây chi cuộc hí *trường*
Tới nay thấm thoắt mấy tinh *sương*
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch *dương*
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang *thương*
Nghìn thu gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn *trường.*
Bài thơ này có mấy vần?

Trả lời: Thắc mắc của ông xuất phát từ sự hiểu lầm cách diễn đạt của chúng tôi trong bài "Trả lời ông Ngu Minh" trên *Kiến thức ngày nay,* số 610, trang 36 - 39 và 45. Chữ *vần* mà chúng tôi nói đến trong bài thơ tình bốn câu của Xuân Diệu *(Tôi cầm mùi dạ lan hương...)* và chữ *vần* mà chúng tôi nói đến trong bài "Lương Châu từ" của Vương Hàn không mang cùng một nghĩa. Trong trường hợp đầu, chữ *vần* mang cái nghĩa thông thường, cũng là cái nghĩa

mà hai ông Ngô Quốc Quýnh và Ngu Minh đã hiểu. Đây là cái nghĩa mà *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (ấn bản năm 2003) giảng như sau tại nghĩa 2 của từ *vần:*

"Hiện tượng lặp lại vần hoặc có vần nghe giống nhau giữa những âm tiết có vị trí nhất định trong câu (thường là câu thơ), được tạo ra để làm cho lời thơ có nhịp điệu và tăng sức gợi cảm".

Nghĩa 2 này thực chất chỉ là sự ứng dụng của nghĩa 1 vào việc làm thơ mà nghĩa 1 thì đã được quyển từ điển đó giảng như sau:

"Bộ phận chủ yếu của âm tiết trong tiếng Việt, là âm tiết trừ đi thanh điệu và phụ âm đầu (nếu có). *"An", "bạn", "làn", "tản" có cùng một vần "an".*

Còn trong trường hợp sau thì chữ *vần* mang cái nghĩa mà hai ông Ngô Quốc Quýnh và Ngu Minh không nghĩ đến. Đó là cái nghĩa tu từ (không ghi trong từ điển) mà chúng tôi đã nêu tại trang 45 của *Kiến thức ngày nay,* số 610:

"Chữ hoặc tiếng cùng vần với chữ hoặc tiếng khác trong những câu thơ có liên quan".

Xin tạm gọi đây là nghĩa 3.

Vậy nếu xét theo nghĩa 2 (là ứng dụng từ nghĩa 1) thì bài "Lương Châu từ" của Vương Hàn chỉ có một vần là *ôi* mà thôi (với ba chữ *bôi, thôi, hồi*). Còn nếu xét theo nghĩa 3, thì nó có ba vần là: *bôi, thôi, hồi.* Cái nghĩa 3 này cũng

đã được Nguyễn Đình Chiểu ứng dụng trong truyện *Lục Vân Tiên:*

Tay tiên vội tả tám câu năm vần.

(Có dị bản chép: *Xuống tay liền tả* (...)).

Tám câu năm vần ở đây là thơ *thất ngôn bát cú* đấy, chẳng hạn với bài "Qua đèo Ngang" thì đó là năm vần: *"tà, hoa, nhà, gia, ta"*; còn với bài "Thăng Long thành hoài cổ" thì đó là năm vần *"trường, sương, dương, thương, trường"*. Trong *Truyện Lục Vân Tiên* (Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1975), Nguyễn Thạch Giang cũng đã giải thích rõ *tám câu năm vần* là "bài thơ theo luật Đường bảy chữ tám câu (thất ngôn bát cú) gieo vần ở cuối câu 1 và các câu chẵn: 2, 4, 6 và 8 (tr. 244, chú thích 220). Dĩ nhiên đây là xét theo nghĩa 3, chứ với nghĩa 2 thì, nói chung, bất cứ bài thất ngôn bát cú Đường luật nào cũng chỉ có một vần mà thôi.

1242. Kiến thức ngày nay, số 621

Hỏi: *Người ta vẫn gọi thứ máu từ mũi chảy ra là "máu cam". Nhưng tôi thấy nó vẫn đỏ như máu ở răng, ở nướu chảy ra chứ đâu có màu cam. Vậy tại sao lại gọi như thế?*

Trả lời: *Cam* ở đây khác với *cam* trong danh ngữ *chất độc màu da cam*. Nó không chỉ màu mà lại chỉ một chứng bệnh và là một yếu tố Hán Việt mà chữ Hán là 疳. Tại mục *cam* 疳, *Hán - Việt từ điển* của Đào Duy Anh giảng là "một

thứ bệnh về huyết, như nha-cam". *Hán - Việt tân từ điển* của Nguyễn Quốc Hùng giảng là "một thứ bệnh về máu huyết và tiêu hoá của trẻ con". *Hán - Việt từ điển* của Thiều Chửu giảng chi tiết hơn một chút: "Bệnh cam, một thứ bệnh về máu rãi (sic). Như vì máu trắng kém mà tì rắn lại, gọi là *tì cam;* trẻ con ăn bậy sinh bệnh gầy còm gọi là *cam tích;* chân răng thối nát gọi là *cam răng* hay *cam tẩu mã*". Mấy chục năm về trước, nhà thuốc Đại Quang ở đường Tổng đốc Phương, Chợ Lớn (nay là đường Châu Văn Liêm), có sản xuất một thứ thuốc bột chuyên trị bệnh cam tích của trẻ con, gọi là *Cam tích tán. Cam* trong *máu cam* chính là chữ *cam* này.

Trong *Etudes sur la phonétique historique de la langue annamite* (BEFEO, Tome XII, N°1, 1912), Henri Maspéro đã sai khi cho rằng đây là một yếu tố Việt (annamite), cùng gốc với các từ tương ứng trong tiếng Thái, tiếng Dioi, v.v... (tr. 22). Thực ra, đây là một yếu tố mà các thứ tiếng này đã mượn từ tiếng Hán nếu không phải đã là cùng gốc với tiếng Hán ngay từ đầu.

1243. Kiến thức ngày nay, số 622

Hỏi: *Tôi nghe nói có một quyển sách mang tên* Cent ans, mille rêves, *ấn hành để kỷ niệm một nhân vật chính trị của châu Mỹ La Tinh. Xin cho biết nhân vật đó là ai và ai là tác giả của cuốn sách?*

Trả lời: Nếu chúng tôi không nhầm thì *Cent ans, mille rêves* không phải là tên của một cuốn sách mà cũng không phải là nguyên văn. Nguyên văn bằng tiếng Tây Ban Nha là *Cien años mil sueños*, có thể dịch ngắn gọn là *Trăm năm nghìn mộng*. Đây là tên một cuộc vận động bắt đầu từ ngày 26-7-2007 để tiến tới kỷ niệm 100 năm ngày sinh của cựu Tổng thống Chile Salvador Allende, người đã bị tay cựu độc tài Augusto Pinochet lật đổ, và đã hy sinh vào ngày 11-9-1973, chỉ còn để lại có cặp mắt kính gãy vỡ. Cuộc vận động này do Quỹ Salvador Allende khởi xướng *(Xin xem ảnh)* và sẽ diễn ra trong một năm, cho đến ngày 26-7-2008. Trong lễ phát động, sau khi nghe ca sĩ Manuel Garcia trình bày bài hát "Lentes de Allende" (Cặp kính của Allende), cử toạ chứng kiến bà Isabel Allende, con gái của vị cựu

tổng thống, và những trẻ em của các khu phố nghèo cùng đi với bà, khánh thành bức tượng của nghệ sĩ Carlos Altamiro, cao 2,5m và dài 5m, thể hiện cặp kính của Salvador Allende. Bà Isabel Allende nói:

"Tác phẩm này không có tên, vì nghệ sĩ không muốn đặt tên cho nó, nó tượng trưng cho điều "Nunca más!" (Không bao giờ (xảy ra nữa!). Không bao giờ còn nạn độc tài, không bao giờ còn chuyện vi phạm nhân quyền. Và không bao giờ còn có chuyện hy sinh của một vị tổng thống hết lòng vì nhân dân".

1244. Kiến thức ngày nay, số 622

Hỏi: *Chuyện ba con khỉ bịt miệng, bịt tai, bịt mắt xuất phát từ đâu và mang ý nghĩa gì?*

Trả lời: Người ta cho rằng hình ba con khỉ, con bịt tai, con bịt miệng, con bịt mắt, có sớm nhất là ở một bức phù điêu *(Xin xem ảnh trang sau)* của chùa Toshogu ở Nikko (Nhật Bản) và đó là của nhà điêu khắc Hidari Jingoro (1594 - 1634). Người ta gọi tên ba con khỉ đó là *Mizaru, Kikazaru* và *Iwazaru.* Có tài liệu giải thích rằng *mizaru* là con (khỉ) mù, *kikazaru* là con (khỉ) điếc và *iwazaru* là con (khỉ) câm. Cũng có tài liệu giảng rằng nghĩa gốc của *mizaru* là "tôi không thấy điều xấu", của *kikazaru* là "tôi không nghe điều xấu" và của *iwazaru* là "tôi không nói điều xấu". Lại có tài liệu nói rằng chuyện ba con khỉ này

chẳng qua chỉ là do ảnh hưởng của đoạn 1, thiên 12 (Nhan Uyên) trong sách *Luận ngữ* mà thôi. Khi Nhan Uyên hỏi Khổng Tử về đức nhân và về những gì cần phải làm thì Khổng Tử đáp:

"Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động", nghĩa là "Cái gì không hợp lễ thì đừng nhìn, cái gì không hợp lễ thì đừng nghe, cái gì không hợp lễ thì đừng nói, cái gì không hợp lễ thì đừng làm". (Lời dịch của Nguyễn Hiến Lê).

Ngày nay hình tượng ba con khỉ đã trở nên phổ biến và ta có thể thấy rất nhiều bộ khỉ ba con bằng gỗ, bằng đá, bằng kim loại, bằng chất dẻo, v.v..., bày bán ở các cửa hàng đồ lưu niệm. Nó còn có những biến tấu thành ba con chó, ba con thỏ, ba con lợn; thậm chí ba con ếch, v.v... Chẳng những thế, nó còn biến tấu thành cả ba chú bé, thành ba con người nói chung nữa.

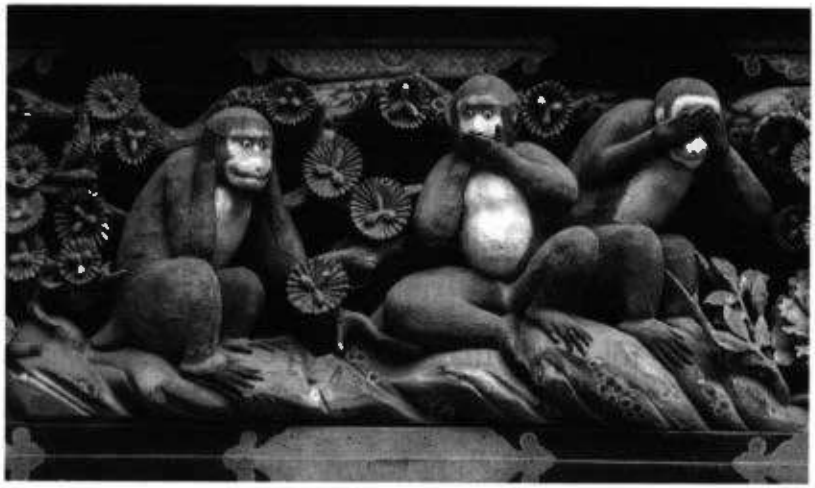

Nhưng dù có biến tấu như thế nào hoặc đến đâu thì cái triết lý ở đây vẫn cứ là:

"Vật lễ phi thị, vật lễ phi thính, vật lễ phi ngôn. Và cả "vật lễ phi động", nên có khi có tới bốn con khỉ (hoặc chó, thỏ, người, v.v...) ngồi khoanh tay trước ngực (bất động) nữa).

1245. Kiến thức ngày nay, số 624

Hỏi: *Tôi rất ái mộ cầu thủ Ronaldinho của Brazil (nay đã vào quốc tịch Tây Ban Nha) nhưng gần đây phong độ của anh rất thất thường. Tôi lại sực nhớ tới cái tên của anh ta mà trước đây nhiều tờ báo cho là được đặt như thế để phân biệt với tên của Ronaldo. Ronaldinho có nghĩa là "Ronaldo nhỏ" (bên cạnh Ronaldo, hiểu ngầm là "Ronaldo lớn"). Xin cho biết giải thích như thế có đúng hay không? Và trong cái tên* Ronaldinho *thì đâu là dấu hiệu của ý "nhỏ"?*

Trả lời: Đúng là khi Ronaldinho bắt đầu nổi thì một số tờ báo đã giải thích tên của anh ta như thế. Cái ý "nhỏ" trong tên của *Ronaldinho* là do hậu tố *-inho/-inha* mà ra *-inho* thuộc giống đực, còn *-inha* thì thuộc giống cái. Đây là một hậu tố mang tính chất giảm nghĩa (*diminutive*, mà Cao Xuân Hạo và Hoàng Dũng dịch là "giảm kích") của tiếng Bồ Đào Nha (người Brazil nói tiếng Bồ Đào Nha). Hậu tố này chẳng những được ghép vào sau danh từ (để tạo danh từ phái sinh), mà còn được ghép vào cả tính từ (để tạo tính từ hoặc phó từ phái sinh) với tác dụng giảm

nghĩa nữa. Trước nhất, xin nêu một số thí dụ về danh từ (nếu danh từ gốc thuộc giống đực thì người ta dùng *-inho*, còn nếu nó thuộc giống cái thì người ta dùng *-inha*). Thí dụ:

- *anjinho* là thiên thần nhỏ bé (do *anjo*, giống đực, là thiên thần).

- *bandeirinha* là cờ nhỏ (do *bandeira*, giống cái, là cờ).

- *campainha* là chuông nhỏ (do *campa*, giống cái, là chuông).

- *casinha* là nhà nhỏ (do *casa*, giống cái, là nhà).

- *lobinho* là sói đực con (do *lobo*, giống đực, là sói đực).

- *patinho* là vịt trống con (do *pato*, giống đực, là vịt đực); v.v...

Sau đây là một số thí dụ về tính từ và phó từ:

- *atadinho* là có vẻ rụt rè, sợ sệt (do *atado*, giống đực, là lưỡng lự).

- *mansinho* là dịu dàng (do *manso*, giống đực, là yên tĩnh).

- *baixinho* là phó từ, có nghĩa là một cách nhỏ nhẹ, khe khẽ (do tính từ *baixo*, có nghĩa là trầm, thấp (về tiếng nói)).

- *cedinho* là phó từ, có nghĩa là từ rất sớm (do tính từ *cedo*, có nghĩa là sớm); v.v...

Sở dĩ chúng tôi nêu thêm một vài thí dụ liên quan đến tính từ, nhất là đến phó từ, là để ông và bạn đọc thấy rằng

nói *-inho/-inha* có tác dụng giảm nghĩa là nói một cách tổng quát, đặc biệt là đối với danh từ, chứ với tính từ và phó từ thì lại không hoàn toàn như thế (So sánh chẳng hạn, phó từ *cedinho* (từ rất sớm) với tính từ *cedo* (sớm).

Với danh từ riêng, thì vấn đề lại càng không đơn giản chỉ là chuyện "giảm nghĩa" dĩ nhiên là kể cả trường hợp liên quan đến tên của Ronaldinho. Ở đây, ta có một sắc thái khác, nổi bật hơn, rồi đẩy cái tác dụng "giảm nghĩa" của hậu tố *-inho* lùi vào quá khứ từ nguyên học. Người ta đã lợi dụng cái ý nghĩa gốc của hậu tố *-inho* để đưa vào danh từ riêng, nói cho cụ thể và rành mạch hơn là đưa vào tên người, cái sắc thái thân mật, ban đầu là trong sự đối thoại trực tiếp, rồi cuối cùng là trong lời nói, nói chung. Vì vậy nên khi người ta gọi cầu thủ Ronaldo de Assis Moreira là Ronaldinho thì chỉ là để thể hiện sự thân thương, chứ chẳng phải là để phân biệt với Ronaldo Luiz Nazário de Lima (là cầu thủ mang số 9 của Tuyển Brazil, thường gọi là Ronaldo), bằng cái ý "nhỏ bé" nào cả. Huống chi, về nguyên tắc thì chính cầu thủ Ronaldo mang số 9 cũng có thể được gọi một cách thân thương là... Ronaldinho!

Để tăng tính thuyết phục, xin nêu trường hợp của cái tên Lulinha. Đây là một cách gọi thân mật đối với tên của nam giới nhưng sở dĩ dùng *-inha* là vì phải "ăn theo" nguyên âm cuối "*-a*" của cái tên gốc *Lula*). Lulinha là tên thường gọi của Luiz Marcelo Morais dos Reis, một cầu

thủ năm nay 17 tuổi (sinh năm 1990), đang khoác áo câu lạc bộ SC Corinthians của Brazil). Nhiều câu lạc bộ lớn của châu Âu đã đặt cầu thủ này vào tầm ngắm, trước nhất là Palermo và Fiorentina, rồi Inter Milan của Ý, sau đến Chelsea của Anh còn bây giờ thì có vẻ như Barcelona của Tây Ban Nha đã giành được cái gật đầu của SC Corinthians. Anh chàng Luiz này đã lấy biệt hiệu là Lula, rồi được gọi một cách thân mật là Lulinha. Nếu không nắm được thực chất của vấn đề thì biết đâu người ta sẽ chẳng nói rằng sở dĩ phải gọi Luiz này là Lulinha, tức "Lula nhỏ", là để phân biệt với Lula lớn, tức Luiz Inácio Lula da Silva, đương kim Tổng thống Brazil, năm nay 62 tuổi (sinh năm 1945), cũng thường gọi là Lula. Nhưng chính cái ông Lula này cũng được gọi là "Lulinha". Bằng chứng của chuyện này nằm trong khẩu hiệu tranh cử vòng 2 năm 2002 của Lula da Silva. Đó là *"Lulinha Paz e Amor"*, nghĩa là "Lulinha Hoà bình và Tình yêu". Vậy thì Lula da Silva bé bỏng ở chỗ nào mà được gọi là "Lulinha"?

Tóm lại, tuy Ronaldinho có nghĩa gốc là Ronaldo nhỏ nhưng sắc thái nổi bật trong cái tên này là sự *thân mật* của người gọi chứ không phải sự *bé bỏng* của đối tượng được gọi. Vậy nếu sự thật là người ta đã dùng cách gọi *Ronaldinho* mà gọi Ronaldo de Assis Moreira để phân biệt với Ronaldo (Luiz Nazário de Lima) thì đó chỉ là dùng sắc thái thân mật trong cách gọi "Ronaldinho" để phân biệt với sắc thái trung hoà thông thường trong cách gọi "Ronaldo"

mà thôi. Ở đây, chẳng hề có sự phân biệt giữa "nhỏ tuổi" với "lớn tuổi" gì cả. Cuối cùng, xin nói thêm rằng nhiều nguồn trên internet cũng sai vì đã khẳng định sự phân biệt về tuổi tác ở đây.

1246. Kiến thức ngày nay, số 624

Hỏi: Xin nhờ ông cho nhận xét về đôi câu đối dưới đây:

Trăm năm tình viên mãn
Đầu bạc nghĩa phu thê.

Có người góp ý là nên thay "phu thê" ở câu sau bằng "keo sơn". Vậy đôi câu đối sẽ là:

Trăm năm tình viên mãn
Đầu bạc nghĩa keo sơn.

Liệu như thế có chỉnh hơn không?

Trả lời: Ngay người góp ý cũng đã đưa ra một cách "sửa chữa" không thoả đáng. *Keo sơn* là một cấu trúc đẳng lập mà hai thành tố vốn là những từ chỉ chất liệu. Cả *keo* lẫn *sơn* đều dùng để dán, để gắn, cho dính chặt vào nhau, và là hai yếu tố Nôm. Còn hai tiếng *viên* và *mãn* thì lại là Hán Việt (Xin lưu ý đây chỉ là sự phân biệt giữa Nôm và Hán Việt trong phạm vi câu đối), mà lại là tính từ chứ không phải vốn là danh từ như *keo* và *sơn*. Vậy thì làm sao có thể đối cho chỉnh được?

Còn *phu thê* thì lại càng không thể đối được với *viên mãn*. Lý do: *phu thê* là danh từ còn *viên mãn* là tính từ mà tính từ và danh từ là hai từ loại đối lập hẳn với nhau.

Trăm năm là một ngữ lượng từ, cũng không đối được với *đầu bạc* là một ngữ danh từ. *Năm* làm sao đối được với *bạc* và *đầu* làm sao đối được với *trăm?*

Câu đối chú trọng trước nhất ở đối chữ, rồi mới đến đối ý; nói cho đúng ra thì hai mặt phải đi song song. Nếu chỉ có đối ý thì không thể gọi là câu đối.

1247. Kiến thức ngày nay, số 624

Hỏi: *Bãi khoá có khác bãi trường không?*

Trả lời: Theo *Từ điển tiếng Việt* của Trung tâm từ điển học Vietlex do Hoàng Phê chủ biên (Nxb. Đà Nẵng và Vietlex, 2007) thì *bãi khoá* là "cùng nhau nghỉ học [một hình thức đấu tranh nêu yêu sách hoặc kháng nghị của học sinh, sinh viên]" còn *bãi trường* là "[trường học] nghỉ trong một thời gian dài, như nghỉ hè, nghỉ tết" (nghĩa 1). Vậy một đằng là nghỉ để đấu tranh, một đằng là nghỉ theo diễn tiến tự nhiên của năm học hoặc thời tiết.

1248. Kiến thức ngày nay, số 625

Hỏi: Văn nghệ *(trung ương), số 36, ngày 8-9-2007, có bài* Một "tính" trong "bách tính" *của Phan Cung Việt, mở đầu như sau: "Thế gian có... bách tính. Rồi được xách ra dùng mấy từ "tính" tiêu biểu: "tính khí", "tính tình"... Mới đây có "giới tính", "chuyển đổi giới tính...". Xin cho biết "tính" ở đây là cái "tính" gì?*

Trả lời: "Tính" của Phan Cung Việt là tính nết, tính cách, tính tình. Còn "tính" trong "bách tính" của thế gian thì lại là họ (trong tên họ). *Bách tính* là "trăm họ". Có lẽ Phan Cung Việt muốn đưa cái "tính" của mình vào "bách tính" của thế gian để làm chuyện "bình cũ rượu mới" chăng?

1249. Kiến thức ngày nay, số 625

Hỏi: Xưa & Nay, *số 292, trang 1 (phụ trang) có in hình ông bà Phan Khôi với lời chú thích "Ông Phan Khôi và vợ Lương Thị Tuệ năm 1955". Ông An Chi có nhận xét gì về lời chú thích này?*

Trả lời: Trong một danh ngữ kiểu "*vợ* + danh từ (chung hoặc riêng)" thì danh từ (chung hoặc riêng) đó luôn luôn chỉ người chồng: *vợ thằng Đậu, vợ thằng Tèo, vợ bác sĩ, vợ chủ tịch xã,* v.v... Vậy, để cho đúng chuẩn, lẽ ra BBT phải viết "... và *vợ là* Lương Thị Tuệ", và, lịch sự hơn nữa thì "... và *vợ là bà* Lương Thị Tuệ".

1250. Kiến thức ngày nay, số 625

Hỏi: Kiến thức ngày nay, *số 623 có bài "Chuyện FIREFOX: "Cáo lửa" hay là cái gì khác?" của Lê Vy, suy nghĩ nhân đọc* Chuyện Đông chuyện Tây *trên* Kiến thức ngày nay, *số 613. Tôi là người xài Firefox nên cũng quan tâm đến bài của ông trên số 613 và bài của ông Lê Vy trên số 623. Tôi băn khoăn về vài điều trong bài của ông Lê Vy; không hiểu ông An Chi nghĩ thế nào?*

Trả lời: Ông Lê Vy đã đi từ chuyện Firefox đến chuyện Firebird rồi chuyện Thunderbird nhưng rất tiếc là trong dòng suy nghĩ của mình thì ông đều sai ở những điểm trọng tâm.

Về Firefox, ông Lê Vy viết:

Trong tiếng Anh (…) *fox* là con cáo, một động vật ăn thịt, có đuôi xù, mõm dài, nhọn, thuộc họ Canidae, gồm nhiều loài, trong đó đặc biệt có loài cáo lông đỏ được gọi là red fox (tên KH: Vulpes vulpes), một loài thú săn quan trọng ở Anh (để lấy bộ lông phục vụ việc làm đẹp cho quý bà)". (tr. 38)

Ông Lê Vy còn cẩn thận cho in ảnh ở trang 38 với lời chú "Cáo lông đỏ (Vulpes vulpes)" để minh hoạ cho bộ lông "màu đỏ" của loài cáo này nữa. Rồi ông viết tiếp ở một đoạn sau:

"Không dùng *red fox*, tên gọi một loài cáo có thật trong tự nhiên, mà dùng danh từ *Firefox* để đặt tên cho một phần mềm (mã nguồn mở), phải chăng Tập đoàn Truyền thông Nestcape (...) một mặt vừa kín đáo ghi nhận công lao của những người xây dựng phần mềm này, và mặt khác vừa động viên những người sử dụng phần mềm tiếp tục tự do phát triển nó ngày càng hoàn thiện hơn (...)". (tr. 39)

Nghĩa là, theo ông Lê Vy, tuy *red* (đỏ) là màu của *fire* (lửa) đấy nhưng phải dùng *fire* thì mới gói ghém được "tính sống động của trí tưởng tượng, tư duy sáng tạo, tính linh hoạt (nhất là của phụ nữ) và cảm hứng thi ca" trong cái tên *Firefox* và đây là "nội lực ngôn ngữ thâm hậu" của những người khai sinh ra cái tên này. Ông cứ ngỡ rằng loài *red fox* chỉ gồm toàn những con cáo có bộ lông màu "đỏ" nên mới đưa ra một cái ảnh minh hoạ với lời chú "Cáo lông đỏ (Vulpes vulpes)", như đã nói. Ông không ngờ rằng "cáo lông đỏ" là một loài mà những cá thể có bộ lông "màu đỏ" (thực chất là màu hung) chỉ chiếm một tỷ lệ thấp; rằng "cáo lông đỏ" còn có những màu khác: vàng úa, xám, đen và phổ biến nhất là những sắc độ đậm nhạt khác nhau từ vàng sậm đến nâu. Xin nói rõ thêm một chút là cáo đỏ xám thì tài liệu tiếng Anh gọi là *silver fox* còn tiếng Pháp là *renard argenté*, nghĩa là "cáo (ánh) bạc". Và cái màu bạc này cũng có những sắc độ đậm nhạt khác nhau.

Có vẻ như ông Lê Vy đã không ngờ rằng *red fox,* mà tên khoa học là *Vulpes vulpes,* còn được gọi là *common fox* (cáo thông thường), và giản tiện hơn nữa, là *fox* (cáo). Có lẽ một phần cũng vì thế nên ông mới tưởng rằng mọi con *red fox* đều "đỏ" chăng?

Về cách chúng tôi dịch danh từ *Firefox,* ông Lê Vy viết:

"Dịch Firefox là "Cáo lửa" đúng là không có gì sai, nhưng hình như hơi giản đơn, nhất là khi cố đi tìm một con vật có thật trong tự nhiên để dung tục hoá con vật có thể tạm gọi là "cáo lửa". Theo tôi nghĩ, đối với từ "Cáo lửa" này, chỉ thật sự đúng khi hiểu đó là một *hình tượng* mang ý nghĩa: *Chương trình xây dựng và phát triển bởi những người thông minh có tư duy sáng tạo và óc tưởng tượng linh hoạt".*

Ông Lê Vy chê cách dịch của chúng tôi là "hơi giản đơn" nhưng rất may là ông vẫn dùng nó để gọi tên con vật đó chứ không thấy ông đưa ra cách dịch của mình. Thật ra, *Cáo lửa* là một cách dịch hoàn toàn chính xác của Firefox (nếu ta đối chiếu với cái logo đã biết), cũng như *chợ đen* là một cách dịch hoàn toàn chính xác của *black market.* Nhưng đến bây giờ thì đó không còn là con "cáo lửa" nữa rồi và *firefox* hẳn hoi là một "con vật có thật" (mà ông chê!). Sau đây là lời khẳng định của ba vị đại gia.

Trước nhất là Jon Hicks, cha đẻ của cái logo Firefox. Hicks khẳng định rằng *firefox* thực tế là con gấu trúc (A firefox is actually a cute red panda - *Hicksdesign*) nhưng

vì lấy cảm hứng từ hình vẽ một con cáo của một hoạ sĩ người Nhật nên ông mới cho ra đời một cái logo như thế (con cáo với cái đuôi lửa ôm lấy trái đất).

Còn Yves Grandmontagne, nhà báo của *Silicon fr.*, phụ trách về tin học từ 1982 rồi về internet từ 1994, đã viết trên *Silicon fr.* một bài với cái nhan đề "Firefox: le renard qui voulait révolutionner l'informatique", trong đó ông coi *firefox* là một con cáo (renard). Nhưng đến ngày 8-2-2005, ông đã có bài "Firefox: renard ou panda?" (Firefox: cáo hay gấu (trúc)?), trong đó ông đã tỏ lời hối tiếc rằng mình đã sai. Và ông khẳng định lại rằng *firefox* là con gấu trúc (panda rouge). Ông còn khuyến cáo: ai không tin thì cứ vào cửa hàng trực tuyến của Mozilla, tại đó con thú nhồi bông của Firefox đích thị là con gấu trúc với giá 15,95 dollars. Và Yves Grandmontagne đề nghị độc giả đổi tên bài báo trên kia thành: "Firefox: le panda qui voulait révolutionner l'informatique". Danh từ *renard* (cáo) đã được thay bằng *panda* (gấu trúc).

Cuối cùng là Tristan Nitot, sáng lập viên và chủ tịch Hiệp hội Mozilla Âu châu. Nitot đã trả lời cho độc giả có nick là Jamega một cách ngắn gọn như sau:

- Firefox, c'est le nom en anglais du panda roux, un type de panda qui ressemble à un renard (Đăng lại trên *20 minutes. Fr,* ngày 9-12-2007), nghĩa là "Firefox, đó là tên tiếng Anh của gấu trúc, một loài gấu giống như con cáo".

Chúng tôi xin nghe theo ba vị đại gia trên đây mà hiểu rằng *firefox* là gấu trúc, con vật phàm tục có thật, chứ không dám tin theo ông Lê Vy.

Về *Firebird,* ông Lê Vy đã không trung thực khi chú thích cho bức ảnh ở trang 40 là: *Firebird "Altamira Oriole".* Bức ảnh này là của *World Birding Center,* ở góc phải phía dưới có 4 chữ "photo by John Arvin" đã bị ông xoá bỏ. Ảnh cũng chỉ được ghi chú là "Altamira Oriole" chứ không có "Firebird" ở trước như ông đã ghi. Vả lại, *firebird* dù sao cũng chỉ là tên không thông dụng của *Baltimore Oriole* chứ không phải của *Altamira Oriole.*

Về *Thunderbird,* ông Lê Vy đã sai khi dịch *thickheads* là "hai loài chim khá đần độn". Thực ra, *thickheads* ở đây là "(chim) đầu to", tương đương với tiếng La Tinh *Pachycephala* (*pachy* = dày, to; *cephala* = đầu). Hai loài *thickheads* ở đây là Pachycephala pectoralis và Pachycephala rufiventris, như chính ông đã trích dẫn. Ông cũng hiểu sai về cái ảnh trong đó có con gà đã bị vặt lông, chặt giò, nằm chờ "bỏ lò". Ông tưởng cái câu "Le seul oiseau qui ne craint pas la grippe aviaire" (mà ông dịch là "Thunderbird loài chim duy nhất không sợ cúm gia cầm") là để nói về Thunderbird. Không đâu, thưa ông. Cái con chim duy nhất không sợ cúm gia cầm chính là con gà chờ "bỏ lò" đó. Đây là một hình nền tếu táo chứ đâu có phải là một lời quảng cáo cho Thunderbird!

1251. Kiến thức ngày nay, số 626

Hỏi: *Trên một kỳ* Chuyện Đông chuyện Tây, *ông An Chi có viết rằng đến ngày 15-12-2007, Ba Tây dị nhân Oscar Niemeyer sẽ tròn 100 tuổi. Xin đề nghị ông theo dõi thời sự về việc tổ chức mừng sinh nhật lần thứ 100 của bậc dị nhân này để thuật lại trên* Chuyện Đông chuyện Tây.

Trả lời: Cậu bé Oscar *(Ảnh 1)* đâu có ngờ rằng hơn chín mươi năm sau mình sẽ trở thành ông già Niemeyer, kiến trúc sư danh vang thế giới, đang tươi cười ăn mừng lễ sinh nhật lần thứ 100 giữa con cháu và bạn bè trong ngày 15-12-2007. Niemeyer *(Ảnh 2)* rất ghét chuyện nghi thức, lễ lạt nên việc ông có mặt trong lễ mừng thọ vừa qua là một sự nhượng bộ đối với những người thân.

(Ảnh 1)

Lễ mừng thọ được tổ chức một cách đơn giản và ấm cúng tại Casa das Canoas (tên mà Niemeyer đặt cho ngôi nhà) do ông tự mình thiết kế, xây xong tại São Conrado (Rio de Janeiro) từ năm 1953 mà đến bây giờ vẫn còn được xem là có tính cách hiện đại. Con cháu đã tề tựu đông đủ, cùng với khoảng mươi người bạn của Oscar. Chiếc bánh

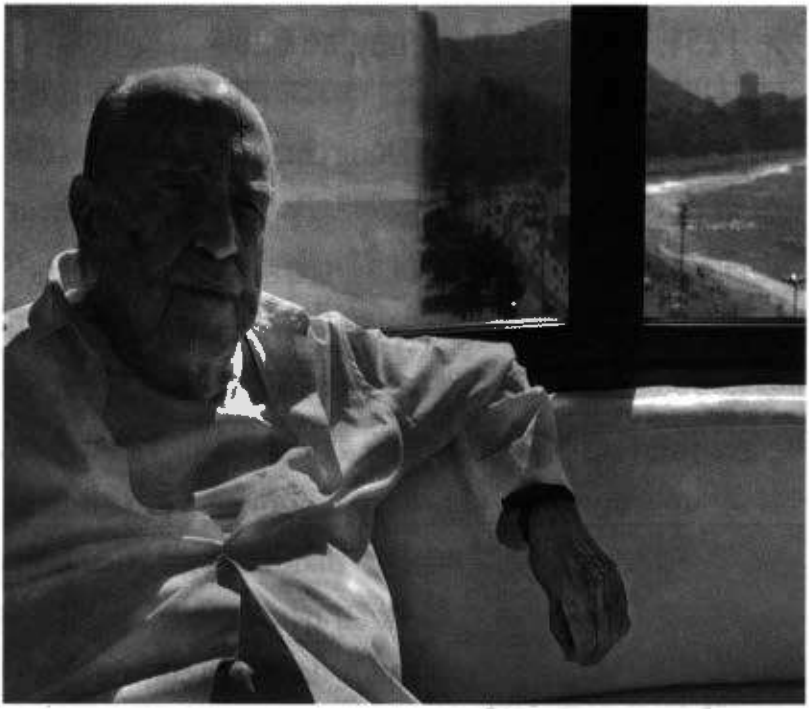

(Ảnh 2)

sinh nhật cũng đơn giản với tầng trên cùng phỏng theo hình dạng của Bảo tàng nghệ thuật đương đại, thường gọi tắt là MAC (Museu de Arte Contemporânea) ở Niterói, một trong những công tình độc đáo của Niemeyer. Mở đầu buổi lễ, dĩ nhiên phải là nụ hôn của người bạn đời, bà Vera Niemeyer, dành cho Oscar. Và dĩ nhiên là đối với một dị nhân như Niemeyer và một dịp trọng đại như lễ mừng sinh nhật lần thứ 100 của ông thì, dù sự việc có riêng tư đến đâu, chủ nhân và gia đình cũng không thoát được sự có mặt của các phóng viên. Trong cuộc họp báo chóng vánh, Niemeyer nói:

- Tôi là một con người như những con người bình thường khác nhưng tôi cũng không hiểu tại sao mình lại sống dai đến thế. Đâu phải lúc nào cuộc đời cũng dễ dàng và độ lượng. Điều mà tôi cảm nhận được trong ngày hôm nay, đó là niềm vui thú được đón tiếp những người bạn đang có mặt ở đây. Tôi nghĩ đến quá khứ, đến những người bạn đã ra đi và những người thay thế họ, đến cuộc đấu tranh mà cuộc đời này dành cho con người.

Ông còn nói thêm:

- Sống đến một trăm tuổi, thật là vô nghĩa!

Ông còn nhắc lại, như ông vẫn thường nói, rằng cuộc đời quan trọng hơn kiến trúc. Đây là quan niệm thường trực của ông nhưng chính Niemeyer thì bao giờ cũng "hết mình" với kiến trúc. Ở tuổi 100, ông có bảy dự án đang thực hiện và khoảng một chục dự án khác sắp khởi động tại Brazil. Chính phủ Tây Ban Nha đã chấp nhận đồ án của Niemeyer cho công trình văn hoá ở Avilés. Cuba vừa khánh thành một tượng đài chống Mỹ của chính Niemeyer để tôn vinh ông nhân ngày ông tròn một trăm tuổi. Tượng cao khoảng 8m, đặt trong khuôn viên trường Đại học khoa học tin học, gần La Habana, thể hiện cuộc chiến đấu giữa một con người và một con quái vật. Nhiều cuộc triển lãm hoặc hội thảo cũng được tổ chức ở Brazil và một số nước khác. Và cũng nhân dịp này, Chính phủ Brazil đã quyết định tặng thưởng ông Huân chương Công trạng văn hoá (Ordem do

Mérito Cultural). Chung quanh chuyện này, cũng có những chi tiết thú vị. Phần thưởng cao quý sẽ được trao tại Bộ Quốc gia giáo dục và sức khỏe, ở cung Capanema (Rio de Janeiro). Niemeyer không thích những chuyện nghi thức, lễ lạt, như đã nói:

- Ta sẽ không đi. Nếu họ muốn thì họ phải đến đây.

- Cha phải đi, cha à! Đó là tổng thống.

Bà Anna, người con gái độc nhất, đã khuyên ông như thế. Niemeyer nhất định không đi. Và đích thân Tổng thống Lula da Silva đã phải đem phần thưởng đến tận văn phòng của Niemeyer. Đó là vào ngày 29-11-2007 và sự việc đã diễn ra trong hai mươi phút. Niemeyer muốn để cho người ta hiểu rằng mình không đi là vì tuổi tác. Nhưng nhiều người thì hiểu rằng Niemeyer còn hờn Lula da Silva vì sự "dại dột" của ông này. Trong một bài diễn văn đọc một năm trước đây tại São Paulo (15-12-2006), Lula đã tuyên bố rằng tả khuynh là một lỗi lầm của thời trẻ:

"Nếu một người đứng tuổi mà tả khuynh thì anh ta có vấn đề. Nếu một chàng trai trẻ mà hữu khuynh thì anh ta cũng có vấn đề (...). Còn tôi, tôi đã ngả về nền xã hội dân chủ. Khi người ta 61 tuổi thì người ta đạt được sự cân bằng".

Chính cái sự "lục thập nhất nhi tri bình hành" này của Lula đã làm cho Niemeyer không hài lòng vì, theo ông, đó chẳng qua là một lập trường chính trị "sọc dưa". Dù sao thì

cái ông "sọc dưa" này cũng đã đem phần thưởng cao quý đến tận văn phòng của Niemeyer.

Cũng đến tận văn phòng của Ba Tây dị nhân, ngày 12-12-2007, đại sứ Pháp tại Brazil là Antoine Pouillieute, đã trao tặng ông Bắc đẩu bội tinh của Chính phủ Pháp. Rồi ngày 14-12-2007 thì đại sứ Nga là Vladimir Tyurdenev cũng đến tại văn phòng của Niemeyer để trao cho ông Huân chương Tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Ba Tây dị nhân thật là một ông già kiên cường. Ngày nào ông cũng đến văn phòng lúc 11 giờ trưa và làm việc đến 11 giờ đêm.

Trong ba thứ: rượu, thuốc lá và... đàn bà, ông không từ bỏ thứ nào, ngay cả ở tuổi một trăm. Ông kết hôn lần thứ hai sau khi bị ngã nứt xương chậu có một tháng. Phương châm sống của ông thật đơn giản nhưng không phải ai cũng làm được: "Phải sống trọn vẹn cuộc đời đến phút chót. Sau đó, ta đội mũ vào và ra đi".

1252. Kiến thức ngày nay, số 629

Hỏi: Gần đây, trong bài "Trả lời ông Nguyễn Hà Viên", ông An Chi có nhắc đến câu tiếu trung hữu đao. *Tôi đoán có lẽ ông muốn diễn cái ý mà cụ Nguyễn Du xưa cũng đã diễn đạt trong* Truyện Kiều:

Bề ngoài thơn thớt nói cười;
Mà trong nham hiểm, giết người không dao.

Một người bạn có nói với tôi rằng tiếng Anh cũng có một câu với ý giống như thế. Xin nhờ ông kiểm chứng giúp.

Trả lời: *Macbeth* là một trong bốn vở kịch nổi tiếng nhất của William Shakespeare, bên cạnh ba vở *Hamlet*, *King Lear* (Vua Lear) và *Othello*. Tại hồi II, cảnh 3, dòng 140 của *Macbeth*, Donalbain đã nói với Macbeth:

- *There's daggers in men's smiles.*

(Có dao găm trong nụ cười của con người).

Có lẽ ông bạn của ông muốn nói đến câu này chăng?

1253. Kiến thức ngày nay, số 629

Hỏi: *Tôi đọc bài "Gửi hai ông An Chi và Ngu Minh" của ông Lê Xuân Lít trên* Kiến thức ngày nay, *số 618 từ giữa tháng 10-2007 nhưng đến nay chưa thấy ông An Chi có ý kiến gì. Liệu ông có định trả lời hay không, thưa ông?*

Trả lời: Bài của tác giả Lê Xuân Lít có những điểm bất ổn sau đây (chúng tôi không nhận xét đến từng chi tiết mà chỉ xin nêu những điểm lớn).

Ông Lê Xuân Lít viết:

"Ông An Chi có viện lời Khổng Tử (...) mà ví đại thi hào Nguyễn Du với một giống ngựa, bạn đọc làm sao đồng

tình! Dẫu rằng "nói có sách" nhưng vận dụng sách lại là một việc khác! Bạn đọc có sẵn vốn liếng chữ nghĩa có thể chấp nhận sự so sánh (rất *khập khiễng*) ấy không? (...) dù là con ngựa đệ nhất trần gian của loài ngựa, nhưng ngựa là ngựa, người là người. Dẫu có lấy tính tốt của vật cũng không nên so với người". (tr. 21)

Tội nghiệp cho bạn đọc, nhất là những bạn đọc "có sẵn vốn liếng chữ nghĩa", đã bị ông Lê Xuân Lít kéo về phía mình chỉ vì ông đã suy bụng ta ra bụng người. Thực ra, chỉ có ông, ông Ngu Minh và những người như hai ông, mới nghĩ như thế chứ nếu thực sự đã "có sẵn vốn liếng chữ nghĩa" thì làm sao có thể nghĩ (một cách kém cỏi) như thế được? Từ xưa đến nay và từ Đông sang Tây, thú vật và đồ vật vẫn là những cái nguồn phong phú và sinh động mà loài người sử dụng để so sánh, như An Chi đã noi gương Khổng Tử mà làm. Một bà mẹ mắng đứa con lì lợm, có thể nói với nó:

- Nói với mầy khác gì nói với *khúc gỗ*.

Còn một bà mẹ cưng con thì nựng nó mà nói:

- *Cục vàng* của mẹ, *cục vàng* của mẹ!

Đó là những thí dụ sơ đẳng trong tiếng Việt về việc khen chê bằng cách so sánh con người với những vật vô tri vô giác. Còn với thú vật, và cũng trong tiếng Việt, ta có thể thấy nào là: - *(đồ) chó má*, - *(thằng) đầu bò*, - *(đồ) khỉ gió*, - *(đồ) gà mờ*, - *(đồ) dê cụ*, - *(con) cừu non*, - *(con) chiên ghẻ*, - *(con) chim đầu đàn*, - *gà trống (nuôi con)*, v.v...

Đây là những lời khen, tiếng chửi đã đi vào vốn từ vựng của tiếng Việt. Còn trong lời nói thì ta có lời xưng tụng *hùm thiêng Yên Thế* dùng để chỉ vị anh hùng Hoàng Hoa Thám mà ai "có sẵn vốn liếng chữ nghĩa" cũng đều có thể biết. Mà đã biết thì làm sao có thể nghĩ (một cách nông cạn) như ông Ngu Minh và ông Lê Xuân Lít cho được? Huống chi, chính Nguyễn Du cũng ví Từ Hải với loài thú khi viết về nhân vật này:

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.

Nếu ta cứ theo cái "mốt" Lê Xuân Lít mà khẳng định rằng "dẫu có lấy tính tốt của vật cũng không nên so với người" thì cái câu trên đây của tác giả *Truyện Kiều* tất phải bị sổ toẹt. Chẳng những thế, Nguyễn Du còn có một cái tội rất lớn nữa là đã so sánh con người với loài côn trùng khi bày tỏ lòng thương cảm đối với Kiều và sự phẫn nộ đối với Hoạn bà mà để cho mụ quản gia nói (với Kiều và về Kiều):

Con ong cái kiến kêu gì được oan!

Bấy nhiêu cứ liệu nho nhỏ tưởng cũng đã đủ để phế truất cái "thuyết" "ngựa là ngựa, người là người" của ông Lê Xuân Lít. Còn chính ông thì cứ ngỡ rằng mình vững lý nên để cho "chắc cú", ông còn kéo cả cụ Tam nguyên Yên Đổ vào mà viết:

"Hình như cụ Nguyễn Khuyến có khen một bài thơ nọ nhưng "*Nho* đối với *xỏ* già này không ưa". Đem *nhà nho*

đối với bọn *xỏ lá* Nguyễn Khuyến đã bực mình huống hồ so sánh đại thi hào Nguyễn Du với con ngựa gì đấy (...)".

"Già này không ưa" là chuyện riêng của già còn ai viết thì cứ viết chứ không ai có thể đem cái quan niệm cổ hủ của ông già đó ra mà làm tiêu chuẩn hành xử và viết lách cho người Việt Nam ở đầu thiên niên kỷ thứ ba này. Huống chi, với hai câu thơ hữu quan, Chu Mạnh Trinh đã miêu tả rất đúng cái bản chất bịp bợm và lật lọng của Sở Khanh:

Làng nho người cũng coi ra vẻ,
Bợm xỏ ai ngờ mắc phải tay.

Bề ngoài thì trông có vẻ nho nhã, thư sinh nhưng thực chất hắn ta cũng chỉ là một tên ma cô mà thôi. Có không ưa là không ưa cái thằng ma cô chứ sao lại không ưa lời văn tả đúng cái thực chất của hắn? Mà suy cho cùng, "đem Nho đối xỏ" là để cao "*Nho*" và hạ thấp "*xỏ*", thì mắc mớ gì Nguyễn Khuyến lại không ưa?

Ông Lê Xuân Lít lại còn kéo cả Ngô Đức Kế và Tản Đà vào mà dạy chúng tôi "bàn bạc *Truyện Kiều* trước hết hãy xác định chỗ đứng". Xin thưa với ông rằng chúng tôi đứng ở cái vị thế của *một độc giả bình thường và bình dân* mà nhận xét về Nguyễn Du và *Truyện Kiều* và chỉ riêng về mặt này thôi thì An Chi hoàn toàn bình đẳng với Ngô Đức Kế và Tản Đà. Có điều - và là điều tối quan trọng - là chúng tôi luôn luôn tâm niệm câu "*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất*

tri, thị tri dã". Chúng tôi cứ thẳng thắn nêu lên cách hiểu của mình với chứng lý đầy đủ và nghiêm túc; nếu ông Lê Xuân Lít thấy cần thiết phải *"tri chi vi tri chi"* thì xin ông cứ tự nhiên. Đằng này, ông chỉ "vuốt đuôi" ông Ngu Minh. Nói cho đúng ra, để gọi là ủng hộ ông Ngu Minh, ông Lê Xuân Lít có đưa ra hai ý nhỏ.

Thứ nhất là với hai chữ *vu quy*, Kim Trọng nghĩ rằng *"có chuyện Thuý về làm vợ đấy, nhưng..."* (tr. 41). Thưa rằng, với cái mạch văn mà ai cũng có thể kiểm chứng được thì *hai chữ đó phải trực tiếp liên quan đến Kim Trọng* chứ không thể đến bất cứ nhân vật nào khác. Không thể, tuyệt đối không thể có chuyện đưa Thuý Vân vào một cách ngang xương, không có thông báo, không có chuyển ý gì hết. (Học sinh cấp I mà làm tập làm văn với cách diễn đạt như thế thì bị điểm kém là cái chắc!).

Thứ hai, ông Lê Xuân Lít đã phải dẫn ra đến 20 câu Kiều (2825 - 2844) "để bạn đọc phán quyết xem có phải Nguyễn Du tả cái bảng *Vu quy* treo trước nhà Kim Trọng hay không" (tr. 41). Nhưng có ai nói rằng nhà Kim Trọng treo bảng treo biển gì cho cam! Chúng tôi chỉ viết: "Đàng trai mà trưng bày hai chữ đó *(Vu quy)* lên trước cổng nhà thì có mà làm trò cười cho thiên hạ". Đây *chỉ là một câu mang tính giả thiết để biện luận* chứ nào phải là một câu tường thuật, càng không phải là một lời khẳng định, và càng tuyệt đối chẳng dính dáng gì đến "nhà Kim Trọng"

cả! Ông Lê Xuân Lít đã không đủ sức để hiểu những câu thông thường như thế thì nói chuyện với ông rất khó đấy!

1254. Kiến thức ngày nay, số 629

Hỏi: Tuổi trẻ *ngày 22-11-2007, trang "Thể thao", bài "Adriano đã bừng tỉnh" có câu:*

"Phong độ của Adriano sa sút trầm trọng từ đầu năm và thường xuyên phải ngồi trên băng ghế dự bị của CLB Inter Milan".

Xin hỏi theo cách viết trên thì ai phải thường xuyên ngồi trên băng ghế dự bị?

Trả lời: Cứ theo cách hành văn trên thì hai vị ngữ *"sa sút (trầm trọng)"* và *"(thường xuyên) ngồi (trên băng ghế dự bị (...))"* phải có cùng một chủ ngữ và đó là *"phong độ (của Adriano)"*. Nhưng chỉ có Adriano mới *"ngồi (trên ghế dự bị (...))* ("chứ *"phong độ"* của anh ta thì không!). Ta chỉ cần thêm chữ *"anh"* vào trước mấy chữ *"thường xuyên ngồi"* thì câu văn sẽ ổn thoả mọi bề:

"Phong độ của Adriano sa sút trầm trọng từ đầu năm và *anh* thường xuyên phải ngồi trên băng ghế dự bị của CLB Inter Milan".

1255. Kiến thức ngày nay, số 631

Hỏi: *Xin cho biết ý nghĩa của bốn chữ "Bửu Sơn Kỳ Hương".*

Trả lời: Sau đây là ý nghĩa của bốn chữ mà ông hỏi, chép theo Phạm Bích Hợp, *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa,* Nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội, 2007:

"Chữ Bửu Sơn Kỳ Hương thông thường được hiểu là Núi Báu (núi Cấm, An Giang) toả hương thơm đặc biệt, nơi này mai sau sẽ làm rạng danh Việt Nam. Tuy nhiên, cũng còn một số cách giải thích khác, mà cách nào cũng có ý nghĩa khá sâu sắc. Chẳng hạn, Bửu Sơn Kỳ Hương ý muốn ví mỗi con người là một ngọn núi quý, trong đó có sẵn hương thơm (Thiện tính, Phật tính), con người cần hiểu điều đó và sống cùng với nó.

Hoặc cách giải thích: Chữ Bửu-Sơn-Kỳ-Hương tương ứng với 4 vị: Phật *Thầy, Bổn sư,* Phật *trùm,* Phật *Vương,* cũng là 4 mức độ nhận thức của con người cần phải đạt được. Trước nhất, con người phải biết khiêm nhường, trân trọng mọi sự vật, hiện tượng xung quanh như một người *thầy* để không ngừng học hỏi, nâng cao nhận thức. Nhưng sự học không phải chỉ dừng ở bên ngoài, mà họ còn cần trở lại với chính mình *(Bổn)* để thấy, hiểu và sống cùng cái bên trong. Khi đó, con người sẽ hài hoà trong mối quan

hệ Thiện-Địa-Nhân *(Trùm)* và đạt tới sự tự giác, giác tha *(Phật Vương)*. Đấy cũng là mục tiêu tu hành của Bửu Sơn Kỳ Hương. (tr. 66 - 67)

1256. Kiến thức ngày nay, số 631

Hỏi: *Có người nói trong câu "hư bột hư đường" thì* đường *là Hán Việt mà tiếng Quảng Đông là* thoòng *còn* bột *là thuần Việt.*

Trả lời: *Bột* cũng là một yếu tố Hán Việt mà chữ Hán là còn âm Hán Việt cũng là *"bột"* (*bạc một* thiết) và nghĩa là "mễ đích phấn mạt" (bột gạo) (*Hán ngữ đại tự điển*, Thành Đô, 1993, tr. 1311).

1257. Kiến thức ngày nay, số 631

Hỏi: *Mới đây, tôi được đọc một bài viết rất lý thú của ông Ngu Minh, nhan đề "Cầm trăng - Cầm nguyệt" đăng liền 7 trang trên* Kiến thức ngày nay, *số 623 (tr. 10 - 16), mở đầu như sau:*

"Cầm trăng *là cách dùng từ lạ và khó hiểu của Nguyễn Du. Lạ vì trước và sau Nguyễn Du chưa ai sử dụng, khó hiểu vì đến nay* cầm trăng *tồn tại như một ẩn từ. Dù có nhiều ý kiến cho cầm trăng là đàn nguyệt, đàn Nguyễn hay tỳ bà, nhưng chưa ý kiến nào lý giải thoả đáng".

Xuất phát từ nhận định trên đây, ông Ngu Minh đã phân tích khá tỉ mỉ để khẳng định rằng: - cầm trăng không là nguyệt cầm; - cầm trăng chưa là Nguyễn cầm; - cầm trăng chưa phải là tỳ bà. *Rồi qua việc "phân tích từ và câu" cũng như việc "giải bằng giả thiết, ông Ngu Minh khẳng định:*

"Cầm trăng là tỳ bà và trăng (...) Nguyễn Du ghép trăng vào một cách quá mới! Trong cùng một câu, ông kết hợp hai cái mới. Cách sử dụng từ mới: một Hán một Nôm tách chữ. Cách miêu tả mới: hiên Lãm Thuý treo *thật* đàn và treo *ảo* trăng. *Hiên sau treo sẵn cầm trăng:* Hiên Lãm Thuý đã có sẵn: tỳ bà và trăng chờ Kiều! Một cách miêu tả... trên cả tuyệt vời!".

Ông Ngu Minh thấy là trên cả tuyệt vời. Không biết ông An Chi thấy thế nào?

Trả lời: Chỉ có người có óc tưởng tượng "bay bổng" mới thấy đó là tuyệt vời chứ người biết tiếng Việt thì không thể chấp nhận cách giải thích như thế vì chẳng những nó trái hẳn với qui luật của tiếng Việt mà nó còn trái với qui luật chung của ngôn ngữ nữa. Cách giải thích đó đã phạm những sai lầm sau đây:

Thứ nhất, nó đã gán cho trạng ngữ *hiên sau* của câu Kiều thứ 467 *(Hiên sau treo sẵn cầm trăng)* hai nội dung khác nhau: với *đàn* thì đó là một chỗ nhất định (trên tường, trên cột, bên hông tủ, v.v...) trong phạm vi của hiên sau (tạm gọi là ND1) nhưng với *trăng* thì đó lại là một chỗ trên trời và

dĩ nhiên là ở phía trên của hiên sau (tạm gọi là ND2). Cú pháp không chấp nhận cách hiểu nước đôi như thế được. Một từ hoặc một ngữ, có thể có tính lưỡng nghĩa, thậm chí đa nghĩa (hơn hai nghĩa) nhưng trong một cấu trúc ngữ pháp nhất định, trong phạm vi của một cái trục kết hợp (syntagmatic axis) nhất định thì, trong một lần dùng, nó chỉ có thể mang một trong những cái nghĩa đó mà thôi. Vì thế nên, ở đây, *hiên sau* chỉ có thể hoặc có nghĩa ND1 hoặc có nghĩa ND2 chứ không thể có cùng một lúc cả hai nghĩa như ông Ngu Minh đã tưởng tượng ra một cách ngộ nghĩnh được. Và chỉ riêng vì điểm này thôi thì "cách miêu tả... trên cả tuyệt vời" mà ông gán cho Nguyễn Du cũng đã bị ngắc ngứ rồi!

Thứ hai là tác giả đã không phân biệt hai động từ *treo* khác nhau, liên quan đến *đàn (cầm)* và đến *trăng*. Với *đàn* thì *treo* là một vị từ hành động nhưng với *trăng* thì *treo* lại là một vị từ trạng thái. Người ta có thể *treo đàn*, cũng như *treo gươm, treo tranh*, v.v... chứ không ai **treo trăng*, vì trăng "tự treo", chẳng hạn trong *đầu súng trăng treo* hay *(mười rằm trăng náu) mười sáu trăng treo*. Vậy thì trong một ngôn cảnh duy nhất và trong một lần dùng nhất định, *treo* chỉ có thể hoặc là vị từ hành động hoặc là vị từ trạng thái chứ tuyệt đối không thể là cả hai. Vậy cũng chẳng làm gì có chuyện "hiên Lãm Thuý treo *thật* đàn và treo *ảo* trăng" vì

Thứ ba, cũng với lý do đã nói ở hai điểm trên, cùng một vị từ *treo* trong ngôn cảnh của câu 467, thì giữa "treo thật" và "treo ảo" (?), tác giả chỉ có thể chọn một cách chứ không thể hiểu theo cả hai: "thật" cho đàn mà "ảo" (?) cho trăng. Xin nêu một thí dụ cho dễ thấy thêm vấn đề:

*- *Anh chàng cầu thủ đó đã đá xong trận cầu gay cấn và cô bồ xinh xắn.*

Hai nghĩa hữu quan của động từ *đá* ở đây là (ghi theo *Từ điển tiếng Việt* của Vietlex): "đưa nhanh chân và hất mạnh nhằm làm cho bị tổn thương hoặc cho văng ra xa" (nghĩa 1) và "cắt đứt quan hệ yêu đương một cách ít nhiều thô bạo" (nghĩa 3). Nghĩa 3 chỉ có thể tương hợp với bổ ngữ *cô bồ (xinh xắn)* chứ không thể với *trận cầu (gay cấn)* mà cả hai nghĩa 1 và 3 cũng không thể dung hợp với nhau trong vị từ *đá* của ngữ vị từ *đã đá xong*. Người biết tiếng Việt không ai nói một câu giống như cái thí dụ trên đây. Để chơi chữ, người ta chỉ có thể nói, chẳng hạn:

- Anh chàng cầu thủ đó đã đá xong trận cầu gay cấn rồi đá luôn cô bồ cũ xinh xắn để chạy theo một cô khác xấu xí hơn.

Ở đây, người ta phải dùng hai vị từ *đá* riêng biệt vì dứt khoát phải như thế và cái qui tắc này cho thấy chuyện "treo thật" và "treo ảo" của ông Ngu Minh chỉ là một chuyện ảo. Hống chi,

Thứ tư, mọi sự càng sáng tỏ hơn với câu 468. Ta hãy ráp lại mà xem:

Hiên sau treo sẵn cầm trăng

Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mày.

Với câu tám này thì *trăng* trong câu sáu dứt khoát không thể là chị Hằng, là cung Quảng, như ông Ngu Minh đã biện luận một cách lúng túng và gượng gạo mà hỏi rằng "nâng cái gì? Tỳ bà hay trăng?". Người biết tiếng Việt chỉ thấy trong hai tiếng *cầm trăng* ở đây có một vật duy nhất mà thôi. Chúng tôi đã nhờ một đứa cháu chứng minh điều này bằng cách nói với nó:

- Tr. ơi, bác khát nước quá! Trên bàn có ly bia và chén nước mắm, cháu lấy đưa giùm cho bác.

- Bác khát nước thì uống bia thôi chứ lấy nước mắm làm gì, hả bác? Tr. vặn lại.

- Thì bác có bảo cháu đưa nước mắm đâu.

- Bác chẳng bảo "trên bàn có ly bia và chén nước mắm, lấy đưa cho bác" là gì?

- Thế à?

- Tiếng Việt nó thế đấy bác ạ! Lẽ ra bác chỉ cần nói: "Trên bàn có ly bia, cháu lấy đưa cho bác" hoặc "Trên bàn có ly bia và chén nước mắm, cháu lấy ly bia đưa cho bác". Bác mà cứ nêu chung như thế thì người ta sẽ đưa cho bác cả hai thứ đấy.

Lời lẽ giản dị mà chí lý của Tr. giúp ta hiểu rằng *cầm trăng* là vật duy nhất mà Kim Trọng nâng ngang mày chứ

nếu đó là "tỳ bà và trăng" thì theo cấu trúc cú pháp đã thấy, Kim Trọng cũng nâng trăng ngang mày luôn nữa.

Tóm lại, *cầm trăng* là một vật duy nhất và đây là một thứ đàn, còn nó là đàn gì thì xin nhường lời cho các nhà chuyên môn.

BẢNG TRA CỨU THEO CHỦ ĐIỂM

(Số Á Rập là số thứ tự của từng câu)

A

A.C. Milan 1154

A.de Rhodes 1189

Adriano 1254

A Mighty Heart 1180

ạch đụi 1142

Algelina Jolie 1180, 1185

alto-cumulus 1155

alto-stratus 1155

Arroyo 1188

Audrey Hepburn 1174

Auld lang syne 1136

azzurri 1154

ẩm thực 1212

B

ba con khỉ 1244

Ba người khác 1195, 1202, 1219

Bà huyện Thanh Quan 1241

Bạch Cư Dị 1127

bãi khoá/bãi trường 1247

bán 1095

bán phàm 1097

bán phàm phong 1103, 1110

ben (pince) 1224

bèn 1198

Bình Nguyên Lộc 1199

bịt tai/bịt mắt/bịt miệng 1244

Boléro 1140

Bolivia 1228, 1236

Booker Prize 1181

Bố Cái Đại Vương 1109, 1111
bố ráp/ruồng bố 1173
bộ 1197
bột 粖 1256
bubble 1096, 1102
Bush 1102, 1129
Bushgollum 1129
Bửu Sơn Kỳ Hương 1255

C

Cao Xuân Hạo 1177, 1184
Cardinalis/Carduelis 1207
cá 1124
cái 1105, 1138
cáo lửa 1250
Cape Town 1222
Cáp Nhĩ Tân 1222
cầm trăng 1257
Cent ans, mille rêves/Cien años mil sueños 1243
chén tân khổ 1208, 1226, 1240
chestnut 1088
chim hồng tước 1207
chim sẻ cánh vàng/chim kim oanh 1207
chịu 1126
chó 1134
Chợ Lớn 1124
Chờ đợi ai 1166
cirro-cumulus 1155
cõi/cảnh/chốn 1179
cối thọ 1168
Colin Powell 1102
con 1105
consul 1108
Cool Air 1113
cơ thủ 1090
Cổ/Đại Cổ Việt 1205
công sứ 1108
Cửa Lò/Cửa Lùa 1199

D

Daniel Pearl 1180
dạ lan hương 1229
Duy Minh Thị 1148, 1157, 1161, 1163, 1164
Dương Thu Hương 1219

Đ

đám ma 1094

đám tang 1094

Đào Duy Anh 1161

Đặng Đức Siêu 1226

điệp 1203

Đinh Cao Trác 1219

Đinh Xuân Lâm 1199

Đồng Văn Thành 1143

Đường luật 1241

E

E.T. 1150

Evo Morales 1236

G

game thủ 1090

gia huý 1160

Giả Đảo 1200

giả đò 1182

Giang Tả 1104

giọt 1161

Gollum 1150

Grace Kelly 1170

H

Haiku 1156

hài cú/bài cú 1156

Hải Thượng Lãn Ông (đường) 1162

hermetic 1102

hippocrate 1139

ho/ho he 1182

hoa hậu/hoa khôi 1218

Hoa Kỳ 1102

Hoàng Phê 1197

Hoàng Xuân Hãn 1147, 1148, 1157, 1167, 1193

Holocaust 1144

hôn phu 1131

hồng 1123

Hugo Chavez 1192, 1230

Huỳnh Hoà Tường 1172

Huỳnh-Tịnh Của 1189

Hy Lạp 1121

I

Inter Milan 1154, 1254

J

Jaish-e-Mohammed 1176

Joséphine Baker 1149, 1152, 1170

K

Kashmir 1176

kế hoạch 1100

Khổng Tử 1212, 1231

Kiều 1126, 1256

Kiều Oánh Mậu 1147, 1148, 1161

Kiều tầm nguyên 1148

kim phượng 1203

kinh điển 1209

Korea 1194

L

Lê Văn Lan 1119

Lê Vy 1237, 1250

Lê Xuân Lít 1253

Liễu Văn Đường 1147, 1161, 1164

loại 1091

long phi 1217

lộng giả thành chân 1169

Luận ngữ 1212

Lương Châu từ 1241

Lương Thị Tuệ 1249

Lưu Bị 1104

Lý Bạch 1213, 1223, 1234

M

Marc Vivien Foé 1236

Mariane Pearl 1180

má 1134

máu cam 1242

Màu đỏ 1123

mây dung tích 1155

mây tầng tích 1155

mây ti tích 1155

mây trung tầng 1155

mây trung tích 1155

Michelle Bachelet 1188

Mister World 1211

mít đặc 1175

mô tô xe máy 1117

Mua bán vũ khí 1235

N

Nam Bộ 1142

nam khôi/nam vương 1218

Nam Xang/Nam Xương 1134

nerazzurri 1154

nét ngài/mày ngài 1143

Nga/Nga La Tư 1220

ngàn cân 1221

ngọc âm/quốc âm 1167

ngọn quang minh 1208, 1226, 1240

Ngô Đức Thọ 1157

Ngô Tất Tố 1210

Ngô Tòng Châu 1226

Ngô Uy Nghiệp 1137

Ngu Minh 1231, 1253, 1257

Nguyễn Du 1089, 1092, 1143, 1157, 1160, 1193, 1252, 1257

Nguyễn Hà Viên 1240, 1252

Nguyễn Huệ Chi 1143

Nguyễn Hữu Lập 1146

Nguyễn Khắc Bảo 1135

Nguyễn Lân 1173

Nguyễn Phú Phong 1105, 1109, 1138

Nguyễn Quảng Tuân 1146

Nguyễn Tá Nhí 1186

Nguyễn Tài Cẩn 1135, 1147, 1157, 1161, 1163, 1164

Nguyễn Trãi 1097, 1103, 1110

Nguyễn Xuân Diện 1186

nhạc sến 1088

nhạc Trịnh 1098

nhẫn trụi/nhẫn nhụi 1193

nhân tình 1190

Nhu Phu/Noạ Phu 1146

Noam Chomsky 1192

Nostradamus 1153

O

Olympia 1121

Oscar Niemeyer 1216, 1230, 1251

ó ré 1118

Ô

ô tô 1227

ổ gà 1116

P

Paul Mauriat 1187

Pavarotti 1128

Phan Cung Việt 1248

Phan Khôi 1249

Phát Diệm/Phát Diễm 1196

phú 富 1093

phui 1106

Première ligne 1178

Q

Qua đèo Ngang 1241

Quan san nguyệt 1223

quán lễ/quan lễ 1206

quần cư 1125

quy hoạch 1100

R

Ronaldinho 1245

rossoneri 1154

S

Saddam Hussein 1102

sắm/sám 1163

Sầm Than 1122

Sea Games 1115

Seap Games 1115

sến 1088

Siberia 1239

Simon Bolivar 1230

sous-culture 1112

Sơn phòng xuân sự 1122

square 1215

Steven Spielberg 1150

Strato-cumulus 1155

T

Tam dương khai thái 1120

Tản Đà 1127, 1200, 1213, 1223, 1234

Tào Phi/Tào Vậy 1145

Tarsius syrichta 1150

Tàu/Ba Tàu 1171

Tấm ẩn giả bất ngộ 1200

Tần Quan 1151
tập Kiều 1227
Tây sình 1204
tẩy/tể 1165
Telosma cordata 1229
Tham ô hủ hoá 1201
Thanh Tâm Tài Nhân 1089, 1092
Thăng Long thành hoài cổ 1241
thất ngôn bát cú 1241
thiên cao/thiên không 1225
Thiếu Tô Lâm/Tiểu Tô Lâm 1146
Thịnh Mỹ Đường 1161
Thomas More 1177, 1184
Thôi Hiệu 1210
Thu tịch lữ hoài 1234
Thúc Sinh 1126
thương gia/thương đạo 1130, 1137
tiện 便 1198
Tiệp Khắc 1236
tiểu trung hữu đại 1252
tính (bách tính) 1248
tôi/tìm tôi 1191
top ten 1101
toponymie 1133
Tô Hoài 1195, 1202, 1219
Tô Thức 1151
Tôn Nữ Trầm Hương 1226
Tôn Quyền 1104
tốp 1101
Trăm năm tình viên mãn 1246
Tri chi vi tri chi 1231
Trong đầm gì đẹp bằng sen 1232
Truyện Kiều 1089, 1092, 1126, 1146, 1147, 1148, 1157, 1161, 1164, 1191, 1193, 1219, 1252
trữ/trữ tình 1141
Trước Lâm/Trúc Lâm 1238
Trường can hành 1210
Tuý như nê 1087
Tí dạ tứ thời ca 1114
traduttore/traditore 1132
Trần Nhật Duật 1119
Tú Xương 1126, 1214
Tự Đức 1164

U

U (under) 1098

Ulises de la Cruz 1159

Utopia 1177, 1184

V

Vãn cảnh/Vãng cảnh 1107

Vạn Hạnh 1153

Vẽ đường cho hươu chạy 1099

vicuna 1228

Viếng bạn/Khóc bạn 1214

Vladimir Putin 1239

Võ Tánh 1226

vóc 1233, 1237

vòng 1/16-vòng 1/8 1158

Vũ Cao Phan 1209

Vũ Đức Phúc 1193

Vũ Phạm Hàm 1219

Vũ Văn Kính 1167

Vương Bố/Vương Nào 1145

Vương Hàn 1241

X

Xuân Diệu 1241

Xuân giang 1127

Xuân nhật tuý khởi ngôn chí 1213

Y

Ý 1154

Mục lục

- Lời Nhà xuất bản 5
- 1087. Kiến thức ngày nay, số 544 7
- 1088. Kiến thức ngày nay, số 544 8
- 1089. Kiến thức ngày nay, số 544 10
- 1090. Kiến thức ngày nay, số 545 13
- 1091. Kiến thức ngày nay, số 545 15
- 1092. Kiến thức ngày nay, số 545 16
- 1093. Kiến thức ngày nay, số 545 18
- 1094. Kiến thức ngày nay, số 546 20
- 1095. Kiến thức ngày nay, số 546 21
- 1096. Kiến thức ngày nay, số 546 24
- 1097. Kiến thức ngày nay, số 547 26

- 1098. Kiến thức ngày nay, số 547 30
- 1099. Kiến thức ngày nay, số 547 31
- 1100. Kiến thức ngày nay, số 548 32
- 1101. Kiến thức ngày nay, số 548 33
- 1102. Kiến thức ngày nay, số 548 35
- 1103. Kiến thức ngày nay, số 549 38
- 1104. Kiến thức ngày nay, số 550 43
- 1105. Kiến thức ngày nay, số 550 45
- 1106. Kiến thức ngày nay, số 550 47
- 1107. Kiến thức ngày nay, số 551 49
- 1108. Kiến thức ngày nay, số 551 51
- 1109. Kiến thức ngày nay, số 552 52
- 1110. Kiến thức ngày nay, số 552 54
- 1111. Kiến thức ngày nay, số 553 59
- 1112. Kiến thức ngày nay, số 553 63
- 1113. Kiến thức ngày nay, số 553 65
- 1114. Kiến thức ngày nay, số 554 65

- 1115. Kiến thức ngày nay, số 554 67
- 1116. Kiến thức ngày nay, số 554 70
- 1117. Kiến thức ngày nay, số 554 70
- 1118. Kiến thức ngày nay, số 554 71
- 1119. Kiến thức ngày nay, số 557 72
- 1120. Kiến thức ngày nay, số 557 73
- 1121. Kiến thức ngày nay, số 557 74
- 1122. Kiến thức ngày nay, số 557 77
- 1123. Kiến thức ngày nay, số 558 78
- 1124. Kiến thức ngày nay, số 558 79
- 1125. Kiến thức ngày nay, số 558 80
- 1126. Kiến thức ngày nay, số 558 81
- 1127. Kiến thức ngày nay, số 558 84
- 1128. Kiến thức ngày nay, số 559 85
- 1129. Kiến thức ngày nay, số 559 88
- 1130. Kiến thức ngày nay, số 560 90
- 1131. Kiến thức ngày nay, số 560 94

- 1132. Kiến thức ngày nay, số 561 96
- 1133. Kiến thức ngày nay, số 561 98
- 1134. Kiến thức ngày nay, số 561 100
- 1135. Kiến thức ngày nay, số 562 103
- 1136. Kiến thức ngày nay, số 562 106
- 1137. Kiến thức ngày nay, số 562 108
- 1138. Kiến thức ngày nay, số 563 109
- 1139. Kiến thức ngày nay, số 564 115
- 1140. Kiến thức ngày nay, số 564 116
- 1141. Kiến thức ngày nay, số 565 121
- 1142. Kiến thức ngày nay, số 565 122
- 1143. Kiến thức ngày nay, số 565 123
- 1144. Kiến thức ngày nay, số 566 132
- 1145. Kiến thức ngày nay, số 567 133
- 1146. Kiến thức ngày nay, số 567 134
- 1147. Kiến thức ngày nay, số 568 139
- 1148. Kiến thức ngày nay, số 568 144

- 1149. Kiến thức ngày nay, số 568 145
- 1150. Kiến thức ngày nay, số 569 146
- 1151. Kiến thức ngày nay, số 569 148
- 1152. Kiến thức ngày nay, số 569 150
- 1153. Kiến thức ngày nay, số 570 151
- 1154. Kiến thức ngày nay, số 570 152
- 1155. Kiến thức ngày nay, số 571 153
- 1156. Kiến thức ngày nay, số 571 157
- 1157. Kiến thức ngày nay, số 571 158
- 1158. Kiến thức ngày nay, số 572 160
- 1159. Kiến thức ngày nay, số 572 161
- 1160. Kiến thức ngày nay, số 572 162
- 1161. Kiến thức ngày nay, số 573 166
- 1162. Kiến thức ngày nay, số 575 168
- 1163. Kiến thức ngày nay, số 575 170
- 1164. Kiến thức ngày nay, số 575 172
- 1165. Kiến thức ngày nay, số 576 174

- 1166. Kiến thức ngày nay, số 576 177
- 1167. Kiến thức ngày nay, số 577 180
- 1168. Kiến thức ngày nay, số 577 183
- 1169. Kiến thức ngày nay, số 577 184
- 1170. Kiến thức ngày nay, số 577 185
- 1171. Kiến thức ngày nay, số 578 186
- 1172. Kiến thức ngày nay, số 578 191
- 1173. Kiến thức ngày nay, số 579 192
- 1174. Kiến thức ngày nay, số 579 195
- 1175. Kiến thức ngày nay, số 580 198
- 1176. Kiến thức ngày nay, số 580 199
- 1177. Kiến thức ngày nay, số 581 203
- 1178. Kiến thức ngày nay, số 581 208
- 1179. Kiến thức ngày nay, số 583 209
- 1180. Kiến thức ngày nay, số 583 210
- 1181. Kiến thức ngày nay, số 583 212
- 1182. Kiến thức ngày nay, số 584 213

- 1183. Kiến thức ngày nay, số 584 213
- 1184. Kiến thức ngày nay, số 584 214
- 1185. Kiến thức ngày nay, số 585 220
- 1186. Kiến thức ngày nay, số 586 224
- 1187. Kiến thức ngày nay, số 586 228
- 1188. Kiến thức ngày nay, số 587 229
- 1189. Kiến thức ngày nay, số 588 233
- 1190. Kiến thức ngày nay, số 589 236
- 1191. Kiến thức ngày nay, số 589 238
- 1192. Kiến thức ngày nay, số 589 239
- 1193. Kiến thức ngày nay, số 590 241
- 1194. Kiến thức ngày nay, số 590 245
- 1195. Kiến thức ngày nay, số 591 247
- 1196. Kiến thức ngày nay, số 592 252
- 1197. Kiến thức ngày nay, số 594 253
- 1198. Kiến thức ngày nay, số 594 255
- 1199. Kiến thức ngày nay, số 596 256

- 1200. Kiến thức ngày nay, số 596 261
- 1201. Kiến thức ngày nay, số 597 262
- 1202. Kiến thức ngày nay, số 597 266
- 1203. Kiến thức ngày nay, số 598 267
- 1204. Kiến thức ngày nay, số 599 272
- 1205. Kiến thức ngày nay, số 599 272
- 1206. Kiến thức ngày nay, số 600 278
- 1207. Kiến thức ngày nay, số 600 279
- 1208. Kiến thức ngày nay, số 601 283
- 1209. Kiến thức ngày nay, số 602 284
- 1210. Kiến thức ngày nay, số 602 289
- 1211. Kiến thức ngày nay, số 603 290
- 1212. Kiến thức ngày nay, số 603 292
- 1213. Kiến thức ngày nay, số 603 294
- 1214. Kiến thức ngày nay, số 603 296
- 1215. Kiến thức ngày nay, số 604 297
- 1216. Kiến thức ngày nay, số 605 300

- 1217. Kiến thức ngày nay, số 606 304
- 1218. Kiến thức ngày nay, số 606 305
- 1219. Kiến thức ngày nay, số 606 306
- 1220. Kiến thức ngày nay, số 607 311
- 1221. Kiến thức ngày nay, số 607 313
- 1222. Kiến thức ngày nay, số 607 314
- 1223. Kiến thức ngày nay, số 607 315
- 1224. Kiến thức ngày nay, số 607 316
- 1225. Kiến thức ngày nay, số 607 317
- 1226. Kiến thức ngày nay, số 608 318
- 1227. Kiến thức ngày nay, số 608 320
- 1228. Kiến thức ngày nay, số 608 320
- 1229. Kiến thức ngày nay, số 609 322
- 1230. Kiến thức ngày nay, số 609 322
- 1231. Kiến thức ngày nay, số 610 324
- 1232. Kiến thức ngày nay, số 611 332
- 1233. Kiến thức ngày nay, số 612 338

- 1234. Kiến thức ngày nay, số 612 343
- 1235. Kiến thức ngày nay, số 615 346
- 1236. Kiến thức ngày nay, số 615 348
- 1237. Kiến thức ngày nay, số 616 350
- 1238. Kiến thức ngày nay, số 617 355
- 1239. Kiến thức ngày nay, số 617 357
- 1240. Kiến thức ngày nay, số 620 359
- 1241. Kiến thức ngày nay, số 621 366
- 1242. Kiến thức ngày nay, số 621 370
- 1243. Kiến thức ngày nay, số 622 371
- 1244. Kiến thức ngày nay, số 622 373
- 1245. Kiến thức ngày nay, số 624 375
- 1246. Kiến thức ngày nay, số 624 379
- 1247. Kiến thức ngày nay, số 624 380
- 1248. Kiến thức ngày nay, số 625 381
- 1249. Kiến thức ngày nay, số 625 381
- 1250. Kiến thức ngày nay, số 625 382

- 1251. Kiến thức ngày nay, số 626 387
- 1252. Kiến thức ngày nay, số 629 391
- 1253. Kiến thức ngày nay, số 629 392
- 1254. Kiến thức ngày nay, số 629 397
- 1255. Kiến thức ngày nay, số 631 398
- 1256. Kiến thức ngày nay, số 631 399
- 1257. Kiến thức ngày nay, số 631 399
- Bảng tra cứu theo chủ điểm
  (Số Á Rập là số thứ tự của từng câu) 405

Chuyện ĐÔNG Chuyện TÂY

Tập 7

An Chi

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc - Tổng Biên tập
ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung:
Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập
NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **TRẦN ĐÌNH BA**
Sửa bản in : **TRẦN A.B**
Trình bày : **HOÀNG VĂN**
Bìa : **NGỌC KHÔI**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38225340 - 028.38296764 - 028.38256713 - 028.38223637 - 028.38247225
Fax: 028.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ♦ **ĐT: 028.38256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2
86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ♦ **ĐT: 028.39433 868**

GIAN HÀNG M01 - ĐƯỜNG SÁCH TP. HCM
Đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

In số lượng 1.000 cuốn. Khổ 14,5 x 20,5 cm
Tại: Xí nghiệp in FAHASA
774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
XNĐKXB: 863-2017/CXBIPH/03-56/THTPHCM cấp ngày 27/3/2017
QĐXB số: 1215/QĐ-THTPHCM-2017 ngày 5/10/2017
ISBN: 978-604-58-6317-6
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2017

chuyện đông chuyện tây
ISBN: 978-604-58-6317-6
9 786045 863176
Giá: 115.000 đồng
www.sachweb.vn